Ngày soạn:

Ngày dạy:

**CHƯƠNG 1: SỐ TỰ NHIÊN**

# TIẾT 1 - BÀI 1. TẬP HỢP. PHẦN TỬ CỦA TẬP HỢP

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong tiết này HS

- Biết cách đọc và viết một tập hợp.

- Biết cách sử dụng các kí hiệu về tập hợp ( “” , “”) .

- Nhận biết được một phần tử thuộc hay không thuộc một tập hợp.

**2. Năng lực**

***- Năng lực riêng:***

+ Sử dụng được các kí hiệu về tập hợp.

***- Năng lực chung:*** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS tính độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Một số đồ vật hoặc tranh ảnh minh họa cho khái niệm tập hợp ( bộ sưu tập đồ vật, ảnh chụp tập thể HS, bộ đồ dùng học tập, bộ cốc chén..)

**2 - HS** : Đồ dùng học tập; đồ vật, tranh ảnh như trên.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a. Mục đích:** HS cảm thấy khái niệm tập hợp gần gũi với đời sống hàng ngày.

**b. Nội dung:** HS quan sát hình ảnh trên màn chiếu hoặc tranh ảnh.

**c. Sản phẩm:** Từ bài toánHS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chiếu hình ảnh và giới thiệu “tập hợp gồm các bông hoa trong lọ hoa”, “ tập hợp gồm ba con cá vàng trong bình”... và yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi tìm các ví dụ tương tự trong đời sống hoặc mô tả tập hợp trong tranh ảnh mà mình đã chuẩn bị.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**-**HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Từ các ví dụ trên chúng ta sẽ đi tìm hiểu rõ hơn về tập hợp, các kí hiệu và cách mô tả, biểu diễn một tập hợp”

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Làm quen với tập hợp**

**a. Mục tiêu:**

**+** Làm quen với tập hợp

+ Hình thành kĩ năng nhận biết phần tử của một tập hợp.

**b. Nội dung:**

**+** GV giảng, trình bày.

+ HS tiếp thu, quan sát SGK, thảo luận, trả lời.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS quan sát Hình 1 SGK-tr7:    Yêu cầu HS viết vào vở:  *+ Tên các đồ vật trên bàn ở Hình 1*  *+ Tên các bạn trong tổ của em*  *+ Các số tự nhiên vừa lớn hơn 3 vừa nhỏ hơn 12.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoạt động cá nhân  - GV quan sát và trợ giúp các nếu HS cần  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS đứng tại chỗ trình bày câu trả lời của mình.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV chính xác hóa và giải thích:  *+ Các đồ vật ở trong Hình 1 tạo thành một tập hợp. Mỗi đồ vật trên bàn được gọi là một phần tử của/ thuộc tập hợp đó”.*  *+ Tương tự, “các bạn trong tổ của em tạo thành một tập hợp”, “Các số tự nhiên lớn hơn 3, nhỏ hơn 12 tạo thành một tập hợp”.* | **1. Làm quen với tập hợp**  - Tên đồ vật trên bàn: sách, thước kẻ, ê ke, bút  - Tên các bạn trong tổ: Lan, Mai, Ngọc, Hoa, Tuấn.  - Các số tự nhiên lớn hơn 3 nhỏ hơn 12: 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11. |

**Hoạt động 2: Các kí hiệu**

**a. Mục đích:**

+ HS biết và sử dụng được hai cách mô tả ( viết) một tập hợp.

+ Củng cố cách viết các kí hiệu “” và “”.

**b. Nội dung:** HS quan sát SGK và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu

**c. Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc hiểu nội dung mục này trong SGK và đọc các ví dụ minh họa ở trang 7.  Sau khi đọc xong, GV yêu cầu HS sử dụng kí hiệu để viết ba tập hợp trong HĐKP ở trên và viết một vài phần tử thuộc/ không thuộc trong tập hợp đó.  - GV viết ví dụ:  A = {thước kẻ, bút, eke, sách}  bút , tẩy A  - GV yêu cầu HS viết tương tự cho 2 tập hợp còn lại và hoàn thành thực hành 1.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS Hoạt động cá nhân hoàn thành các yêu cầu và phần luyện tập  + GV: quan sát, giảng, phân tích, lưu ý và trợ giúp nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **+** HS chú ý lắng nghe, hoàn thành các yêu cầu.  + Ứng với mỗi phần luyện tập, một HS lên bảng chữa, các học sinh khác làm vào vở.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức. | **2. Các kí hiệu**  Ví dụ: Gọi B là tập hợp tên các bạn trong tổ em.  B = { Lan, Mai, Ngọc, Hoa, Tuấn}  Lan , Huyền B.  *Thực hành 1:*  Gọi M là tập hợp các chữ cái có mặt trong từ “gia đình”  M = {a, đ, i, g, h, n}  + Khẳng định đúng: a , b , i  + Khẳng định sai: o |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập bài 1 và 2 SGK – tr9*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án*

**1.** D = {x|x là số tự nhiên và 5 <x<12}

D = {6 ;7 ;8 ;9 ;10 ;11}

7 ; 5 ; 10 ; 17 ; 0

**2. B =** {x|x là số tự nhiên lẻ và x>30)

Các khẳng định đúng là a) và c)

Các khẳng định sai là b) và d)

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục đích:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức

**b. Nội dung:** GV đưa ra câu hỏi, HS giải đáp nhanh

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV chiếu Slide và yêu cầu HS hoàn thành nhanh bài tập vận dụng trang 8 -SGK.*

Dưới đây là quảng cáo khuyến mãi cuối tuần của một siêu thị.



Hãy viết tập hợp các sản phẩm được giảm giá trên 12 000 đồng mỗi ki-lô-gam.

*- HS suy nghĩ nhanh và trả lời câu hỏi*

Gọi G là tập hợp các sản phẩm được giảm giá trên 12000, ta có:

G = {xoài, cá chép, gà}

*- HS nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# TIẾT 2 - BÀI 1. TẬP HỢP. PHẦN TỬ CỦA TẬP HỢP

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong tiết này HS

Biết cách cho/ viết một tập hợp theo những cách khác nhau.

**2. Năng lực**

***- Năng lực riêng:***

+ Biểu diễn một tập hợp theo những cách khác nhau.

***- Năng lực chung:*** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS tính độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Tài liệu giảng dạy; SGK; Giáo án PPT ( đối với phần HĐKĐ: GV kiểm tra trắc nghiệm dưới dạng trò chơi trên PPT)

**2 - HS** : Đồ dùng học tập; SGK.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỎI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a. Mục tiêu:** HS nhớ và củng cố lại kiến thức của tiết học trước.

**b. Nội dung:** HS quan sát trên màn chiếu, đọc câu hỏi và giải đáp nhanh.

**c. Sản phẩm:** Từ bài toánHS nhớ lại và vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

+GV chiếu Slide kiểm tra bài cũ các câu trắc nghiệm sau: (thời gian trả lời mỗi câu hỏi là 10s)

**Câu 1:** Cho B = {2; 3; 4; 5}. Chọn đáp án **sai** trong các đáp án sau?

A. 2 ∈ B

B. 5 ∈ B

C. 1 ∉ B

D. 6 ∈ B

**Câu 2:** Các viết tập hợp nào sau đây đúng?

A. A = [1; 2; 3; 4]

B. A = (1; 2; 3; 4)

C. A = 1; 2; 3; 4

D. A = {1; 2; 3; 4}

**Câu 3:** Viết tập hợp P các chữ cái khác nhau trong cụm từ: “HOC SINH”

A. P = {H; O; C; S; I; N; H}

B. P = {H; O; C; S; I; N}

C. P = {H; C; S; I; N}

D. P = {H; O; C; H; I; N}

**Câu 4:** Viết tập hợp A các số tự nhiên lớn hơn 5 và nhỏ hơn 10.

A = {6; 7; 8; 9}

B. A = {5; 6; 7; 8; 9}

C. A = {6; 7; 8; 9; 10}

D. A = {6; 7; 8}

Đáp án: 1 – D; 2 – D; 3 – A; 4 - A

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Đối với mỗi câu hỏi, HS đọc đề bài và có 10s suy nghĩ trả lời.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Tiết học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu tiếp về cách biểu diễn một tập hợp”.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 3: Cách cho tập hợp**

**a. Mục đích:**

**+** Biết cách cho một tập hợp và sử dụng hai cách viết một tập hợp.

+ Củng cố cách viết các kí hiệu “” và “”.

**b. Nội dung:**

+ GV giảng, trình bày.

+ HS quan sát SGK và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc hiểu nội dung trong SGK trong vòng 2p ( GV gợi ý cách đọc kí hiệu gạch đứng “|” là “ sao cho”, “trong đó”, “ thỏa mãn”,…  - GV phân tích cho HS qua ví dụ khác:  “*B là tập hợp các số tự nhiên lớn hơn 1 và nhỏ hơn 10*”  + GV gọi 1 HS biểu diễn tập hợp B dưới dạng *liệt kê tất cả các phần tử của tập hợp B*.  + GV giảng: Ngoài cách *liệt kê tất cả các phân tử của tập hợp B*, ta còn có thể viết B = { x | x là số tự nhiên, 1< x < 10}. Đây là cách chỉ ra *tính chất đặc trưng cho các phần tử x của tập hợp B*.  - GV cho HS rút ra *Nhận xét* như trong SGK – tr8.  - GV yêu cầu HS trao đổi, hoàn thành **Thực hành 2** vào vở và cho 2 HS lên chữa bài.  - GV cho HS làm **Thực hành 3** và yêu cầu 1 HS lên bảng làm ý a), b); 1 HS làm ý c).  - GV cho HS đọc, tìm hiểu mục “**Em có biết?**” và phân tích, giới thiệu thêm cách minh họa tập hợp bằng một vòng kín ( “ Sơ đồ Venn”).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoạt động cá nhân  - GV quan sát và trợ giúp các nếu HS cần  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS hoàn thành vở sau đó lên bảng trình bày.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV chốt lại đáp án và tổng quát lại 2 cách cho một tập hợp:  + *Cách 1: Liệt kê các phần tử của tập hợp.*  *+ Cách 2: Chỉ ra tính chất đặc trưng cho các phần tử của tập hợp.* | **3. Cách cho tập hợp**  VD: “*B là tập hợp các số tự nhiên lớn hơn 1 và nhỏ hơn 10*”  + B = {2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9}  + B = { x | x là số tự nhiên, 1< x < 10}.  *Nhận xét:*  a) Liệt kê các phần tử của tập hợp.  b) Chỉ ra tính chất đặc trưng cho các phần tử của tập hợp.  **Thực hành 2:**  a) E ={0; 2; 4; 6; 8}.  - Tính chất đặc trưng của tập hợp E là: E gồm các số tự nhiên chẵn nhỏ hơn 10.  => E = { x | x là số tự nhiên chẵn và x < 10}.  b) P = { x | x là số tự nhiên và 10 < x < 20}.  P = { 11; 12; 13; 14; 15; 16; 17; 18; 19}.  **Thực hành 3:**  a) A = {8, 9, 10, 11, 12, 13, 14}  b) 10 ∈ A; 13 ∈ A      16 ∉ A, 19 ∉ A  c)  Cách 1: B = {8, 10, 12, 14}.  Cách 2: B = { x | x là số tự nhiên chẵn, và 7 < x < 15}. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập bài 3 SGK – tr9*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án*

**Bài 3 :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tập hợp cho bởi cách liệt kê phần tử** | **Tập hợp cho bởi tính chất đặc trưng** |
| H = {2; 4; 6; 8; 10} | H là tập hợp các số tự nhiên chẵn khác 0 và nhỏ hơn 11. |
| M = {1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15} | M là tập hợp các số tự nhiên nhỏ hơn 15. |
| P = {11, 13, 15, 17, 19, 21} | P là tập hợp các số tự nhiên lẻ lớn hơn 9 và nhỏ hơn 22. |
| X = {Việt Nam; Lào; Campuchia; Thái Lan; Myanmar; Malaysia; Singapore; Indonesia; Brunei; Philippines; Đông Timor} | X là tập hợp các nước ở khu vực Đông Nam Á. |

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức

**b. Nội dung:** HS hoàn thành theo yêu cầu của GV

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hòan thành bài tập vận dụng :Bài 4 - SGK –tr 9*

*- HS suy nghĩ và trình bày vào vở.*

*- GV yêu cầu 1 HS trình bày bảng.*

**Bài 4:**

Tập hợp T gồm tên các tháng dương lịch trong quý IV ( ba tháng cuối năm) :

T= { tháng 10 ; tháng 11 ; tháng 12}

Phần tử có số ngày là 31 là tháng 10 và tháng 12.

*- HS nhận xét, bổ sung.*

*- GV đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Hiểu và ghi nhớ hai cách cho một tập hợp.

- Vận dụng hoàn thành các bài tập: **Bài 1 ( SBT –tr7) + Bài 5 (SBT –tr8)**

- Chuẩn bị bài mới “ **Tập hợp số tự nhiên. Ghi số tự nhiên**”

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# TIẾT 3 - BÀI 2. TẬP HỢP SỐ TỰ NHIÊN. GHI SỐ TỰ NHIÊN.

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong tiết này HS

- Phân biệt được hai tập hợp ­ và ­\*.

- Nhận biết được giá trị của mỗi chữ số theo vị trí trong một số tự nhiên biểu diễn ở hệ thập phân.

**2. Năng lực**

***- Năng lực riêng:***

+ Biểu diễn được số tự nhiên trong phạm vi 30 bằng cách sử dụng chữ số La Mã.

***- Năng lực chung:*** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS tính độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Tài liệu giảng dạy; SGK; SBT; Giáo án PPT ( Tìm một số hình ảnh về các số tự nhiên trong lịch sử loài người)

**2 - HS** : Đồ dùng học tập; SGK; SBT

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỎI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a. Mục tiêu:** HS hiểu biết về văn hóa, thói quen sử dụng chữ số từ lịch sử.

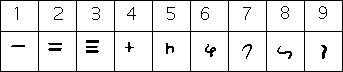
**b. Nội dung:** HS quan sát hình ảnh trên màn chiếu hoặc tranh ảnh và chú ý lắng nghe.

**c. Sản phẩm: :** HS nắm được các cách viết sô tự nhiên khác nhau qua giai đoạn, năm tháng.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

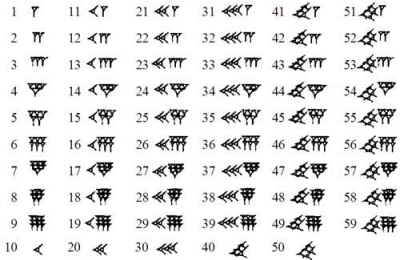
GV giới thiệu và chiếu một số hình ảnh liên quan đến cách viết số tự nhiên từ thời nguyên thủy ( hình ảnh dưới phần hồ sơ dạy học) “ Trong lịch sử loài người, số tự nhiên bắt nguồn từ nhu cầu đếm và từ rất sớm. Các em quan sát hình chiếu và nhận xét về cách viết số tự nhiên đó.”

****

**Chữ số Ấn Độ cuối thế kỉ 1**

****

**Bảng chữ số Ả Rập**

****

**Chữ số Babylon**

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Cách ghi số tự nhiên đó như thế nào, có dễ đọc và sử dụng thuận tiện hơn không?” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tập hợp ­ và ­\*.**

**a. Mục tiêu:**

**+** Phân biệt được tập hợp số tự nhiên ( ) và tập các số tự nhiên khác 0 ( ­\*­).

+ Củng cố lại cách biểu diễn một tập hợp,

**b. Nội dung:**

+ GV giảng, trình bày.

+ HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc đoạn giới thiệu về tập hợp ­ và ­\*.  - GV gọi 1, 2 HS trình bày tập hợp và ­\*.  - GV giảng và nhắc lại hoàn chỉnh để HS hiểu và ghi nhớ hơn.  - GV yêu cầu HS trao đổi, hoàn thành **Thực hành 1.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoạt động và hoàn thành các yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV chốt lại đáp án và tổng quát lại tập hợp và ­\*:  **= { 0; 1; 2; 3; 4;...}**  **­\*= { 1; 2; 3; 4; 5;...}** | **1**. **Tập hợp ­ và ­\*.**  - Tập hợp số tự nhiên:  **= { 0; 1; 2; 3; 4;...}**  - Tập hợp số tự nhiên khác 0:  **­\*= { 1; 2; 3; 4; 5;...}**  **Thực hành 1:**  a) Tập hợp N và N\* khác nhau là:  +  là tập hợp các số tự nhiên lớn hơn hoặc bằng 0.  + ­\* là tập hợp các số tự nhiên lớn hơn 0.  b) C = {1, 2, 3, 4, 5} |

**Hoạt động 2: Thứ tự trong tập hợp số tự nhiên**

**a. Mục đích:**

**+** Nhận biết được thứ tự trong tập hợp số tự nhiên.

+ Nhận biết được tia số và mối liên hệ với các điểm biểu diễn chúng trên tia số.

+ So sánh được hai số tự nhiên cho trước.

**b. Nội dung:**

+ GV giảng, trình bày.

+ HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV nhắc lại về tập hợp và tia số:  Tập hợp các số tự nhiên được kí hiệu bởi  = { 0; 1; 2; 3; ...}.  Mỗi phần tử 0; 1; 2; 3;... của được biểu diễn bởi một điểm trên tia số gốc O như hình dưới đây:    - GV phân tích tia số:   * Điểm biểu diễn số tự nhiên n gọi là điểm n. VD: Điểm 3, điểm 4, điểm 8... * Tia số nằm ngang có chiều mũi tên đi từ trái sang phải, nếu a < b thì điểm a nằm bên trái điểm b.   - GV giảng: Trong hai số tự nhiên a và b khác nhau, có một số nhỏ hơn hoặc lớn hơn số kia.   * Nếu a nhỏ hơn b, ta viết a < b. * Nếu a lớn hơn b, ta viết a > b. * Ta viết: a b để chỉ a < b hoặc a = b;   b a để chỉ b > a hoặc b = a.   * Mỗi số tự nhiên có đúng một số liền sau cách nó 1 đơn vị. VD: 9 là số liền sau của 8 ( còn 8 là số liền trước của 9). Hai số 8 và 9 là hai số tự nhiên liên tiếp.   - GV yêu cầu HS hoàn thành **Thực hành 2.**  - GV hướng dẫn, HS trao đổi, hoàn thành **HĐKP.**  - GV cho HS rút ra kiến thức trọng tâm:  Nếu **a < b** và **b < c** thì **a < c**. => **Tính chất bắc cầu.**  - Gv cho HS hoàn thành **Thực hành 3**.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, hoạt động và hoàn thành các yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV chốt lại đáp án và nêu kiến thức trọng tâm cần nhớ. | **2. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên:**  **Thực hành 2:**  a) 17, 19, 21 là ba số lẻ liên tiếp tăng dần.  b) 103, 101, 99, 97 là bốn lẻ liên tiếp giảm dần.  **HĐKP:**  a) a > 2021  mà 2021 > 2020  => a > 2020  b) a < 2000  mà 2000 < 2021  => a < 2020  **=> Tính chất bắc cầu:**  Nếu => a < c  **Thực hành 3:**  A = {35, 30, 25, 20, 15, 10, 5, 0}. |

**Hoạt động 3: Ghi số tự nhiên**

**a. Mục tiêu:**

+ HS nhận biết được cách viết số tự nhiên trong hệ thập phân và mối quan hệ giữa các hàng.

+ Biết thêm các số tự nhiên trên lớp triệu, là lớp tỉ.

+ HS hiểu giá trị mỗi chữ số của một số tự nhiên viết trong hệ thập phân.

+ HS viết được số La Mã từ 1 đến 30.

**b. Nội dung:**

+ GV giảng, trình bày.

+ HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **a) Hệ thập phân:**  - GV dẫn dắt HS qua bài toán sau:  *Đọc và số sau bằng chữ: 107 463 847.*  ( một trăm linh bảy triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi bảy)  - GV giới thiệu thêm số tự nhiên trên lớp triệu là lớp tỉ và đặt vấn đề cho HS: *Số 2 107 463 847 sẽ đọc và viết bằng chữ như thế nào*?  ( hai tỉ một trăm linh bảy triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi bảy).  - GV yêu cầu HS đọc hiểu nội dung đã trình bày trong SGK.  - GV lưu ý cho HS: *Khi viết các số tự nhiên có 4 chữ số trở lên, ta nên viết tách riêng từng nhóm ba chữ số kể từ phảo sang trái cho dễ đọc. Chẳng hạn: 300 000 000.*  - GV cho HS đọc hiểu *Ví dụ 2* và phân tích cho HS so sánh hai số trong phạm vi lớp tỉ như các số trong phạm vi lớp triệu. Ta có thể áp dụng tương tự cho số tự nhiên bất kỳ.  - GV yêu cầu HS trao đổi, thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi **Thực hành 4.**  - GV yêu cầu HS đọc hiểu tiếp nội dung SGK viết về Cấu tạo thập phân của một số.  - GV giảng, phân tích rõ cho HS hiểu qua Ví dụ sau:  Số **1754** có **1** nghìn, **7** trăm, **5** chục, **4** đơn vị.   * **1754** = **1** × 1000 + **7** × 100 + **5** × 10 + **4**.   - GV cho HS trao đổi, hoàn thành **Thực hành 5.**  **b) Hệ La Mã:**  - GV chiếu bảng số La Mã kí hiệu và giá trị 3 thành phần để ghi và ghép thành số La Mã.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Chữ số** | I | V | X | | **Giá trị tương ứng** | 1 | 5 | 10 |   - GV giới thiệu và cho HS đọc và ghi nhớ các thành phần chính trong bảng trên.  - GV dẫn dắt: Ghép các chữ số I, V, X với nhau ta được các số La Mã từ 1 đến 10   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | I | II | III | IV | V | VI | VII | VIII | IX | X | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |   - GV phân tích:  + Từ các số này, nếu thêm vào bên trái mỗi số một chữ số X ta được các số La Mã từ 11 đến 20.  VD: XI là 11, XII là 12, ... , XX là 20.  + Nếu thêm vào bên trái hai chữ số X ta được các số La Mã từ 21 đến 30.  VD: XXI là 21; XXV là 25; ..  - GV cho HS tìm những đồ vật có xuất hiện số La Mã.  ( mặt đồng hồ, số thự tự các chương mục của sách, thứ tự của thế kỉ...)  - GV yêu cầu HS áp dụng hoàn thành **Thực hành 6.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, hoạt động và hoàn thành các yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV chốt lại đáp án và nêu kiến thức trọng tâm cần nhớ. | **3. Ghi số tự nhiên**  ***a) Hệ thập phân***  **Thực hành 4:**  Số 2023 có 4 chữ số:  + Chữ số hàng đơn vị là 3,  + Chữ số hàng chục là 2,  + Chữ số hàng trăm là 0,  + Chữ số hàng nghìn là 2.  Số 5 427 198 653 có 10 chữ số:  + Chữ số hàng đơn vị là 3,  + Chữ số hàng chục là 5,  + Chữ số hàng trăm là 6,  + Chữ số hàng nghìn là 8,…  \* Cấu tạo thập phân của số:  - Mỗi chữ số tự nhiên viết trong hệ thập phân đều biểu diễn được thành ***tổng giá trị các chữ số của nó.***  TQ:  = ( **a** × 10) + **b**, với a ≠ 0  = (**a** × 100) + ( **b** × 10) + **c**  VD:Số **1754** có **1** nghìn, **7** trăm, **5** chục, **4** đơn vị.   * **1754** = **1** × 1000 + **7** × 100 + **5** × 10 + **4**.   **Thực hành 5:**  a) Biểu diễn số:  **345** = **3** × 100+ **4** × 10 + **5** = 300 + 40 + 5  **2 021** = 2 × 1000 + **0** x 100 + **2** × 10 + **1** = 2 000 + 20 + 1  b) 96 208 984: Chín mươi sáu triệu hai trăm lẻ tám nghìn chín trăm tám mươi bốn.  Số này có 8 chữ số, số triệu là 6, số trăm là 9.  ***b) Hệ La Mã***   |  |  | | --- | --- | | Số La Mã | Giá trị tương ứng | | XII | **12** | | **XX** | 20 | | XXII | **22** | | **XVII** | 17 | | **XXX** | 30 | | **XXVI** | 26 | | **XXVIII** | 28 | | XXIV | **29** | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập bài 1 + 2 + 3 ( SGK – tr12)*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án* (**Bài 1, 2** trình bày miệng ; **Bài 3** 2 HS trình bày bảng.)

**Bài 1 :**

a) 15 ∈  N;        b) 10,5 ∉ N\*;

c)  ∉ N ;          d) 100 ∈ N.

**Bài 2 :**

a) Sai

b) Sai

c) Đúng

d) Sai

**Bài 3:**

2 756 = 2 × 1000 + 7 × 100 + 5 × 10 + 6

2 053 = 2 × 1000 + 0 × 100 + 5 × 10 + 3

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

+ Học sinh nắm được một số chú ý liên quan đến số La Mã.

+ Củng cố kiến thức qua các bài tập vận dụng.

**b. Nội dung:**

**+** HS tìm hiểu trong phần mục « **Em có biết ?**».

HS vận dụng kiến thức để giải một số bài toán thực tế.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS đọc hiểu mục «****Em có biết ?****» (SGK –tr12).*

*- GV yêu cầu HS vận dụng kiến thức làm* ***bài tập******3 + 6*** *– (SBT-tr9).*

**Bài 3: (SBT – tr9)**

a) 1 441 457 889 đọc là : Một tỉ bốn trăm bốn mươi mốt triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm tám mươi chín.

1 386 638 130 đọc là : Một tỉ ba trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn một trăm ba mươi.

b) Có : 1 441 457 889 > 1 386 638 130

=> Dân số nước Trung Quốc lớn hơn nước Ấn Độ.

**Bài 6: (SBT – tr9)**

Kết quả sau khi dịch chuyển que tăm :

*- HS nhận xét, bổ sung.*

*- GV đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học thuộc nội dung bài.

- Làm các bài tập 2 + 4 + 5 (SBT-tr9)

- Chuẩn bị bài mới “ **Các phép tính trong tập hợp số tự nhiên**”

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# TIẾT 4 - BÀI 3. CÁC PHÉP TÍNH TRONG TẬP HỢP SỐ TỰ NHIÊN.

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong tiết này HS

- Nhớ lại quy tắc cộng trừ nhân chia số tự nhiên.

- Nhận biết các tính chất của các phép tính.

**2. Năng lực**

***- Năng lực riêng:***

+ Vận dụng được tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán một cách hợp lí.

+ Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện các phép tính như tính tiền mua sắm, tính lượng hàng mua được từ số tiền đã có,...

***- Năng lực chung:*** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS tính độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Tài liệu giảng dạy; SGK; SBT; Giáo án PPT .

**2 - HS** : Đồ dùng học tập; SGK; SBT; bảng nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỎI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a. Mục tiêu:** HS hình thành như cầu sử dụng các tính chất trong thực hiện phép tính.

**b. Nội dung:** HS quan sát trên màn chiếu hoặc SGK hoàn thành yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm: :** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV cho bài toán:

“**Cho T = 11 × ( 2001 + 2003 + 2007 + 2009) + 89 × ( 2001 + 2003 + 2007 + 2009)**

**Có cách nào tính nhanh giá trị của biểu thức T không?**”.

- GV yêu cầu HS trao đổi, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Chúng ta đã được học các phép tính cộng, trừ, nhân, chia ở tiểu học, trong chương trình lớp 6, chúng ta sẽ ôn lại và tiếp tục tìm tiểu các tính chất của phép tính để áp dụng tính nhanh một số bài toán.” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Phép cộng và phép nhân**

**a. Mục tiêu:**

+ HS nhớ, nhận biết lại khái niệm: số hạng, tổng; thừa số, tích và sử dụng được

**+** Nhớ lại quy tắc cộng và nhân các số tự nhiên; kiểm tra khả năng vận dụng của HS.

**b. Nội dung:**

+ GV giảng, trình bày.

+ HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS đọc đề bài **Thực hành 1** và yêu cầu thảo luận nhóm giải bài toán.  - GV cho HS lên bảng trình bày bài giải.  - GV yêu cầu HS nhớ lại kiến thức, trao đổi và thực hiện **HĐKP1**.  - GV cho HS đọc *Chú ý* và *Ví dụ* SGK.  - GV phân tích và nhấn mạnh lại *Chú ý* và *Ví dụ* để HS hiểu và ghi nhớ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoạt động và hoàn thành các yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV chữa lại đáp án, lưu ý HS kiến thức trọng tâm cần nhớ và đánh giá quá trình học. | **1**. **Phép cộng và phép nhân**  **Thực hành 1:**  Số tiền An đã mua là:  5 × 6000 + 6 × 5000 + 2 × 5000 = 70 000 (đồng).  Số tiền còn lại của An là:  100 000 – 70 000 = 30 000 đồng.  **HĐKP1:**  1 890 + 72 645 = 74 535 => Đúng.  Trong đó: 1 890 và 72 645 là các số hạng, 74 535 là tổng.  363 × 2 018 = 732 534 => Đúng  Trong đó: 363 và 2 018 là các thừa số, 732 534 là tích.  ***Chú ý:*** Trong một tích mà các thừa số đều bằng chữ hoặc chỉ có một thừa số bằng số, ta có thể không viết dấu nhân ở giữa các thừa số; dấu “×” trong tích các số cũng có thể thay bằng dấu “.”.  *Ví dụ*: a × b = a.b; 6 × a × b =6.a.b = 6ab;  363 × 2018 =363.2018 |

**Hoạt động 2: Tính chất của phép cộng và phép nhân số tự nhiên**

**a. Mục đích:**

**+** Nhận biết được các tính chất của phép cộng và phép nhân.

+ Vận dụng các tính chất vào các bài toán để tính nhanh và hợp lý.

**b. Nội dung:**

+ GV giảng, trình bày.

+ HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV chia lớp thành 4 nhóm và hoạt động trong 3p:  + GV yêu cầu Nhóm 1 và Nhóm 3 hoàn thành **HĐKP2** ý a), b), d)  + GV yêu cầu Nhóm 2 và Nhóm 4 hoàn thành **HĐKP2** ý c), e)  - GV chữa lại và cho HS trao đổi rút ra nhận xét sau mỗi ý.  - GV rút ra kiến thức trọng tâm và yêu cầu 1 vài HS đọc.  - GV cho HS 2p đọc, ghi nhớ các tính chất và yêu cầu HS gấp sách thực hiệ viết lại 7 tính chất bằng công thức ra nháp (2 HS nhanh nhất sẽ đươc chấm lấy điểm miệng).  - GV yêu cầu HS vận dụng các tính chất, hoàn thành **Thực hành 2**.  - GV cho HS đọc đề **Thực hành 3,** GV phân tích cho HS hiểu rõ rồi cho HS phát biểu quy tắc tính nhanh tích của một số với 9, với 99 dựa vào hai ví dụ đã có trong SGK:  + Để tính tích của một số với 9 ta thêm số 0 vào cuối số đó rồi trừ cho chính số đó.  + Để tính tích của một số với 99 ta thêm hai số 0 vào cuối số đó rồi trừ cho chính số đó.  - Dực trên sự hướng dẫn của GV, HS hoàn thành **Thực hành 3**.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, hoạt động và hoàn thành các yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Đối với hoạt động nhóm: Các nhóm treo bảng phụ lên bảng, đại diện 1HS mỗi nhóm trình bày.  - Đối với hoạt động cá nhân:HS giơ tay phát biểu tại chỗ, trình bày bảng, các HS khác chú ý và nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV chốt lại đáp án, lưu ý HS và cho HS nhắc lại các tính chất. | **2. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên:**  **Thực hành 2:**  a) 17 + 23 = 23 + 17  b) (12 + 28) + 10 = 12 + (28 +10)  c) 17. 23 = 23 . 17  d) (5 . 6) . 3 = 5 . (6 . 3)  e) 23 . (43 + 17) = 23 . 43 + 23 . 17.  **\* Các tính chất:** a, b, c  - Tính chất giao hoán:  **a + b = b + a**  **a.b = b.a**  - Tính chất kết hợp:  **(a + b) + c = a + (b + c)**  **(a . b). c = a .(b . c)**  - Tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng:  **a . (b + c) = a .b + a.c**  - Tính chất cộng với số 0, nhân với số 1.  **a + 0 = a**  **a . 1 = a**  **Thực hành 2:**  T = 11 . (1 + 3 + 7 + 9) + 89 . (1 + 3 + 7 + 9)  T = (11 + 89) . [(1 + 3 + 7 + 9)]  T = `100 . 20  T = 2000  **Thực hành 3:**  a) 1 234 . 9 = 1 234 . (10 – 1) = 12 340 – 1 234 = 11 106  b) 1 234 . 99 = 1 234 . (100 – 1) = 123 400 – 1 234 = 122 166. |

**Hoạt động 3: Phép trừ và phép chia hết.**

**a. Mục tiêu:**

+ HS nhớ và nhận biết lại các khái niệm : Số bị trừ, số trừ, hiệu; Số bị chia, số chia, thương.

+ HS nhớ và củng cố lại quy tắc trừ và phép chia hết hai số tự nhiên

+ Vận dụng quy tức trừ và chia vào các bài toán thực tế.

**b. Nội dung:**

+ GV giảng, trình bày.

+ HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc, tìm hiểu và hoàn **HĐKP3.**  - GV yêu cầu HS đọc hiểu quan niệm về phép trừ và phép chia hết trong SGK-tr14,15.  - GV đánh giá mức độ hiểu của HS qua các câu hỏi sau:  + *Kết quả phép trừ a – b = x nghĩa là gì?*  *Xác định các thành phần trong phép trừ trên.*  + *Kết quả của phép chia hết a : b =x nghĩa là gì? Xác định các thành phần trong phép chia trên.*  - GV yêu cầu trao đổi, hoàn thành **Vận dụng.**  - GV lưu ý cho HS phần ***Chú ý***.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, hoạt động và hoàn thành các yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV chốt lại đáp án và nêu kiến thức trọng tâm cần nhớ. | **3. Phép trừ và phép chia hết**.  **HĐKP3:**  a) Số tiền còn thiếu là:  200 000 – 80 000 = 120 000 (đồng)  b) Cần phải thực hiện gây quỹ trong:  120 000 : 20 000 = 6 (tháng)  **Vận dụng:**  a) Ta có: 36 – 12 = 24  Vậy 24 năm nữa thì số tuổi An bằng tuổi mẹ An năm nay.  b) Ta có: 36 : 12 = 3  Vậy năm nay số tuổi của mẹ An bằng 3 lần số tuổi của An.  \* ***Chú ý:*** Phép nhân cũng có tính chất phân phối đối với phép trừ:  a. (b –c) = a.b –a.c ( b > c ) |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập bài 1*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành vở, 2 HS trình bày bảng.*

**Bài 1 :**

a) 2 021 + 2 022+ 2 023 + 2 024 + 2 025 + 2 026 + 2 027 + 2 028 + 2 029

= (2 021 + 2 029) + (2 022 + 2 028) + (2 023 + 2 027) + (2 024 + 2 026) + 2 025

= 4 050 + 4 050 + 4 050 + 4 050 + 2025

= 18 225

b) 30 . 40 . 50 . 60

= 40 . 50 . 30 . 60

= 2000 . 1800

= 3 600 000.

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố và khắc sâu kiến thức.

**b. Nội dung:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập bài 2+ 3+ 4*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành vở, 3 HS trình bày bảng.*

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bài 2 : Giải :**

Mẹ Bình đã mua hết số tiền là:

9 × 6 500 + 5 × 4 500 + 2 × 5 000 = 91 000 (đồng).

**Bài 3: Giải:**

Từ lúc đúng 8 giờ đến lúc đúng 12 giờ trưa cùng ngày nó sẽ đánh:

8 + 9 + 10 + 11 + 12 = (8 + 12) + (9 + 11) + 10 = 20 + 20 + 10 = 5 (tiếng đánh).

Vậy: Từ lúc đúng 8 giờ đến lúc đúng 12 giờ trưa cùng ngày nó sẽ đánh **5 tiếng đánh.**

**Bài 4:Giải:**

Độ dài đường xích đạo so với khoảng cách giữa hai thành phố trên là:

40 000 : 2 000 = 20 (lần).

Vậy: Độ dài đường xích đạo dài gấp **20 lần** khoảng cách giữa hai thành phố trên.

*- HS nhận xét, bổ sung.*

*- GV đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ghi nhớ các tính chất của các phép tính.

- Làm các bài tập 2 + 3 (SBT-tr12)

- Chuẩn bị bài mới “ **Lũy thừa với số mũ tự nhiên**”

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# TIẾT 5 - BÀI 4. LŨY THỪA VỚI SỐ MŨ TỰ NHIÊN.

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong tiết này HS

- Phát biểu được định nghĩa lũy thừa; số mũ; cơ số; bình phương; lập phương.

- Nhận biết được hai quy tắc: nhân, chia hai lũy thừa cùng cơ số.

- Nhân, chia hai lũy thừa cùng có số và số mũ tự nhiên.

**2. Năng lực**

***- Năng lực riêng:***

+ Tính được giá trị của một lũy thừa.

+ Thực hiện phép nhân, phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên.

***- Năng lực chung:*** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS tính độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Tài liệu giảng dạy; SGK; SBT; Giáo án PPT, bảng phụ vẽ sẵn bảng **bài 1** (SGK-tr18)

**2 - HS** : Đồ dùng học tập; SGK; SBT.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỎI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a. Mục tiêu**

**+** Giúp HS có hứng thú với nội dung bài học.

+ Hình dung được kiến thức tìm hiểu trong bài.

**b. Nội dung:** HS quan sát trên màn chiếu hoặc SGK hoàn thành yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chiếu Slide và yêu cầu HS nhắc lại “diện tích hình vuông”; “diện tích hình lập phương” biết cạnh của mỗi hình là a.

- GV yêu cầu HS trao đổi, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS quan sát, trao đổi, nhớ lại kiến thức và trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó đặt vấm đề, dẫn dắt HS vào bài học mới: “ Diện tích hình vuông là : a. a = a2 ; Diện tích hình lập phương là: a.a.a = a3. Vậy an =? ” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Lũy thừa**

**a. Mục tiêu:**

- Nhằm làm cho HS thấy có nhu cầu phải tính những tích của nhiều thừa số bằng nhau.

- Nhận biết được biểu thức lũy thừa, cơ số, số mũ, biết cách đọc lũy thừa từ đó biết cách tính lũy thừa bậc n.

**b. Nội dung:**

+ GV giảng, trình bày.

+ HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS đọc hiểu nội dung đầu mục.  - GV giảng, phân tích cho HS hiểu và yêu cầu HS lấy VD tương tự:  “Ta đã biết cách viết gọn tổng của nhiều số hạng bằng nhau thành phép nhân, chẳng hạn:  6 + 6 + 6 + 6 = 6 . 4  Đối với tích của nhiều thừa số bằng nhau: 6. 6. 6 = 64.  Ta gọi 64 là một lũy thừa.”  - GV yêu cầu HS hoàn thành **HĐKP1.**  - GV yêu cầu HS đọc hiểu nội dung mục này trong SGK và đánh giá kết quả dực trên các câu hỏi, hoạt động sau:  + *an nghĩa là gì?*  *+ a bình phương là gì?*  *+ a lập phương là gì?*  - GV yêu cầu 1 vài HS đọc lại nội dung kiến thức trọng tâm.  - GV lưu ý HS phần quy ước và cách đọc.  - GV phân tích Ví dụ 1 cho HS nắm được các thành phần trong lũy thừa và yêu cầu HS lấy Ví dụ tương tự.  - GV yêu cầu HS trao đổi, hoàn thành **Thực hành 1**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoạt động và hoàn thành các yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV chữa lại đáp án, lưu ý HS kiến thức trọng tâm cần nhớ và đánh giá quá trình học. | **1**. **Lũy thừa**  Ví dụ: 10.10.10.10.10.10 = 106  **HĐKP1:**  a) 5 . 5 . 5 = 53  b) 7 . 7. 7. 7. 7. 7 = 76  **Lũy thừa bậc n** của a kí hiệu an, là tích của n thừa số a:  **an =**  ( n N\*)  n thừa số  an đọc là “ a mũ n” hoặc “ a lũy thừa n”  trong đó : a là cơ số.  n là số mũ.  => Phép nâng nhiều thừa số bằng nhau gọi là **phép nâng lũy thừa.**  ***\* Chú ý***: Ta có a1 = a.  a2 cũng được gọi là bình phương ( hay bình phương của a).  a3 cũng được gọi là lập phương (hay lập phương của a).  VD:  93 đọc là “ chín mũ ba” hoặc “chín lũy thừa ba” hoặc “lũy thừa bậc ba của 9” hoặc “lập phương của 9”.  93 = 9.9.9 = 729  **Thực hành 1:**  a) 3 . 3 . 3 = 33 = 27      6 . 6 . 6 . 6 = 64 = 1296  b) 32 còn gọi là 3 mũ 2 hay lũy thừa bậc 2 của 3      53 còn gọi là 5 mũ 3 hay lũy thừa bậc 3 của 5  c) 310 đọc là 3 mũ 10, 3 lũy thừa 10 hay lũy thừa bậc 10 của 3  => 310 thì 3 là cơ số, 10 là số mũ.      1105 đọc là 10 mũ 5, 10 lũy thừa 5 hay lũy thừa bậc 5 của 10  => 105 thì 10 là cơ số, 5 là số mũ. |

**Hoạt động 2: Nhân hai lũy thừa cùng cơ số**

**a. Mục đích:**

**+** HS khám phá và vận dụng quy tắc nhân hai lũy thừa cùng cơ số.

**b. Nội dung:**

+ GV giảng, trình bày.

+ HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân hoàn thành **HĐKP2.**  - Từ **HĐKP2,** GV dẫn dắt khái quát hóa thành quy tắc nhân hai lũy thừa cùng cơ số:  ***Khi nhân hai lũy thừa cùng cơ số, ta giữ nguyên cơ số và cộng số mũ:***  **am.an= am+n**  -GV lấy ví dụ bằng cách phân tích *Ví dụ 2* .  - GV cho 1 vài HS đọc lại quy tắc.  - GV yêu cầu HS áp dụng quy tắc làm bài **Thực hành 2.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, hoạt động và hoàn thành các yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  -HS giơ tay phát biểu tại chỗ, trình bày bảng, các HS khác chú ý và nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV chốt lại đáp án, lưu ý HS và cho HS nhắc lại quy tắc nhân hai lũy thừa cùng cơ số. | **2. Nhân hai lũy thừa cùng cơ số**  **HĐKP2:**  a) 3 . 33 = 3.3.3.3 = 34  b) 22 . 24 = 2.2.2.2.2.2 = 26  **\* Quy tắc:**  ***Khi nhân hai lũy thừa cùng cơ số, ta giữ nguyên cơ số và cộng số mũ:***  **am.an= am+n**  **Thực hành 2:**  33 . 34 = 33+4 = 37  104 . 33 = 104+3 = 107  x2 . x5 = x2+5 = x7 |

**Hoạt động 3: Chia hai lũy thừa cùng cơ số**

**a. Mục tiêu:**

+ HS khám phá và vận dụng quy tắc chia hai lũy thừa cùng cơ số.

**b. Nội dung:**

+ GV giảng, trình bày.

+ HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc, tìm hiểu và hoàn **HĐKP3.**  - Từ **HĐKP3,** GV dẫn dắt khái quát hóa thành quy tắc chia hai lũy thừa cùng cơ số:  ***Khi chia hai lũy thừa cùng cơ số, ta giữ nguyên cơ số và trừ số mũ:***  **am.an= am+n** ( a 0; m n)  -GV lấy ví dụ bằng cách phân tích *Ví dụ 3* .  - GV cho 1 vài HS đọc lại quy tắc.  - GV yêu cầu HS áp dụng quy tắc làm bài **Thực hành 3.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, hoạt động và hoàn thành các yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV chốt lại đáp án và nêu lại quy tắc chia hai lũy thừa cùng cơ số. | **3. Chia hai lũy thừa cùng cơ số**  **HĐKP3:**  a) Có: 55. 52 = 57  => 57 : 52 = 55 và 57 : 55 = 52  b)Nhận xét: Số mũ của thương bằng hiệu của số mũ số bị chia và số mũ của số chia.  Từ đó ta tính:      79 : 72 = 79−2 = 77      65 : 63 = 65−3= 62  **\* Quy tắc:**  ***Khi chia hai lũy thừa cùng cơ số, ta giữ nguyên cơ số và trừ số mũ:***  **am.an= am+n** ( a 0; m n)  Quy ước: a0 = 1 (a 0).  **Thực hành 3:**  117 : 113= 117-3 = 114      117 : 117= 117-7 = 110= 1      72 . 74 = 72+4 = 76      72 . 74: 73 = 72+4-3= 73  b) 97 : 92 = 95 => **Đúng.**      710 : 72 = 75=> **Sai.**  ( 710 : 72 = 710-2 = 78.)      211 : 28 = 6=> **Sai.**  (211 : 28= 211-8 = 23= 8)      56 : 56 = 5 => **Sai.**  (56 : 56= 1.) |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV treo bảng phụ và yêu cầu HS hoàn thành bài tập 1.*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, lên bảng.*

**Bài 1 :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Cột A** | **Cột B** |
| 37.33 | 517 |
| 59 : 57 | 23 |
| 211: 28 | 310 |
| 512.55 | 52 |

- *GV yêu cầu HS hoàn thành Bài 2.*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành vở, 2 HS lên bảng trình bày.*

**Bài 2:**

a) 57 . 55 = 57+5 = 512.

   95 : 80 =95 : 1 = 95.

   210 : 64 . 16 = 210 : 26 . 24= 210-6+4= 28.

b) 54 297 = 5 . 10000 + 4 . 1000 + 2 . 100 + 9 . 10 + 7

                = 5 . 104 = 4 . 103 + 2 . 102 + 9 . 10 + 7

     2 023 = 2 . 1000 + 0. 100 + 2 . 10 + 3

               = 2 . 103 + 2 . 10 + 3

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố và khắc sâu kiến thức.

**b. Nội dung:** HS dựa vào kiến thức dã học,vận dụng làm bài tập*.*

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập bài 3+ 4*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành vở, 3 HS trình bày bảng*

**Bài 3: Giải:**

Viết dân số của Việt Nam dưới dạng tích của một số với một lũy thừa của 10 như sau:

98 000 000 = 98. 1 000 000 = 98 . 106

**Bài 4: Giải:**

a) Khối lượng của Trái Đất = 6 . 1021tấn

Khối lượng của Mặt Trăng = 75 . 1018 tấn

b) Khối lượng Trái Đất gấp khối lượng Mặt Trăng:

(6 . 1021) : (75 . 1018) = 6 000. 1018 : 75.1018 = 80 (lần)

*- HS nhận xét, bổ sung.*

*- GV đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ghi nhớ các quy nhân chia hai lũy thừa cùng cơ số.

- Làm các bài tập 4 (SBT-tr14)

- Chuẩn bị bài mới “ **Thứ tự thực hiện các phép tính**”

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# TIẾT 6+ 7- BÀI 5. THỨ TỰ THỰC HIỆN CÁC PHÉP TÍNH.

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong tiết này HS

- Biết thực hiện đúng thứ tự các phép tính trong một biểu thức.

- Biết sử dụng máy tính cầm tay tính giá trị của biểu thức.

**2. Năng lực**

***- Năng lực riêng:***

**+** Tính được giá trị biểu thức số, biểu thức chữ bằng cách vận dụng các quy tắc về thứ tự thực hiện các phép tính.

+ Lập được biểu thức tính kết quả của một số bài toán thực tiễn quen thuộc.

***- Năng lực chung:*** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS tính độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Tài liệu giảng dạy; SGK; Giáo án PPT, máy tính xách tay có cài sẵn phần mềm giả lập máy tính Casio fx – 570 VN PLUS, máy chiếu.

**2 – HS**: Đồ dùng học tập; SGK; SBT; máy tính cầm tay.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỎI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a. Mục tiêu**

**+** Gây chú ý để HS quan tâm tới thứ tự thực hiện các phép tính.

**b. Nội dung:** HS quan sát trên màn chiếu hoặc SGK hoàn thành yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Nhận biết được kiến thức chuẩn bị tìm hiểu trong bài.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS thực hiện phép tính:

**6 – ( 6 : 3 + 1) . 2**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS thực hiện tính theo suy nghĩ cá nhân.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV hỏi đáp nhanh đáp án của tất cả HS và gọi 1 vài HS nếu cách thực hiện phép tính.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó đặt vấn đề, dẫn dắt HS vào bài học mới: “ Muốn biết kết quả của bạn nào đúng, bạn nào sai. Tại sao bạn này đúng? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay.” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Thứ tự thực hiện phép tính**

**a. Mục tiêu:**

+ Nhớ lại và nhận biết được một đối tượng đã cho có phải là biểu thức hay không.

+ Nhận biết và nắm được hệ thống các quy tắc về thứ tự thực hiện các phép tính.

+ Kiểm tra khả năng nhận biết các kiến thức và vận dụng vào đời sống.

**b. Nội dung:**

+ GV giảng, trình bày.

+ HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS nhớ và nhắc lại về biểu thức.  - GV chốt lại khái niệm biểu thức một cách ngắn gọn: *Gồm các phép toán cộng, trừ, nhân, chia và nâng lên lũy thừa của các con số hoặc chữ.*  ( GV không bắt HS học thuộc mà chỉ cần HS nhận biết được đối tượng cụ thể cho có phải là biểu thức không)  - GV yêu cầu HS suy nghĩ và hoàn thành **HĐKP.**  - GV dẫn dắt, yêu cầu HS đọc hiểu quy ước về thực hiện các phép tính trong một biểu thức .  - GV phân tích và lấy Ví dụ cho HS dễ hình dung (GV vừa giảng vừa bao quát lớp bảo đảm 100% ghi chép đầy đủ, chính xác):   * Đối với biểu thức có dấu ngoặc   Nếu chỉ có phép cộng và phép trừ ( hoặc chỉ có phép nhân và phép chia) thì thực hiên các phép tính từ trái qua phải, chẳng hạn:   * 52 – 8 + 11 = 44 + 11 = 55 * 60 : 10 × 5 = 30   Nếu có phép tính cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa thì ta thực hiện phép tính nâng lên lũy thừa trước, rồi đến nhân chia, cuối cùng đến cộng và trừ, chẳng hạn:   * 10 + 2 . 42 = 10 + 2. 16   = 10 + 32 = 42   * Đối với biểu thức không có dấu ngoặc:   Nếu chỉ có một dấu ngoặc thì ta thực hiện phép tính trong dấu ngoặc trước. Chẳng hạn:   * ( 10 + 17) : 9 = 27 : 9 = 3   Nếu có các dấu ngoặc tròn **( )** , dấu ngoặc vuông **[ ]**, dấu ngoặc nhọn **{ }** thì ta thực hiện các phép tính trong dấu ngoặc tròn trước, rồi thực hiện các phép tính trong dấu ngoặc vuông, cuối cùng thực hiện các phép tính trong dấu ngoặc nhọn. Chẳng hạn:   * {15 + 2.[8-(5-3)]} : 9   = 15 + 2.[8-2]} : 9  = {15 + 2.6} : 9  = {15+12} :9  = 27 : 9 = 3  - GV cho HS đọc hiểu Ví dụ 1 được trình bày trong SGK – tr19.  - GV yêu cầu HS áp dụng quy tắc để hoàn thành **Thực hành 1** ( 2 HS lên bảng trình bày).  - GV cho HS trao đổi, thảo luận nhóm hoàn thành **Thực hành 2**( 2 HS lên bảng trình bày).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoạt động và hoàn thành các yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ.  - HS giơ tay, trình bày bảng, cácHS khác hoàn thành vở.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV chữa lại đáp án, cho 1 vài HS nêu lại thứ tự thực hiện các phép tính trong một biểu thức và đánh giá quá trình học của HS. | **1**. **Thứ tự thực hiện phép tính**  **HĐKP:**  Có các kết quả khác nhau đó vì:  + An có kết quả bằng 0 vì An thực hiện lần lượt các phép tính từ trái sang phải (sai thứ tự các phép tính):  **6 – 6 : 3 . 2 = 0 : 3. 2 = 0**  + Bình có kết quả bằng 2 vì Bình thực hiện đúng theo quy tắc nhân chia trước, cộng trừ sau:  **6 – 6 : 3 . 2 = 6 – 2. 2 = 6 - 4 = 2**  + Chi có kết quả bằng 5 vì Chi thực hiện 3.2 trước ( sai thứ tự phép tính):  **6 – 6 : 3 . 2 = 6 – 6 : 6= 6 -1 = 5**  **\* Khi thực hiện các phép tính trong một biểu thức:**  **-** Với các biểu thức không có dấu ngoặc: **Lũy thừa****Nhân và chia****Cộng và trừ**  **VD:**   * 52 – 8 + 11 = 44 + 11 = 55 * 60 : 10 × 5 = 30 * 10 + 2 . 42 = 10 + 2. 16   = 10 + 32 = 42  - Với các biểu thức có dấu ngoặc: trong ngoặc trước, ngoài ngoặc sau:  **( ) [ ] { }**  **VD:**   * ( 10 + 17) : 9 = 27 : 9 = 3 * {15 + 2.[8-(5-3)]} : 9   = 15 + 2.[8-2]} : 9  = {15 + 2.6} : 9  = {15+12} :9  = 27 : 9 = 3  **Thực hành 1:**  a) 72 . 19 - 362 : 18 = 1368 – 72 = 1296.  b) 750 : {130 – [(5 . 14 – 65)3 + 3]}  = 750 : {130 – [(70 – 65)3 + 3]}  = 750 : {130 – [(5)3 + 3]}  = 750 : (130 – 128)  = 750 : 2  = 375  **Thực hành 2:**  a) (13x- 122) : 5 = 5  13x- 122 = 25  13x = 25 + 122  13x = 25 + 144  13x = 169  x = 169 : 13  => x = 13  b) 3x [82 - 2.(25 - 1)] = 2 022  3x = 2 022: [82 - 2 . (25 - 1)]  3x = 2 022 : [ 64 – 2.31]  3x = 2 022 : 2  x = 1 011 : 3  => x = 337 |

**Hoạt động 2: Sử dụng máy tính cầm tay**

**a. Mục đích:**

- HS biết chức năng và sử dụng một số phím chức năng chính của máy tính: Mở (tắt) máy; Xóa màn hình ; Chọn chế độ tính toán số học ; Nhận kết quả.

- HS biết thực hiện các phép tính số học cơ bản : Cộng, trừ, nhân, chia hai số tự nhiên ; Lũy thừa của một số tự nhiên ; Bình phương ; Lập phương ; Tìm thương ( và dư, nếu có).

- HS biết nhập biểu thức tính toán ( có dấu ngoặc) : biểu thức hiện trên màn hình giống như sách, vở.

**b. Nội dung:**

+ GV giảng, trình bày.

+ HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV giới thiệu: Có rất nhiều loại MTCT. Em hãy nêu 1 số loại máy tính cầm tay mà em biết.  - Sau khi HS trả lời, GV chiếu Slide và giới thiệu 1 số loại máy tính cầm tay.  - GV dẫn dắt: “Trên thị trường có rất nhiều loại máy tính cầm tay khác nhau, chúng ta sẽ tìm hiểu các tính năng trên của máy Casio fx 570VN PLUS, một loại máy tính cầm tay khá phổ biến.”  - GV chiếu Slide “Bản giả lập Máy tính fx 500 VN PLUS” và giới thiệu một số phím chức năng chính của MTCT ( HS nghe và thực hành theo):    + Nút mở máy:  + Nút tắt máy:  + Các nút số từ 0 đến 9.  + Nút dấu cộng, dấu trừ, dấu nhân, dấu chia.  + Nút dấu “=” cho phép hiện ra kết quả trên màn hình số.  + Nút xóa:  + Nút xóa toàn bộ phép tính vừa thực hiện:  + Nút dấu ngoặc trái và phải:  + Nút tính lũy thừa:  - GV yêu cầu HS đọc hiểu và thực hiện theo *Ví dụ 2.*  - GV yêu cầu HS vận dụng kiến thức hoàn thành **Thực hành 3.**  - GV lưu ý cho HS :  *Khi nhập phép nhân một số với tổng, trước dấu ngoặc không cần bấm phím* .  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, hoạt động và hoàn thành các yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  -HS giơ tay phát biểu tại chỗ, trình bày bảng, các HS khác chú ý và nhận xét, bổ sung.  - Đối với bài **Thực hành 3**, HS lên thực hiện thao tác trên bản gải lập máy tính cho cả lớp cùng theo dõi và nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV chốt lại đáp án, lưu ý HS và cho HS nhắc lại quy tắc nhân hai lũy thừa cùng cơ số. | **2. Sử dụng máy tính cầm tay**  **Thực hành 3:**  a) 93. ( 4327 – 1928) + 2500  - Nút ấn:  -Kết quả:    b) 53. (64.19 + 26.35) – 210  - Nút ấn:  - Kết quả: |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành Bài 1+ 2.*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành vở, mỗi bài 2 HS lên bảng trình bày.*

**Bài 1:**

a) 2 023 + 252: 53 + 27

= 2 023 + (5 . 5)2 : 53+ 27

= 2 023 + 52 . 2 : 53+ 27

= 2 023 + 5 + 27

= 2 055

b) 60 : [7 . (112 - 20 . 6) + 5]

= 60 : [7 . (112 - 20 . 6) + 5]

= 60 : [7 . (121 - 20 . 6) + 5]

= 60 : [7 . (121 - 120) + 5]

= 60 : (7 . 1 + 5)

= 60 : 12

= 5

**Bài 2:**

a) (9x + 23) : 5 = 2

9x + 23 = 2 . 5

9x + 23 = 10

9x = 10 - 23

9x = 10 – 8

9x = 2

=> x =

b) [34 - (82 + 14) : 13]x = 53 + 102

[34 - (82 + 14) : 13]x =225

x = 225 : [34 - (82 + 14) : 13]

x = 225 : (34 - 78 : 13)

x = 225 : (34 - 6)

x = 225 : 75

=> x = 3

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố và khắc sâu kiến thức.

**b. Nội dung:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập bài 3+ 4*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành vở ( 2 HS lên thực hiện trên bản giả lập máy tính bài 3, 1HS lên bảng trình bày bài 4)*

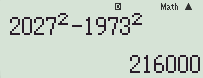
**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bài 3:**

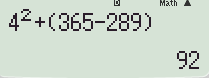
a) 20272 – 19732

- Nút ấn: 

- Kết quả: 

b) 42 + (365 – 289) . 71

- Nút ấn: 

- Kết quả: 

**Bài 4: Giải:**

Tổng số tiền mua văn phòng phẩm của cơ quan là:

35 . 10 + 67 . 5 + 100 . 5 + 35 . 7 + 35 . 5 = 1 605 (nghìn đồng).

Đáp án: 1 605 nghìn đồng.

*- HS nhận xét, bổ sung.*

*- GV đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ghi nhớ thứ tự thực hiện các phép tính.

- Làm các bài tập 1+ 3 (SBT-tr17).

- Chuẩn bị bài mới “ **Chia hết và chia có dư. Tính chất chia hết của một tổng.**”

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# TIẾT 8 + 9 – BÀI 6: CHIA HẾT VÀ CHIA CÓ DƯ. TÍNH CHẤT CHIA HẾT CỦA MỘT TỔNG

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Nhận biết: + Phép chia hết, phép chia có dư trong tập hợp số tự nhiên.

+ Tính chia hết của một tổng .

- Hiểu và biết cách sử dụng các kí hiệu ” , “”

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ Vận dụng được tính chất chia hết của một tổng để giải bài toán và giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Bài giảng, giáo án.

**2 - HS** : Đồ dùng học tập; Ôn lại phép chia hết, phép chia có dư.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

+ Gợi mở vấn đề sẽ được học trong bài.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và thực hiện yêu cầu.

**c) Sản phẩm:** Từ bài toánHS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**+** GV đặt tình huống: “Có thể chia đều 7 quyển vở cho 3 bạn được không?”.

+ GV cho HS suy nghĩ và thực hành chia cho cả lớp cùng quan sát.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS chú ý lắng nghe , trao đổi và dự đoán trả lời

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Để biết ta có thể chia đều số vở đó cho 3 bạn được không? Tại sao? Cách chia như thế nào? Ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay.” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Chia hết và chia có dư**

**a) Mục tiêu:**

+ Hình thành khái niệm chia hết và biết sử dụng kí hiệu “” ; “****”

+ Biết cách xác định quan hệ chia hết, chia có dư trong trường hợp đã cho.

**b) Nội dung:** HS quan sát hình ảnh trên màn chiếu và SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc đề **HĐKP1,** suy nghĩ và hoàn thành**.**  - GV gợi ý HS thực hiện phép chia 15 : 3 và 7 : 3.  - GV dẫn dắt để HS rút ra nhận xét như trong SGK.  - GV phân tích cho HS hiểu rõ và yêu cầu HS đọc hiểu kiến thức trọng tâm trình bày trong SGK.  - GV nhấn mạnh lại kiến thức trọng tâm và lưu ý HS : Số dư phải nhỏ hơn số chia. ( 0 r < b).  - Gv yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi **Thực hành 1**.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính. | **1. Chia hết và chia có dư**  **HĐKP1:**  - Vì 15 3 => Có thể chia đều 15 quyển vở cho 3 bạn. Mỗi bạn được 5 quyển vở.  - Vì 7 : 3 = 2 dư 1 => 7  3 => Không thể chia đều 7 quyển vở cho 3 bạn.  \* **Kiến thức trọng tâm:**  Cho a, b ( b 0). Ta luôn tìm được đúng hai số q, r : a = b.q + r ( 0 r < b) ( q, r lần lượt là **thương** và **số dư** trong phép chia a cho b.)  + Nếu r = 0 tức a = b . q, ta nói a chia hết cho b, kí hiệu **a b** và ta có phép chia hết a : b = q.  + Nếu r ≠ 0, ta nói a không chia hết cho b, kí hiệu a  b và ta có phép chia có dư.  **Thực hành 1:**  a) 255 : 3 = 85 ( dư 0)  157 : 3 = 52 dư 1.  5105 : 3 = 1701 dư 2.  b)  Ta có 17 = 4 . 4 + 1  Ta thấy 17 bạn vào cho 4 xe taxi sẽ dư ra 1 người.  Vậy không thể sắp xếp cho 17 bạn vào 4 xe taxi. |

**Hoạt động 2: Tính chất chia hết của một tổng**

**a) Mục tiêu:**

+ HS hình thành tính chất chia hết của một tổng.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK, chú ý lắng nghe và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu

**c) Sản phẩm:** Hs nắm vững kiến thức, kết quả của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi **HĐKP2.**  - GV cho HS rút ra nhận xét, GV khái quát thành *Tích chất 1* và cho HS ghivào vở.  - GV phân tích cho HS *Ví dụ 1* để HS hiểu và nắm được cách trình bày.  - GV lưu ý cho HS:  + *Tính chất 1* cũng đúng với một hiệu: (a b)  **Nếu a n và b n thì ( a-b) n.**  + *Tính chất 1* có thể mở rộng cho một tổng có nhiều số hạng:  **Nếu a n và b n, c n thì ( a+b+c) n.**  **Trong một tổng, nếu mọi số hạng đều chia hết cho cùng một số thì tổng cũng chia hết cho số đó.**  - GV yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi hoàn thành **HĐKP3.**  - GV cho HS rút ra nhận xét, GV khái quát thành *Tích chất 2* và cho HS ghivào vở.  - GV lưu ý cho HS:  + *Tính chất 2* cũng đúng với một hiệu (a > b)  **Nếu a** ⋮̸ **n và b n thì ( a-b)** ⋮̸ **n.**  **Nếu a n và b** ⋮̸ **n thì ( a-b)** ⋮̸ **n.**  + *Tính chất 2* có thể mở rộng cho một tổng nhiều số hạng:  **Nếu a** ⋮̸ **n, b n, c n thì ( a + b + c)** ⋮̸ **n.**  **Nếu trong một tổng chỉ có đúng một số hạng không chia hết cho một số, các số hạng còn lại đều chia hết cho số đó thì tổng không chia hết cho số đó.**  - GV phân tích cho HS *Ví dụ 2* để HS hiểu rõ lưu ý.  - GV yêu cầu HS hoạt động, suy nghĩ và thảo luận nhóm hoàn thành **Thực hành 2.**  - GV yêu cầu HS hoàn thành **Vận dụng.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, hoàn thành các yêu cầu.  - GV: quan sát, giảng, phân tích, lưu ý và trợ giúp nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **-** HS chú ý lắng nghe, hoàn thành các yêu cầu.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức. | **2. Tính chất chia hết của một tổng.**  **HĐKP2:**  - Hai số chia hết cho 11 là: 22 và 33.  Ta có 22 + 33 = 55 ⋮ 11  - Hai số chia hết cho 13 là: 26 và 39  Ta có 26 + 39 = 65 ⋮ 13  *Tính chất 1:*  **Cho a, b, n , n 0. Nếu a n và b n thì ( a+b) n.**  **\* Nhận xét:**  - *Tính chất 1* cũng đúng với một hiệu: (a b)  **Nếu a n và b n thì ( a-b) n.**  - *Tính chất 1* có thể mở rộng cho một tổng có nhiều số hạng:  **Nếu a n và b n, c n thì ( a+b+c) n.**  **Trong một tổng, nếu mọi số hạng đều chia hết cho cùng một số thì tổng cũng chia hết cho số đó.**  **HĐKP3:**  - Vì 12 6 và 10 ⋮̸ 6  => 12 + 10 = 22 ⋮̸ 6  12 – 10 = 2 ⋮̸ 7  - Vì 14 7 và 9 ⋮̸ 7  => 14 + 9 = 23 ⋮̸ 7  14 – 9 = 5 ⋮̸ 7  *Tính chất 2:*  **Cho a, b, n , n 0. Nếu a** ⋮̸ **n và b n thì ( a+b)** ⋮̸ **n.**  **\* Nhận xét:**  + *Tính chất 2* cũng đúng với một hiệu (a > b)  **Nếu a** ⋮̸ **n và b n thì ( a-b)** ⋮̸ **n.**  **Nếu a n và b** ⋮̸ **n thì ( a-b)** ⋮̸ **n.**  + *Tính chất 2* có thể mở rộng cho một tổng nhiều số hạng:  **Nếu a** ⋮̸ **n, b n, c n thì ( a + b + c)** ⋮̸ **n.**  **Nếu trong một tổng chỉ có đúng một số hạng không chia hết cho một số, các số hạng còn lại đều chia hết cho số đó thì tổng không chia hết cho số đó.**  **Thực hành 2:**  a) + Vì 1200 ⋮ 4 và 440 ⋮ 4  => 1200 + 440 ⋮ 4.  + Vì 440 ⋮ 4 và 324 ⋮ 4  => 440 – 324 ⋮ 4.  + Vì 2 . 3 . 4 . 6 ⋮ 4 và 27 ⋮̸ 4  => 2 . 3 . 4 . 6 ⋮̸ 4.  b) Có: 13 ⋮̸ 5 và 17 ⋮̸ 5 nhưng 13 + 17 = 30 ⋮ 5.  **Vận dụng:**  A = 12 + 14 + 16 + x  Ta có: 12 ⋮ 2, 14 ⋮ 2 và 16 ⋮ 2  Nên x ⋮ 2 thì A ⋮ 2          x ⋮̸ 2 thì A ⋮̸ 2. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập* **Bài 1 + 2 + 3**

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án*

**Bài 1:**

a ) **Đúng.**Vì 1560 ⋮ 15 và 390 ⋮ 15 nên 1560 + 390 ⋮ 15.

b) **Đúng.**Vì 456 ⋮̸ 10 và 555 ⋮̸ 10 nên 456 + 555 ⋮̸ 10.

c) **Sai.**Vì 77 ⋮ 7 và 49 ⋮ 7 nên 77 + 49 ⋮ 7.

d)**Đúng.**Vì 6 624 ⋮ 6 và 1 806 ⋮ 6 nên 6 624 – 1 806 ⋮ 6.

**Bài 2:**

a) 144 = 3 . 48 => 144 : 3 là phép chia hết.

b) 144 = 13 . 11 + 1 => 144 chia 13 dư 1.

c) 144 = 30 . 4 + 24 => 144 chia 30 dư 24.

**Bài 3:**

a) Ta có: 1 298 = 354 . 3 + 236

Vậy: q = 3 và r = 236.

b) Ta có: 40 685 = 985 . 41 + 300

Vậy: q = 41 và r = 300.

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng :* **Bài 4**

**Bài 4:**

Tổng số quyển sách lớp 6A thu được là : 36 + 40 + 15 = 91 quyển.

Ta có: 91 = 4 . 22 + 3 nên 91 ***không chia hết cho 4***.

Vì vậy không thể chia được số sách đã thu được thành 4 nhóm với số lượng quyền bằng nhau.

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

……………………………………………………

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại nội dung kiến thức đã học.

- Làm BT 1 + 5 (SBT – tr 19)

- Chuẩn bị bài mới “**Dấu hiệu chia hết cho 2, 5**”

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# TIẾT 10 - BÀI 7: DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 2, CHO 5

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Phát biểu được dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5.

- Nhận biết một số chia hết cho 2 và 5.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ Vận dụng được các dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5 trong giải quyết vấn đề toán học và trong thực tiễn.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Bài giảng, giáo án.

**2 - HS** : Đồ dùng học tập; Ôn tập về phép chia hết và phép chia có dư.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

+ Gây hứng thú và gợi động cơ học tập cho HS.

+ Gợi mở vấn đề sẽ được học trong bài.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và thực hiện yêu cầu.

**c) Sản phẩm:** Từ bài toánHS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**+** GV đặt vấn đề qua bài toán: “Tìm số dư của phép chia 71 001 cho 2 và cho 5?”

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoàn thành bài toán ra nháp.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Làm thế nào để biết một số có chia hết cho 2, cho 5 hay không mà không cần thực hiện phép chia. Để biết được đó là cách nào?” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Dấu hiệu chia hết cho 2.**

**a) Mục tiêu:**

+ HS nhận ra được dấu hiệu chia hết cho 2 .

+ Củng cố vận dụng dấu hiệu chia hết kết hợp tính chất chia hết của một tổng (hiệu).

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức và làm được các bài tập ví dụ và thực hành.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS hoạt động nhóm đôi, hoàn thành **HĐKP1.**  - GV nhận xét, rút ra **Dấu hiệu chia hết cho 2.**  - GV cho 1 vài HS đọc, phát biểu **Dấu hiệu chia hết cho 2.**  - GV cho HS đọc hiểu *Ví dụ 1* để hình dung cách trình bày.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, thực hiện **Thực hành 1**.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: Dấu hiệu chia hết cho 2 . | **1. Dấu hiệu chia hết cho 2.**  **HĐKP1:**  Các đội A, B, C, H, I có tổng số người là số chẵn nên chia hết cho 2.  Vì vậy, trong các đội thì các đội có thể xếp được thành hai hàng có số người bằng nhau là đội **A, B, C, H, I.**  **Dấu hiệu chia hết cho 2:**  Các số có chữ số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8 (tức chữ số chẵn) thì **chia hết cho 2** và chỉ những số đó mới chia hết cho 2.  **Thực hành 1:**  a) Các số lớn hơn 1000 và chia hết cho 2 là các số chẵn và lớn hơn 1000.  Ví dụ: 1002, 1256  b) Các số lớn hơn 100 và không chia hết cho 2 là các số lẻ và lớn hơn 1000.  Ví dụ: 103, 159 |

**Hoạt động 2: Dấu hiệu chia hết cho 5.**

**a) Mục tiêu:**

+ HS nhận ra được dấu hiệu chia hết cho 5.

+ Củng cố vận dụng dấu hiệu chia hết kết hợp tính chất chia hết của một tổng (hiệu).

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức và làm được các bài tập ví dụ và thực hành.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS hoạt động nhóm đôi, hoàn thành **HĐKP2.**  - GV nhận xét, rút ra **Dấu hiệu chia hết cho 5.**  - GV cho 1 vài HS đọc, phát biểu **Dấu hiệu chia hết cho 5.**  - GV cho HS đọc hiểu *Ví dụ 2* để hình dung cách trình bày.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, thực hiện **Thực hành 2**.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: Dấu hiệu chia hết cho 5 . | **2. Dấu hiệu chia hết cho 5.**  **HĐKP2:**  Các số chia hết cho 5 là: 10, 15, 25, 95.  Chữ số tận cùng của các số chia hết cho 5 là 0 và 5.  **Dấu hiệu chia hết cho 5:**  Các số có chữ số tận cùng là 0 hoặc 5 thì chia hết cho 5 thì **chia hết cho 5** và chỉ những số đó mới chia hết cho 5.  **Thực hành 2:**  a) Thay dấu \* bởi các chữ số 0, 2, 4, 6, 8 thì  chia hết cho 2.  b) Thay dấu \* bởi các chữ số 0, 5 thì  chia hết cho 5.  c) Thay dấu \* bởi chữ số 0 thì   chia hết cho cả 2 và 5. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập* **Bài 1 + 2 (***SGK – tr25)*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án*

**Bài 1 :**

a) Số chia hết cho 2 là 1010. Bởi vì 1 010 có chữ số tận cùng là 0.

b) Số chia hết cho 5 là 19 445. Bởi vì 19 445 có chữ số tận cùng là 5.

c) Số chia hết cho 10 là 1 010. Bởi vì 19 445 có chữ số tận cùng là 0.

**Bài 2:**

a) 146 +  550 chia hết cho 2. Vì 146 ⋮ 2 và 550 ⋮ 2 nên 146 +  550 ⋮ 2.

b) 575 – 40 chia hết cho 5. Vì 575 ⋮ 5 và 40 ⋮ 5 nên 575 – 40 ⋮ 5

c) 3 . 4 . 5 + 83 không chia hết cho 2, không chia hết cho 5

d) 7 . 5 . 6 – 35 . 4 chia hết cho 2 và chia hết cho 5.

Vì 7 . 5 . 6 ⋮ 2 và 35 . 4 ⋮ 2 nên 7 . 5 . 6 – 35 . 4 ⋮ 2.

Vì 7 . 5 . 6 ⋮ 5 và 35 . 4 ⋮ 5 nên 7 . 5 . 6 – 35 . 4 ⋮ 5.

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng :* **Bài 3 + 4 .**

**Bài 3:**

a) Ta có: 35 ⋮ 5

               40 ⋮ 5

=> Lớp 6A và 6D có thể chia thành 5 tổ có cùng số tổ viên.

b) Ta có: 36 ⋮ 2

               40 ⋮ 2

=> Lớp 6B và 6D có thể chia tất cả các bạn thành các đôi bạn học tập.

**Bài 4:**

Ta có: 19 ⋮̸ 5 và 40 ⋮ 5 nên 19 + 40 ⋮̸ 5.

Vì vậy Bà Huệ không thể chia số quả xoài và quýt thành 5 phần bằng nhau.

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

……………………………………………………

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ghi nhớ và ôn lại Các dấu hiệu chia hết cho 2 và 5.

- Hoàn thành nốt các bài tập còn thiếu trên lớp và làm thêm **Bài 2 + 4 – tr21**

- Chuẩn bị bài mới “**Dấu hiệu chia hết cho 3 và 9**”.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# TIẾT 11 - BÀI 8: DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 3, CHO 9

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Phát biểu được dấu hiệu chia hết cho 3, cho 9.

- Nhận biết một số chia hết cho 3 và 9.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ Vận dụng được các dấu hiệu chia hết cho 3, cho 9 trong giải quyết vấn đề toán học và trong tình huống thực tiễn.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Bài giảng, SGK, tài liệu giáo án.

**2 - HS** : SGK, đồ dùng học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

+ Gây hứng thú và gợi động cơ học tập cho HS.

+ Gợi mở vấn đề sẽ được học trong bài.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và thực hiện yêu cầu.

**c) Sản phẩm:** Từ bài toánHS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**+** GV đặt vấn đề qua bài toán: “Tìm số dư của phép chia 27 009 cho 3 và cho 9?”.

+ GV hỏi thêm: “Một số chia hết cho 3 thì có chia hết cho 9 không?”

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoàn thành bài toán ra nháp.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Làm thế nào để biết một số có chia hết cho 3, cho 9 hay không mà không cần thực hiện phép chia. Và một số chia hết cho 3 có chia hết cho 9 không?” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Dấu hiệu chia hết cho 9.**

**a) Mục tiêu:**

+ HS nhận ra được dấu hiệu chia hết cho 9.

+ Củng cố vận dụng dấu hiệu chia hết kết hợp tính chất chia hết của một tổng (hiệu).

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS đọc hiểu **HĐKP1**, trao đổi, thảo luận hoàn thành **HĐKP1.**  - GV chốt lại đáp án: Khẳng định của bạn An hợp lí và có thể làm tương tự cho các số khác.  - GV nhận xét, rút ra **Dấu hiệu chia hết cho 9.**  - GV cho 1 vài HS đọc, phát biểu **Dấu hiệu chia hết cho 9.**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, thực hiện **Thực hành 1**.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: Dấu hiệu chia hết cho 9 . | **1. Dấu hiệu chia hết cho 9.**  **HĐKP1:**  Khẳng định của An là đúng. Vì mọi số đều viết được dưới dạng tổng các chữ số của nó cộng với một số chia hết cho 9.  *Nhận xét:* Mọi số đều viết dưới dạng tổng các chữ số của nó cộng với một số chia hết cho 9.  **Dấu hiệu chia hết cho 9:**  Các số có tổng các chữ số chia hết cho 9 thì **chia hết cho 9** và chỉ những số đó mới chia hết cho 9.  **Thực hành 1:**  **a)** 245 có 2 + 4 + 5 = 11 ⋮̸ 9 nên 245 ⋮̸ 9      9 087 có 9 + 0 + 8 + 7 = 24 ⋮̸ 9 nên 9 087 ⋮̸ 9      398 có 3 + 9 + 6 = 18 ⋮ 9 nên 398 ⋮ 9      531 có 5 + 3 + 1 = 9 ⋮ 9 nên 531 ⋮ 9  Vậy các số 398, 531 chia hết cho 9.  **b)** Hai số chia hết cho 9 là 936, 18       Hai số không chia hết cho 9 là 987, 192. |

**Hoạt động 2: Dấu hiệu chia hết cho 3.**

**a) Mục tiêu:**

+ HS nhận ra được dấu hiệu chia hết cho 3.

+ Củng cố vận dụng dấu hiệu chia hết kết hợp tính chất chia hết của một tổng (hiệu).

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV dẫn dắt, phân tích cho HS đọc hiểu nội dung trong SGK rồi rút ra nhận xét.  - GV cho HS hoạt động nhóm đôi, hoàn thành **HĐKP2.**  - GV nhận xét, rút ra **Dấu hiệu chia hết cho 3.**  - GV cho 1 vài HS đọc, phát biểu **Dấu hiệu chia hết cho 3.**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, thực hiện **Thực hành 2**.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: Dấu hiệu chia hết cho 3 . | **2. Dấu hiệu chia hết cho 3.**  **HĐKP2:**  315 = 3 . 100 + 1 . 10 + 5         = 3.(99 + 1) + 1.(9 + 1) + 5         = 3.99 + 3 + 9 + 1 + 5         = (3 +1+5) + (3.3.11 + 3) . 3  418 = 4 . 100 + 1 . 10 + 8         = 4 . (99 + 1) + 1 . (9 + 1) + 8         = 4 . 99 + 4 + 9 + 1 + 8         = (4 +1+8) + (4 .3 .11 + 3) . 3  **Dấu hiệu chia hết cho 3:**  Các số có tổng các chữ số chia hết cho 3 thì chia hết cho 3 và chỉ những số đó mới chia hết cho 3.  **Thực hành 2:**  Trong hai số 315 và 418 thì số 315 chia hết cho 3.  Vì số 315 có 3 + 1 +5 = 9 chia hết cho 3. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập* **Bài 1 + 2 (***SGK – tr27)*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án*

**Bài 1 :**

**a)** 1 + 1 + 7 = 9 ⋮ 9 nên 117 ⋮ 9

    3 + 4  + 4 + 7 = 18 ⋮ 9 nên 3 447 ⋮ 9

    5 + 0  + 8 + 5 = 18 ⋮ 9 nên 5 085 ⋮ 9

    5 + 3  + 4 = 12  ⋮̸ 9 nên 534  ⋮̸ 9

    1 + 2  + 3 = 6  ⋮̸ 9 nên 123  ⋮̸ 9

**A** = {117, 3 447, 5 085}.

**b)**    5 + 3  + 4 = 12 ⋮ 3 nhưng 12  ⋮̸ 9 nên 534 ⋮ 3 và 534  ⋮̸ 9.

       1 + 2  + 3 = 6 ⋮ 3 nhưng 6  ⋮̸ 9 nên 123 ⋮ 3 và 534  ⋮̸ 9.

**B** = {534, 123}.

**Bài 2:**

**a)** 1 + 2 + 0 + 6 = 9

+ 9 ⋮ 3 nên 1 206 ⋮ 3

+ 9 ⋮ 9 nên 1 206 ⋮ 9

    5 + 3 + 0 + 6 = 14

+ 14  ⋮̸ 3 nên 5036  ⋮̸ 3

+ 14  ⋮̸ 9 nên 5036  ⋮̸ 9

- Vì 1 206 ⋮ 3 và 5 306  ⋮̸ 3 nên 1 206 + 5 306  ⋮̸**3.**

- Vì 1 206 ⋮ 9 và 5 306  ⋮̸ 9 nên 1 206 + 5 306 ⋮̸**9.**

**b)** 4 + 3 + 6 = 13

+ 13  ⋮̸ 3 nên 436  ⋮̸ 3

+ 13  ⋮̸ 9 nên 436  ⋮̸ 9

    3 + 2 + 4 = 9

+ 9 ⋮ 3 nên 324 ⋮ 3

+ 9 ⋮ 9 nên 324 ⋮ 9

- Vì 436  ⋮̸ 3 và 324 ⋮ 3 nên 436 – 324  ⋮̸**3.**

- Vì 436  ⋮̸ 9 và 324 ⋮ 9 nên 436 – 324  ⋮̸**9.**

**c)** 2 . 3 . 4 . 6 ⋮ 3

   2 . 3 . 4 . 6 = 2 . 4 . 18 ⋮ 9

   2 + 7 = 9

+ 9 ⋮ 3 nên 27 ⋮ 3

+ 9 ⋮ 9 nên 27 ⋮ 9

- Vì 2 . 3 . 4 . 6 ⋮ 3 và 27 ⋮ 3 nên 2 . 3 . 4 . 6 + 27 ⋮**3.**

- Vì 2 . 3 . 4 . 6 ⋮ 9 và 27 ⋮ 9 nên 2 . 3 . 4 . 6 + 27 ⋮**9.**

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập vận dụng :* **Bài 3**

**Bài 3:**

**a)** 2 + 0 + 3 = 5 ⋮̸ 3 => 203 ⋮̸ 3.

    1 + 2 + 7 = 10 ⋮̸ 3 nên 203 ⋮̸ 3.

    9 + 7 = 16 ⋮̸ 3 nên 203 ⋮̸ 3.

    1 + 7 + 3 = 11 ⋮̸ 3 nên 203 ⋮̸ 3.

***=> Không thể chia số bi trong mỗi hộp thành 3 phần bằng nhau được.***

**b)** Tổng số bi là: 203 + 127 + 97+ 173 = 600

Nếu Tuấn rủ thêm 2 bạn cùng chơi thì tổng số người chơi là 3 người.

Ta có: 6 + 0 + 0 = 6 chia hết cho 3 nên số 600 chia hết cho 3 => 600 viên bi chia đều cho 3 người.

***=> Nếu Tuấn rủ thêm 2 bạn cùng chơi bi thì có thể chia đều tổng số bi cho mỗi người.***

**c)** Nếu Tuấn rủ thêm 2 bạn cùng chơi thì tổng số người chơi là 9 người.

Ta có: 6 + 0 + 0 = 6 không chia hết cho 9 nên số 600 không chia hết cho 9 => 600 viên bi không thể chia đều cho 9 người.

***=> Nếu Tuấn rủ thêm 8 bạn cùng chơi bi thì không thể chia đều tổng số bi cho mỗi người.***

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

……………………………………………………

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ghi nhớ và ôn lại Các dấu hiệu chia hết cho 9 và 3.

- Hoàn thành nốt các bài tập còn thiếu trên lớp và làm thêm **Bài 2 + 4 – tr23**

- Chuẩn bị bài mới “**Ước và bội**”.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# TIẾT 12 +13 - BÀI 9: ƯỚC VÀ BỘI

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Nhận biết được ước, bội của một số tự nhiên.

- Sử dụng được kí hiệu tập hợp các ước, tập hợp các bội của một số tự nhiên.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ Tìm được tập hợp các ước, tập hợp các bội của một số tự nhiên cho trước.

+ Vận dụng được kiến thức về bội, ước của một số tự nhiên vào giải quyết một số tình huống thực tiễn đơn giản.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Bài giảng, SGK, tài liệu giáo án.

**2 - HS** : SGK, đồ dùng học tập, giấy A4 ( để cắt 1 số mảnh giấy nhỏ và ghép thành các băng giấy), giấy màu, hồ dán, kéo cắt giấy, tờ bìa.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

+ Gây hứng thú và gợi động cơ học tập cho HS.

+ Gợi mở vấn đề sẽ được học trong bài.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và thực hiện yêu cầu.

**c) Sản phẩm:** Từ bài toánHS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**+** GV đặt vấn đề qua bài toán **HĐKP1:**

a)Lớp 6A có 36 học sinh. Trong một tiết mục đồng diễn thể dục nhịp điệu, lớp xếp thành đội hình gồm những hàng đều nhau. Hãy hoàn thành bảng sau vào vở để tìm các cách mà lớp có thể xếp đội hình:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cách xếp đội hình** | **Số hàng** | **Số học sinh trong một hàng** |
| Thứ nhất | 1 | 36 |
| Thứ hai | 2 | 18 |
| ... | ... | ... |

b) Viết số 36 thành tích của hai số bằng các cách khác nhau.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoạt động nhóm hoàn thành bài toán.

HS đưa ra đáp án:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cách xếp đội hình** | **Số hàng** | **Số học sinh trong một hàng** |
| Thứ nhất | 1 | 36 |
| Thứ hai | 2 | 18 |
| Thứ ba | 3 | 12 |
| Thứ tư | 4 | 9 |
| Thứ năm | 6 | 6 |

b) 36 = 1 . 36

     36 = 2 . 18

     36 = 3 . 12

     36 = 4 . 9

     36 = 6 . 6

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “ 36 chia hết cho các số 1, 2, 3, 4, 6, 9, 12, 18, 36, ta nói 36 là gì của các số đó và mỗi số đó có quan hệ như thế nào với 36?” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Ước và bội.**

**a) Mục tiêu:**

+ HS nhận biết được khái niệm ước, bội của một số tự nhiên và kí hiệu.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV chữa, phân tích lại cho HS **HĐKP1.** Từ đó dẫn dắt, rút ra khái niệm ước va bội như trong SGK.  - GV yêu cầu 1 vài HS đọc lại khái niệm ước và bội trong mục Kiến thức trọng tâm.  - GV cho HS đọc phần Chú ý trong SGK và khắc sâu cho HS nhớ.  - GV yêu cầu HS áp dụng khái niệm hoàn thành **Thực hành 1**.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: Khái niệm ước và bội. | **1. Ước và bội**  Nếu số tự nhiên a chia hết cho số tự nhiên b thì ta nói a là **bội** của b, còn b gọi là **ước** của a.  ***Chú ý:***  + Số 0 là bội của tất cả các số tự nhiên khác 0. Số 0 không là ước của bất kì số tự nhiên nào.  + Số 1 chỉ có một ước là 1. Số 1 là ước của mọi số tự nhiên.  + Mọi số tự nhiên a lớn hơn 1 luôn có ít nhất hai ước là 1 và chính nó.  **Thực hành 1:**  **1)** a) 48 là bội của 6      b) 12 là ước của 48      c) 48 là ước/bội của 48      d) 0 là bội của 48  **2)** Ư(6) = {1; 2; 3; 6}.  **3)** Ư(24) = {1;2;3;4;6;8;12;24}.  => Số 24 là bội của 1, 2, 3, 4, 6, 8, 12, 24. |

**Hoạt động 2: Cách tìm ước.**

**a) Mục tiêu:**

Biết cách tìm được tập hợp các ước của một số tự nhiên cho trước.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS suy nghĩ, hoàn thành **HĐKP2.**  - GV dẫn dắt, rút ra cách tìm ước của một số a như Kiến thức trọng tâm trong SGK.  - GV phân tích và cho HS đọc hiểu *Ví dụ 2* để HS hiểu và hình dung cách làm.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, thực hiện **Thực hành 2**.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính**: Cách tìm Ư (a).** | **2. Cách tìm ước.**  **HĐKP2:**  Số 18 có thể chia hết cho các số 1, 2, 3, 6, 9, 18.  **Cách tìm Ư(a):**  Muốn tìm các ước của số tự nhiên a ( a >1), ta có thể lần lượt chia a cho các số tự nhiên từ 1 đến a để xét xem a chia hết cho những số nào, khi đó các số ấy là ước của a,  **Thực hành 2:**  a) Ư(17) = {1; 17}.  b) Ư(20) = { 1; 2; 4; 5; 10; 20}. |

**Hoạt động 3: Cách tìm bội.**

**a) Mục tiêu:**

Biết cách tìm được tập hợp bội của một số tự nhiên cho trước.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS hoàn thành **HĐKP3** dưới sự hướng dẫn của GV:  *a)* *Chuẩn bị một số mảnh giấy nhỏ có chiều dài là 3cm. Ghép các mảnh giấy nhỏ đó thành các băng giấy như hình mình họa dưới đây:*    *Hãy tính độ dài của hai băng giấy tiếp theo*  *b) Làm thế nào để tìm được các bội của 3 một cách nhanh chóng?*  - GV dẫn dắt, rút ra cách tìm bội của một số a như Kiến thức trọng tâm trong SGK.  - GV lưu ý cho HS phần ***Chú ý***.  - GV phân tích, HS đọc hiểu Ví dụ 3 để hiểu rõ và hình dung cách làm.  - GV yêu cầu HS áp dụng hoàn thành **Thực hành 3**.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính**: Cách tìm B(a).** | **3. Cách tìm bội.**  **HĐKP3:**  **a)** – Độ dài của miếng băng tiếp theo là: 3 . 5 = 15 (cm).      – Các số đo dài của các băng giấy là các bội của 3.  **b)** Muốn tìm bội của 3 một cách nhanh chóng, ta nhân 3 lần lượt với 0, 1, 2, 3,…  **Cách tìm B(a):**  Muốn tìm các bội của số tự nhiên a 0, ta có thể nhân a lần lượt với 0, 1, 2, 3, …  ***Chú ý:***  Bội của a có dạng tổng quát là a . k với k . Ta có thể viết:  B (a) = { a . k | k }  **Thực hành 3:**  **a)** B(4) = {0, 4, 8, 12, 16, 20, 24, 28, 32, 36, 40, 44,…}.  **b)** B(7) = {0, 7, 14, 21, 28, 35, 42, 49, 56, 63, 70, 77,…}. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập* **Bài 1 + 2 + 3 (***SGK – tr30)*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án*

**Bài 1 :**

a) 6 ∈ Ư(48)

b) 12 ∉ Ư(30)

c) 7 ∈ Ư(42)

d) 18 ∉ B(4)

e) 28∈ B(7)

g) 36 ∈ B(12)

**Bài 2:**

a) Ư(30) = {1; 2; 3; 5; 6; 15; 30}.

b) B(6) = {0; 6; 12; 18; 24; 30; 36; 42; 48}.

c) C ={x | x 18 và 72 x} = {18; 36; 72}.

**Bài 3:**

**a)** – Độ dài của miếng băng tiếp theo là: 3 . 5 = 15 (cm).

    – Các số đo dài của các băng giấy là các bội của 3.

**b)** Muốn tìm bội của 3 một cách nhanh chóng, ta nhân 3 lần lượt với 0, 1, 2, 3,…

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập vận dụng :* **Bài 4**

**Bài 4:**

**a)** Để viết được số 20, người muốn thắng cuộc phải viết được số 16, vì dù người chơi tiếp có thể viết 17 hay 18 ( số lớn hơn 16, nhưng không lớn hơn quá 3 đơn vị), người muốn thắng cuộc vẫn viết được số 20. Tương tự, để viết số 16, người muốn thắng cuộc phải viết được số 12. Cứ như thế, người muốn thắng cuộc phải viết được số 8, số 4, số 0.

Vậy ai biết được cần phải viết được dãy số 0, 4, 8, 12, 16, 20 ( gồm các số là bội của 4) thì người đó sẽ thắng.

Có thể Bình đã biết bí quyết này nên luôn thắng được Minh.

Minh có cơ hội thắng được Bình khi Minh nắm được bí quyết trên và có cơ hội viết được một trong các số 0, 4, 8, 12, 16, 20 trước Bình.

**b)** Có thể đề xuất luật chơi mới tương tự, chẳng hạn, thay số 20 bởi số 30 ( hay một số khác), hoặc thay số 3 bằng một số khác,…

*- GV cho HS đọc và tìm hiểu* ***Em có biết ?:***

+ GV lưu ý HS :

* Để xác định một năm nào đó có phải là năm nhuận ( theo dương lịch) hay không thì chỉ cần lấy năm đó chia cho 4. Nếu năm đó có chia hết cho 4 thì năm đó sẽ nhuận, nếu không chia hết thì không phải là năm nhuận.
* Tuy nhiên, với những năm có 2 chữ số 0 ở cuối, thì ta phải lấy năm đó chia cho 400. Nếu năm đó không chia hết cho 400 thì năm đó là năm nhuận, nếu không chia hết thì không phải là năm nhuận.

Ví dụ : Năm 2000 là năm nhuận vì chia hết cho 400. Nhưng năm 2100 không phải là năm nhuận vì 2100 không chia hết cho 400.

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể)  - Đánh giá đồng đẳng: HS kiểm tra chéo cho nhau. | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

……………………………………………………

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ghi nhớ khái niệm ước và bội; Cách tìm ước và bội.

- Hoàn thành nốt các bài tập còn thiếu trên lớp và làm thêm **Bài 2 + 4 – tr25**

- Chuẩn bị bài mới “**Số nguyên tố. Hợp số. Phân tích một số ra thừa số nguyên tố.**”.

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

# TIẾT 14 + 15 - BÀI 10: SỐ NGUYÊN TỐ. HỢP SỐ. PHÂN TÍCH MỘT SỐ RA THỪA SỐ NGUYÊN TỐ.

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Nhận biết được các khái niệm về số nguyên tố, hợp số và cách phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 ra thừa số nguyên tố.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ Phân tích được một số tự nhiên lớn hơn 1 ra thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản, biết dùng lũy thừa để viết gọn dạng phân tích.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, bài giảng, giáo án.

**2 - HS** : Đồ dùng học tập; SGK; Bảng nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

+ Gây hứng thú và gợi động cơ học tập cho HS.

+ Gợi mở vấn đề khái niệm số nguyên tố sẽ được học trong bài.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và thực hiện yêu cầu.

**c) Sản phẩm:** Từ bài toánHS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**+** GV đặt vấn đề: “Những số tự nhiên nào lớn hơn 1 và có ít ước nhất?”

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**+** HS đọc, suy nghĩ, thảo luận nhóm và suy đoán, giải thích.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Những số tự nhiên lớn hơn 1 và có ít ước nhất gọi là gì?” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Số nguyên tố. Hợp số**

**a) Mục tiêu:**

+ Hình thành và nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số.

+ Vận dụng dấu hiệu chia hết để kiểm tra số nào là hợp số và số nào là số nguyên tố.

+ Giải thích đươc một số lớn là hợp số bằng cách sử dụng dấu hiệu chia hết và phát triển khả năng suy luận cho HS.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức và làm được các bài tập ví dụ và luyện tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV yêu cầu HS trao đổi, thảo luận nhóm thực hiện **HĐKP.**  + GV phân tích, rút ra Kiến thức trọng tâm như trong SGK.  + GV yêu cầu 1 vài HS đọc khái niệm số nguyên tố, hợp số như trong SGK.  + GV yêu cầu HS đọc hiểu Ví dụ 1 để hình dung rõ hơn về khái niệm.  + GV lưu ý HS phần *Chú ý*:  ***Số 0 và số 1 không là số nguyên tố và cũng không là hợp số.***  + GV yêu cầu HS hoàn thành **Thực hành 1**.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: **Số nguyên tố. Hợp số** | **1. Số nguyên tố. Hợp số**  **HĐKP1:**  **a)** Ư(1) = 1      Ư(2) = {1; 2}      Ư(3) = {1; 3}      Ư(4) = {1; 2; 4}      Ư(5) = {1; 5}      Ư(6) = {1; 2; 3; 6}      Ư(7) = {1; 7}      Ư(8) = {1; 2; 4; 8}      Ư(9) = {1; 3; 9}      Ư(10) = {1; 2; 5; 10}  **b)** Nhóm 1: gồm 1      Nhóm 2: gồm 2, 3, 5, 7      Nhóm 3: gồm 4, 6, 8, 9, 10.  **Thực hành 1:**  a) Ư(11) = {1; 11}  => Số 11 là số nguyên tố vì chỉ có 2 ước là 1 và chính nó.   Ư(12) = {1; 2; 3; 4; 6; 12}  Ư(25) = {1; 5; 25}  => Số 12 và 25 là hợp số vì có nhiều hơn 2 ước.  b) Em không đồng ý. Bởi vì số 0 và số 1 không là số nguyên tố cũng không là hợp số. |

**Hoạt động 2: Phân tích một số ra thừa số nguyên tố.**

**a) Mục tiêu:**

+ Ôn lại khái niệm ước và thừa số để có khái niệm thừa số nguyên tố.

+ Phân tích một số ra thừa số nguyên tố đồ cây và sơ đồ cột.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức và làm được các bài tập ví dụ và thực hành.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  ***a) Thế nào là phân tích một số ra thừa số nguyên tố?***  - GV yêu cầu HS đọc mục a) trong SGK và trả lời câu hỏi:  *Phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 ra thừa số nguyên tố là thế nào?*  => GV nhận xét từ đó đưa ra khái niệm ***phân tích ra thừa số nguyên tố***.  - GV yêu cầu một vài HS phát biểu lại khái niệm.  - GV phân tích, cho HS đọc hiểu ví dụ.  - GV nêu ví dụ cho HS dễ hiểu và hình dung.  VD: VD: 24 = 2.3.2.2 = 2.2.2.2.3 = 23.3  - GV lưu ý cho HS phần *Chú ý.*  ***b) Cách phân tích một số ra thừa số nguyên tố***  - GV yêu cầu HS đọc hiểu hai cách phân tích trình bày như trong SGK.  - GV giảng, phân tích cho HS hiểu sau đó chia lớp thành 4 nhóm thi đua phân tích số 280 ; 40 và 98 xem nhóm nào là nhanh và đúng hơn  - GV cho các nhóm nhận xét sau đó chữa và chú ý cách viết kết quả phân tích của các nhóm.  - GV yêu cầu HS áp dụng kiến thức hoàn thành **Thực hành 2** và **Thực hành 3** và 2 bạn cùng bàn kiểm tra chéo nhau.  - GV dẫn dắt, cho HS rút ra nhận xét:  “Dù phân tích một số ra thừa số nguyên tố bằng cách nào thì ta cũng được cùng một kết quả.”  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  + Đối với HĐ nhóm, HS trình bày vào bảng nhóm rồi treo lên bảng.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: 2 cách phân tích một số thừa số nguyên tố:  + Phương pháp phân tích theo sơ đồ cột dọc.  + Phương pháp phân tích theo sơ đồ cây. | **2. Phân tích một số ra thừa số nguyên tố.**  ***a) Phân tích một số tự nhiên ra thừa số nguyên tố:***  - Phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 ra thừa số nguyên tố là viết số đó dưới dạng một tích các thừa số nguyên tố.  VD: 24 = 2.3.2.2 = 2.2.2.2.3 = 23.3  *Ví dụ 2:*  - Số 7 là số nguyên tố và dạng phân tích ra thừa số nguyên tố của nó là 7. ( 7=7)  - Số 12 là hợp số và 12 được phân tích ra thừa số nguyên tố là:  12 = 2 . 2 . 3 = 122 . 3  ***\* Chú ý:***  - Mọi số tự nhiên lớn hơn 1 đều phân tích được thành tích các thừa số nguyên tố.  - Mỗi số nguyên tố chỉ có một dạng phân tích ra thừa số nguyên tố là chính số đó.  - Có thể viết gọn dạng phân tích một số ra thừa số nguyên tố bằng cách dùng lũy thừa.  ***b) Cách phân tích một số ra thừa số nguyên tố***  *C1: Phương pháp phân tích theo sơ đồ cột dọc:*  VD:     * 36 = 22.32      * 280 = 23. 5. 7   ***Chú ý:***  Khi viết kết quả phân tích một số ra thừa số nguyên tố, ta thường viết các ước nguyên tố theo thứ tự từ nhỏ đến lớn.  **Thực hành 2:**    *C1: Phương pháp phân tích theo sơ đồ cây:*  VD: Ta có thể phân tích 18 ra thừa số nguyên tố theo các sơ đồ cây như sau:    **Thực hành 3:**  42  6  **7**  **2**  **3**  18  3  **6**  **2**  **3**  **a) b)**    **18 = 2.32** **42 = 2.3.7**  **c)**  280  10  **28**  **4**  **7**  **2**  **5**  **2**  **2**  **280 = 23.5.7**  ***Nhận xét:***  Dù phân tích một số ra thừa số nguyên tố bằng cách nào thì ta cũng được cùng một kết quả. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập* **Bài 1 + 4 + 5 + 6 + 7**

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án*

**Bài 1 :**

**a)** 213 là số nguyên tố. Vì chỉ có 2 ước là 1 và chính nó.

**b)** 245 là hợp số. Vì 245 có nhiều hơn 2 ước.

**c)** 3 737 là số nguyên tố. Vì chỉ có 2 ước là 1 và chính nó.

**d)** 67 là số nguyên tố. Vì chỉ có 2 ước là 1 và chính nó.

**Bài 4 :**

a) **Sai.** Vì tích của một số nguyên tố với 2 là một số chẵn.

b) **Đúng.** Vì tích của số nguyên tố 2 với số nguyên tố nào khác cũng là số chẵn.

c) **Sai.** Vì các số nguyên tố đều lớn hơn 1 nên tích của hai số nguyên tố p và q luôn có 4 ước là 1; p; q; p.q, do đó là hợp số.

**Bài 5:**

**a)** 80 = 2 . 2 . 2 . 2 . 5 = 24 . 5

=> 80 chia hết cho số nguyên tố 2 và 5.

**b)** 120 = 2 . 2 . 2 . 3 . 5 = 23  . 3 . 5

=> 120 chia hết cho số nguyên tố 2, 3 và 5.

**c)** 225 = 3 . 3 . 5 . 5 = 32 . 52

=> 225 chia hết cho số nguyên tố 3 và 5.

**d)** 400 = 2 . 2 . 2 . 2 . 5 . 5 = 24.52

=> 400 chia hết cho số nguyên tố 2 và 5.

**Bài 6:**

a) 30 = 2 . 3 . 5

=> Ư(30) = {1; 2; 3; 6; 10; 15; 30}.

b) 225 = 3 . 3 . 5 . 5 = 32 . 52

=> Ư(225) = {1; 3; 5; 9; 15; 25; 45; 75; 225}.

c) 210 = 2 . 3 . 5 . 7

=> Ư(210) = {1; 2; 3; 5; 6; 7; 10; 14; 15; 21; 30; 35; 42; 70; 105; 210}.

d) 242 = 2 . 2 . 11 = 22 . 11

=> Ư(242) = {1; 2; 11; 22; 121; 242}.

**Bài 7 : a = 23.32.7**

Các số là ước của a là: 4, 7, 9, 21 và 24.

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng :* **Bài 2+ 8.**

**Bài 2 :**

Vì 37 là số nguyên tố chỉ chia hết cho 1 và chính nó nên không thể chia được các cặp số.

Vì vậy, các bạn lớp hoàng không thực hiện được.

**Bài 8 :**

**Bình có thể dùng những chiếc bánh chưng để xếp vừa khít vào khay. Vì 60 chia hết cho 15.**

*- GV cho HS đọc hiểu và phân tích mục* **Em có biết ? (**nếu còn thời gian)

+ GV yêu cầu dùng kết quả câu 6 để kiểm nghiệm lại cách tính số các ước cảu một số tự nhiên đã được giới thiệu.

+ Gv yêu cầu HS tìm số ước của 36 ; 150 ; 176.

36 = 22.32  nên 36 có (2+1)(2+1) = 9 (ước)

150 = 2.3.52 nên 150 có (1+ 1)( 1+ 1)(2+1) = 12 (ước)

176 == 24.11 nên 176 có (4+1)(1+1) = 10 (ước)

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

……………………………………………………

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Xem lại bài và luyện tập phân tích một số ra thừa số nguyên tố bằng 2 cách: theo sơ đồ cột dọc và sơ đồ cây.

- Hoàn thành nốt các bài tập còn thiếu trên lớp và làm thêm Bài **3( SBT –tr28)** **+ 5+ 6+ 7 (SBT-tr29)**

- Xem trước Bài: **HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM.**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

# TIẾT 16 - BÀI 11: HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

***-*** Nhận biết được cách lập bảng các số nguyên tố không vượt quá 100.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ Vận dụng kiến thức về số nguyên tố, hợp số lập được bảng các số nguyên tố không vượt quá 100.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, bài giảng, giáo án ppt, phiếu học tập; SBT

**2 - HS** : Đồ dùng học tập; SGK; SBT

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

+ Củng cố lại kiến thức cho HS.

+ Gợi mở vấn đề sẽ được học trong bài.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và thực hiện yêu cầu.

**c) Sản phẩm:** Từ bài toánHS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS chữa bài **3( SBT –tr28)** **+ 5 ( SBT-tr29)**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- 2 HS lên bảng trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Để biết một số là số nguyên tố hay không, chúng ta kiểm tra bằng cách tìm ước hoặc tra trong bảng số nguyên tố. Bài hôm nay chúng ta cùng thực hành lập bảng các số nguyên tố” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Lập bảng số nguyên tố không vượt quá 100.**

**a) Mục tiêu:**

+ Giới thiệu cho HS cách lập bảng các số nguyên tố không vượt quá 100.

+ Củng cố kiến thức số nguyên tố, hợp số .

**b) Nội dung:** HS quan sát phiếu học tập để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành được phiếu học tập theo yêu cầu.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV phát phiếu bài tập cho HS và yêu cầu HS quan sát phiếu học tập.

- GV giới thiệu bảng các số tự nhiên từ 1 đến 100 gồm 10 hàng 10 cột.

- GV tổ chức thảo luận nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn, hoàn thành theo yêu cầu của phần “**a) Hoạt động 1”** trong phiếu học tập.

- GV cho HS hoạt động cá nhân suy nghĩ và trả lời lần lượt các câu hỏi trong phần “**b) Hoạt động 1”.**

- GV dẫn dắt, dẫn tới các khẳng định:

+ Số nguyên tố nhỏ nhất là số 2. Số nguyên tố lớn nhất trong phạm vi 100 là số 97.

+ Không phải mọi số nguyên tố đều là số lẻ, chẳng hạn số 2.

+ Không phải mọi số nguyên tố đều là hợp số, chẳng hạn số 2.

- GV phân tích và cho HS đọc hiểu phần *Chú ý*:

Có 25 số nguyên tố trong phạm vi 100 là: 2, 3, 5, 7, 11, 13, 17, 19, 23, 29, 31, 37, 41, 43, 47, 53, 59, 61, 67, 71, 79, 83, 89, 97.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu như hướng dẫn của GV.

+ GV: quan sát và trợ giúp HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Một số HS trình bay câu trả lời.

+ Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa bảng số nguyên tố ( trong phạm vi 100).

**Hoạt động 2: Dùng bảng số nguyên tố.**

**a) Mục tiêu:**

+ Biết cách dùng bảng số nguyên tố: tra cứu một số có phải là số nguyên tố không.

**b) Nội dung:** HS quan sát phiếu học tập và hoàn thành theo yêu cầu của GV

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành được phiếu bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV cho HS quan sát SGK hoặc phiếu học tập và giới thiệu bảng số nguyên tố ở cuối chương ( SGK - tr47).

- GV cho HS hoàn thành yêu cầu của **Hoạt động 2** vào phiếu học tập.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS chú ý lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành yêu cầu.

- GV: quan sát và trợ giúp HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ

- HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá, tổng kết.

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập* **Bài 1+ 2 (SBT- tr28) ; Bài 4 (SBT-tr29)**

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án và trình bày miệng tại chỗ.*

**Bài 1 :**

41 **P**

57 **P**

83 **P**

**529**  **P**

**Bài 2 :** Dùng bảng số nguyên tố trong phiếu học tập hoặc trong SGK (tr47) tìm các số nguyên tố sau :

117 ; 131 ; 313 ; 469 ; 647.

Các số nguyên tố là : 131 ; 313 ; 647.

**Bài 4:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Kết luận** | **Đ/S** |
| i. Mỗi số chẵn lớn hơn 2 đều là hợp số. | **Đ** |
| ii. Tổng của hai số nguyên tố lớn hơn 2 luôn là một hợp số. | **Đ** |
| iii. Tổng của hai hợp số luôn là một hợp số. | **S** ( VD : 10 + 9 = 19) |
| iv. Tích của hai số nguyên tố có thể là một số chẵn. | **Đ** (trong trường hợp nhân với số nguyên tố 2) |

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

**Họ và tên : ………………………….**

**Lớp :………**

**TIẾT 16 : HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**PHIẾU HỌC TẬP**

**Hoạt động 1 : Lập bảng các số nguyên tố không vượt quá 100**

***a) Quan sát bảng các số tự nhiên từ 1 đến 100 gồm 10 hàng, 10 cột như dưới đây :***

- Gạch chân số 1.

- Tô màu số 2, gạch chân tất cả các số là bội của 2 mà lớn hơn 2.

- Tô màu số 3, gạch chân tất cả các số là bội của 3 mà lớn hơn 3.

- Tô màu số 5, gạch chân tất cả các số là bội của 5 mà lớn hơn 5.

- Tô màu số 7, gạch chân tất cả các số là bội của 7 mà lớn hơn 7.

- Tô màu số 11, gạch chân tất cả các số là bội của 11 mà lớn hơn 11.

- Tiếp tục quá trình này cho đến khi tất cả các số được tô màu hoặc bị gạch chân.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 |
| 31 | 32 | 33 | 34 | 35 | 36 | 37 | 38 | 39 | 40 |
| 41 | 42 | 43 | 44 | 45 | 46 | 47 | 48 | 49 | 50 |
| 51 | 52 | 53 | 54 | 55 | 56 | 57 | 58 | 59 | 60 |
| 61 | 62 | 63 | 64 | 65 | 66 | 67 | 68 | 69 | 70 |
| 71 | 72 | 73 | 74 | 75 | 76 | 77 | 78 | 79 | 80 |
| 81 | 82 | 83 | 84 | 85 | 86 | 87 | 88 | 89 | 90 |
| 91 | 92 | 93 | 94 | 95 | 96 | 97 | 98 | 99 | 100 |

**=> Các số nguyên tố trong bảng trên là :**

***b) Trả lời câu hỏi :***

*- Số nguyên tố nhỏ nhất là số : ……*

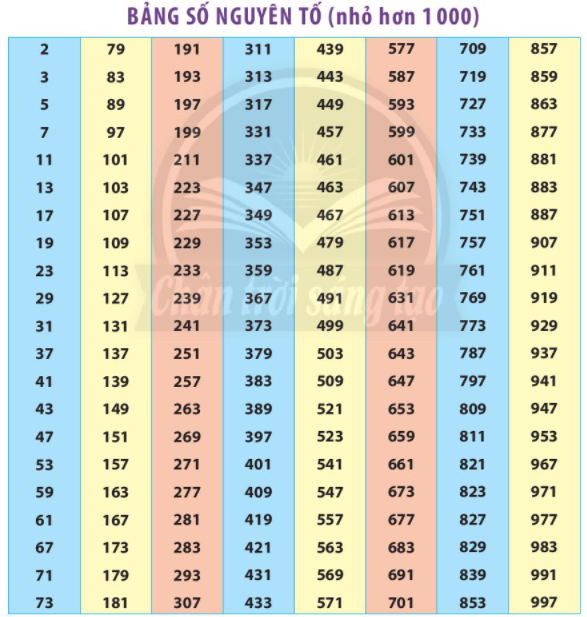
*- Số nguyên tố lớn nhất trong phạm vi 100 là số : ………*

*- Có phải mọi số nguyên tố đều là số lẻ không ? Vì sao ?*

*- Có phải mọi số chẵn đều là hợp số không ? Vì sao ?*

**Hoạt động 2 :**

*Em hãy tìm các số nguyên tố trong các số sau :* **113 ; 143 ; 217 ; 529.**



**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Xem lại bảng số nguyên tố.

- Xem và đọc trước bài: “**Ước chung. Ước chung lớn nhất.”**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

# TIẾT 17 + 18 - BÀI 12: ƯỚC CHUNG, ƯỚC CHUNG LỚN NHẤT

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Nhận biết được các khái niệm về ước chung, ước chung lớn nhất, phân số tối giản và hai số nguyên tố cùng nhau

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ Xác định được ước chung, ước chung lớn nhất của hai hoặc ba số tự nhiên đã cho và chỉ ra được ước chung lớn nhất của các số đó.

+ Tìm được tập hợp các ước chung của hai số hoặc ba số thông qua tìm ước chung lớn nhất.

+ Vận dụng được khái niệm và cách tìm ƯCLN của hai hoặc ba số trong rút gọn phân số và giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Bài giảng, giáo án.

**2 - HS** : SGK; Đồ dùng học tập; Ôn tập khái niệm về ước đã học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

+ Gây hứng thú và gợi động cơ học tập cho HS.

+ Gợi mở đến nội dung cần học về ước chung và uớc chung lớn nhất.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và thực hiện yêu cầu.

**c) Sản phẩm:** Từ bài toánHS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**+** GV đặt vấn đề thông qua phần khởi động trong SGK: “Làm thế nào để tìm được số lớn nhất vừa là ước của 504, vừa là ước của 588?”

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**+** HS đọc, suy nghĩ, thảo luận nhóm và suy đoán, giải thích.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới : Để giúp chúng ta giải được bài toán nhanh nhất, ngoài cách làm của các bạn, chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay.” => Bài mới

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Ước chung.**

**a) Mục tiêu:**

+ Củng cố cách tìm ước của một số tự nhiên.

+ Hình thành khái niệm ước chung và thấy được ý nghĩa của việc tìm ƯC.

+ Biết cách tìm ước chung của hai số a; b và mở rộng cho 3 số.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức và làm được các bài tập ví dụ và thực hành.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS đọc, tìm hiểu **HĐKP1,** hướng dẫn và yêu cầu HS trao đổi nhóm hoàn thành.  - GV phân tích rút ra kiến thức và cho HS đọc hiểu khái niệm, kí hiệu về ƯC.  - GV phân tích và cho HS đọc hiểu *Ví dụ 1*.  - GV yêu cầu HS áp dụng hoàn thành **Thực hành 1**.  - GV dẫn dắt, cho một vài HS phát biểu **Cách tìm ước chung của hai số a và b.**  - GV cho HS đọc hiểu Ví dụ 2 để hiểu và rõ cách trình bày.  - GV yêu cầu HS hoàn thành **Thực hành 2.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức. | **1. Ước chung.**  a) Có **3 cách** chia nhóm  *Cách 1:* Chia 1 nhóm gồm 12 nam và 8 nữ.  *Cách 2:* Chia 2 nhóm, mỗi nhóm 6 nam, 4 nữ.  *Cách 3:* Chia 4 nhóm, mỗi nhóm 3 nam, 2 nữ.  b) Ư(18) = {1; 2; 3; 6; 9; 18}.      Ư(30) = {1; 2; 3; 5; 6; 10; 15; 30}.  **=>** ƯC(8,30) = {1; 2; 3; 6}  - **Ước chung** của hai hay nhiều số là ước của tất cả các số đó.  - Tập hợp các ước chung của hai số a và b kí hiệu là ƯC(a, b).  x ƯC (a, b) nếu ax và bx.  - Tương tự, tập hợp các ước chung của a, b, c kí hiệu là ƯC (a, b,c).  x ƯC (a, b, c) nếu ax, bx và cx  **Thực hành 1:**  a) Đúng  Ư(24) = {1; 2; 3; 4; 6; 8; 12; 24}  Ư(30) = {1; 2; 3; 5; 6; 10; 15; 30}  => ƯC(24,30) = {1; 2; 3; 6}.  b) Sai  Ư(28) = {1; 2; 4; 7; 14; 28}  Ư(42) = {1; 2; 3; 6; 7; 14; 21; 42}  => ƯC(28,42) = {1; 2; 7; 14}.  c) Đúng  Ư(18) = {1; 2; 3; 6; 9; 18}  Ư(24) = {1; 2; 3; 4; 6; 8; 12; 24}  Ư(42) = {1; 2; 3; 6; 7; 14; 21; 42}  => ƯC(18, 24, 42} = {1; 2; 3; 6}.  **\* Cách tìm ước chung của hai số a và b:**  - Viết tập hợp các ước của a và ước của b: Ư(a), Ư(b).  - Tìm những phần tử chung của Ư(a) và Ư(b).  **Thực hành 2:**  a) Ư(36) = {1; 2; 3; 4; 6; 9; 12; 18; 36}      Ư(45) = {1; 3; 5; 9; 15; 45}  => ƯC(36; 45) = {1; 3; 9}.  b) Ư(18) = {1; 2; 3; 6; 9; 18}      Ư(36) = {1; 2; 3; 4; 6; 9; 12; 18; 36}      Ư(45) = {1; 3; 5; 9; 15; 45}  => ƯC(18, 36, 45) = {1; 3; 9}. |

**Hoạt động 2: Cách tìm ước chung lớn nhất**

**a) Mục tiêu:**

+ Hình thành khái niệm ƯCLN và thấy được ý nghĩa của việc tìm ƯCLN.

+ Gợi cho HS biết mối liên hệ giữa ƯCLN của hai số a, b và các thừa số nguyên tố chung (nếu có) của chúng.

+ Biết cách tìm ƯC thông qua tìm ƯCLN.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức và làm được các bài tập ví dụ và thực hành.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV dẫn dắt, cho HS đọc, tìm hiểu đề bài **HĐKP2.**  - GV yêu cầu HS trao đổi, hoàn thành **HĐKP2.**  - GV dẫn dắt, hướng dẫn HS rút ra khái niệm.  - GV cho 1 vài HS đọc hiểu khái niệm và kí hiệu trong SGK.  - GV lưu ý cho HS Nhận xét trong SGK.  - GV phân tích, cho HS đọc hiểu Ví dụ 3, rồi cho HS rút ra nhận xét.  - GV nhấn mạnh lại Nhận xét để HS ghi nhớ.  - GV yêu cầu HS vận dụng khái niệm hoàn thành **Thực hành 3**.  - GV cho HS đọc hiểu Ví dụ 4.  - GV phân tích, hướng dẫn HS cách làm và cho HS tự giải lại Ví dụ 4 vào vở.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội dung thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS  . **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Chú ý, thảo luận, phát biểu, trình bày bảng, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính:  **Khái niệm ƯCLN; Cách tìm ước chung từ ƯCLN.** | **2. Ước chung lớn nhất.**  **HĐKP2:**  *Nhận xét:* Với mọi a, b , ta có:  ƯCLN ( a, 1) = 1; ƯCLN(a, b, 1) = 1  **Thực hành 3:**  Ư(24) = {1; 2; 3; 4; 6; 8; 12; 24}  Ư(30) = {1; 2; 3; 5; 6; 10; 15; 30}   * ƯC (24, 30) = { 1; 2; 3; 6} * ƯCLN (24, 30) = {6}   Ví dụ 4: Giải:  Gọi số nhóm nhiều nhất có thể chia được là: x (nhóm)   * x ƯCLN (12, 18)   Có: Ư (12) = { 1; 2; 3; 4; 6; 12}  Ư (18) = {1; 2; 3; 6; 9; 18}   * ƯC (12, 18) = { 1; 2; 3; 6} * ƯCLN ( 12, 18) = 6   Do đó, cần chia lớp thành 6 nhóm.  Số học sinh nữ trong mỗi nhóm là: 12 : 6 =2 (HS)  Số học sinh nam trong mỗi nhóm là: 18 : 6 = 3 (HS)  Vậy mỗi nhóm có 2 nữ và 3 nam. |

**Hoạt động 3: Tìm ước chung lớn nhất bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố.**

**a) Mục tiêu:**

+ Gợi cho HS biết mối liên hệ giữa ƯCLN của hai số a, b và các thừa số nguyên tố chung (nếu có) của chúng.

+ Củng cố cách phân tích một số ra thừa số nguyên tố.

+ Biết cách tìm ƯCLN thông qua sự phân tích ra thừa số nguyên tố.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức và làm được các bài tập ví dụ và thực hành.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV nêu vấn đề: “Đối với các số nhỏ, chúng ta có thể tìm ƯCLN của hai hay nhiều số thông qua cách tìm ước của từng số sau đó tìm ƯC của các số đó và số lớn nhất trong tập ƯC chính là ƯCLN của các số đó. Nhưng đối với các số lớn có rất nhiều ước, chẳng hạn như số 504 có 24 ước, trong khi đó số 588 có 18 ước. Vì vậy, nếu dùng phương pháp liệt kê các ước của hai số 504 và 588 rồi chọn ƯCLN sẽ gặp nhiều khó khăn. Vậy có cách nào đơn giản hơn để tìm ƯCLN của 504 và 588 không?”  - GV dẫn dắt “Chúng ta thấy ƯCLN (a, b) là ước của a và b nên các thừa số nguyên tố của ƯCLN (a, b) là thừa số nguyên tố chung của a và b. Vì vậy, để tìm ƯCLN (a, b) ta cần phân tích a và b ra thừa số nguyên tố.”  - GV lấy VD, thuyết trình giảng, hướng dẫn cho HS: Tìm ƯCLN (24, 30)  B1: Phân tích các số 24 và 30 ra thừa số nguyên tố, ta được:  24 = 2.2.2.3 = 23. 3  30 = 2.3.5  B2: Ta thấy 2 và 3 là các thừa số nguyên tố chung của 24 và 30.  B3: Trong cách phân tích ra thừa số nguyên tố của 24 và 30, số mũ nhỏ nhất của thừa số chung 2 là 1, số mũ nhỏ nhất của thừa số chung 3 là 1 nên ƯCLN(24, 30) = 2.3= 6  - GV cho HS nhận xét cách tìm ƯCLN (24, 30) ở phần này với phần **Thực hành 3.**  - GV dẫn dắt, cho HS rút ra quy tắc tìm ƯCLN của hai hay nhiều số bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố và nhấn mạnh lại để HS nhớ được các bước làm.  - GV yêu cầu HS đọc hiểu *Ví dụ 5* và cho HS tự lại để nắm được cách làm và cách trình bày.  - GV kiểm tra độ hiểu bài của HS bằng cách tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi hoàn thành **Thực hành 4.**  - GV giới thiệu khái niệm hai só nguyên tố cùng nhau : Hai số có ƯCLN bằng 1 gọi là hai số **nguyên tố cùng nhau**.  - GV đưa ra Ví dụ minh họa như trong SGK và gọi một số HS lấy ví dụ tương tự về hai số nguyên tố cùng nhau.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: **Cách tìm ƯCLN bằng cách phân tích ra thừa số nguyên tố; Khái niệm hai số nguyên tố cùng nhau.** | **3. Cách tìm ước chung lớn nhất.**  **\* Quy tắc:**  B1: Phân tích mỗi số ra thừa số nguyên tố;  B2: Chọn ra các **thừa số nguyên tố chung;**  B3: Lập tích các thừa số đã chọn, mỗi thừa số lấy với **số mũ nhỏ nhất**. Tích đó là ƯCLN phải tìm.  *Ví dụ 5:* Tìm ƯCLN của 18 và 30.  18 = 2 . 32  30 = 2. 3. 5  => ƯCLN (18, 30) = 2.3 = 6  **Thực hành 4:**  + Tìm ƯCLN(24, 60)  24 = 2 . 2 . 2 . 3 = 23 . 3   60 = 2 . 2 . 3 . 5 = 22 . 3 . 5  => ƯCLN(24, 60) = 22 . 3 = 12   + Tìm ƯCLN(14, 33)  14 = 2 . 7   33 = 1 . 33  => ƯCLN(14, 33) = 1  + Tìm ƯCLN (90, 135, 270)   90 = 2. 32 . 5   135 = 33 . 5   270 = 2 . 33 . 5  => ƯCLN(90, 135, 270) = 32 . 5 = 45  - Khái niệm hai số nguyên tố cùng nhau: Hai số **nguyên tố cùng nhau** là hai số có ƯCLN bằng 1.  VD: ƯCLN(14, 33) = 1 => 14 và 33 là hai số nguyên tố cùng nhau. |

**Hoạt động 4: Ứng dụng trong rút gọn phân số**

**a) Mục tiêu:**

- Nhận biết phân số tối giản và biết cách rút gọn về phân số tối giản.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV dẫn dắt, cho HS đọc hiểu nội dung trong SGK và trả lời câu hỏi:  + Phân số tối giản là thế nào?  + Cách rút gọn để được phân số tối giản.  - GV nêu Ví dụ, phân tích cụ thể cho HS dễ hình dung hơn, sau đó cho HS tự lấy ví dụ và thực hiện rút gọn.  - GV yêu cầu HS vận dụng hoàn thành Thực hành 5  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội dung thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: **Khái niệm phân số tối giản, Cách rút gọn về phân số tối giản.** | **4. Ứng dụng trong rút gọn phân số.**  - Ta **rút gọn phân số** bằng cách chia cả tử và mẫu của phân số đó cho một ước chung khác 1 (nếu có).  *Chú ý:* Để rút gọn một phân số,, ta co thể chia cả tử và mẫu của phân số đó cho ước chung lớn nhất của chúng để được **phân số tối giản**  VD: chưa tối giản và ƯCLN(18, 30) = 6  =>  Ta có: là phân số tối giản.  **Thực hành 5:**  + Có: ƯCLN ( 24, 108) **=** 12    + Có: ƯCLN ( 80, 32) **=** 16 |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập:*  **2 + 3+ 4 –** (tr39 - SGK ).

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành bài tập và lên bảng trình bày.*

*- HS nhận xét, bổ sung và giáo viên đánh giá tổng kết.*

**Bài 2 :**

a) ƯCLN(1, 16) = **1.**

b) 8 = 23

    20 = 22 . 5

=> ƯCLN(8, 20) = 22= **4**.

c) 84 = 22 . 3 . 7

    156 = 22 . 3 . 13

=> ƯCLN(84, 156) = 22 . 3 =**12**.

d) 16 = 24

    40 = 23 . 5

    176 = 24 . 11

=> ƯCLN(16, 40, 176) = 23 = **8**.

**Bài 3 :**

**a)** A = {1; 2; 3; 6}

*- Nhận xét:* Ta thấy tập hợp ƯC (18, 30) = {1; 2; 3; 6} nên tập hợp ƯC (18, 30) giống với tập hợp A.

**b)**

**i.** 24 = 23 . 3

    40 = 23 . 5

=> ƯCLN(24, 40) = 23 = 8.

Vậy: ƯC(24, 40) = Ư(8) = {1; 2; 3; 4; 8}.

**ii.** 42 = 2 . 3 . 7

    98 = 2 . 72

=> ƯCLN(42, 98) = 2 . 7 = 14.

Vậy: ƯC (42, 98) = Ư(14) = {1; 2; 7; 14}.

**iii.** 180 = 22 . 32 . 5

      234 = 2 . 32 . 13

=> ƯCLN(180, 234) = 2 . 32= 18

Vậy: ƯC(180, 234) = Ư(18) = {1; 2; 3; 6; 9; 18}.

**Bài 4 :**

+ Có: ƯCLN ( 28, 42) **=** 14

+ Có: ƯCLN ( 60, 135) **=** 15

+ Có: ƯCLN ( 288, 180) **=** 15

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng :* **Bài 5**

**Bài 5 :**

Gọi độ dài lớn nhất có thể của dây ruy băng là x ( cm)

Theo bài ra => x = ƯCLN ( 140, 168, 210) =

Ta có: 140 = 22 . 5 . 7

           168 = 23 . 3 . 7

           210 = 2 . 3 . 5 . 7

=> ƯCLN(140, 168, 210) = 2 . 7 = 14.

=> Độ dài lớn nhất có thể của mỗi đoạn dây ngắn được cắt ra là: 14 cm.

- Mỗi đoạn dây khác nhau có thể cắt được số đoạn dây ngắn là:

Đoạn dây dài 140 cm cắt được: 140 : 14 = 10 (đoạn).

Đoạn dây dài 168 cm cắt được: 168 : 14 = 12 (đoạn).

Đoạn dây dài 210 cm cắt được: 210 : 14 = 15 (đoạn).

- Số đoạn dây nuy băng ngắn chị Lan có được là:

10 + 12 + 15 = 37 (đoạn dây).

Vậy chị Lan có được tổng cộng **37** đoạn dây nuy băng ngắn sau khi cắt.

*- GV cho HS đọc và tìm hiểu thềm phần «  Em có biết » - SGK – tr39*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

……………………………………………………

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Đọc và ghi nhớ nội dung chính của bài.

- Vận dụng kiến thức làm bài tập **3** + **4 + 6 + 7 (SBT- tr32)**

- Đọc và tìm hiểu trước bài sau: “**Bội chung. Bội chung nhỏ nhất”.**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

# TIẾT 19 + 20 - BÀI 13: BỘI CHUNG, BỘI CHUNG NHỎ NHẤT

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Nhận biết được các khái niệm về bội chung, bội chung nhỏ nhất, ứng dụng của bội chung nhỏ nhất để quy đồng mẫu các phân số.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ Tìm được tập hợp các bội chung của hai hoặc ba số và chỉ ra được BCNN của các số đó.

+ Tìm được BCNN của hai hoặc ba số.

+ Tìm được tập hợp bội chung của hai hoặc ba số thông qua tìm BCNN.

+ Vận dụng được khái niệm và cách tìm BCNN của hai hoặc ba số trong quy đồng mẫu số các phân số và giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Bài giảng, giáo án.

**2 - HS** : SGK; Đồ dùng học tập; Ôn tập khái niệm về ước đã học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

+ Gây hứng thú và gợi động cơ học tập cho HS.

+ Gợi mở đến nội dung cần học về bội chung và bội chung nhỏ nhất.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và thực hiện yêu cầu.

**c) Sản phẩm:** Từ bài toánHS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**+** GV đặt vấn đề thông qua phần khởi động trong SGK: “Có cách nào tìm được mẫu số chung nhỏ nhất của các phân số không? Ví dụ : Tìm mẫu số chung nhỏ nhất của các phân số sau: và .”

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**+** HS đọc, suy nghĩ, thảo luận nhóm và suy đoán, giải thích.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới : Để giúp chúng ta giải được bài toán nhanh nhất, ngoài cách làm của các bạn, chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay.” => Bài mới

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Bội chung.**

**a) Mục tiêu:**

+ Củng cố cách tìm bội của một số tự nhiên.

+ Hình thành khái niệm bội chung và thấy được ý nghĩa của việc tìm BC.

+ Biết cách tìm bội chung của hai số a; b và mở rộng cho 3 số.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức và làm được các bài tập ví dụ và thực hành.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS đọc, tìm hiểu **HĐKP1,** hướng dẫn và yêu cầu HS trao đổi nhóm hoàn thành.  - GV phân tích rút ra kiến thức và cho HS đọc hiểu khái niệm, kí hiệu về BC.  - GV phân tích và cho HS đọc hiểu *Ví dụ 1*.  - GV yêu cầu HS áp dụng hoàn thành **Thực hành 1**.  - GV dẫn dắt, cho một vài HS phát biểu **Cách tìm bội chung của hai số a và b.**  - GV cho HS đọc hiểu Ví dụ 2 để hiểu và rõ cách trình bày.  - GV yêu cầu HS hoàn thành **Thực hành 2.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức. | **1. Bội chung.**  **HĐKP1:**  a) Dựa vào hình ta thấy, sau 12 giây thì hai dây đèn cùng phát sáng lần tiếp theo kể từ lần đầu tiên.  b) B(2) = {0; 2; 4; 6; 8; 10; 12; 14; 16; 18; 20; 22; 24; 26;…}      B(3) = {0; 3; 6; 9; 12; 15; 18; 21; 24; 27; 30; 33; 36; 39…}  Vậy: Hai tập hợp này có một số phần tử chung như: 6; 12; 18;…  - **Bội chung** của hai hay nhiều số là bội của tất cả các số đó.  KH: BC(a,b); BC (a, b, c).  **Thực hành 1:**  a) Đúng  Vì:  B(4) = {0; 4; 8; 12; 16; 20; 24;…}  B(10) = {0; 10; 20; 30; 40; 50;…}  => 20 ∈ BC(4, 10).  b) Sai  Vì:  B(14) = {0; 14; 28; 42; 56;…}  B(18) = {0; 18; 36; 54;…}  => 36 ∉ BC(14, 18).  c) Đúng  Vì:  B(12) = {0; 12; 24; 36; 48; 60; 72; 84;…}  B(18) = {0; 18; 36; 54; 72; 90;…}  B(36) = {0; 36; 72; 108;…}  Nên 72 ∈ BC(12, 18, 36).  **\* Cách tìm bội chung của hai số a và b:**  - Viết tập hợp B(a) và B(b).  - Tìm những phần tử chung của B(a) và B(b).  **Thực hành 2:**  a) B(3) = {0; 3; 6; 9; 12; 15; 18; 21; 24; 27; 30; 33; 36; 39; 42; 45; 48; 51…}      B(4) = {0; 4; 8; 12; 16; 20; 24; 38; 32; 36; 40; 44; 48; 52…}      B(8) = {0; 8; 16; 24; 32; 40; 48; 56; 64; 72; 80;…}  b) M = {0; 12; 24; 36; 48}  c) K = {0; 24; 48} |

**Hoạt động 2: Bội chung nhỏ nhất**

**a) Mục tiêu:**

+ Hình thành khái niệm BCNN và thấy được ý nghĩa của việc tìm BCNN.

+ Gợi cho HS biết mối liên hệ giữa BCNN của hai số a, b và các thừa số nguyên tố chung (nếu có) của chúng.

+ Biết cách tìm BCNN thông qua sự phân tích ra thừa số nguyên tố.

+ Biết cách tìm BC thông qua tìm BCNN.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức và làm được các bài tập ví dụ và thực hành.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV dẫn dắt, cho HS đọc, tìm hiểu đề bài **HĐKP2.**  - GV yêu cầu HS trao đổi, hoàn thành **HĐKP2.**  - GV dẫn dắt, hướng dẫn HS rút ra khái niệm.  - GV cho 1 vài HS đọc hiểu khái niệm và kí hiệu trong SGK.  - GV lưu ý cho HS Nhận xét trong SGK.  - GV phân tích, cho HS đọc hiểu *Ví dụ 3*.  - GV cho HS đọc hiểu Ví dụ 4.  - GV phân tích, hướng dẫn HS cách làm và cho HS tự giải lại Ví dụ 4 vào vở.  - GV yêu cầu HS vận dụng khái niệm hoàn thành **Thực hành 3**.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội dung thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS  . **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Chú ý, thảo luận, phát biểu, trình bày bảng, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính:  **Khái niệm BCNN; Cách tìm bội chung từ BCNN.** | **2. Bội chung nhỏ nhất.**  **HĐKP2:**  - Ta có: B(6) = {0; 6; 12; 18; 24; 30; 36; 42; 48…}               B(8) = {0; 8; 16; 24; 32; 40; 48;…}  => BC(6, 8) = {0; 24; 48…}    Vậy số nhỏ nhất khác 0 trong tập hợp BC(6, 8) là 24  *- Nhận xét:* Số nhỏ nhất khác 0 trong tập hợp bội chung của hai số 6, 8 là bội chung nhỏ nhất của 6, 8.  - Ta có: B(3) = {0; 3; 6; 9; 12; 15; 18; 21; 24; 27; 30; 33; 36; 39…}               B(4) = {0; 4; 8; 12; 16; 20; 24; 38; 32; 36; 40; 44; 48; 52…}               B(8) = {0; 8; 16; 24; 32; 40; 48;…}  => BC(3, 4, 8) = {0; 24; 48;…}    Vậy số nhỏ nhất khác 0 trong tập hợp BC(2, 4, 8) là 24.  *- Nhận xét:* Số nhỏ nhất khác 0 trong tập hợp bội chung của ba số 2, 4, 8 là bội chung nhỏ nhất của 2, 4, 8.  *- Khái niệm:* **Bội chung nhỏ nhất** của hai hay nhiều số là số bé nhất trong tập hợp các bội chung của các số đó.  Kí hiệu: BCNN (a, b); BCNN (a, b, c)  *- Nhận xét:* Tất cả các bội chung của a và b đều là bội của BCNN(a, b). Mọi số tự nhiên đều là bội của 1.  Do đó, mọi a, b N\* ta có:  BCNN ( a, 1) = a; BCNN(a, b, 1) = BCNN(a, b).  *Ví dụ 4:*  Gọi: Số HS của lớp đó là: x ( học sinh, x N\*, x 42)  Theo đề bài => x BC ( 4, 6) = {0; 12; 24; 36; 48;...}  Vì x 42 và x : 5 dư 1 => x = 36  Vậy lớp đó có 36 học sinh  **Thực hành 3:**  B(4) = {0; 4; 8; 12; 16; 20; 24; 28; 32;…}  B(7) = {0; 7; 14; 21; 28; 35;…}  => BCNN(4, 7) = 28  - Ta có: BCNN(4, 7) = 4 . 7 => Hai số 4 và 7 là hai số nguyên tố cùng nhau. |

**Hoạt động 3: Tìm bội chung nhỏ nhất bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố.**

**a) Mục tiêu:**

+ Gợi cho HS biết mối liên hệ giữa BCNN của hai số a, b và các thừa số nguyên tố chung (nếu có) của chúng.

+ Củng cố cách phân tích một số ra thừa số nguyên tố.

+ Biết cách tìm BCNN thông qua sự phân tích ra thừa số nguyên tố.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức và làm được các bài tập ví dụ và thực hành.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS đọc quy tắc trong SGK.  - GV lấy VD, thuyết trình giảng, hướng dẫn cho HS: Tìm BCNN ( 12, 90, 150)  B1: Phân tích các số 12, 90 và 150 ra thừa số nguyên tố, ta được:  12 = 22 . 3  90 = 2. 32  150 = 2. 3. 52  B2: Các thừa số nguyên tố chung và riêng là: 2, 3 và 5  B3: Lập tích các thừa số chung và riêng đã chọn với số mũ lớn nhất của nó: 22. 32. 52.  Vậy BCNN ( 12, 90, 150) = 22. 32. 52 = 900.  - GV cho 1 vài HS rút đọc lại quy tắc tìm BCNN của hai hay nhiều số bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố và nhấn mạnh lại để HS nhớ được các bước làm.  - GV yêu cầu HS đọc hiểu *Ví dụ 5* và cho HS tự lại để nắm được cách làm và cách trình bày.  - GV kiểm tra độ hiểu bài của HS bằng cách tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi hoàn thành **Thực hành 4.**  - GV lưu ý cho HS phần Chú ý và cho HS ghi vở.  - Gv yêu cầu HS vận dụng kiến thức hoàn thành **Thực hành 5**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội dung thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: **Cách tìm BCNN bằng cách phân tích ra thừa số nguyên tố.** | **3. Cách tìm bội chung nhỏ nhất.**  **\* Quy tắc:**  B1: Phân tích mỗi số ra thừa số nguyên tố;  B2: Chọn ra các **thừa số nguyên tố chung và riêng;**  B3: Lập tích các thừa số đã chọn, mỗi thừa số lấy với **số mũ lớn nhất của nó**. Tích đó là BCNN phải tìm.  *Ví dụ 5:* Tìm BCNN của 12, 90 và 150.  12 = 22 . 3  90 = 2. 32  150 = 2. 3. 52  => BCNN ( 12, 90, 150) = 22. 32. 52 = 900.  **Thực hành 4:**  + Tìm BCNN(24, 30)  24 = 2 . 2 . 2 . 3 = 23 . 3   30 = 2 . 3 . 5 = 2 . 3 . 5  => BCNN(24, 30) = 22. 3. 5 = 120  + Tìm BCNN (3, 7, 8)   3 = 3   7 = 7   8 = 23  => Tìm BCNN (3, 7, 8) = 23. 3. 7 = 168  + Tìm BCNN(12, 16, 48)  12 = 22. 3  16 = 24  48 = 24.3  => BCNN(12, 16, 48) = 24.3 = 48  Chú ý:  - Nếu các số đã cho từng đôi một nguyên tố cùng nhau thì BCNN của chúng là tích của các số đó. VD: BCNN(3, 7, 8) = 3. 7. 8 = 168.  - Trong các số đã cho, nếu số lớn nhất là bội của các số còn lại thì BCNN của các số đã cho chính là số lớn nhất ấy. Ví dụ: BCNN(12, 16, 48) = 48  **Thực hành 5:**  BCNN (2, 5, 9) = 2.5.9 = 90  BCNN (10, 15, 30) = 30 |

**Hoạt động 4: Ứng dụng trong quy đồng mẫu các phân số**

**a) Mục tiêu:**

- Vận dunng cách tìm BCNN để quy đồng mẫu hai phân số.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS đọc quy tắc trong SGK và trả lời câu hỏi:  *Muốn quy đồng mẫu số nhiều phân số ta làm như thế nào?*  - GV chốt kiến thức, gọi 1 vài em phát biểu lại Quy tắc trong SGK.  - GV nêu Ví dụ, phân tích cụ thể cho HS dễ hình dung hơn, sau đó cho HS tự lấy ví dụ và thực hiện quy dồng.  - GV yêu cầu HS vận dụng quy tắc hoàn thành **Thực hành 6**.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: **Cách quy đồng mẫu số nhiều phân số.** | **4. Ứng dụng trong quy đồng mẫu các phân số.**  Muốn quy đồng mẫu số nhiều phân số ta có thể làm như sau:  B1: Tìm một bội chung của các mẫu số ( thường là BCNN) để làm mẫu số chung.  B2: Tìm thừa số phụ của mỗi mẫu số ( bằng cách chia mãu số chung cho từng mẫu số riêng).  B3: Nhân tử số và mẫu số của mỗi phân số với thừa số phụ tương ứng.  **Thực hành 6:**  1) Quy đồng mẫu các phân số sau:  a) Có BCNN (12, 30) = 60      b) Có BCNN ( 2, 5, 8) = 40        2) Thực hiện các phép tính sau:  a) Có: BCNN (6, 8) = 24    b) Có: BCNN(24, 30) = 120 |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập:*  **1 + 2+ 4 –** (tr43-44 - SGK ).

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành bài tập và lên bảng trình bày.*

*- HS nhận xét, bổ sung và giáo viên đánh giá tổng kết.*

**Bài 1 :**

a) Ta có:

6 = 2.3

14 = 2.7

=> BCNN(6, 14) = 42

=> BC(6, 14) = {0; 42; 84; 126;…}.

b) Ta có:

6 = 2.3

20 = 22.5

30 = 2. 3. 5

BCNN(6, 20, 30) = 60

=> BC(6, 20, 30) = {0; 60; 120; 180; 240;…}.

c) Vì hai số 1 và 6 là hai số nguyên tố cùng nhau

=> BCNN(1, 6) = 6.

d) Ta có: 10 = 2 . 5

                12 = 22 . 3

=> BCNN(10, 1, 12) = 22 . 3 . 5 = 60.

e) Vì hai số 7 và 14 là hai số nguyên tố cùng nhau

=> BCNN(5, 14) = 5 . 14 = 70

**Bài 2 :**

**a)** A = {0; 48; 96; 144; 192;…}

*- Nhận xét*: Tập hợp BC(12, 16) chính là tập hợp A.

**b)**

**i.** 24 = 23 . 3

  36 = 22 . 32

=> BCNN(24, 36) = 23 . 32 = 72

=> BC(24, 36) = B(72) = {0; 72; 144; 216;…}.

**ii.** 42 = 2 . 3 . 7

    60 = 22 . 3 . 5

=> BCNN(42, 60) = 420

=> BC(42, 60) = B(420) = {0; 420; 840; 1260;…}.

**iii.** 60 = 22 . 3 . 5

    150 = 2 . 3 . 52

=> BCNN(60, 150) = 22 . 3 . 52 = 300

=> BC(60, 150) = B(300) = {0; 300; 600; 900; 1200;…}.

iv. 28 = 22 . 7

     35 = 5 . 7

=> BCNN(28, 35) = 22 . 5 . 7 = 140

=> BC(28, 35) = B(140) = {0; 140; 280; 420; 560;…}.

**Bài 4:**

a) Có: BCNN (15, 10) = 30

b) Có: BCNN (6, 9, 12) = 36

c) Có: BCNN (24, 21) = 168

d) Có: BCNN (36, 24) = 72

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng :* **Bài 5**

**Bài 5 :**

Gọi Số bông sen chị Hòa có là: x ( bông, x N\*, 200 x 300)

Theo bài ra => x BC ( 3, 5, 7)

Ta có: 3 = 3

           5 = 5

           7 = 7

=> BCNN(3, 5, 7) = 3 .5. 7 = 105

=> x BC( 3, 5, 7) = { 0; 105; 210; 315; …}

Mà 200 x 300 => x = 210

Vậy số bông sen chị Hòa có 210 bông.

*- GV cho HS đọc và tìm hiểu thềm phần «***Em có biết***» - SGK – tr44*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

……………………………………………………

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Đọc và ghi nhớ nội dung chính của bài.

- Vận dụng kiến thức làm bài tập  **6 + 7 + 8 (SBT- tr35, 36)**

- Đọc và tìm hiểu trước bài sau: “**Hoạt động thực hành và trải nghiệm”:**

+ Ôn lại nội dung kiến thức về ước, ước chung, ước chung lớn nhất và phép chia hai số tự nhiên.

+Mỗi HS chuẩn bị 1 HCN có chiều dài 28 cm, chiểu rộng 16cm; thước kẻ, bút chì màu.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# TIẾT 21 - BÀI 14: HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

***-*** Biết chia hình chữ nhật thành các ô vuông đều nhau ( kích thước được cho bởi bài toán ƯC, ƯCLN)

- Tìm hiểu về dân số và diện tích của các quốc gia, biết cách tính mật độ dân số và nhận biết xem quốc gia nào có mật độ dân số lớn nhât, nhỏ nhất.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ Vận dụng được kiến thức tìm ước, ước chung, ước chung lớn nhất vào bài thực hành.

+ Vận dụng được kiến thức về phép chia hai số tự nhiên để giải quyết một vấn đề thực tiễn

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, bài giảng, giáo án ppt, phiếu bài tập; phòng máy

**2 - HS** : Đồ dùng học tập; SGK; chuẩn bị cắt trước tấm bìa trắng thành hình chữ nhật có kích thước 28 × 16, kéo, thước kẻ, bút chì màu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

+ Củng cố lại kiến thức cho HS.

+ Gợi mở vấn đề, dẫn dắt vào bài mới.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và thực hiện yêu cầu.

**c) Sản phẩm:** Từ bài toánHS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV hỏi đáp kiến thức cũ nhanh qua các câu hỏi sau:

+ Nêu các bước tìm ƯCLN của hai hay nhiều số tự nhiên.

+ Nêu cách tìm ƯC từ ƯCLN.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS chú ý, nhớ lại kiến thức và giơ tay phát biểu

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

GV mời 1 HS phát biểu đối với mỗi 1 câu hỏi.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài thực hành.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

**Hoạt động 1: Chia hình chữ nhật thành các ô vuông**

**a) Mục tiêu:**

+ Củng cố kiến thức tìm ước, ước chung, ước chung lớn nhất.

+ Vận dụng được kiến thức tìm ước, ước chung, ước chung lớn nhất để thực hiện được các hoạt động theo yêu cầu.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Hình chữ nhật được chia đều thành các ô vuông theo yêu cầu.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV kiểm tra và đánh giá phần chuẩn bị của HS.

- GV hướng dẫn HS thực hiện theo nhóm đôi theo các yêu cầu sau:

+ Tìm ƯCLN(28,16)

+ Sử dụng thước kẻ, bút để chia hết tờ giấy hình chữ nhật đã chuẩn bị thành các hình vuông bằng nhau: mỗi hình vuông có độ dài cạnh bằng ƯCLN ( 28, 16) cm.

+ Tô màu các ô vuông của hình chữ nhật sao cho hai ô liền nhau không cùng màu

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu như hướng dẫn của GV.

- GV: quan sát và trợ giúp HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Hai HS lên bảng tìm ƯCLN(28, 16)

- Sau khi hoàn thành sản phẩm, các nhóm nộp lại cho GV.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá chung quá trình thực hành của các nhóm.

**Hoạt động 2: Tìm hiểu diện tích và dân số của các quốc gia.**

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng được kiến thức về phép chia hai số tự nhiên để giải quyết vấn đề thực tiễn

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK, phiếu bài tập và hoàn thành theo yêu cầu của GV

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành được phiếu bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV cho HS quan sát SGK, phiếu bài tập và cho HS đọc phần **Tiến hành hoạt động**.

- GV hướng dẫn HS tra cứu và tìm kiếm các thông tin về dân số và diện tích của 10 quốc gia trong phiếu bài tập.

- HS hoàn thành yêu cầu của **Hoạt động 2** vào phiếu bài tập dưới sự hướng dẫn của GV.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS chú ý lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành yêu cầu.

- GV: quan sát và trợ giúp HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS hoàn thành phiếu bài tập.

- Sau khi hoàn thành xong bảng, HS giơ tay phát biểu trình bày miệng ( quốc gia có mật độ dân số lớn nhất, nhỏ nhất.)

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá, tổng kết.

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

**Họ và tên : ………………………….**

**Lớp :………**

**TIẾT 21 : HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM**

**PHIẾU BÀI TẬP**

**Tìm hiểu diện tích và dân số quốc gia.**

a = b.q + r trong đó : a là dân số.

b là diện tích

q là mật độ dân số của mỗi quốc gia ( người/km2)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Quốc gia** | **Dân số ( người)** | **Diện tích (km2)** | **q** | **r** |
| 1 | Việt Nam | 96 208 984 | 331 231 | 290 | 151 994 |
| 2 | Nhật Bản |  |  |  |  |
| 3 | Malaysia |  |  |  |  |
| 4 | Hàn  Quốc |  |  |  |  |
| 5 | Philippin |  |  |  |  |
| 6 | Ai Cập |  |  |  |  |
| 7 | Mỹ |  |  |  |  |
| 8 | Nga |  |  |  |  |
| 9 | Thái Lan |  |  |  |  |
| 10 | Pháp |  |  |  |  |

***Kết luận :***

- Quốc gia có mật độ dân số lớn nhất là :

…………………………………………….

- Quốc gia có mật độ dân số nhỏ nhất là :

……………………………………………

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Xem lại nội dung kiến thức toàn bộ các bài trong chương.

- Xem các bài tập : “**Bài tập cuối chương I”**

- Làm trước các bài tập trắc nghiệm và các bài tập tự luận: **1, 2, 3, 4** ( SGK –tr45,46).

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# TIẾT 22+ 23+ 24 : BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG 1

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

***-*** HS củng cố, rèn luyện kĩ năng:

+ Biểu diễn tập hợp.

+ Thực hiện phép toán cộng, trừ, nhân, chia và lũy thừa với số mũ tự nhiên.

+ Vận dụng tính chất chia hết của một tổng.

+ Vận dụng dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 3; 9.

+ Tìm các ước và bội.

+ Phân tích một số tự nhiên nhỏ thành tích các thừa số nguyên tố theo sơ đồ cây và sơ đồ cột.

+ Tìm ƯCLN, BCNN bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố.

+ Tìm ƯC, BC thông qua ƯCLN, BCNN.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

**+** Nâng cao kĩ năng giải toán.

+ Gắn kết các kĩ năng bài học lại với nhau.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS tính độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, giáo án tài liệu, 5 bút dạ ( gốm 1 đỏ và 4 xanh hoặc đen)

**2 - HS** : SGK; đồ dùng học tập, giấy A1 theo tổ.

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS củng cố lại kiến thức từ đầu chương tới giờ.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và trả lời

**c) Sản phẩm:** Nội dung kiến thức từ bài 1 ->bài 13.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chia lớp thành 4 nhóm hoạt động theo kĩ thuật khăn trải bàn và tổng hợp ý kiến vào giấy A1 thành sơ đồ tư duy theo các yêu cầu như sau:

+ Nhóm 1: Hai cách mô tả một tập hợp và ví dụ; Các phép toán cộng, trừ, nhân, chia; các tính chất và lũy thừa với số mũ tự nhiên.

+ Nhóm 2: Chia hết và chia có dư; Tính chất chia hết của một tổng; Dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 3, 9 và ví dụ

+ Nhóm 3: Khái niệm ước và bội; Cách tìm ước và bội; Khái niệm số nguyên tố, hợp số, phân tích một số ra thừa số nguyên tố và các cách phân tích một số ra thừa số nguyên tố.

+ Nhóm 4: Khái niệm ước chung, ước chung lớn nhất, bội chung, bội chung nhỏ nhất; Các bước tìm ƯCLN, BCNN bằng cách phân tích ra thừa số nguyên tố; Cách tìm ƯC, BC thông qua ƯCLN, BCNN.

( Tùy cách chia của mỗi GV)

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS chú ý , thảo luận nhóm hoàn thành yêu cầu.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Sau khi hoàn thành thảo luận: Các nhóm treo phần bài làm của mình trên bảng và sau khi tất cả các nhóm kết thúc phần thảo luận của mình GV gọi bất kì HS nào trong nhóm đại diện trình bày.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của các nhóm HS, trên cơ sở đó cho các em hoàn thành bài tập.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS trình bày miệng chữa bài tập trắc nghiệm :***Câu 1** *->* **Câu 6.**

**1. C ; 2. C ; 3. D; 4.C ; 5.D ; 6.C.**

*- GV yêu cầu HS chữa các bài tập* **1, 2, 3, 7** *( SGK-tr46)*

**Bài 1 :**

**a)** A = 37 . 173 + 62 . 173 + 173

        = 173 . (37 + 62 + 1)

        = 173 . 200

        = 17 300

**b)** B = 72 . 99 + 28 . 99 – 900

       = 99 . (72 + 28) – 900

       = 9 900 – 900

       = 9 000

**c)** C = 23 . 3 – (110 + 15) : 42

       = 8 . 3 – (1 + 15) : 42

       = 8 . 3 – 16 : 42

       = 8 . 3 –  1

       = 8 . 3 – 1

       = 23

**d)** D = 62 : 4 . 3 + 2 . 52 – 2100.

        = 36 : 4 . 3 + 2 . 25 - 1

        = 27 + 50 – 1

        = 76

**Bài 2:**

**a)**  chia hết cho 2 và 5 khi chữ số tận cùng của nó là 0

=> y = 0

 chia hết cho 3 khi tổng các chữ số của nó cũng chia hết cho 3

Nên 1 + 2 + x + 0 + 2 + 0 ⋮ 3

=> x + 5 ⋮ 3 và 0 ≤ x ≤ 9

=> x ∈ {1; 4; 7}

Vậy để  chia hết cho 2; 3 và 5 thì **y = 0** và **x ∈ {1; 4; 7}.**

**b)**  chia hết cho 5 mà không chia hết cho 2 khi chữ số tận cùng của nó là 5

=> y = 5

chia hết cho 9 khi tổng các chữ số của nó cũng chia hết cho 9

Nên 4 + 1 + 3 + x + 2 + 5 ⋮ 3

=> x + 15 ⋮ 9 và 0 ≤ x ≤ 9

=> x = 3

Vậy để  chia hết cho 5 và 9 mà không chia hết cho 2 thì **y = 5** và **x = 3.**

**Bài 3 :**

**a)** Theo đề bài: 84 a và 180 a => a ∈ ƯC(84, 180) và a > 6.

Ta có: 84 = 22 . 3 . 7

           180 = 22 . 32 . 5

ƯCLN(84, 180) = 22 . 3

=> a ∈ ƯC(84, 180) = Ư(12) = {1; 2; 3; 4; 6; 12}

Mà a > 6.

=> a = 12

Vậy A = {12}.

**b)** Vì b 12, b 15, b 18 nên b ∈ BC(12, 15, 18) và 0 < b < 300

Ta có: 12 = 22 . 3

           15 = 3 . 5

           18 = 2 . 32

=> BCNN(12, 15, 18) = 22 . 32 . 5 = 180

=> b ∈ BC(12, 15, 18) = B(180) = {0; 180; 360;…}

Mà  0 < b < 300

=> b = 180

Vậy B = {180}.

**Bài 7:**

**a)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| a | 8 | 24 | 140 |
| b | 10 | 28 | 60 |
| ƯCLN(a, b) | 2 | 4 | 20 |
| BCNN(a, b) | 40 | 168 | 420 |
| ƯCLN(a, b) . BCNN(a, b) | 80 | 672 | 8 400 |
| a.b | 80 | 672 | 8 400 |

**b)** Nhận xét: Từ bảng trên ta thấy:

a . b = ƯCLN(a, b) . BCNN(a, b)

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành bài tập và lên bảng trình bày.*

*- HS nhận xét, bổ sung và giáo viên đánh giá tổng kết.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng :* **Bài 4+ 5+ 6+ 8 ( SGK –tr46,47)**

**Bài 4 :**

Số tiền lớp 6A bỏ ra để nhập hàng là:

100 . 16 500 + 70 . 9 800 = 2 336 000 (đồng)

Số tiền lớp 6A bán được là:

93 . 20 000 + 64 . 15 000 = 2 820 000 (đồng)

Số tiền lãi lớp 6A thu được là:

2 820 000 - 2 336 000 = 484 000 (đồng) < 500 000 (đồng)

Vậy: Với mục tiêu số tiền lãi thu được là 500 000 đồng thì lớp 6A **không hoàn thành** mục tiêu đã đề ra.

**Bài 5 :**

Lần 1: Phân chia thành 2 tế bào con

Lần 2: Phân chia thành 4 tế bào con => 4 = 22

Lần 3: Phân chia thành 8 tế bào con => 8 = 23

=> Ta nhận thấy các tế bào phân chia theo lũy thừa của cơ số 2.

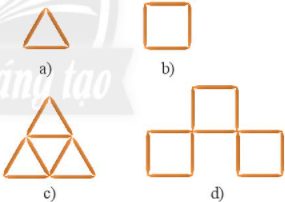
Vậy:

Số tế bào con có được sau lần phân chia thứ tư là: 24 = **16** tế bào

Số tế bào con có được sau lần phân chia thứ năm là: 25 = **32** tế bào

Số tế bào con có được sau lần phân chia thứ sáu là: 26 = **64** tế bào.

**Bài 6:**



a) Ở trường hợp a, Huy dùng 3 que tăm để xếp được 1 hình.

Vậy với 36 que tăm thì Huy xếp được số hình là: 36 : 3 = **12** hình.

b) Ở trường hợp b, Huy dùng 3 que tăm để xếp được 1 hình.

Vậy với 36 que tăm thì Huy xếp được số hình là: 36 : 4 = **9** hình.

c) Ở trường hợp c, Huy dùng 9 que tăm để xếp được 1 hình.

Vậy với 36 que tăm thì Huy xếp được số hình là: 36 : 9 = **4** hình.

d) Ở trường hợp d, Huy dùng 12 que tăm để xếp được 1 hình.

Vậy với 36 que tăm thì Huy xếp được số hình là: 36 : 12 = **3** hình.

**Bài 8:**

Gọi: Số lượng túi quà nhiều nhất mà nhóm có thể chia được là: x ( túi, x N\*)

Theo đề bài => x = ƯCLN( 48, 32, 56)

48 = 24.3

32 = 25

56 = 23.7

* ƯCLN( 48, 32, 56) = 23 = 8

Vậy số lượng túi quà nhiều nhất mà nhóm có thể chia được là : 8 túi.

Khi đó, số lượng vở trong mỗi túi là : 48 : 8 = 6 ( quyển)

số lượng thước kẻ trong mỗi túi là : 32 : 8 = 4 ( chiếc)

số lượng bút chì trong mỗi túi là : 56 : 8 = 7 (chiếc)

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể)  - Đánh giá đồng đẳng: HS tham gia vào việc đánh giá sản phẩm học tập của các HS khác | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS.  - Phương pháp thuyết trình | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận.  - Sơ đồ tư duy |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

……………………………………………………

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại nội dung kiến thức đã học.

- Hoàn thành nốt các bài tập còn thiếu trên lớp và làm nốt Bài 9 (SGK - tr 47)

- Xem trước nội dung chương mới và đọc trước bài mới “ **Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên”**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**CHƯƠNG 2: SỐ NGUYÊN**

# TIẾT 25 + 26 + 27 – BÀI 1: SỐ NGUYÊN ÂM VÀ TẬP HỢP CÁC SỐ NGUYÊN

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Nhận biết được số nguyên âm, số nguyên dương, tập hợp các số nguyên và ý nghĩa của chúng trong đời sống thực tế.

- Nhận biết được số đối của một số nguyên.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

**+** Đọc và viết được số nguyên dương và số nguyên âm trong các ví dụ thực tiễn

+ Mô tả được tập hợp số nguyên và biết cách biểu diễn số nguyên không quá lớn trên trục số.

+ Tìm số đối của một số nguyên.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học; năng lực giao tiếp toán học.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** PPT trình chiếu hoặcmột số đồ vật hoặc tranh ảnh có số nguyên âm ( số âm nói chung) và các dụng cụ vẽ hình ( để vẽ trục số).

**2 - HS** : Đồ dùng học tập; SGK, có thể tìm hiểu trước số nguyên âm và số âm nói chung.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Gợi động cơ hứng thú học tập.

- HS nhận biết ban đầu về số âm và số dương và thấy nó xuất hiện trong những hình ảnh, đồ vật, bản tin trong đời sống.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK, hình ảnh trên màn chiếu .

**c) Sản phẩm:** Từ bài toánHS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV cho HS đọc và trả lời câu hỏi phần HĐKĐ trong SGK.

- GV chiếu hình ảnh và giới thiệu “ Đồng hồ đo nhiệt độ trong phòng”, “Nhiệt kế thủy ngân vàng” và đặt vấn đề: Các em thấy ngoài các số quen thuộc như số tự nhiên 10, 20, 30 là những số dương, còn có các số với dấu “-”đứng trước, đó là các số âm. Vậy số âm có ý nghĩa gì trong đời sống và có quan hệ như thế nào với các số đã học?”

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Từ các ví dụ trên chúng ta sẽ đi tìm hiểu rõ hơn về tập hợp số nguyên.”

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Làm quen với số nguyên âm**

**a) Mục tiêu:**

- HS nhận biết số nguyên âm, biết cách đọc, viết và thấy được sự cần thiết phải xây dựng tập hợp số nguyên âm để thực hiện được phép trừ hai số tự nhiên tùy ý.

- HS nhận biết ý nghĩa số âm trong một số tình huống thực tế.

**b) Nội dung:** HS quan sát hình ảnh trên màn chiếu và SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:**

+ HS nhận biết và đọc viết được số nguyên âm, số nguyên dương.

+ HS hoàn thành được phần ví dụ và thực hành.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS đọc, sau đó hướng dẫn và cho HS trao đổi nhóm đôi thực hiện hoàn thành các yêu cầu của **HĐKP1.**  - GV giảng, phân tích, dẫn dắt cho HS rút ra khái niệm số nguyên âm.  - GV cho HS đọc hiểu Ví dụ 1 để học sinh rõ hơn về cách đọc số nguyên âm.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS quan sát SGK và trả lời theo yêu cầu của GV  - GV: quan sát và trợ giúp các nhóm.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Lắng nghe, ghi chú, phát biểu  - HS nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại dấu hiệu nhận biết số nguyên âm và cách đọc số nguyên âm. | **1. Làm quen với số nguyên âm**  **HĐKP1:**  a) – Các chỉ số nhiệt độ ở trên mực 0: 10 độ C, 20 độ C, 30 độ C, 40 độ C, 50 độ C      – Các chữ số nhiệt độ ở dưới mực 0 có mang dấu âm ( - ).  b) Các bậc thang có mang dấu trừ nằm ở dưới mực nước biển.  c) Những phép tính thực hiện được trên tập hợp số tự nhiên là 2 - 5.  **=> Số nguyên âm** được ghi như sau: -1; -2; -3; … và được đoc là: âm một, âm hai, âm ba,…  **Thực hành 1:**  **-4oC :** Âm bốn độ xê.  **-10oC:** Âm mười độ xê.  **-23oC:** Âm hai ba độ xê. |

**Hoạt động 2: Tập hợp số nguyên**

**a) Mục tiêu:**

- HS ôn lại tập hợp số tự nhiên và làm quen với tập hợp các số nguyên; biết cách đọc, viết số nguyên.

- Củng cố lại cách dùng kí hiệu và .

- Vận dụng kiến thức vừa học vào thực tiễn, áp dụng kiến thức liên môn, vận dụng tổng hượp các kĩ năng thông qua việc:

+ Tính tiền lãi hoặc lỗ trong mua bán.

+ Tính các độ cao trên hoặc dưới mực nước biển của nhà giàn.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc, trao đổi **HĐKP2.**  - GV dẫn dắt, giới thiệu cho HS:  + Các số tự nhiên khác 0 còn được gọi là số nguyên dương .  + Số nguyên dương có thể được viết là: +1;+2;+3;… hoặc thông thường bỏ đi dấu “+” và chỉ ghi là: 1; 2; 3;…  + Các số -1; -2; -3;… là các số nguyên âm.  + Số 0 không phải là số nguyên âm và cũng không phải là số nguyên dương.  - GV cho 1 vài HS đọc lại nội dung trong SGK về khái niệm, kí hiệu tập số nguyên.  - GV yêu cầu HS hoàn thành **Thực hành 2.**  - GV cho HS đọc nội dung mở rộng trong SGK (tr50,51) và phân tích thêm cho HS hiểu sự cần thiết của số nguyên trong thực tiễn.  - HS đọc hiểu Ví dụ 3.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi hoàn thành **Thực hành 3.**  - GV cho HS trao đổi, thảo luận hoàn **Vận dụng**.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - GV giảng, phân tích.  - HS chú ý lắng nghe hoàn thành các yêu cầu dưới sự hướng dẫn của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **-** HS chú ý lắng nghe, giơ tay phát biểu và trình bày miệng tại chỗ; HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV : kiểm tra, chữa và nêu kết quả.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức. | | **2. Tập hợp số nguyên**  **\* HĐKP2:**  = { …; -4; -3; -2; -1; 0; 1; 2; 3;…} là tập hợp gồm các số tự nhiên và số đối của số tự nhiên.  => Tập hợp gồm các số nguyên âm, số 0 và số nguyên dương được gọi là **tập hợp số nguyên.**  Kí hiệu:  = { …; -4; -3; -2; -1; 0; 1; 2; 3;…}  **Thực hành 2:**  a) -4 => Đúng  b) 5 => Đúng  c) 0 => Đúng  d) -8 => Sai. Vì -8  e) 6 => Đúng  g) 0 => Đúng  **Thực hành 3:**  - Độ cao của đỉnh Phan – xi – băng là **3 143** m.  - Độ sâu của đáy vịnh Cam Ranh là **- 32** m.  - Độ cao của đỉnh Everest là **8 848** m.  - Độ sâu của đáy khe Mariana là **– 10 994** m.  - Độ sâu của đáy sông Sài Gòn là **– 20**m.  **Vận dụng:**  a) Các số nguyên chỉ số tiền lãi là: **200** (nghìn đồng); **180** (nghìn đồng); **140** (nghìn đồng).      Các số nguyên chỉ số tiền lỗ là:**- 50** (nghìn đồng); **- 80** (nghìn đồng).      Số nguyên chỉ số tiền hòa vồn là: **0** (nghìn đồng).  b) Các số nguyên chỉ độ cao của hệ thống nhà giàn là:  - 15m; -9m; -4m; 8m; 18m; 25m. |

**Hoạt động 3: Biểu diễn số nguyên trên trục số**

**a) Mục tiêu:**

+ HS nhớ lại được tia số và thứ tự của các số tự nhiên.

+ Tìm hiểu về biểu diễn các số trên trục số

+ Luyện kĩ năng vẽ trục số và biểu diễn các số nguyên trên trục số đó.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS thực hiện **HĐKP3** theo yêu cầu sau:  *+ Vẽ một đường thẳng nằm ngang, trên đó đánh dấu các điểm cách đều nhau như trong hình.*  *+ Chọn một điểm để ghi số 0 và gọi đó là điểm 0, các điểm bên phải điểm 0 biểu diễn các số nguyên dương và được ghi là 1; 2; 3; … Các điểm bên trái điểm 0 biểu diễn các số nguyên âm và được ghi là -1; -2; -3;..*  - GV vẽ hình, giảng và phân tích về trục số biểu diễn tập hợp các số nguyên.  - GV cho 1, 2 HS đọc lại nội dung trong SGK.  - GV yêu cầu HS áp dụng hoàn thành **Thực hành 4.**  - Gv lưu ý cho HS:  Ta cũng có thể vẽ trục số thẳng đứng. Khi đó, chiều từ dưới lên trên là chiều dương, chiều từ trên xuống dưới là chiều âm của trục số.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS hoàn thành yêu cầu dưới sự hướng dẫn của GV.  - GV: quan sát, giảng, phân tích, lưu ý và trợ giúp nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS chú ý lắng nghe, hoàn thành các yêu cầu vào vở.  - 2HS lên bảng vẽ trục số.  - GV : kiểm tra, chữa và nêu kết quả.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức. | **3. Biểu diễn số nguyên trên trục số**  **HĐKP3:**    - Hình biểu diễn các số nguyên như trên gọi là **trục số**.  - Điểm 0 ( không) được gọi là **điểm gốc** trục số.  - Chiều từ trái sang phải gọi là **chiều dương**, chiều từ phải sang trái gọi là **chiều âm** của trục số.  - Điểm biểu diễn số nguyên a trên trục số gọi là điểm a.  **Thực hành 4:**    *\* Chú ý:* Ta cũng có thể vẽ trục số thẳng đứng.    Khi đó, chiều từ dưới lên trên là chiều dương, chiều từ trên xuống dưới là chiều âm của trục số. |

**Hoạt động 4 : Số đối của một số nguyên**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS nhận biết số đối của một số nguyên, đặc điểm cơ bản của hai số nguyên đối nhau.

- Biết cách tìm số đối của một số nguyên.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn, yêu cầu HS hoàn thành **HĐKP4**.  - GV dẫn dắt, cho HS rút ra khái niệm hai số đối nhau.  - GV yêu cầu 1, 2 HS đọc lại khái niệm hai số đối nhau trong SGK.  - GV cho HS đọc hiểu Ví dụ 5.  - GV lưu ý cho HS phần Chú ý.  - GV yêu cầu HS vận dụng hoàn thành **Thực hành 5**.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS hoàn thành yêu cầu dưới sự hướng dẫn của GV.  - GV: quan sát, giảng, phân tích, lưu ý và trợ giúp nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS chú ý lắng nghe, giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ.  - GV : kiểm tra, chữa và nêu kết quả.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức. | **4. Số đối của một số nguyên.**  **HĐKP4:**    Trên trục số, mỗi điểm -6; 6 cách điểm 0: sáu đơn vị.  => Hai số nguyên trên trục số nằm ở hai phía của điểm 0 và cách đều điểm 0 được gọi là **hai số đối nhau.**  ***\* Chú ý:***  - Số đối của số nguyên dương là một số nguyên âm.  - Số đối của một số nguyên âm là một số nguyên dương.  - Số đối của 0 là 0.  **Thực hành 5:**  Số đối của **5** là **– 5**.  Số đối của**- 4** là **4**.  Số đối của **- 10** là **10**.  Số đối của **2 020** là **– 2 020**. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập bài 2 ; 3 ; 4 ; 6 ( SGK – tr53, 54)*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận và hoàn thành vở.*

**Bài 2 :**

a) 9 => Đúng

b) -6 => Sai. Vì -6

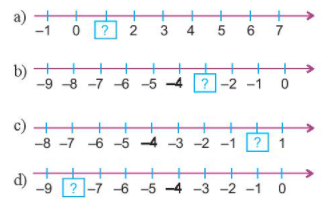
c) -3 => Đúng

d) 0 => Đúng.

e) 5 => Đúng

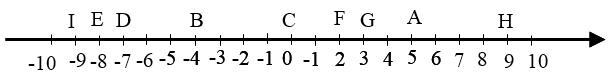
g) 20 => Đúng

**Bài 3:**



a) 1 ; b) -3 ; c) 0 ; d) -8

**Bài 4:**



**Bài 6:**

Số đối của**– 5** là **5**.

Số đối của **– 10** là**10**.

Số đối của **4** là **- 4**.

Số đối của **0** là**0.**

Số đối của **– 100** là **100**.

Số đối của **2 021** là **– 2 021**

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức, làm các bài tập vận dụng.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập* ***bài******1 ; 5*** *( SGK – tr53, 54)*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận, hoàn thành vở và trình bày.*

**Bài 1**:

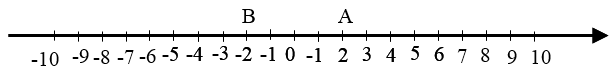
a) Thưởng 5 điểm trong cuộc thi đấu ; +5

b) Bớt 2 điểm vi phạm luật : -2

c) Tăng 1 bậc lương do làm việc hiệu quả : +1

d) Hạ 2 bậc xếp loại do thi đấu kém : -2

**Bài 6 :**



Những điểm A, B nằm cách điểm 0 hai đơn vị biểu diễn các số nguyên **2** và **– 2**.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

  **Đồng hồ đo nhiệt độ trong phòng Nhiệt kế thủy ngân vàng**

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ghi nhớ kiến thức đã học, tự lấy được các ví dụ về số nguyên.

- Vận dụng hoàn thành các bài tập: **1+ 2+ 6 + 7** (SBT- tr46, 47).

- Chuẩn bị bài mới “ **Thứ tự trong tập hợp số nguyên**”.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# TIẾT 28 + 29 – BÀI 2: THỨ TỰ TRONG TẬP HỢP SỐ NGUYÊN

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Nhận biết được thứ tự trong tập hợp số nguyên.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ So sánh được hai số nguyên.

+ Vận dụng được việc sắp thứ tự các số nguyên trong các môn học hoặc trong một số tình huống thực tiễn.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học; năng lực giao tiếp toán học.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, Tài liệu giáo án, giáo án ppt

**2 - HS** : Đồ dùng học tập; SGK.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Gây sự chú ý của HS vào chủ đề bài học.

- HS hình thành nhu cầu so sánh hai số nguyên.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK, hình ảnh trên màn chiếu .

**c) Sản phẩm:** Từ bài toánHS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chiếu Slide hoặc cho HS quan sát SGK đọc và trả lời câu hỏi phần **HĐKĐ1** trong SGK:

“Nhiệt độ trung bình trong tháng Một tại hai địa điểm: Vostok ( Vô –xtốc) và Ottawa ( Ốt - ta - oa) lần lượt là -31oC và -7oC. Theo em, trong tháng Một, nơi nào lạnh hơn?”

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS trao đổi, thảo luận hoàn thành câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “ Làm thế nào để so sánh số nguyên âm?”

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: So sánh hai số nguyên**

**a) Mục tiêu:**

- Tìm hiểu về biểu diễn các số trên trục số và biết so sánh hai số nguyên qua vị trí điểm biểu diễn của chúng trên trục số.

- Luyện kĩ năng so sánh hai số nguyên và vận dụng quy tắc so sánh hai số nguyên vào tình huống thực tế.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK,tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:**

HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV vẽ hình, nhắc lại kiến thức cũ và dẫn dắt:  Cho hai số tự nhiên a và b. Ta đã biết trên tia số nếu điểm a nằm trước điểm b thì a < b. Đối với số nguyên, điều đó còn đúng hay không?  - GV vẽ hình, giảng và phân tích về trục số biểu diễn tập hợp các số nguyên.  b  a  0  - GV cho một vài HS đọc nội dung kiến thức trong SGK.  - GV cho HS đọc hiểu Ví dụ 1.  - GV lưu ý cho HS phần Nhận xét như trong SGK.  - GV yêu cầu HS vận dụng quy tắc so sánh hoàn thành phần **Thực hành.**  - GV cho HS trao đổi, thảo luận hoàn thành **Vận dụng 1**.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS quan sát SGK, chú ý lắng nghe và hoàn thành theo yêu cầu của GV  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Lắng nghe, ghi chú, phát biểu  - HS nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá quá trình học tập và chốt kiến thức. | **1. So sánh hai số nguyên**  **HĐKP1:**  Trong tháng Một, Ottawa lạnh hơn. Bởi vì – 37 < - 7 (nhiệt độ ở Ottawa là – 37 oC thấp hơn nhiệt độ ở Vostok là – 7oC.  => **Khi biểu diễn hai số nguyên a, b trên trục số nằm ngang, nếu điểm a nằm bên trái điểm b thì ta nói a nhỏ hơn b hoặc b lớn hơn a và ghi là: a < b hoặc b > a.**  b  a  0  *\* Nhận xét*:  - Mọi số nguyên dương đều lớn hơn số 0.  - Mọi số nguyên âm đều nhỏ hơn số 0.  - Mọi số nguyên âm đều nhỏ hơn bất kì số nguyên dương nào.  - Với hai số nguyên âm, số nào có số đối lớn hơn thì số đó nhỏ hơn.  **Thực hành:**  a) – 10 < - 9  b) 2 > - 15  c) 0 > - 3  **Vận dụng 1:**  Trong ba số nguyên đã cho thì:  a là số nguyên dương  b là số nguyên âm  c bằng 0. |

**Hoạt động 2: Thứ tự trong tập hợp số nguyên**

**a) Mục tiêu:**

- Luyện kĩ năng so sánh hai số nguyên và vận dụng kĩ năng so sánh số nguyên âm vào một tình huống thực tế.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc, trao đổi và làm **HĐKP2.**  - GV phân tích và cho HS đọc hiểu và trình bày lại *Ví dụ 2.*  - GV cho HS trao đổi, hoàn thành **Vận dụng 2.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, hoàn thành các yêu cầu dưới sự hướng dẫn của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **-** HS giơ tay phát biểu và trình bày miệng tại chỗ; HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV : kiểm tra, chữa và nêu kết quả.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức. | **2. Tập hợp số nguyên**  **\* HĐKP2:**  Thứ tự tăng dần của các số: - 5 < - 2 < 0 < 2 < 4.  *Ví dụ 2:*  Năm 2560 TCN viết dưới dạng số nguyên là -2560  Năm 2018 viết dưới dạng số nguyên là 2018.  Có: -2560 < 2018  => Công trình xây dựng kim tự tháp Kheops, Ai Cập được hoàn thành trước.  **Vận dụng 2:**  Vì: - 180 (m) > - 1 000 (m) > - 4 000 (m) > - 6 000 (m)  Nên ta sắp xếp các sinh vật biển theo thứ tự giảm dần của độ cao của môi trường sống như sau: Cá cờ xanh (Blue marlin); Cá hố (Ribbon fish); Cá đèn (Lantern fish); Sao biển (Brittle fish). |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập bài 1 ;2 ; 3 ; 4  ( SGK – tr58)*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận và hoàn thành vở.*

**Bài 1 :**

a) 6**>** 5

b) – 5 **<** 0

c) – 6 **<** 5

d) – 8 **<** -6

e) 3 **>** - 10

g) – 2 **>** - 5.

**Bài 2:**

Số đối của –**5** là **5**.

Số đối của –**4** là **4**.

Số đối của **– 1** là **1**.

Số đối của **0** là **0**.

Số đối của **10** là **– 10**.

Số đối của **– 2 021** là **2** **021**.

**Bài 3:**

Sắp xếp theo thứ tự tăng dần: - 8 < - 6 < - 4 < - 2 < 0 < 2 < 4 < 6 < 8.

Biểu diễn trên trục số:



**Bài 4:**

**a)** A = {- 3; - 2}

**b)** B = {- 1; 0; 1; 2}

**c)** C = {- 2; -1}

**d)** D = {0; 1; 2; 3; 4; 5}

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức, làm các bài tập vận dụng.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập* ***bài 5*** *( SGK – tr56)*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận, hoàn thành vở và trình bày.*

**Bài 5:**

Sắp xếp theo thứ tự từ thấp đến cao nhiệt độ như sau: –51 oC < -15 oC < –2 oC < 8 oC < 12 oC.

Vậy các địa điểm có nhiệt độ theo thứ tự từ thấp đến cao lần lượt là: Alaska (A-la-xca); New York (Niu Oóc); Montana (Mon– ta–na); Florida (Phlo-ra-đa); Hawaii (Ha–oai).

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ghi nhớ kiến thức đã học.

- Vận dụng hoàn thành các bài tập: **2+ 4** (SBT- tr 49).

- Chuẩn bị bài mới “ **Phép cộng và phép trừ số nguyên**”.

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# TIẾT 30 + 31 + 32 + 33 + 34 + 35 :

# BÀI 3: PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ HAI SỐ NGUYÊN

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Nhận biết được các quy tắc cộng, trừ số nguyên.

- Nhận biết được tính chất của phép cộng số nguyên.

- Nhận biết được số đối của một số nguyên.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ Thực hiện được các phép cộng trong tập hợp số nguyên.

+ Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng các số nguyên trong tính toán.

+ Thực hiện được các phép trừ trong tập hợp số nguyên.

+ Có kĩ năng chuyển được phép trừ sang phép cộng với số đối trong tính toán.

+ Giải được một số bài toán liên quan đến cộng và trừ số nguyên có nội dung thực tiễn.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học; năng lực giao tiếp toán học.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:**  Chuẩn bị vẽ sẵn ( trên giấy hoặc tệp trình chiếu) hình minh họa một số phép toán sẽ sử dụng trong bài.

**2 - HS** : Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập cá nhân, đọc lại vấn đề biểu diễn số nguyên trên trục số và minh họa phép cộng số tự nhiên bằng tia số.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

+ Giúp HS nhận thức nhu cầu sử dụng các phép tính cộng, trừ số nguyên. HS hiểu bài toán mở đầu dẫn đến phép cộng hai số âm (-3) + (-5).

+ Gây hứng thú và gợi động cơ học tập cho HS.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và trả lời

**c) Sản phẩm:** Từ bài toánHS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV đặt vấn đề qua bài toán mở đầu “ Nhiệt độ ban ngày ở Sapa vào một ngày mùa dông là -3oC . Nếu ban đêm giảm thêm 5oC nữa thì nhiệt độ ở đó sẽ là bao nhiêu?”

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS chú ý, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Bài toán mở đầu dẫn đến phép cộng hai số âm (-3) + (-5). Để biết cách tính kết quả chính xác tổng của hai số nguyên trên, cũng như hiểu rõ hơn về các tính chất của phép cộng, phép trừ, chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay?” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Cộng hai số nguyên cùng dấu**

**a) Mục tiêu:**

+ Tìm hiểu về cách cộng hai số nguyên bằng cách biểu diễn trên trục số.

+ Hình thành kĩ năng cộng hai số nguyên.

+ Củng cố ý nghĩa số nguyên âm và kĩ năng cộng hai số nguyên âm trong bài toán thực tế.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS đọc, tìm hiểu đề **HĐKP1.**  - GV phân tích, hướng dẫn, yêu cầu HS trao đổi, hoàn thành **HĐKP1.**  - GV dẫn dắt, đi đến quy tắc cộng hai số nguyên cùng dấu trong hộp kiến thức.  - GV cho 1 số HS đọc lại quy tắc.  - GV phân tích, nhấn mạnh cho HS:  **Tổng của hai số nguyên cùng dấu luôn cùng dấu với hai số nguyên đó:**  + Tổng của hai số nguyên âm là một số nguyên âm:  **(-a) + (-b) = - (a +b)**  + Tổng của hai số nguyên dương là một số nguyên dương:  **(+a) + (+b) = a + b**  - GV hướng dẫn, phân tích *Ví dụ 1* để HS hiểu rõ quy tắc.  - GV yêu cầu HS trao đổi, hoàn thành **Vận dụng 1.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.  HS nhận xét, bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại: **Quy tắc cộng hai số cùng dấu.** | **1. Cộng hai số nguyên cùng dấu**  **HĐKP1:**  a) Kết quả của hành động trên là:  (+2) + (+3) = +5    b) Kết quả của hành động trên là:  (-2) + (-3) = -5    - Kết quả trên cho thấy điểm mà người đó dừng lại bằng với số đối của tổng (2+3).  =>  - Muốn **cộng hai số nguyên dương**, ta cộng chúng như cộng hai số tự nhiên.  - Muốn **cộng hai số nguyên âm**, ta cộng hai số đối của chúng rồi thêm dấu trừ đằng trước kết quả.  - Tổng của hai số nguyên cùng dấu luôn cùng dấu với hai số nguyên đó.  *Chú ý:*  Cho a, b là hai số nguyên dương, ta có:  (+a) + (+b) = a + b  (-a) + (-b) = - (a +b)  **Thực hành 1:**  a) 4 + 7 = 11  b) (-4) + (-7) = - (4+7) = -11  c) (-99) + (-11) = - (99+11) = -110  d) (+99) + (+11) = + (99+11) = 110  e) (-65) + (-35) = - (65 + 35) = -100  **Vận dụng 1:**  Bác Hà nợ bác Lan 80 nghìn đồng được biểu diễn: -80 (nghìn đồng)  Bác Hà nợ bác Lan 40 nghìn đồng được biểu diễn: -40 (nghìn đồng)  => Tổng số tiền bác Hà nợ bác Lan là:  (-80) + (-40) = **-120** (nghìn đồng) |

**Hoạt động 2: Cộng hai số nguyên khác dấu**

**a) Mục tiêu:**

+ Củng cố kĩ năng tìm số đối.

+ Tìm hiểu về cách cộng hai số nguyên khác dấu bằng cách biểu diễn trên trục số.

+ Hiểu quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu và vận dụng vào bài toán thực tế.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **\* Cộng hai số đối nhau:**  - GV yêu cầu HS nhắc lại khái niệm hai số đối nhau.  - GV cho HS đọc, phân tích đề bài **HĐKP2**.  - GV yêu cầu HS trao đổi, thảo luận nhóm hoàn thành **HĐKP2**  - GV cho HS nhận xét, rút ra kiến thức: **Tổng hai số nguyên đối nhau luôn bằng 0** : **a + (-a) = 0**  - GV yêu HS thảo luận nhóm đôi hoàn thành **Vận dụng 2.**  **\* Cộng hai số nguyên không đối nhau:**  - GV yêu cầu HS thực hiện thảo luận cặp đôi hoàn thành **HĐKP3.**  - GV cho HS rút ra quy tắc **Cộng hai số nguyên không đối nhau** như trong SGK.  - GV yêu cầu một vài HS phát biểu lại quy tắc.  - GV lưu ý cho HS:  Khi cộng hai số nguyên trái dấu:  + Nếu số dương lớn hơn số đối của số âm thì ta có tổng dương.  + Nếu số dương bằng số đối của số âm thì ta có tổng bằng 0.  + Nếu số dương bé hơn số đối của số âm thì ta có tổng âm.  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm bốn đọc hiểu *Ví dụ 2* và *Ví dụ 3* để hình dung rõ về quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu*.*  - GV yêu cầu HS vận dụng quy tắc hoàn thành **Thực hành 2,** 2 HS lên bảng trình bày.  - GV cho HS thảo luận nhóm làm **Vận dụng 3.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, trình bày bảng, hoàn thành vở.  + HS nhận xét, bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại: ***Quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu.*** | **2. Cộng hai số nguyên khác dấu**  **\* Cộng hai số đối nhau**  **HĐKP2:**  a) Người đó dừng lại tại điểm 0.    - Kết quả của phép tính: (+4) + (-4) = 0.  b) Người đó dừng lại tại điểm 0.    - Kết quả của phép tính: (-4) + (+4) = 0.  **=> Tổng của hai số nguyên đối nhau luôn luôn bằng 0: a + (-a) = 0**  **Vận dụng 2:**  Thẻ tín dụng của bác Tám ghi nợ 2 000 000 đồng được biểu diễn: - 2 000 000 (đồng).  Bác Tám nạp vào thẻ 2 000 000 đồng được biểu diễn: 2 000 000 (đồng).  => Số tiền bác Tám có trong tài khoản là: (- 2 000 000) + 2 000 000 = **0** (đồng). Bởi vì (- 2 000 000) và 2 000 000 là hai số đối nhau.  **\* Cộng hai số nguyên không đối nhau:**  **HĐKP3:**  a) Người đó dừng lại tại điểm +4.    - Kết quả của phép tính:  (-2) + (+6) = 4  b) Người đó dừng tại điểm -4.    - Kết quả của phép tính:  (+2) + (-6) = -4  => Muốn cộng hai số nguyên khác dấu không đối nhau, ta làm như sau:  - Nếu số dương lớn hơn số đối của số âm thì ta lấy số dương trừ đi số đối của số âm.  - Nếu số dương bé hơn số đối của số âm thì ta lấy số đối của số âm trừ đi số dương rồi thêm dấu trước kết quả.  ***Chú ý:***  Khi cộng hai số nguyên trái dấu:  - Nếu số dương lớn hơn số đối của số âm thì ta có tổng dương.  - Nếu số dương bằng số đối của số âm thì ta có tổng bằng 0.  - Nếu số dương bé hơn số đối của số âm thì ta có tổng âm.  **Thực hành 2:**  a) 4 + (-7) = - (7 – 3) = - 3  b) (-5) + 12 = 12 – 5 = 7  c) (-25) + 72 = 72 – 25 = 47  d) 49 + (-51) = - (51 – 49) = -2  **Vận dụng 3:**  a) Ta có: (-3) + 5 = 5 - 3 = 2  => Thang máy dừng lại ở tầng 2.  b) Ta có 3 + (-5) = - (5 - 3) = - 2  => Thang máy dừng lại ở tầng hầm (-3) |

**Hoạt động 3: Tính chất của phép cộng**

**a) Mục tiêu:**

- Nhận biết các tính chất của phép cộng.

- Luyện kĩ năng áp dụng các tính chất của phép cộng số nguyên để tính hợp lí.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **a) Tính chất giao hoán:**  - GV chia lớp thành 4 nhóm hoàn thành **HĐKP4**:  + Nhóm 1 và nhóm 3 tính và so sánh:  **(-1) + (-3) và (-3) + (-1)**  + Nhóm 2 và nhóm 4 tính và so sánh:  **( -7) + (+6) và (+6) + (-7)**  - GV dẫn dắt, cho các nhóm rút ra tính chất giao hoán trong SGK.  - GV lưu ý cho HS : **a + 0 = 0 + a**.  **b) Tính chất kết hợp:**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 **HĐKP5**:  Tính và so sánh kết quả:  [(-3) + 4] + 2 ; (-3) + (4+2) ; [(-3) +2] + 4  - GV dẫn dắt cho HS rút ra tính chất kết hợp như trong SGK.  - GV lưu ý cho HS phần Chú ý trong SGK:  + Tổng (a +b) + c hoặc a + (b+c) là tổng của ba số nguyên a, b, c và viết là a + b +c; a, b, c là các số hạng của tổng.  + Để tính tổng của nhiều số, ta có thể thay đổi tùy ý thứ tự các số hạng ( tính giao hoán), hoặc nhóm tùy ý các số hạng ( tính kết hợp) để việc tính toán được đơn giản và thuận lợi hơn.  - GV phân tích mẫu Ví dụ 4 và cho HS trình bày lại vào vở.  - GV yêu cầu HS áp dụng hoàn thành **Thực hành 3.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, trình bày bảng, hoàn thành vở.  + HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại: ***Các tính chất của phép cộng các số nguyên.*** | **2. Tính chất của phép cộng**  **a) Tính chất giao hoán**  **HĐKP4:**  Ta có:  (-1) + (-3) = - 4  (-3) + (-1) = - 4  => (-1) + (-3) = (-3) + (-1)  Ta có:  (-7) + (-6) = -13  (-6) + (-7) = -13  =>  (-7) + (-6) = (-6) + (-7)  **Phép cộng số nguyên có tính chất giao hoán, nghĩa là:**  **a + b = b + a**  *Chú ý:*  **a + 0 = 0 + a**  **b) Tính chất kết hợp**  **HĐKP5:**  Ta có: [(-3) + 4] + 2 = 1 + 2 = 3             (-3) + (4 + 2) = (-3) + 6 = 3             [(-3) + 2] + 4 = (-1) + 4 = 3  => [(-3) + 4] + 2 = (-3) + (4 + 2) = (-3) + (4 + 2)  **Phép cộng các số nguyên có tính chất kết hợp:**  **( a + b) + c = a + (b + c)**  ***Chú ý:***  + Tổng (a +b) + c hoặc a + (b+c) là tổng của ba số nguyên a, b, c và viết là a + b +c; a, b, c là các số hạng của tổng.  + Để tính tổng của nhiều số, ta có thể thay đổi tùy ý thứ tự các số hạng ( tính giao hoán), hoặc nhóm tùy ý các số hạng ( tính kết hợp) để việc tính toán được đơn giản và thuận lợi hơn.  **Thực hành 3:**  a) 23 + (-77) + (-23) + 77 = [23 + (-23)] + [(-77) + 77] = 0.  b) (-2 020) + 2 021 + 21 + (-22) = [(-2 020) + 2 021] + [21 + (-22)] = 1 + (-1) = 0. |

**Hoạt động 4: Phép trừ hai số nguyên**

**a) Mục tiêu:**

- Tìm hiểu về cách thực hiện phép trừ ( Quy tắc trừ hai số nguyên)

- Hình thành và luyện kĩ năng trừ hai số.

- Áp dụng phép trừ vào bài toán thực tế.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV dẫn dắt: “Ta đã biết phép trừ số tự nhiên a – b ( a b). Còn phép trừ số nguyên thì sao?”  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm trao đổi và hoàn thành **HĐKP6.**  - GV dẫn dắt, cho HS rút ra nhận xét:  **Muốn trừ số nguyên a cho số nguyên b, ta cộng a với số đối của b:**  **a - b = a + (-b)**  - GV hướng dẫn và cho HS đọc hiểu *Ví dụ 5* để hiểu rõ quy tắc trừ.  - GV phân tích cho HS phần Chú ý trong SGK.  - GV hướng dẫn Ví dụ 6 và cho HS trình bày vở.  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm và hoàn thành **Thực hành 4**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.  + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại: ***Quy tắc trừ hai số nguyên .*** | **4. Phép trừ hai số nguyên**  **HĐKP6:**  a) Mũi khoan đang ở độ cao: 5 - 10 = -5 (m) số với mực nước biển.  b) Ta có:  5 - 2 = 3  5 + (-2) = 5 - 2 = 3  => 5 – 2 = 5 + (-2)  **Muốn trừ số nguyên a cho số nguyên b, ta cộng a với số đối của b:**  **a – b = a + (-b)**  ***Chú ý:***  - Cho hai số nguyên a và b.. Ta gọi a –b là hiệu của a và b ( a được gọi là số bị trừ, b là số trừ)  - Phép trừ luôn thực hiện được trong tập hợp số nguyên.  => Hiệu của hai số nguyên a và b là tổng của a và số đối của b.  **Thực hành 4:**  a) 6 – 9 = 6 + (-9) = -(9 – 6) = -3  b) 23 – (-12) = 23 + 12 = 35  c) (-35) – (-60) = (-35) + 60 = 60 – 35 = 25  d) (-47) – 53 = (-47) + (-53) = - (47 + 53) = -100  e) (-43) – (-43) = (-43) + 43 = 0 |

**Hoạt động 5 : Quy tắc dấu ngoặc**

**a) Mục tiêu:**

- Làm quen, nhận biết quy tắc dấu ngoặc.

- Làm quen với việc bỏ dấu ngoặc trong trường hợp trong ngoặc chỉ có một số âm (hoặc dương) và mở rộng khái niệm tổng.

- Khám phá và hình thành kĩ năng vận dụng quy tắc dấu ngoặc trong tính toán.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV chia lớp thành 4 nhóm tổ chức thảo luận nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn hoàn thành **HĐKP7.**  - GV, dẫn dắt, giảng và phân tích cho HS cách bỏ dấu ngoặc trong trường hợp đơn giản.  - GV cho một vài HS đọc lại quy tắc trong SGK.  - GV yêu cầu HS đọc hiểu Ví dụ 7 và trình bày lại vào vở.  - Gv kiểm tra độ hiểu bài của HS qua việc yêu cầu HS hoàn thành **Thực hành 5.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, hoàn thành vở, lên bảng trình bày.  + HS nhận xét, bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và lưu ý những sai lầm HS hay mắc và gọi 1 học sinh nhắc lại: **Quy tắc dấu ngoặc.** | **HĐKP7:**  a) Ta có:   * (4 + 7) = - 11 * (-4 - 7) = - (4 + 7) = -11   => - (4 + 7) = (-4 - 7)  b) Ta có:   * (12 - 25) = (-12) + 25 = 13 * (-12 + 25) = 25 – 12 = 13   => - (12 - 25) = (-12 + 25)  c) Ta có:   * (-8 + 7) = 8 – 7 = 1 * (8 – 7) = 1   => - (-8 + 7) = (8 - 7)  d) Ta có:   * +(- 15 - 4) = (-15) + 4 = - (15 + 4) = - 19 * (-15 – 4) = -19   => +(- 15 – 4) = (-15 – 4)  e) Ta có:   * +(23 – 12) = 23 - 12 = 11 * (23 – 12) = 11   => +(23 – 12) = (23 – 12)  KL: Khi bỏ dấu ngoặc, nếu đằng trước dấu ngoặc:   * Có dấu “+”, thì vẫn giữ nguyên dấu của các số hạng trong ngoặc:   **+ ( a + b - c) = a + b – c**   * Có dấu “ – ”, thì phải đổi dấu tất cả các số hạng trong ngoặc.   **- ( a + b - c) = -a - b + c**  **Thực hành 5:**  T = -9 + (-2) – (-3) + (-8)     = -9 - 2 + 3 - 8     = -16 |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập:* **Bài 1 ; 2 ; 5 ; 6 ; 7 ( SGK - 63, 64)**

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án, hoàn thành vở, lên bảng trình bày.*

**Bài 1 :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| a | b | Dấu của ( a + b) |
| 25 | 46 | + |
| -51 | -37 | - |
| -234 | 112 | - |
| 2027 | -2021 | + |

**Bài 2 :**

a) 23 + 45 = 68

b) (-42) + (-54) = - (42 + 54) = - 96

c) 2 025 + (-2 025) = 0

d) 15 + (-14) = (15 – 14) = 1

e) 33 + (-135) = - (135 – 33) = 102

**Bài 5 :**

a) 6 – 8 = -2

b) 3 – (-9) = 3 + 9 = 12

c) (-5) – 10 = - (10 + 5) = -15

d) 0 – 7 = -7

e) 4 – 0 = 4

g) (-2) – (-10) = (-2) + 10 = 10 – 2 = 8

**Bài 6:**

a) S = (45 – 3 756) + 3 756 = 45 – 3 756 + 3 756 = 45 + [(– 3 756) + 3 756] = 45

b) S = (-2 021) - (199 – 2 021) = (-2 021) + (-199)  + 2 021 = - 199

**Bài 7:**

a) (4 + 32 + 6) + (10 – 36 - 6) = 4 + 32 + 6 + 10 – 36 – 6 = 10

b) (77 + 22 – 65) - (67 +  12 - 75) = 77 + 22 – 65 – 67 – 12 + 75 = 30

c) - (-21 +  43 + 7) – (11 – 53 - 17) = 21 – 43 – 7 – 11 + 53 + 17 = 30

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để và khắc sâu kiến thức.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng :* **Bài 3 ; 4 ; 8 ( SGK – tr 63, 64)**

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, hoàn thành vở và lên trình bày bảng.*

**Bài 3:**

Tàu ngầm đang ở độ sâu 20 m được biểu diễn: - 20 (m)

Tàu tiếp tục lặn thêm 15 m được biểu diễn: - 15 (m)

=> Độ sâu là: (-20) + (-15) = - 35 (m)

Vậy khi đó tàu ngầm ở độ sâu **35 m.**

**Bài 4 :**

Thang máy ở tầng 3 : +3

Thang máy đi lên tầng 7 : + 7

Thang máy đi xuống 12 tầng : -12

Ta có: 3 + 7 + (-12) = 10 + (-12) = -2

Vậy cuối cùng thang máy dừng lại tại tầng (-2).

**Bài 8 :**

a) Năm sinh của Archimedes: - 287

    Năm mất của Archimedes: - 212

b) Ta tính tuổi của Archimedes bằng: (-212) - (-287) = (-212) + 287 = 75 (tuổi)

Vậy Archimedes mất năm **75** tuổi.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

……………………………………………………

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ghi nhớ các quy tắc cộng trừ số nguyên

- Hoàn thành nốt các bài tập và làm thêm **Bài 1+ 5 + 7+8 ( SBT -tr51, 52)**

- Chuẩn bị bài mới “ **Phép nhân và phép chia hết hai số nguyên**”

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# TIẾT 36 + 37 + 38 + 39 + 40 + 41 :

# BÀI 4: PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA HAI SỐ NGUYÊN

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Nhận biết được quy tắc nhân hai số nguyên.

- Nhận biết được các tính chất của phép nhân số nguyên.

- Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội trong tập hợp các số nguyên.

- Nhận biết được ý nghĩa của quan hệ chia hết trong một số bài toán thực tiễn.

- Biết tìm bội và ước của một số nguyên.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ Thực hiện được phép tính nhân, chia trong tập hợp các số nguyên.

+ Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tập hợp các số nguyên trong tính toán ( tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).

+ Giải được một số bài toán có nội dung thực tiễn sử dụng các phép tính cộng, trừ, và nhân, chia số nguyên.

+ Vận dụng được tính chia hết của số nguyên vào các tình huống thực tiễn.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học; năng lực giao tiếp toán học.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV** : SGK, tài liệu giảng dạy, giáo án ppt,SBT

**2 - HS** : Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập cá nhân, SGK, SBT

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS nhận thức nhu cầu sử dụng phép nhân số nguyên.

- Gây hứng thú và gợi động cơ học tập cho HS.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và trả lời

**c) Sản phẩm:** Từ bài toánHS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV đặt vấn đề qua bài toán mở đầu :

*Thực hiện các phép tính sau:*

a) (-10). 5

b) (-50) : 5

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận nhóm đôi, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Bài toán mở đầu thực hiện phép toán nhân số nguyên âm (-10) .5 và phép chia hai số nguyên (50) : 5. Để biết cách tính kết quả chính xác của các phép tính trên, tích của hai số nguyên âm là số thế nào? Tìm thương của phép hết hai số nguyên như thế nào, chnsg ta sẽ tìm hiểu trong bài mới ngày hôm nay?” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Nhân hai số nguyên khác dấu**

**a) Mục tiêu:**

- HS nhớ lại định nghĩa phép nhân hai số tự nhiên.

- Tìm hiểu cách nhân hai số khác dấu bằng cách đưa về phép cộng.

- Hình thành và luyện kĩ năng nhân hai số trái dấu.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV phân tích, hướng dẫn, yêu cầu HS trao đổi, hoàn thành **HĐKP1.**  - GV dẫn dắt, đi đến quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu trong hộp kiến thức.  - GV cho 1 số HS đọc lại quy tắc.  - GV phân tích, nhấn mạnh cho HS phần *Chú ý*:  **Cho a, b , ta có:**  **(+a). (-b) = -a.b**  **(-a). (+b) = -a.b**  - GV cho HS đọc hiểu *Ví dụ 1* để hiểu rõ quy tắc sau đó hoàn thành vở và trình bày bảng.  - GV yêu cầu HS trao đổi, hoàn thành **Vận dụng 1.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, hoàn thành vở, lên bảng trình bày.  - HS nhận xét, bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại: **Quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu.** | **1.Nhân hai số nguyên khác dấu**  **HĐKP1:**  a) (-4).3 = (-4) + (-4) + (-4) = -12  b) (-5) . 2 = (-5) + (-5) = -10      (-6) . 3 = (-6) + (-6) + (-6) = -18  c) Dấu của tích hai số nguyên khác đều là mang dấu **âm**.  **=> Quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu:**  - Tích của hai số nguyên khác dấu luôn là một số nguyên âm.  - Khi nhân hai số nguyên khác dấu, ta nhân số dương với số đối của số âm rồi thêm dấu (-) trước kết quả nhận được.  *\* Chú ý:* Cho a, b , ta có:  (+a). (-b) = -a.b  (-a). (+b) = -a.b  **Thực hành 1:**  a) (-5) . 4 = - (5 . 4) = -20  b) 6 . (-7) = - (6 . 7) = -42  c) (-14) . 20 = -(14 . 20) = -280  d) 51 . (-24) = - (51 . 24) = -1224  **Vận dụng 1:**  Chị Mai nhận được số tiền là:  20 . (+50 000) + 4 . (-40 000)  = 100 000 – 160 000 = 840 000 (đồng). |

**Hoạt động 2: Nhân hai số nguyên cùng dấu**

**a) Mục tiêu:**

- Tìm hiểu cách nhân hai số nguyên dương, hai số nguyên âm.

- Hình thành và luyện kĩ năng nhân hai số âm.

- Khắc sâu quy luật về dấu của một tích hai số.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS trao đổi, thảo luận nhóm đôi hoàn thành **HĐKP2**.  - GV dẫn dắt, cho HS nhận xét, rút ra **Quy tắc nhân hai số nguyên cùng dấu.**  - GV cho một vài HS đọc, phát biểu lại quy tắc.  - GV lưu ý, nhấn mạnh cho HS phần *Chú ý.*  - GV yêu cầu HS đọc hiểu *Ví dụ 2* để hình dung, hiểu rõ hơn về quy tắc.  *.*  - GV yêu cầu HS vận dụng quy tắc hoàn thành **Thực hành 2,** 2 HS lên bảng trình bày.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, trình bày bảng, hoàn thành vở.  + HS nhận xét, bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại: ***Quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu.*** | **2. Nhân hai số nguyên cùng dấu**  **HĐKP2:**  **a) Nhân hai số nguyên dương**  (+3) . (+4) = 3 . 4 = 12  (+5) . (+2) = 5 . 2 = 10  **b) Nhân hai số nguyên âm**  (-1) . (-5) = 5  (-2) . (-5) = 10  **=> Quy tắc nhân hai số nguyên cùng dấu:**  - Khi nhân hai số nguyên cùng dương, ta nhân chúng như nhân hai số tự nhiên.  - Khi nhân hai số nguyên cùng âm, ta nhân hai số đối của chúng.  *Chú ý:*   * Cho hai số nguyên dương a và b, ta có:   (-a) . (-b) = (+a) . (+b) = a . b   * Tích của hai số nguyên cùng dấu luôn là một số nguyên dương.   **Thực hành 2:**  a = (-2) . (-3) = 2 . 3 = 6  b = (-15) . (-6) = 15 . 6 = 90  c = (+3) . (+2) = 3 . 2 = 6  d = (-10) . (-20) = 10. 20 = 200 |

**Hoạt động 3: Tính chất của phép nhân các số nguyên**

**a) Mục tiêu:**

- Nhắc lại các tính chất của phép nhân số nguyên, tương tự đối với nhân số tự nhiên.

- Vận dụng các tính chất của phép nhân trong tính toán.

- Luyện kĩ năng xác định dấu và tính tích của nhiều thừa số, tính nhẩm và nâng cao kĩ năng giải toán.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **a) Tính chất giao hoán:**  - GV chia lớp thành 4 nhóm hoàn thành **HĐKP4**:  + Nhóm 1 và nhóm 3 tính và so sánh:  **(-1) + (-3) và (-3) + (-1)**  + Nhóm 2 và nhóm 4 tính và so sánh:  **( -7) + (+6) và (+6) + (-7)**  - GV dẫn dắt, cho các nhóm rút ra tính chất giao hoán trong SGK.  - GV lưu ý cho HS : **a + 0 = 0 + a**.  **b) Tính chất kết hợp:**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 **HĐKP5**:  Tính và so sánh kết quả:  [(-3) + 4] + 2 ; (-3) + (4+2) ; [(-3) +2] + 4  - GV dẫn dắt cho HS rút ra tính chất kết hợp như trong SGK.  - GV lưu ý cho HS phần Chú ý trong SGK:  + Tổng (a +b) + c hoặc a + (b+c) là tổng của ba số nguyên a, b, c và viết là a + b +c; a, b, c là các số hạng của tổng.  + Để tính tổng của nhiều số, ta có thể thay đổi tùy ý thứ tự các số hạng ( tính giao hoán), hoặc nhóm tùy ý các số hạng ( tính kết hợp) để việc tính toán được đơn giản và thuận lợi hơn.  - GV phân tích mẫu Ví dụ 4 và cho HS trình bày lại vào vở.  - GV yêu cầu HS áp dụng hoàn thành **Thực hành 3.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, trình bày bảng, hoàn thành vở.  + HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại: ***Các tính chất của phép cộng các số nguyên.*** | **3. Tính chất của phép nhân các số nguyên.**  **a) Tính chất giao hoán**  **HĐKP3:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **a** | **b** | **a.b** | **b.a** | | 4 | 3 | 12 | 12 | | -2 | -3 | 6 | 6 | | -4 | 2 | -8 | -8 | | 2 | -9 | -18 | -18 |   => Phép nhân hai số nguyên có tính chất giao hoán:  **a.b = b.a**  *\* Chú ý:*   * a.1 = 1.a = a * a.0 = 0.a= 0 * Cho hai số nguyên x, y:   Nếu x.y = 0 thì x = 0 hoặc y = 0.  **b) Tính chất kết hợp**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **a** | **b** | **c** | **(a.b).c** | **a.(b.c)** | | 4 | 3 | 2 | 24 | 24 | | -2 | -3 | 5 | 30 | 30 | | -4 | 2 | 7 | -56 | -56 | | -2 | -9 | -3 | 54 | -18 |   **=> Phép nhân số nguyên có tính chất kết hợp:**  **(a.b) . c = a. (b.c)**  *Chú ý:*  Áp dụng tính chất kết hợp của phép nhân, ta có thể viết tích của nhiều số nguyên:  **a.b.c =a.(b.c) = (a.b).c**  **Thực hành 3:**  a) P là số **dương;** Q là số **âm.**  b) Tích của các số nguyên âm có số thừa số là số lẻ thì có dấu “-” .  c) Tích của các số nguyên âm có thừa số là số chẵn thì có dấu “+”.  **c)** **Tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng.**  **HĐKP5:**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **a** | **b** | **c** | **a.(b+c)** | **a.b+a.c** | | 4 | 3 | 2 | 20 | 20 | | -2 | -3 | 5 | -4 | -4 | | -4 | 2 | 7 | -36 | -36 | | -2 | -9 | -3 | 24 | 24 |   => Phép nhân số nguyên có tính chất phân phối đối với phép cộng:  **a.(b+c) = a.b + a.c**  Phép nhân số nguyên cũng có tính chất phân phối đối với phép trừ:  **a.(b-c) = ab - ac**  **Thực hành 4:**  (-2) . 29 + (-2) . (-99) + (-2) . (-30)  = (-2) . [29 + (-99) + (-30)]  = (-2) . (-100)  = 200 |

**Hoạt động 4: Quan hệ chia hết và phép chia hết trong tập hợp số nguyên.**

**a) Mục tiêu:**

- HS biết cách thực hiện phép chia hết và rèn kĩ năng thực hiện phép chia hết của hai số nguyên.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm trao đổi và hoàn thành **HĐKP6.**  - GV dẫn dắt: Tương tự như số tự nhiên,một số nguyên có thể viết thành tích của các số nguyên khác, chẳng hạn:  -12 =3. (-4) = (-6).2 = (-1). 2. 2. 3 = ...  - GV dẫn dắt, cho HS rút ra kiến thức:  **Cho a, b và b 0. Nếu có số nguyên q sao cho a = b.q thì:**   * **Ta nói a chia hết cho b, kí hiệu là a** * **Trong phép chia hết, dấu của thương hai số nguyên cũng giống như dấu của tích.**   **Ta gọi q là thương của phép chia a cho b, kí hiệu a: b = q.**  **a - b = a + (-b)**  - GV hướng dẫn và cho HS đọc hiểu *Ví dụ 7, Ví dụ 8* để hiểu rõ về quan hệ chia hết trong tập số nguyên sau đó trình lại vào vở.  - GV cho HS hoạt động nhóm hoàn thành **Thực hành 5**.  - GV hướng dẫn, yêu cầu HS hoàn thành **Vận dụng 2**.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.  - Các HS nhận xét, bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại. | **4. Quan hệ chia hết và phép chia hết trong tập số nguyên**  **HĐKP6:**  Trung bình mỗi phút tàu lặn được:  (-12) : 3 = -4 (m)  => **Cho a, b và b 0. Nếu có số nguyên q sao cho a =b.q thì:**   * **Ta nói a chia hết chia b, kí hiệu a b.** * **Trong phép chia hết, dấu của thương hai số nguyên cũng giống như dấu của tích.**   **Ta gọi q là thương của phép chia a cho b, kí hiệu a: b = q.**  **Thực hành 5:**  a) (- 2 020) : 2 = - 1 010  b) 64 : (-8) = -8  c) (-90) : (-45) = 2  d) (-2 121) : 3 = -707  **Vận dụng 2:**  Trung bình trong một phút máy thay đổi được:  (-12) : 6 = - 2oC |

**Hoạt động 5 : Bội và ước của một số nguyên**

**a) Mục tiêu:**

- Tìm hiểu khái niệm ước và bội trong Z.

- Biết cách tìm ước và bội của một số nguyên và rèn kĩ năng tìm ước và bội.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu 1, 2 HS nhắc lại khái niệm ước và bội trong N. Sau đó, tương tự GV giảng, trình bày khái niệm ước và bội trong tập Z như SGK:  **Cho a,b . Nếu a thì ta nói a là bội của b và b là ước của a.**  - GV giảng và phân tích mẫu *Ví dụ 9* cho HS để HS hình dung rõ hơn về khái niệm ước và bội.  - GV yêu cầu HS lấy Ví dụ khác về ước và bội.  - GV cho HS vận dụng kiến thức trao đổi cặp đôi hoàn **Thực hành 6** vào vở, sau đó lên bảng trình bày.  - GV lưu ý cho HS:  *Nếu c vừa là ước của a, vừa là ước của b thì c cũng được gọi là ước chung của a và b.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, hoàn thành vở, lên bảng trình bày.  + HS nhận xét, bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả và lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại: **Khái niệm ước và bội.** | **-** Khái niệm ước và bội:  **Cho a, b .Nếu a thì ta nói a là bội của b và b là ước của a.**  VD: 15 (-3) =15 là bội của (-3) và (-3) là ước của 12.  **Thực hành 6:**  a) – 10 là một bội của 2  b) Ư(5) = {-1; 1; 5; -5}  *Lưu ý:*  NẾu c vừa là ước của a, vừa là ước của b thì c cũng được gọi là ước chung của a và b. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập:* **Bài 1 ; 3 ; 4 ; 7 ; 8 ; 9 ; 10( SGK - tr70)**

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án, hoàn thành vở, lên bảng trình bày.*

**Bài 1 :**

a) (-3) . 7 = - 21

b) (-8) . (-6) = 48

c) (+12) . (-20) = -240

d) 24 . (+50) = 1200

**Bài 3 :**

a) Vì (+4) . (- 8) ra kết quả mang dấu âm  => (+4) . (- 8) < 0.

b) Vì (- 3) . 4 ra kết quả mang dấu âm => (- 3) . 4 < 4.

c) Vì (- 5) . (- 8) và (+5) . (+8) ra kết quả mang giá trị dương. => (- 5) . (- 8) = (+5) . (+8).

**Bài 4:**

a) (- 3) . (- 2) . (- 5) . 4 = - 120.

b) 3 . 2 . (- 8) . (- 5) = 240.

**Bài 7:**

a) (- 24) . x = - 120

x = (- 120) : (- 24)

x = 5

b) 6 . x = 24

x = 24 : 6

x = 4

**Bài 8:**

Hai số nguyên khác nhau a và b thỏa mãn a ⋮ b và b ⋮ a.

=> Khi đó a và b là số đối của nhau.

**Bài 9:**

Ư(6) = {1; -1; 2; -2; 3; -3; 6; -6}

Ư(1) = {1; -1}

Ư(13) = {1; -1; 13; -13}

Ư(-25) = {1; -1; 5; -5; 25; -25}

**Bài 10:**

B(5) = {0; 5; 25;…}

B(-5) = {0;  -5; -25;…}

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để và khắc sâu kiến thức.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng :* **Bài 5 ; 6 ; 11 ; 12 ( SGK - tr 70).**

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, hoàn thành vở và lên trình bày bảng.*

**Bài 5 :**

- Cứ mỗi phút giảm 2 oC

=> Sau 5 phút nhiệt độ giảm: 5 . 2 = 10 oC.

Vậy: Sau 5 phút nữa nhiệt độ trong kho là: 8 – 10 = **- 2oC.**

**Bài 6 :**

Nhiệt độ bên ngoài trung bình mỗi phút tăng lên 4oC

=> Sau 10 phút nữa nhiệt độ tăng: 4 . 10 = 40oC.

Vậy: Sau 10 phút nữa nhiệt độ bên ngoài máy bay là:  - 28 + 40 = **12oC.**

**Bài 11:**

Sau 7 ngày nhiệt độ tại đây là – 39oC

=> Sau 7 ngày nhiệt độ thay đổi: – 25 + (– 39) = – 14oC => Sau 7 ngày nhiệt độ giảm 14oC.

=> Trung bình mỗi ngày nhiệt độ giảm: 14 : 7 = - 2oC.

***Kết luận:*** Trung bình mỗi ngày nhiệt độ thay đổi 2oC.

**Bài 12:**

Ta có: Một quý sẽ gồm có 3 tháng.

- Số tiền lãi của bác Ba: 60 : 3 = 20 (triệu đồng)

- Số tiền lỗ của bác Tư: 12 : 3 = 4 (triệu đồng)

***Kết luận:*** Bình quân trong một tháng số tiền lãi/lỗ của mỗi người là:

+ Bác Ba lãi: 20 triệu đồng ( Có 20 triệu đồng).

+ Bác Tư lỗ: 4 triệu đồng ( Có - 4 triệu đồng).

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

……………………………………………………

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học thuộc, ghi nhớ các nội dung kiến thức trong bài

- Hoàn thành nốt các bài tập .

- Đọc và xem trước bài “ **Hoạt động thực hành và trải nghiệm: Vui học cùng số nguyên**”

- Chuẩn bị trước các dụng cụ, nguyên liệu cho bài sau:

1. Nhóm 4 người: 100g đậu đỏ, 100g đậu đen, khay đựng.

2. Mỗi tổ:

+ GV hướng dẫn 4 tờ giấy A1/ 4 tổ vẽ sẵn cành cây nằm ngang chiếm tỉ lệ 1/3 tờ giấy A1 và tô màu theo sở thích riêng của mỗi nhóm

+ Kéo, bút dạ.

+ Cắt sẵn 7 tấm bìa giấy kích thước 8×8, mỗi tấm bìa ghi sẵn một số từ -3 3

+ Các tấm bìa nhỏ kích thước 5×5, mỗi tấm bìa vẽ các con sóc màu khác nhau và ghi tên 1 thành viên của nhóm ở dưới. Ví dụ: Mai - Sóc trắng; Đạt - sóc đen…

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# TIẾT 42 - BÀI 5: HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

***VUI HỌC CÙNG SỐ NGUYÊN***

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

***-*** Làm quen với các mô hình biểu diễn số nguyên âm và số nguyên dương.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ Thực hành các phép toán cộng, trừ số nguyên trên mô hình thông qua các hoạt động trò chơi.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, tài liệu bài giảng, giáo án ppt.

**2 - HS** : Đồ dùng học tập; SGK; Dụng cụ, nguyên liệu mà GV đã giao từ buổi trước:

a. Nhóm 4 người: 100g đậu đỏ, 100g đậu đen, khay đựng.

b. Mỗi tổ:

+ GV hướng dẫn 4 tờ giấy A1/ 4 tổ vẽ sẵn cành cây nằm ngang chiếm tỉ lệ 1/3 tờ giấy A1 và tô màu theo sở thích riêng của mỗi nhóm

+ Kéo, bút dạ.

+ Cắt sẵn 7 tấm bìa giấy kích thước 8×8, mỗi tấm bìa ghi sẵn một số từ -3 3

+ Các tấm bìa nhỏ kích thước 5×5, mỗi tấm bìa vẽ các con sóc màu khác nhau và ghi tên 1 thành viên của nhóm ở dưới. Ví dụ: Mai - Sóc trắng; Đạt - sóc đen…

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Củng cố kiến thức cộng, trừ số nguyên

- Gợi mở bài thực hành.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và thực hiện yêu cầu.

**c) Sản phẩm:** Kết quả HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV kiểm tra đồ dùng, nguyên liệu của các nhóm mà GV đã hướng dẫn chuẩn bị từ buổi trước.

- GV đặt câu hỏi kiểm tra kiến thức cũ:

*+Nêu quy tắc cộng hai số nguyên cùng dấu.*

*+ Nêu quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu.*

*+ Nêu quy tắc cộng hai số đối nhau.*

*+ Nêu quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu không đối nhau.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- GV nêu câu hỏi

- HS nhớ lại kiến thức và giơ tay phát biểu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS giơ tay phát biểu, trình bày miệng tại chỗ.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Bài ngày hôm nay chúng ta cùng thực hành thực hiện các phép toán cộng, trừ số nguyên trên mô hình thông qua các hoạt động trò chơi.” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

**Hoạt động 1: Trò chơi “Cộng đậu đỏ, đậu đen”**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS làm quen với việc thêm một mô hình biểu diễn số nguyên âm và số nguyên dương.

- Thực hành các phép toán cộng và trừ số nguyên trên mô hình đó thông qua các hoạt động trò chơi.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chia lớp thành các nhóm ( khoảng 4 học sinh)

- GV giao nhiệm vụ và hướng dẫn luật chơi cho cả lớp: hạt đậu đỏ tượng trưng cho số nguyên dương, hạt đậu đen tượng trưng cho số nguyên âm.

+ Mỗi số nguyên dương được thay bằng một số lượng hạt đậu đỏ tương ứng.

+ Mỗi số nguyên âm được thay bằng một số lượng hạt đậu đen tương ứng.

+ Khi cộng hai số nguyên cùng dấu, ta chỉ cần cộng số hạt đậu cùng màu.

+ Khi cộng hai số nguyên khác dấu, ta loại dần từng cặp đậu đỏ, đậu đen.

+ GV chiếu slide biểu diễn Ví dụ cho HS dễ hình dung.

(+2) + 1 = +3

(-3) + (+2)= -1

(-2) + (-3)= -4

(+2)+ (-1)= +1

- GV cho các nhóm thực hành sử dụng mô hình để thực hiện các phép tính sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm 1, 3, 5** | **Nhóm 2, 4, 6** | **Nhóm 7, 9, 11** | **Nhóm 8, 10** |
| a) (+3) + (+1) | b) (+2) + (+2) | c) (- 1) + (- 2) | d) (- 2) + (- 3) |
| e) (- 2) + (+3) | g) (+2) + (- 2) | h) 2 + (- 5) | i) (-4) + (+5) |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội dung và thực hành thông qua việc thực hiện yêu cầu như hướng dẫn của GV.

- GV: quan sát và trợ giúp các nhóm.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Đại diện các nhóm nêu cách sử dụng mô hình để thực hiện phép toán của nhóm mình.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, chữa.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của các nhóm và lưu ý HS những sai lầm hay mắc phải.

**Hoạt động 2: Trò chơi “ Sóc leo cành cây”**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS tính nhẩm cộng, trừ số nguyên trên trục số thông qua một trò chơi hào hứng ( có thắng, thua).

**b) Nội dung:** GV chia lớp thành 4 nhóm và hướng dẫn tổ chức các nhóm thực hiện.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chia lớp thành 4 nhóm tương ứng với 4 tổ.

- GV hướng dẫn các nhóm vẽ trục số kéo dài từ gốc cành đến đầu cành, với các giá trị từ - 5 đến 5.

+ Tại điểm -5 ghi chữ gốc cành.

+ Tại điểm 5 ghi chữ đầu cành.

- GV hướng dẫn cách chơi:

+ Đầu tiên, mỗi người lần lượt trộn lẫn các tấm bìa rồi rút được tấm bìa ghi số nào thì đặt hình sóc có tên của mình lên điểm đó trên cành cây.

+ Sau đó, mỗi người cùng trộn lẫn các tấm bìa và rút bìa như lần đầu, lấy số tại điểm mình đang đứng cộng với số rút được.

+ Ở lần kế tiếp thì lấy số tại điểm mình đang đứng trừ cho số rút được

+ Phải đảm bảo trộn lẫn các tấm bìa trước khi rút và phải luân phiên cộng, trừ, cộng, ... cho số đã rút được.

+ Người thắng là người đầu tiên có vị trí nhỏ hơn -5 ( nghĩa là đã đến được thân cây và leo xuống đất), hoặc là người cuối cùng còn lại trên cành cây.

- Người thua là người có vị trí nhỏ hơn +5 ( nghĩa là đã vượt quá đầu cành và rơi xuống đất).

- GV tổ chức cho các nhóm chơi và tìm ra người chiến thắng, GV tán thưởng và trao thưởng cho người chiến thắng đồ dùng học tập hoặc bim bim..

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS chú ý lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành yêu cầu.

- GV: quan sát và trợ giúp các nhóm HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Các nhóm thực hiện trò chơi, tìm ra người chiến thắng và báo cáo GV.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá, tổng kết.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại toàn bộ nội dung kiến thức chương 2.

- Xem và chuẩn bị làm trước một số bài tập của bài sau: hoàn thành câu hỏi trắc nghiệm, các bài tập **1, 2, 3, 4** “**Bài tập cuối chương 2**” ( SGK – tr73).

- Chuẩn bị sản phẩm sơ đồ tư duy tổng kết nội dung chương II ra giấy A1 theo tổ. (GV hướng dẫn cụ thể)

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# TIẾT 43+ 44+ 45 : BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG 2

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

***-*** HS củng cố, rèn luyện kĩ năng:

+ Biểu diễn tập hợp số nguyên, so sánh số nguyên.

+ Thực hiện phép toán cộng, trừ, nhân, chia số nguyên.

+ Các tính chất của phép cộng và phép nhân số nguyên.

+ Khái niệm và cách tìm ước, bội của một số nguyên.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

**+** Nâng cao kĩ năng giải toán.

+ Gắn kết các kĩ năng bài học lại với nhau, giúp HS trong việc giải và trình bày giải toán.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS tính độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, giáo án tài liệu, 5 bút dạ ( gốm 1 đỏ và 4 xanh hoặc đen)

**2 - HS** : SGK; đồ dùng học tập, giấy A1 theo tổ.

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS tổng hợp, liên kết kiến thức của các bài học từ Bài 1 Bài 4.

**b) Nội dung:** Đại diện các nhóm HS trình bày phần chuẩn bị của mình, các nhóm khác chú ý lắng nghe, nhận xét và cho ý kiến.

**c) Sản phẩm:** Sơ đồ tư duy đầy đủ nội dung kiến thức từ bài 1 Bài 4 một cách đầy đủ, ngắn gọn, trực quan.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV cho các nhóm treo sản phẩm sơ đồ tư duy của nhóm mình lên bảng.

- GV chỉ định đại diện nhóm trình bày ( Theo thứ tự lần lượt từ Tổ 1 Tổ 4 hoặc thứ tự GV thấy hợp lý)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Đại diện 1 nhóm trình bày, các nhóm khác chú ý lắng nghe để đưa ra nhận xét, bổ sung.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Các nhóm trao đổi, nhận xét và bổ sung nội dung cho các nhóm khác.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của các nhóm HS, trên cơ sở đó cho các em hoàn thành bài tập.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS trình bày miệng chữa bài tập trắc nghiệm :***Câu 1** *->* **Câu 4.**

**1. D ; 2. D ; 3. A; 4.C .**

*- GV yêu cầu HS chữa các bài tập* **1, 2, 3** *( SGK-tr73)*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, giơ tay lên bảng trình bày.*

**Bài 1 :**

**a)** 73 – (2 – 9) = 73 – 2 + 9 = 80.

**b)** (- 45) – (27 – 8) = - 45 – 27 + 8 = - 64.

**Bài 2:**

a) x2 = 4

x . x = 4

=> **x = 2** hoặc **x = - 2**.

b) x2 = 81

x . x = 81

=> **x = 9** hoặc **x = - 9**.

**Bài 3 :**

**a)** 12 : 6 = 2

**b)** 24 : (- 8) = -3

**c)** (- 36) : 9 = -4

**d)** (- 14) : (- 7) = 2

*- GV yêu cầu HS hoàn thành* ***bài 6 ( SGK -tr73)***

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, hoàn thành vở, 2 HS lên bảng trình bày.*

**Bài 6:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | 3 |  | a | b | c | d |  | -4 |  |

Theo quy luật, tích ở ba ô liên tiếp đều bằng 60, nghĩa là a.b.c = 60; b.c.d = 60

Suy ra: a.b.c = b.c.d => a = d

Do đó ta được dãy số:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| -4 | x | 3 | -4 | x | 3 | -4 | x | 3 | -4 | x |

Nhìn vào ta thấy: theo quy luật: x .. 3 . (-4) = 60 => x = -5

Vậy điền dãy số hoàn chỉnh như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| -4 | -5 | 3 | -4 | -5 | 3 | -4 | -5 | 3 | -4 | -5 |

*- HS nhận xét, bổ sung và giáo viên đánh giá tổng kết.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng :* **Bài 4+ 5+ 7+ 8 ( SGK –tr73)**

**Bài 4 :**

Ta biết rằng các năm sinh TCN được quy định là số âm.

Ta có: 1 601 > 1 596 > 1 441 > - 287 > - 570 > - 624.

=> Các chỉ số năm sinh của nhà toán học theo thứ tự giảm dần: 1 601; 1 596; 1 441; 287 TCN; 570 TCN; 624 TCN.

**Bài 5 :**

Khoảng cách theo chiều thẳng đứng giữa máy bay và tàu ngầm:

5 000 – (- 1 200) = 6 200 (m).

Vậy: Khoảng cách theo chiều thẳng đứng giữa máy bay và tàu ngầm là 6 200 m.

**Bài 7:**

***Bài toán:***Một người đang đứng yên ở điểm O, người đó bước đi bước về điểm A bên trái 15  bước, rồi đi ngược lại về điểm B bên phải 25 bước.  Hỏi người đó đang đứng điểm bao nhiêu đơn vị? Quy định đi về bên trái biểu hiện số âm, đi về bên phải biểu diễn số dương. Biết khoảng cách mỗi bước chân là một đơn vị.

=> Người đó đang đứng điểm: - 15 + 25 = 10 (đơn vị)

**Bài 8:**

Sau một năm, số tiền công ty có được là: 225 – 280 + 655 = 600 (triệu đồng)

=> Sau một năm công ty lãi 600 triệu đồng

Bình quân mỗi tháng công ty lãi: 600 : 12 = 50 (Triệu đồng)

Vậy: Bình quân mỗi tháng công ty lãi **50 triệu đồng.**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể)  - Đánh giá đồng đẳng: HS tham gia vào việc đánh giá sản phẩm học tập của các HS khác | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS.  - Phương pháp thuyết trình.  - Phương pháp đánh giá qua sản phẩm học tập. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận.  - Sơ đồ tư duy |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

……………………………………………………

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại nội dung kiến thức đã học.

- Hoàn thành nốt các bài tập còn thiếu trên lớp .

- Xem trước nội dung chương mới và đọc trước bài mới “ **Hình học trực quan: Các hình phẳng trong thực tiễn”**.

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

**CHƯƠNG 3: CÁC HÌNH PHẲNG TRONG THỰC TIỄN**

# TIẾT 46 + 47 + 48 – BÀI 1: HÌNH VUÔNG - TAM GIÁC ĐỀU - LỤC GIÁC ĐỀU.

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Nhận được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.

- Mô tả một số yếu tố cơ bản( cạnh, góc, đường chéo) của tam giác đều ( ba cạnh bằng nhau, ba góc bằng nhau); hình vuông( bốn cạnh bằng nhau, mỗi góc là góc vuông, hai đường chéo bằng nhau); lục giác đều 9 sáu cạnh bằng nhau, sáu góc bằng nahu, ba đường chéo chính bằng nhau).

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

**+** Vẽ được hình tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập.

+ Tạo lập được hình lục giác đều thông qua việc lắp ghép các hình tam giác đều.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, tài liệu giảng dạy, giáo án ppt

+ Nghiên cứu kĩ bài học và phương pháp dạy học phù hợp.

+ Chuẩn bị một số vật liệu phục vụ hoạt động trải nghiệm: giấy A4, kéo cắt giấy, tranh ảnh trong bài,..

+ Sưu tầm các hình ảnh thực tế, video minh họa liên quan đến bài học, các thiết bị dạy học phục vụ hình thành và phát triển năng lực HS.

**2 - HS** :

+ Đồ dùng học tập: bút, bộ êke ( thước thẳng, thước đo góc, êke), bút chì, tẩy...

+ Giấy A4, kéo.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Tạo tình huống vào bài học từ hình ảnh thực tế, ứng dụng thực tế từ các hình trong bài.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và quan sát hình ảnh trên màn chiếu hoặc tranh ảnh.

**c) Sản phẩm:** HS nhận dạng được một số hình và tìm được các hình ảnh trong thực tế liên quan đến hình đó.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chiếu hình ảnh, video về các ứng dụng thực tế của các hình trong bài “ Nền nhà”, “Các bức tường ốp bằng gạch có hình tam giác đều, hình lục giác đều, hình vuông” và đặt câu hỏi: Các em có biết các viên gạch men dạng hình gì?”

- GV đặt câu hỏi: “Các em còn gặp các hình này ở những đồ vật, hình ảnh nào trong thực tế đời sống?”

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS chú ý quan sát, lắng nghe và trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS trao đổi, thảo luận, trả lời câu hỏi và tìm được một số hình ảnh trong thực tế liên quan đến các hình.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đặt vấn đề và dẫn dắt HS vào bài học mới: “Hình vuông, hình tam giác đều, hình thoi,.. là các hình phẳng quen thuộc trong thực tế. Chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu các đặc điểm cơ bản của các hình” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Hình vuông**

**a) Mục tiêu:**

- Nhận biết hình vuông trong thực tế. Mô tả được đỉnh, cạnh, góc, đường chéo của hình vuông.

- HS vẽ được hình vuông có độ dài cạnh cho trước.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức và hoàn thành được phần ***Thực hành, Vận dụng.***

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn, cho HS trao đổi và hoàn thành **HĐKP1.**  - GV lưu ý HS cách đo góc, đo độ dài cạnh.  - GV cho HS rút ra nhận xét về các đặc điểm của hình vuông, độ dài bốn cạnh, độ lớn bốn góc và độ dài hai đường chéo của hình vuông.  - GV chốt lại các đặc điểm hình vuông.  - GV yêu cầu 1, 2 HS phát biểu lại các đặc điểm của hình vuông như trong SGK ( tr75).  - GV yêu cầu HS thực hiện **Thực hành 1**.( GV có thể hướng dẫn HS dùng Compa để kiểm chứng độ dài bằng nhau của hai đường chéo, từ đó HS tập dùng compa để so sánh độ dài hai đoạn thẳng).  - GV cho HS rút ra nhận xét về độ dài hai đường chéo.  - GV yêu cầu HS trao đổi nhóm đôi hoàn thành **Vận dụng 1.**  - GV hướng dẫn cho HS các bước vẽ hình vuông theo các bước ở phần *Thực hành 2* và cho HS thực hành vẽ hình vuông (GV lưu ý HS thực hành vẽ và cho HS kiểm tra chéo sau khi vẽ, xem các cạnh, các góc có bằng nhau không).  + GV trình chiếu PPT hướng dẫn HS cách vẽ hình vuông trên màn chiếu theo các bước đã hướng dẫn cho HS dễ hình dung và biết cách vẽ.  - GV yêu cầu HS thực hành, luyện tập tự vẽ hình vuông bằng cách hoàn thành **Thực hành 3** vào vở.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý và hoàn thành các yêu cầu của GV  - GV: quan sát, giảng, phân tích, lưu ý và trợ giúp nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **-** HS chú ý lắng nghe, hoàn thành các yêu cầu, giơ tay phát biểu.  - GV : kiểm tra, chữa và nêu kết quả.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức. | **1. Hình vuông**  **HĐKP1:**  a) Hình **c)** là hình vuông.    b) Sau khi dùng thước êke kiểm tra thì thấy các cạnh bằng nhau và các góc bằng nhau.  Hình vuông ABCD ( Hình 2) có:    - Bốn **đỉnh**: A, B, C, D  - Bốn **cạnh** bằng nhau:  AB = BC = CD = DA  Các đường chéo: AC, BD.  - Bốn **góc** bằng nhau và bằng góc vuông.  - Hai **đường chéo** là AC và BD.  **Thực hành 1:**  Sau khi kiểm tra thì ta nhận thấy hai đường chéo AC và BD bằng nhau.  => Hai **đường chéo** của hình vuông bằng nhau.  **Vận dụng 1:**    Bạn Trang nói như vậy là **sai**.  Bởi vì sau khi kiểm tra, ta thấy rằng các cạnh của hình 3 bằng nhau nhưng các góc lại không bằng nhau, một của hình không hải là góc vuông.  **Thực hành 2: Vẽ hình vuông**  *Vẽ hình vuông ABCD cạnh 4cm bằng thước và ê ke:*  + Bước 1: Vẽ đoạn thẳng CD = 4cm.  + Bước 2: Vẽ hai đường thẳng vuông góc với CD tại C và D như hình vẽ trong SGK (tr 76).  + Bước 3: Nối hai điểm A và B ta được hình vuông cần vẽ.  => Ta được **hình vuông ABCD.**  A  B  C  D  4cm  **Thực hành 3:** |

**Hoạt động 2: Hình tam giác đều**

**a) Mục tiêu:**

- HS nhận biết được tam giác đều.

- HS mô tả được đỉnh, cạnh , góc của tam giác đều.

- HS nhận biết được sự bằng nhau của các góc, các cạnh của tam giác đều.

- HS biết vẽ tam giác đều với độ dài cạnh cho trước.

- HS biết cắt hình tam giác.

**b) Nội dung:** HS quan sát hình ảnh trên màn chiếu và SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:**

- HS nắm vững kiến thức và hoàn thành được phần *Thực hành*

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn và cho HS hoàn thành **HĐKP2:**  + GVhướng dẫn lại HS cách kiểm tra độ dài 3 cạnh có bằng nhau hay không bằng Compa.  + GV lưu ý HS cách kiểm tra số đo góc bằng thước đo góc.  - GV dẫn dắt, cho HS rút ra nhận xét về đặc điểm của tam giác đều, độ dài ba cạnh, độ lớn ba góc của tam giác đều.  - GV yêu cầu 1 số HS phát biểu lại đặc điểm tam giác đều như trong SGK ( tr77).  - GV hướng dẫn HS cách cắt tam giác đều theo các bước đã hướng dẫn phần **Thực hành 4** và sau đó cho HS thực hành cắt tam giác đều:  + Lấy ba que tính bằng nhau xếp thành một hình tam giác đều trên tấm bìa.  + Chấm các điểm ở đầu các que tính.  + Nối các điểm và cắt theo đường nối.  Cắt các góc của hình tam giác trên và làm theo hướng dẫn sau để kiểm tra xem các góc của chúng có bằng nhau không?    - GV hướng dẫn HS vẽ tam giác đều theo các bước đã hướng dẫn phần Thực hành 5: *Vẽ tam giác đều ABC cạnh 3 cm****:***  + Vẽ đoạn thẳng AB = 3cm.  + Lấy A, B làm tâm, vẽ hai đường tròn bán kính 3cm.  Gọi C là một trong hai giao điểm của hai đường tròn. Nối C với A và C với B, ta được **tam giác đều ABC**.  - GV cho HS hoạt động cá nhân vẽ hình và tô màu như hình bài **Vận dụng 2.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS quan sát SGK và hoàn thành theo yêu cầu của GV  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay trình bày, hoàn thành vở.  - GV nhận xét, sửa sai và lưu ý một số lỗi cho HS.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá quá trình học của HS, tổng quát lại các đặc điểm của tam giác đều, cách vẽ tam giác đều và cho HS nêu lại các bước vẽ một tam giác đều. | **2. Tam giác đều**  **HĐKP2:**  a) Sau khi dùng compa kiểm tra thì ta thấy tam giác ABC có 3 cạnh bằng nhau.  b) Sau khi dùng compa kiểm tra thì ta thấy tam giác ABC cũng có 3 góc bằng nhau.  Tam giác ABC ( Hình 5) có :    **-** Ba **đỉnh**: A, B, C ;  - Ba **cạnh** bằng nhau: AB = = AC = BC.  - Ba **góc** đỉnh A, B, C bằng nhau.  - Tam giác ABC như thế được gọi là **tam giác đều**.  **Thực hành 4:**  ( HS thực hành cắt dưới sự hướng dẫn của GV. Sau khi cắt, )  **Thực hành 5: Vẽ tam giác đều.**  *Vẽ tam giác đều ABC cạnh 3cm bằng thước và compa.*    **Vận dụng 2:** |

**Hoạt động 3: Hình lục giác đều**

**a) Mục tiêu:**

- HS mô tả được một số yếu tố của hình lục giác đều.

- HS tạo lập được hình lục giác đều thông qua việc lắp ghép các tam giác đều.

- HS mô tả được một số yếu tố cơ bản của hình lục giác đều.

**b) Nội dung:** HS quan sát hình ảnh trên màn chiếu và SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn và cho HS hoạt động nhóm 4 thực hiện **HĐKP3.**  - GV cho HS quan sát Hình 7 trong SGK, dẫn dắt và cho HS rút ra nhận xét về đặc điểm lục giác đều, độ dài các cạnh, các góc và các đường chéo của lục giác đều.  - GV cho một vài HS phát biểu lại các đặc điểm của lục giác đều như trong SGK và ghi vở.  - GV hướng dẫn và yêu cầu HS thực hiện **Thực hành 6** và rút ra nhận xét về ba đường chéo chính.  - GV cho HS trao đổi, thảo luận nhóm **Vận dụng 3.**  - GV yêu cầu HS đọc hiểu phần “ EM có biết” để biết thêm về bàn cờ vua lục giác.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS quan sát SGK và hoàn thành theo yêu cầu của GV.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Lắng nghe, ghi chú, giơ tay phát biểu  - Các HS nhận xét, bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá quá trình học của HS, tổng quát lại các đặc điểm của hình lục giác đều. | **3. Hình lục giác đều**  **HĐKP3:**  a) HS ghép các tam giác đều theo hướng dẫn để được hình 6.  b) **Nhận xét:**Các góc và các cạnh của tam giác đều bằng nhau.  Xét hình ABCDEF ( Hình 7) có:    - Sáu **đỉnh** A, B, C, D, E, F.  - Sáu **cạnh** bằng nhau.  - Sáu **góc** đỉnh A, B, C, D, E, F bằng nhau.  - Ba **đường chéo chính** là AD, BE, CF.  Hình ABCDEF như thế được gọi là hình **lục giác đều**.  AB = BC = CD = ĐE = EF = FA  **Thực hành 6:**  Sau khi dùng thước đo thì ta thấy các đường chéo chính AD, BE, CF có độ dài bằng nhau.  => Trong hình lục giác đều ba **đường chéo chính** bằng nhau.  **Vận dụng 3:**  Bạn Bình **đúng**.  Bởi vì: Nếu hình có sáu cạnh có chiều dài bằng nhau, nó được gọi là một hình lục giác sáu cạnh đều. Chỉ khi tất cả các góc có cùng kích thước, và các cạnh bằng nhau, mới gọi là lục giác đều. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

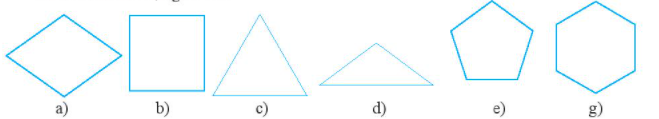
**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập* **bài****1, 2, 3, 4, 5 ( SGK – tr79)**

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận và hoàn thành vở, giơ tay trình bày miệng.*

**Bài 1 :**



Hình vuông: **b)**

Hình tam giác đều: **c)**

Hình lục giác đều: **g)**

**Bài 2 :**

*Vẽ hình vuông ABCD cạnh 7cm bằng thước và ê ke:*

+ Bước 1: Vẽ đoạn thẳng CD = 7cm.

+ Bước 2: Vẽ hai đường thẳng vuông góc với CD tại C và D .

+ Bước 3: Nối hai điểm A và B ta được hình vuông cần vẽ.

=> Ta được **hình vuông ABCD.**

A

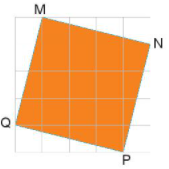
B

C

D

7cm

**Bài 3:**



Sau khi dùng thước êke kiểm tra thì là thấy các cạnh và các góc của hình MNPQ bằng nhau. Nên hình MNPQ là hình vuông.

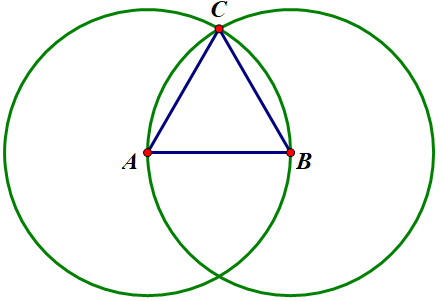
**Bài 4:**

*Vẽ tam giác đều ABC cạnh 4 cm****:***

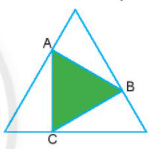
+ Vẽ đoạn thẳng AB = 4cm.

+ Lấy A, B làm tâm, vẽ hai đường tròn bán kính 4cm.

Gọi C là một trong hai giao điểm của hai đường tròn. Nối C với A và C với B, ta được **tam giác đều ABC**.



**Bài 5:**



Tam giác ABC là tam giác đều. Bởi vì có các cạnh và các góc bằng nhau.

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức

**b) Nội dung:** GV hỏi, HS đáp.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV chia HS thành nhóm 6 người, dưới sự hướng dẫn của GV, các nhóm trao đổi và hoàn thành bài tập* ***bài 6***

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận nhóm và thực hành vẽ, cắt, ghép.*

*- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập 7.*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, hoàn thành vở.*

**Bài 7 :**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Biển báo |  |  |  |
| Hình dạng | Hình tam giác đều | Hình chữ nhật | Hình vuông |
| Ý nghĩa | Bảo người trước sắp tới phần đường người đi bộ cắt ngang. | Đường cao tốc | Bắt đầu đường ưu tiên. |

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Luyện vẽ tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.

- Hoàn thành bài tập 6 ( SBT –tr 67) và nộp sản phẩm bao thư vào tiết học sau.

- Tìm hiểu và đọc trước “**Bài 2: Hình chữ nhật - Hình thoi - Hình bình hành - Hình thang cân”.** và sưu tầm đồ vật, tranh ảnh về hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân theo tổ. ( Tổ nào sưu tầm được nhiều đồ vật, tranh ảnh nhất sẽ được phần thưởng của GV).

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# TIẾT 49 + 50 + 51 + 52 – BÀI 2: : HÌNH CHỮ NHẬT. HÌNH THOI. HÌNH BÌNH HÀNH. HÌNH THANG CÂN

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Nhận dạng các hình trong bài.

- Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

**+** Vẽ được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành và hình thang cân bằng các dụng cụ học tập.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; giải quyết vấn đề toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, tài liệu giảng dạy, giáo án ppt

+ Nghiên cứu kĩ bài học và lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp.

+ Chuẩn bị một số vật liệu phục vụ hoạt động trải nghiệm: dụng cụ cắt ghép, giấy A4, kéo cắt giấy, tranh ảnh trong bài,..

+ Sưu tầm các hình ảnh thực tế, video minh họa liên quan đến bài học, các thiết bị dạy học phục vụ hình thành và phát triển năng lực HS.

+ Giao nhiệm vụ cho HS chuẩn bị một số HĐ của bài học.

**2 - HS** :

+ Đồ dùng học tập: bút, bộ êke ( thước thẳng, thước đo góc, êke), compa, bút chì, tẩy...

+ Giấy A4, kéo.

+ Đồ vật, tranh ảnh về các hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

**-** GV thiết kế tình huống thực tế tạo hứng thú cho HS.

- Tạo tình huống vào bài học từ hình ảnh thực tế, ứng dụng thực tế từ các hình trong bài.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và quan sát hình ảnh trên màn chiếu hoặc tranh ảnh.

**c) Sản phẩm:** HS nhận dạng được một số hình và tìm được các hình ảnh trong thực tế liên quan đến hình đó.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chiếu slide về bức tranh, diều, tấm bìa, mái nhà rông và đặt câu hỏi: “Quan sát hình dạng của bức tranh, cái diều, tấm bìa, mái nhà rông, em có biết đó là các hình gì?

- GV cho lần lượt các tổ trưng bày hình ảnh, sản phẩm về hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành và hình thang cân đã giao trước đó.

- GV tổng kết số sản phẩm của các tổ và trao thưởng cho tổ chuẩn bị được nhiều đồ vật, hình ảnh về các hình nhất.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS chú ý quan sát, lắng nghe, trả lời câu hỏi và trình bày.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Đại diện tổ báo cáo số lượng đồ vật, hình ảnh đã sưu tầm được như GV đã giao nhiệm vụ.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá, khen các tổ đã hoàn thành nhiệm vụ tốt và trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi, hình thang là các hình mà chúng ta thường gặp trong đời sống thực tế và đã được làm quen ở Tiểu học. Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta tìm hiểu thêm về các hình như thế, từ đó chúng ta có thể vẽ, cắt, ghép các hình để làm một số đồ dùng hoặc trang trí nơi học tập của mình.” => Bài mới

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Hình chữ nhật**

**a) Mục tiêu:**

- HS nhận biết được hình chữ nhật.

- HS mô tả được cạnh , góc, đường chéo của hình chữ nhật.

- HS nhận biết được sự bằng nhau của các góc, các cạnh , đường chéo của hình chữ nhật.

- HS vẽ được hình chữ nhật khi biết độ dài hai cạnh.

**b) Nội dung:** HS quan sát trên màn chiếu và SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:**

- HS nắm vững kiến thức và hoàn thành được phần *Thực hành, Vận dụng.*

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn và cho HS trao đổi thực hiện **HĐKP1.**  - GV dẫn dắt và cho HS quan sát hình chữ nhật ở Hình 2 và trả lời các câu hỏi sau và rút ra nhận xét về các đặc điểm của hình chữ nhật:  *+ Nêu tên các đỉnh, cạnh, đường chéo, hai cạnh đối của hình chữ nhật ABCD.*  *+ Dùng thước đo góc để đo và so sánh các góc của hình chữ nhật ABCD.*  *+ Dùng thước thẳng hoặc compa để so sánh hai cạnh đối, hai đường chéo của hình chữ nhật ABCD.*  ( GV lưu ý lại cho HS cách đo góc, đo độ dài cạnh).  - GV cho một, hai HS phát biểu lại về các đặc điểm của HCN như trong SGK.  - GV yêu cầu HS hoàn thành **Thực hành 1.**  - GV cho HS trao đổi, hoàn thành **Vận dụng 1**.  - GV hướng dẫn HS cách vẽ HCN theo các bước đã hướng dẫn phần **Thực hành 2** và sau đó cho HS thực hành vẽ hình chữ nhật. (GV lưu ý HS thực hành vẽ và cho HS kiểm tra chéo sau khi vẽ):  *Vẽ hình chữ nhật ABCD có AB = 4cm, AD = 3cm:*  *+* Vẽ đoạn thẳng AB = 4cm và đoạn thẳng AD = 3cm vuông góc với nhau.  + Qua B vẽ đường thẳng vuông góc với AB.  + Qua D vẽ đường thẳng vuông góc với AD.  Hai đường thẳng này cắt nhau ở C.  => Ta được **hình chữ nhật ABCD.**  - GV trình bày lên bảng hoặc trình chiếu PPT hướng dẫn HS cách vẽ hình chữ nhật trên màn chiếu theo các bước đã hướng dẫn cho HS dễ hình dung và biết cách vẽ.  - GV cho HS suy nghĩ, thảo luận nhóm hoàn thành **Vận dụng 2.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS quan sát SGK, lắng nghe, ghi chú và thực hiện hoàn thành theo yêu cầu của GV.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Hoàn thành vở, trình bày miệng, trình bày bảng.  - Các HS nhận xét, bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá quá trình học của HS, tổng quát lại các **đặc điểm của hình chữ nhật, cách vẽ hình chữ nhậ**t. | **1. Hình chữ nhật**  **HĐKP1:**    a) Sau khi đo và so sánh ta thấy:  - Các góc của hình chữ nhật ABCD bằng nhau.  - Các cặp cạnh đối AB và CD, AD và BC bằng nhau.  b) Ta thấy hai cặp cạnh AB và CD, BC và AD song song với nhau.  c) Ta thấy hai đường chéo AD và BD bằng nhau.  **=> Hình chữ nhật** ABCD ( Hình 2) có:    - Bốn **đỉnh** A, B, C, D.  - Hai cặp **cạnh đối diện** bằng nhau: AB = CD; BC = AD.  - Hai cặp cạnh đối diện song song: AB song song với CD; BC song song với AD.  - Bốn **góc** đỉnh A, B, C, D bằng nhau và bằng góc vuông.  - Hai **đường chéo** bằng nhau và cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường:  AC = BD và OA = OC; OB = OD.  **Thực hành 1:**    Các đoạn OM, ON, OP, OO có độ dài bằng nhau.  **Vận dụng 1:**    **Thực hành 2: Vẽ hình chữ nhật**  *Vẽ hình chữ nhật ABCD có AB = 4cm, AD = 3cm.*  4cm  3cm  A  B  C  D  **Vận dụng 2:**  Bước 1: Ta gấp đôi 2 lần hình chữ nhật.  Bước 2: Mở hình chữ nhật đã gấp ra.  Bước 3: Dùng kéo cắt theo đường của các nếp gấp để thành 4 hình chữ nhật có cùng chiều dài và chiều rộng. |

**Hoạt động 2: Hình thoi**

**a) Mục tiêu:**

- Nhận biết được hình thoi.

- Mô tả được cạnh, góc, đường chéo của hình thoi và nhận xét được một số mối quan hệ của cạnh và đường chéo của hình thoi.

- Vẽ được hình thoi khi biết độ dài một cạnh.

- Tìm được các hình ảnh thực tế của hình thoi.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức và hoàn thành được phần *Thực hành, Vận dụng.*

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn và cho HS trao đổi thực hiện **HĐKP2.**  - GV dẫn dắt và cho HS quan sát hình thoi ở Hình 5 và rút ra nhận xét về các đặc điểm của hình thoi.  - GV chốt lại kiến thức, nêu và chỉ rõ các đặc điểm của hình thoi trên bảng để HS hiểu rõ.  - GV yêu cầu một, vài HS đọc lại nội dung kiến thức như trong SGK.  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi hoàn thành Thực hành 3. ( GV lưu ý HS cách đặt ê ke, và dùng compa để kiểm tra).  - GV hướng dẫn HS vẽ hình thoi hoàn thành Thực hành 4 theo các bước:  + Vẽ đoạn thẳng AC = 5cm.  + Lấy A và C làm tâm, vẽ hai đường tròn bán kính 3cm, hai đường tròn này cắt nhau tại hai điểm B và D.  + Nối B với A, B với C, D với A, D với C.  => Ta được **hình thoi ABCD.**  - GV thực hành trên bảng hoặc trình chiếu PPT hướng dẫn HS cách vẽ hình thoi trên màn chiếu theo các bước đã hướng dẫn cho HS dễ hình dung và biết cách vẽ.  - HS áp dụng kiến thức trao đổi, thảo luận nhóm hoàn thành **Vận dụng 3.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý nghe, hiểu, ghi chú và hoàn thành các yêu cầu của GV  - GV: quan sát, giảng, phân tích, lưu ý và trợ giúp nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **-** HS trao đổi nhóm, giơ tay phát biểu, trình bày miệng, trình bày bảng  - GV : kiểm tra, chữa và nêu kết quả.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức. | **2. Hình thoi**  **HĐKP2:**    a) Các cạnh AB, BC, CD, DA của hình thoi đều bằng nhau.  b) Các cặp cạnh AB và CD, BC và AD song song nhau.  c) Dùng êke kiểm tra ta thấy hai đường chéo AC và BD vuông góc với nhau.  **Hình thoi** ABCD ( Hình 5) có:    - Bốn **đỉnh** A, B, C, D.  - Bốn **cạnh** bằng nahu: AB = BC = CD = DA.  - Hai cặp **cạnh đối diện** song song: AB song song với CD; BC song song với AD.  - Hai **đường chéo** AC và BD vuông góc với nhau.  **Thực hành 3:**  - Hai đường chéo LJ, IK vuông góc với nhau.  -  Hai đường chéo LJ, IK cắt nhau tại trung điểm mỗi đường.  **Thực hành 4:**    **Vận dụng 3:**  *Vẽ hình thoi MNPQ cạnh MN = 4cm:*  - Giả sử vẽ đường chéo MP = 6 cm ( MP > 4cm).  - Lấy M, P làm tâm, vẽ hai đường tròn bán kính 4cm, hai đường tròn này cắt nhau tại hai điểm N và Q.  - Nối N với M, N với P, Q với M, Q với P.  => Ta được **hình thoi MNPQ** cần vẽ |

**Hoạt động 3: Hình bình hành**

**a) Mục tiêu:**

- HS nhận biết được hình bình hành và tìm được hình ảnh của hình bình hành trong thực tế.

- HS tìm tòi, khám phá được một số yếu tố cơ bản của hình bình hành và đưa ra được một số nhận xét cơ bản về mối quan hệ của cạnh, góc, hình bình hành.

- HS vẽ được hình bình hành khi biết độ dài hai cạnh.

**b) Nội dung:** HS quan sát hình ảnh trên màn chiếu và SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:**

+ HS nắm vững kiến thức và hoàn thành được phần thực hành, vận dụng.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS hoạt động nhóm thực hiện hoàn thành **HĐKP3.**  - GV dẫn dắt, cho HS quan sát hình và rút ra nhận xét về các đặc điểm của hình bình hành.  - GV chốt lại kiến thức, nêu và chỉ rõ các đặc điểm của hình bình hành trên bảng để HS hiểu rõ.  - GV yêu cầu một, vài HS đọc lại nội dung kiến thức như trong SGK.  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi hoàn thành Thực hành 5.  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi suy nghĩ và hoàn thành **Vận dụng 4**.  - GV hướng dẫn cho HS các bước vẽ hình bình hành theo các bước ở phần **Thực hành 6** và cho HS thực hành vẽ hình hình bình hành (GV lưu ý HS thực hành vẽ và cho HS kiểm tra chéo sau khi vẽ):*Vẽ hình bình hành ABCD khi biết AB = 3cm; BC = 5cm và đường chéo AC = 7cm:*  + Vẽ đoạn thẳng AB = 3cm.  + Vẽ đường tròn tâm A bán kính 7cm; vẽ đường tròn tâm B bán kính 5cm; hai đường tròn cắt nhau tại C. Nối B với C.  + Từ A kẻ đường thẳng song song với BC; từ C kẻ đường thẳng song song với AB; hai đường thẳng này cắt nhau tại D.  => Ta được **hình bình hành ABCD.**  - GV thực hành trên bảng hoặc trình chiếu PPT hướng dẫn HS cách vẽ hình bình hành trên màn chiếu theo các bước đã hướng dẫn cho HS dễ hình dung và biết cách vẽ.  - HS trao đổi cách vẽ **Vận dụng 5** và thảo luận rút ra nhận xét về hình vừa vẽ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS quan sát SGK, trả lời và hoàn thành các yêu cầu của GV  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: phát biểu, thực hành vẽ.  - HS rút kinh nghiệm và sửa sai cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá quá trình học của HS, tổng quát lại đặc điểm của hình bình hành, cách vẽ hình bình hành và cho HS nêu lại các bước vẽ một hình bình hành. | **3. Hình bình hành**  **HĐKP3:**    a) Ta thấy độ dài cạnh AB và CD bằng nhau, độ dài cạnh AD và BC bằng nhau.  b) Ta thấy cặp cạnh AB và CD song song nhau và cặp cạnh AD và BC song song nhau.  c) Ta thấy OA và OC bằng nhau, OB và OD bằng nhau.  => Hình bình hành ABCD có:    - Bốn **đỉnh** A, B, C, D.  - Hai cặp **cạnh đối diện** bằng nhau:  AB = CD; BC = AD.  - Hai cặp **cạnh đối diện** song song: AB song song với CD; BC song song với AD.  - Hai cặp **góc đối diện** bằng nhau: góc đỉnh A bằng góc đỉnh C, góc đỉnh B bằng góc đỉnh D.  - Hai **đường chéo** cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường:  OA = OC; OB = OD.  **Thực hành 5:**  - Góc ở đỉnh M bằng với góc ở đỉnh P.  - OM = OP, OM = OQ.  **Vận dụng 4:**  **Thực hành 6:**  *Vẽ hình bình hành ABCD khi biết AB = 3cm; BC = 5cm và đường chéo AC = 7cm:*  - Vẽ đoạn thẳng AB = 3cm.  - Vẽ đường tròn tâm A bán kính 7cm; vẽ đường tròn tâm B bán kính 5cm; hai đường tròn cắt nhau tại C. Nối B với C.  - Từ A kẻ đường thẳng song song với BC; từ C kẻ đường thẳng song song với AB; hai đường thẳng này cắt nhau tại D.  => Ta được **hình bình hành ABCD.**    **Vận dụng 5:**  *Vẽ hình bình hành ABCD biết đường chéo AC =5cm, BD = 7cm.*  - Vẽ đường chéo AC = 5cm  - Lấy O là trung điểm của AC.  - Vẽ đường thẳng BD = 7cm qua O sao cho O là trung điểm của BD.  Nối A với B, A với D, nối C với B, C với D.  => Ta được **hình bình hành ABCD** .    Thảo luận:  - Các cặp cạnh đối diện AB và CD, BC và AD bằng nhau  - Các đường chéo cắt nhau tại tâm O  - Độ dài cạnh AB và CD bằng nhau, độ dài cạnh AD và BC bằng nhau. |

**Hoạt động 4: Hình thang cân**

**a) Mục tiêu:**

- HS nhận dạng được hình thang cân thông qua các hình ảnh thực tế.

- HS mô tả được một số yếu tố cơ bản của hình thang cân.

- HS nhận biết được hình thang cân.

- HS biết cách gấp cắt hình thang cân từ tờ giấy hình chữ nhật.

**b) Nội dung:** HS quan sát trên màn chiếu và SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:**

- HS nắm vững kiến thức và hoàn thành được phần *Vận dụng*, *Thực hành*

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn và tổ chức cho HS thảo luận nhóm cho HS thực hiện hoàn thành **HĐKP4.**  - GV dẫn dắt, tổ chức cho HS nhận xét các đặc điểm, mối quan hệ của cạnh đáy, cạnh bên, đường chéo của hình thang cân. ( Riêng về yếu tố góc, GV có thể dùng phương pháp gấp giấy, để HS thấy hai góc kề một đáy của hình thang cân bằng nhau).  - GV chốt lại kiến thức, nêu và chỉ rõ các đặc điểm của hình bình hành trên bảng để HS hiểu rõ.  - GV yêu cầu một, vài HS đọc lại nội dung kiến thức như trong SGK.  - GV cho HS suy nghĩ, trao đổi hoàn thành **Thực hành 7**.  + GV cho HS thực hiện hoạt động cá nhân để hoàn thành **Vận dụng 6**: Thực hành gấp, cắt hình thang cân.    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, quan sát SGK, ghi chú và hoàn thành theo yêu cầu của GV.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: phát biểu, thực hành gấp, cắt.  - HS nhận xét, rút kinh nghiệm cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá quá trình học của HS, tổng quát lại các đặc điểm của hình thang cân, cách gấp cắt hình thang cân từ tờ giấy hình chữ nhật. | **4. Hình thang cân**  **HĐKP4:**    a) Hai cạnh bên BC và AD bằng nhau.  b) AB song song với CD.  c) Ta thấy hai đường chéo AC và BD bằng nhau.  **=> Hình thang** ABCD ( Hình 10) có:    - Hai **cạnh đáy** song song: AB song song với CD.  - Hai **cạnh bên** bằng nhau: BC= AD.  - Hai **góc kề** một đáy bằng nhau: góc đỉnh A bằng góc đỉnh B, góc đỉnh C bằng góc đỉnh D.  - Hai **đường chéo** bằng nhau: AC = BD.  Hình thang ABCD như thế được gọi là **hình thang cân**.  **Thực hành 7:**    - Góc đỉnh H bằng với góc đỉnh G.  - EG = FH và EH = FG.  **Vận dụng 6:**  Hình vừa cắt được là hình thang cân. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập* **bài****1 ; 2 ; 3 ; 5 ; 7 ( SGK – tr 85, 86)**

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận, hoàn thành vở,lên bảng trình bày.*

**Bài 1 :**



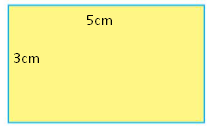
Hình a: Hình thoi

Hình b: Hình thang cân

Hình c: Hình chữ nhật

Hình d: Hình bình hành.

**Bài 2:**



**Bài 3:**

*Vẽ hình chữ nhật ABCD có AB = 5cm, AD = 8cm:*

*+* Vẽ đoạn thẳng AB = 5cm và đoạn thẳng AD = 8cm vuông góc với nhau.

+ Qua B vẽ đường thẳng vuông góc với AB.

+ Qua D vẽ đường thẳng vuông góc với AD.

Hai đường thẳng này cắt nhau ở C.

=> Ta được **hình chữ nhật ABCD.**

8cm

5cm

A

B

C

D

**Bài 5 :**

*Vẽ hình bình hành ABCD có MN = 3cm; NP = 4cm*

Bước 1: Vẽ đoạn thẳng MN = 3cm.

Bước 2: Vẽ đường thẳng đi qua N. Trên đường thẳng đó, lấy điểm P : NP = 4cm.

Bước 3: Vẽ đường thẳng đi qua M và song song với NP, đường thẳng qua P và song song với MN. Hai đường thẳng này cắt nhau tại Q

=> Ta được **hình bình hành MNPQ.**

N

PQ

Q

M

3cm

4cm

**Bài 7:** *Vẽ hình thoi MNPQ có góc MNP =60o và MN =6cm.*

-Vẽ đoạn thẳng MN = 6cm.

- Lấy A, B làm tâm, vẽ hai đường tròn bán kính 6cm.

- Gọi P, Q là các giao điểm của hai đường tròn. Nối P với M, P với N ta được tam giác MNP đều ( => góc MNP = 60o; MN = 6cm). Nối Q với M, Q với N.

=> Ta được **hình thoi MNPQ.**

N

M

Q

P

6 cm

60o

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức

**b) Nội dung:** HS thực hành theo yêu cầu của bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

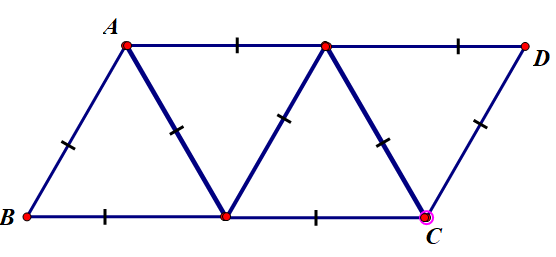
**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập* ***bài******4, 6, 8.*** *( SGK – tr89)*

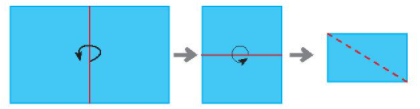
*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận nhóm và thực hành gấp, cắt, ghép theo yêu cầu đề.*

**Bài 4 :**

**Kết quả sau khi ghép :**



**Bài 6 :**

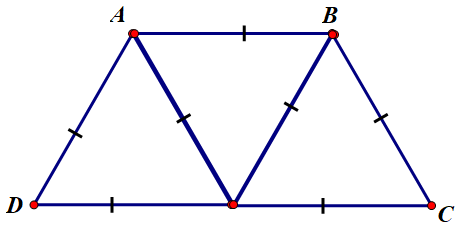


- Hình vừa cắt được là hình thoi.

- Hai đường chéo của hình vừa cắt được vuông góc với nhau và cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.

**Bài 8:**

**Kết quả sau khi ghép:**



*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Hoàn thành nốt các bài tập.

- GV hướng dẫn HS **bài 9 (SGK- tr86)** và yêu cầu HS vẽ vào giấy A4 và nộp bài vào buổi sau.

- Tìm hiểu và đọc trước “**Chu vi và diện tích của một số hình trong thực tiễn”** và ôn tập lại một số công thức tính chu vi, diện tích đã học ở Tiểu học.

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# TIẾT 53 + 54 - BÀI 3: CHU VI VÀ DIỆN TÍCH CỦA MỘT SỐ HÌNH TRONG THỰC TIỄN.

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

- Hiểu và ghi nhớ được công thức tính chu vi, diện tích của một số hình đã học.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

**+** Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi, diện tích của một số tứ giác đã học.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng trí tưởng tượng, hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, tài liệu giảng dạy, giáo án ppt

+ Nghiên cứu kĩ bài học, kết nối kiến thức ở cấp Tiểu học với bài dạy.

+ Sưu tầm những bài toán thực tế gắn liền với việc tính chu vi, diện tích mức độ đơn giản.

+ Đổi mới phương pháp dạy học giúp HS hứng thú bài học, tạo những nhiệm vụ mang tính thực tế.

**2 - HS** :

+ Đồ dùng học tập cần thiết, SGK..

+ Ôn tập lại một số công thức về tính chu vi, diện tích đã học ở Tiểu học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

**-** GV thiết kế tình huống thực tế gợi động cơ học tập và tạo hứng thú cho HS.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và thực hiện theo yêu cầu

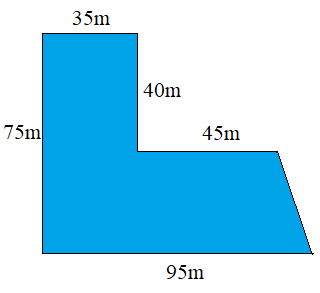
**c) Sản phẩm:** HS nhận thức được sự cần thiết của việc tính chu vi và diện tích các hình để giải quyết các vấn đề trong đời sống thực tế.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV đặt vấn đề qua bài toán mở đầu: (GV có thể chiếu hình ảnh trên slide minh họa cho bài toán)

***Em hãy tính diện tích mảnh đất được cho bởi các kích thước như sau:***



**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS chú ý quan sát và lắng nghe, thảo luận tìm ra hướng giải bài toán.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** 1 vài nhóm HS báo cáo, nêu hướng giải.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá và dẫn dắt HS vào bài học mới: “ Để tính chu vi và diện tích một số hình trong thực tiễn, thông thường ta chia hình đó thành các hình đã biết cách tính chu vi và diện tích. Vậy làm thế nào để chúng ta có thể chia một hình thành các hình quen thuộc và công thức tính chu vi, diện tích các hình đã học như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài ngày hôm nay.” => Bài mới

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Nhắc lại chu vi và diện tích một số hình đã học.**

**a) Mục tiêu:**

- Nhớ và củng cố lại các công thức tính chu vi, diện tích hình chữ nhật, hình vuông, hình tam giác, hình thang.

**b) Nội dung:** HS quan sát trên màn chiếu và SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV giới thiệu quy ước kí hiệu chu vi là P, diện tích là S.  - GV yêu cầu HS gấp SGK và nêu lại các công thức tính chu vi, diện tích các hình đã học ở Tiểu học. ( GV gọi 3-4 HS phát biểu, trình bày)  - GV nhận xét và giới thiệu công thức tính chu vi, diện tích hình chữ nhật, hình vuông, hình tam giác, hình thang như trong *Hộp kiến thức.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS lắng nghe và trả lời theo yêu cầu của GV.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: giơ tay phát biểu, lên bảng trình bày.  - Các HS nhận xét, bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá quá trình học của HS, tổng quát lại các **công thức tính chu vi, diện tích hình chữ nhật, hình vuông, hình tam giác, hình thang.** | **1. Nhắc lại về chu vi và diện tích một số hình đã học.**  a  b  - Hình chữ nhật:  + **P = (a +b).2**  + **S = a.b**  - Hình vuông:  a  + **P =4a**  + **S = a.a**  - Hình tam giác:    + **P = a +b + c**  + **S = a.h**  a  c  h  b  d  - Hình thang:  + **P = a + b + c + d**  + **S = ( a+ b). h** |

**Hoạt động 2: Tính chu vi, diện tích của hình bình hành, hình thoi**

**a) Mục tiêu:**

- Giới thiệu công thức tính chu vi của hình bình hành, hình thoi

- HS xây dựng được công thức tính diện tích hình bình hành, hình thoi từ công thức tính diện tích hình chữ nhật.

- Áp dụng công thức tính chu vi, diện tích các hình vào bài toán thực tế.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  ***a) Chu vi và diện tích hình bình hành***  - GV cho HS quan sát Hình 1 (SGK) trao đổi, thảo luận nhóm đôi hoàn thành **HĐKP1.**  - GV dẫn dắt, cho HS rút ra công thức tính chu vi và diện tích hình bình hành.  - GV chốt lại công thức và yêu cầu một vài HS phát biểu lại công thức như trong hộp kiến thức.  - GV tổ chức cho HS áp dụng trình bày *Ví dụ 1* vào vở.  ***b) Chu vi và diện tích hình thoi:***  - GV cho HS quan sát Hình 2 (SGK) trao đổi, thảo luận nhóm 4 hoàn thành **HĐKP2.**  - GV dẫn dắt, cho HS rút ra công thức tính chu vi và diện tích hình thoi.  - GV giới thiệu, chốt lại công thức tính chu vi và diện tích hình thoi và yêu cầu một vài HS phát biểu lại công thức như trong hộp kiến thức.  - GV tổ chức cho HS áp dụng trình bày *Ví dụ 2* vào vở.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS quan sát SGK và hoàn thành theo yêu cầu của GV.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: thảo luận, phát biểu, giơ tay trình bày.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá quá trình học của HS, tổng quát lại các **công thức tính chu vi, diện tích hình bình hành và hình thoi.** | **2. Tính chu vi, diện tích của hình bình hành, hình thoi**  ***a) Chu vi và diện tích hình bình hành***  **HĐKP1:**    - Chu vi hình bình hành ABCD:  P = 2.(a + b)  - Diện tích tam giác AMD bằng diện tích tam giác BNC.  - Diện tích hình bình hành ABCD bằng diện tích hình chữ nhật ABNM.  => Chu vi hình bình hành có độ dài hai cạnh a, b ( Hình 1) là:  **P = 2. ( a + b)**  Diện tích hình bình hành có độ dài một cạnh a và chiều cao tương ứng h là:  **S = a.h**  *Vi dụ 1:*  Diện tích của hinh bình hành là:  S = 10. 5 = 20 (m2)  ***b) Chu vi và diện tích hình thoi:***  **HĐKP2:**    - Chu vi hình thoi ABCD là:  P =4.a  - Diện tích hình thoi ABCD = diện tích hình chữ nhật AMNC.  - Diện tích hình chữ nhật AMNC  S = n . m  **=>** Chu vi hình thoi có độ dài cạnh a là :  **P = 4.a**  Diện tích hình thoi có độ dài hai đường chéo m và n là:  S = m . n  *Ví dụ 2:*  Diện tích của hình thoi đó là:  S = = 400 (m2) |

**Hoạt động 3 : Tính chu vi và diện tích một số hình trong thực tiễn :**

- Áp dụng công thức tính chu vi và diện tích các hình vào bài tập mức độ đơn giản.

- HS được vận dụng kiến thức vào bài tập thực tế và phát triển tư duy từ bài toán thực tế.

- Tăng hứng thú, tạo cơ hội cho HS tham gia thửu thách, phát triển tư duy.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu

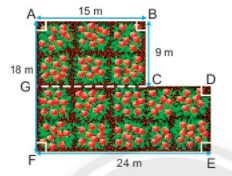
**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1 : Chuyển giao nhiệm vụ :**

*- GV cho HS đọc hiểu Ví dụ 3*, *suy nghĩ, trao đổi, thảo luận nhóm và hoàn thành* *Ví dụ 3.*

*Ví dụ 3 :*



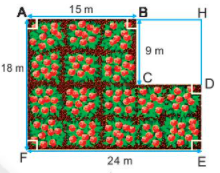
a) CD = FE – AB =24 – 15 =9 (m) ; DE = AF – BC= 18 – 9 = 9 (m)

=> Chu vi của khu vườn là : Pkhu vườn = AB + BC + CE + DE + EF + FA = 15 + 9 + 9 + 9 + 24 + 18 = 84 (m).

b) C1 : Diện tích khu vườn bằng tổng diện tích của hai hình chữ nhật ABCG và GDEF :

Skhu vườn = SABCD+ SGDEF= AB. BC + EF . FG = 15. 9 + 24 . 9 = 351 (m2)

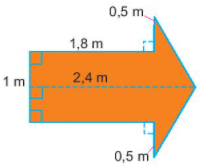
C2 : Diện tích khu vườn bằng hiệu diện tích của hình chữ nhật AHEF và hình vuông BHDC.



Skhu vườn = SABCG + SGDEF = EF. FA - BC. CD = 24. 18 – 9.9 = 351 (m2).

*- GV hướng dẫn và yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi hoàn thành* **Thực hành 1** *vào vở, sau đó trình bày bảng.*

**Thực hành 1 :**



**Chia mũi tên thành các hình như sau :**



Diện tích hình mũi tên bằng tổng diện tích của hình chữ nhật và hình tam giác:

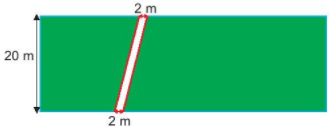
- Shcn = 1 . 1,8 = 1,8 (m2)

- Stam giác = .0,6 . 2 = 0,6( m2)

=> Smũi tên = Shcn + Stam giác = 1,8 + 0,6 = 2,4 (m2)

*- GV cho HS đọc đề* **Vận dụng 1**, *hướng dẫn HS và cho HS tự hoàn thành* **Vận dụng 1.**

**Vận dụng 1:**



Diện tích lối đi được lát sỏi:

20 . 2 = 40 (m2)

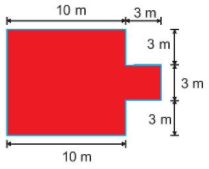
Số tiền để làm lối đi:

40 . 120 = 4 800 (nghìn đồng)

VậyChi phí để làm lối đi là 4 800 000 đồng.

*- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi hoàn thành* **Thực hành 2**.

**Thực hành 2 :**



Diện tích khu vườn bằng tổng diện tích mảnh vườn hình chữ nhật lớn và mảnh vườn vuông nhỏ.

- Shcn = 10 . 9 = 90 (m2)

- Svuông = 3 . 3 = 9 (m2)

=> Skhu vườn = Shcn + Svuông = 90 + 9 = 99 (m2)

- Số tiền để xây tường rào cho khu vườn:

99 . 150 = 14 850 (nghìn đồng)

Vậy cần 14 850 000 đồng để xây tường rào.

*- GV cho HS trao đổi, thảo luận nhóm hoàn thành* **Vận dụng 2.**

**Vận dụng 2:**

An **sai:** không đồng nhất đơn vị.

=> Ta có thể đổi sang dm hoặc cm để tính toán.

**Sửa:** đổi đơn vị dm về cm

Ta có: 300 dm = 30 cm

(25 + 30) . 2 = 110

=> Chu vi khu vườn là: 110 cm

25 . 30 = 750

=> Diện tích khu vườn là: 750 cm.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS quan sát SGK và hoàn thành vào vở ghi theo yêu cầu của GV.

- GV: quan sát và trợ giúp HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS: thảo luận, phát biểu, giơ tay trình bày miệng, trình bày bảng.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

GV nhận xét, đánh giá quá trình học của HS, tổng quát lại các **công thức tính chu vi, diện tích** của các hình.

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập* **bài****1 (SGK –tr90)**

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận và hoàn thành vở.*

**Bài 1: Giải :**

a)  S =  20 . 5 = 100 (cm2)

b) Đổi đơn vị: 20 dm = 2 m

=> S =  = 5 (m2)

c) S =  = 16,4 (m2)

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức

**b) Nội dung:** HS vận dụng các công thức để giải, tính toán các bài toán thực tế.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

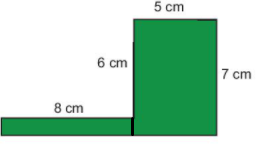
**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập* ***bài******2 ; 3****;* ***4***( SGK – tr 91)

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận và hoàn thành vở và trình bày bảng :*

**Bài 2: Giải :**

a)



Diện tích hình được tô màu bằng tổng diện tích hai hình chữ nhật.

- Shcn lớn = 5 . 7 = 35 (cm2)

Chiều rộng hcn nhỏ là: 7 – 6 = 1 cm

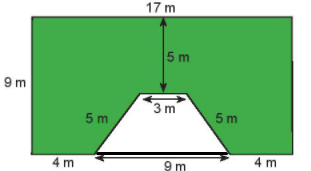
- Shcn nhỏ = 8 . 1 = 8 (cm2)

=> Diện tích hình được tô màu là:

35 + 8 = 43 (cm2)

Vậy Diện tích hình được tô màu bằng **43** cm2.

b)

  
Diện tích hình được tô màu bằng diện tích hình chữ nhật lớn trừ cho diện tích hình thang cân.

Diện tích hình chữ nhật là:

17 . 9 = 153 m2

Chiều cao hình thang cân là:

9 – 5 = 4 m

Diện tích hình thang cân là:

= 24 (m2)

Diện tích hình được tô màu là:

153 + 24 = 177 (m2)

Vậy Diện tích hình được tô màu bằng **177 m2.**

**Bài 3 :**



Diện tích mảnh vườn bằng tổng diện tích hình thang cân ABCD  và hình bình hành ADEF.

Diện tích hình thang cân ABCD là:

= = 792 (m2)

Diện tích hình bình hành ADEF là:

AD . EN = 42 . 28 = 1 176 (m2)

Diện tích mảnh vườn là:

Svườn = SABCD + SADEF = 792 + 1 176 = 1968 (m2)

Vậy Diện tích mảnh vườn bằng **1968** m2.

**Bài 4:**



Diện tích phần còn lại của mảnh vườn bằng diện tích cả mảnh vườn trừ cho diện tích bồn hoa hình thoi.

Diện tích mảnh vườn là:

Smảnhvườn = 25 . 15 = 375 (m2)

Diện tích hình thoi là:

Sthoi =  = 7,5 (m2)

Diện tích phần còn lại của khu vườn là:

Scòn lại = 375 – 7,5 = 367,5 (m2)

Vậy Diện tích phần còn lại của mảnh vườn bằng **367,5 m2.**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS.  - Phương pháp gợi mở - đàm thoại  - Phương pháp thảo luận nhóm. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Hoàn thành nốt các bài tập.

- Học thuộc tất cả công thức tính chu vi và diện tích các hình.

- Xem trước bài sau: “**Hoạt động thực hành và trải nghiệm: Tính chu vi diện tích của một số hình trong thực tiễn**”

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/….

# TIẾT 55 – BÀI 4: HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM:

**TÍNH CHU VI VÀ DIỆN TÍCH CỦA MỘT SỐ HÌNH TRONG THỰC TIỄN**

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

- Làm quen với việc ước lượng được kích thước của một số hình thường gặp.

- Biết cách đo kích thước và áp dụng công thức tính được chu vi, diện tích của một số hình vào thực tiễn.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ HS thực hành tính diện tích và chu vi các hình trong thực tiễn.

+ Rèn luyện cách thực hiện một dự án gồm các khâu:chuẩn bị, thực hiện, báo cáo tổng kết.

+ Rèn luyện ước lượng số đo trước khi đo, so sánh với số đo thực tế.

+ HS rèn luyện cách ghi chép một bài thực hành như thế nào cho hợp lí và khoa học.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán, năng lực hợp tác và làm việc nhóm.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, bài giảng, phiếu học tập.

**2 . Học sinh** :

- SGK, đồ dùng học tập.

- Thước đo độ dài có vạch chia xăng - ti - mét ( thước mét, thước dây, thước kẻ)

- Giấy A4, bút đánh dấu trên giấy, gỗ, gạch đá hoa, gạch đất nung.

- Máy tính cầm tay.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Củng cố lại kiến thức tính chu vi, diện tích các hình đã học cho HS.

- Gợi mở vấn đề, dẫn dắt vào bài thực hành.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và thực hiện yêu cầu.

**c) Sản phẩm:** HS phát biểu đúng các công thức và biết được nội dung bài thực hành sẽ tìm hiểu trong bài.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV hỏi đáp kiến thức cũ nhanh qua các câu hỏi sau:

+ Nêu công thức tính chu vi hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành.

+ Nêu các công thức tính diện tích các hình : hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật.

+ Nêu các công thức tính diện tích các hình: hình thoi, hình bình hành, hình thang.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS chú ý, nhớ lại kiến thức và giơ tay phát biểu, trình bày.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

GV mời 1-2 HS phát biểu đối với mỗi 1 câu hỏi.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài thực hành: “Bài hôm nay chúng ta sẽ cùng thực hành đo đạc, vận dụng công thức để tính chu vi và diện tích các đồ vật có hình dạng quen thuộc.”

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Củng cố kiến thức các công thức tính chu vi, diện tích các hình.

- Rèn luyện đo đạc chính xác và vận dụng các công thức tính chu vi, diện tích các hình để tính diện tích các đồ vật.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe, chuẩn bị sẵn các đồ dùng cần thiết trong bài thực hành, quan sát phiếu học tập và thực hiện hoạt động dưới sự hướng dẫn của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành chính xác kết quả vào phiếu học tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\* Hoạt động 1**: **Tính diện tích và chu vi đồ dùng học tập có hình dạng quen thuộc ( sách, vở, hộp bút, bảng con…)**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV kiểm tra và đánh giá phần chuẩn bị của HS và phát phiếu học tập.

- GV chia lớp thành các nhóm từ 3-5 HS/ nhóm và hướng dẫn HS thực hiện hoạt động: Các nhóm tự phân chia công việc cho các thành viên trong nhóm:

+ Tìm và chọn ra 3 đồ vật ( trong đó 2 đồ vật GV yêu cầu là SGK Toán 6 và vở ghi, 1 đồ vật các nhóm tự chọn có hình dạng quen thuộc mà mình đã học) điền tên, hình dạng vào phiếu.

+ Chọn thước phù hợp đo kích thước của các đồ vật đó, ghi kết quả vào phiếu học tập.

+ Tiến hành tính toán chu vi, diện tích của các đồ vật rồi hoàn thành vào phiếu học tập.

- GV lưu ý lại HS cách đo đạc chính xác trước khi các nhóm thực hành.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS chú ý lắng nghe, chuẩn bị sẵn các đồ dùng cần thiết trong bài thực hành, thực hiện hoạt động dưới sự hướng dẫn của GV và điền kết quả vào phiếu học tập.

- GV: quan sát và trợ giúp các nhóm.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Các nhóm HS báo cáo, trình bày kết quả của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét, lưu ý lại kết quả hoạt động của nhóm mình.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá chung quá trình thực hành của các nhóm và lưu ý những lỗi dễ mắc để các nhóm cẩn thận, rút kinh nghiệm ở Hoạt động 2.

**\* Hoạt động 2 : Tính diện tích và chu vi các đồ vật có hình dạng quen thuộc trong lớp học ( mặt bàn, mặt ghế, cửa sổ, cửa ra vào, bảng lớp…)**

**a) Mục tiêu:**

- Củng cố kiến thức các công thức tính chu vi, diện tích các hình.

- Rèn luyện đo đạc chính xác và vận dụng các công thức tính chu vi, diện tích các hình để tính diện tích các đồ vật.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe, chuẩn bị sẵn các đồ dùng cần thiết trong bài thực hành, quan sát phiếu học tập và thực hiện hoạt động dưới sự hướng dẫn của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành được phiếu học tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV hướng dẫn các nhóm HS thực hiện hoạt động: Các nhóm tự phân chia công việc cho các thành viên trong nhóm:

+ Tìm và chọn ra 4 đồ vật trong lớp có hình dạng quen thuộc mà mình đã học, điền tên, hình dạng của các đồ vật đó vào phiếu.

+ Chọn thước phù hợp đo kích thước của các đồ vật đó, ghi kết quả vào phiếu học tập.

+ Tiến hành tính toán chu vi, diện tích của các đồ vật rồi hoàn thành vào phiếu học tập.

- GV lưu ý HS cách đo đạc để ra kết quả chuẩn xác.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- Các nhóm chú ý lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành yêu cầu, kết quả vào phiếu.

- GV: quan sát và trợ giúp các nhóm HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS hoàn thành phiếu học tập và trình bày miệng kết quả trước lớp.

- Các nhóm khác nhận xét, chữa lại.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá.

**\* Hoạt động 3 : Tính diện tích và chu vi của các công trình có hình dạng quen thuộc bên ngoài lớp học ( sân bóng, bồn cây, vườn trường, phòng học nghệ thuật…)**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV hướng dẫn các nhóm HS thực hiện hoạt động: Các nhóm tự phân chia công việc cho các thành viên trong nhóm:

+ Thảo luận, điền hình dạng của hành lang, bồn cây, sân bóng theo thứ tự vào mẫu bảng phiếu học tập.

+ Chuẩn bị mang theo thước phù hợp để tiến hành di chuyển đo kích thước của hành lang, bồn cây, sân bóng.

+ Tiến hành tính toán chu vi, diện tích của hành lang, bồn cây, sân bóng rồi hoàn thành vào phiếu học tập.

- GV ổn định lớp, di chuyển theo nhóm, tránh gây mất trật tự.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- Các nhóm chú ý lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành yêu cầu, kết quả vào phiếu.

- GV: quan sát và trợ giúp các nhóm HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS hoàn thành phiếu học tập và trình bày miệng kết quả trước lớp.

- Các nhóm khác nhận xét, chữa lại.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá quá trình hoạt động thực hành của các nhóm, tổng kết.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể)  - Đánh giá đồng đẳng, giáo viên đánh giá học sinh | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học (ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS.  - Phương pháp thực hành, trải nghiệm. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

**Họ và tên : ………………………….**

**Lớp :………**

**TIẾT 55 – BÀI 4 : HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM**

**PHIẾU HỌC TẬP**

**Hoạt động 1**: **Tính diện tích và chu vi đồ dùng học tập có hình dạng quen thuộc ( sách, vở, hộp bút, bảng con…)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên đồ vật** | **Hình dạng** | **Kích thước** | **Chu vi** | **Diện tích** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**Hoạt động 2 : Tính diện tích và chu vi các đồ vật có hình dạng quen thuộc trong lớp học ( mặt bàn, mặt ghế, cửa sổ, cửa ra vào, bảng lớp…)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên đồ vật** | **Hình dạng** | **Kích thước** | **Chu vi** | **Diện tích** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**\* Nhận xét :**

**Hoạt động 3 : Tính diện tích và chu vi của các công trình có hình dạng quen thuộc bên ngoài lớp học ( sân bóng, bồn cây, vườn trường, phòng học nghệ thuật…)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên công trình** | **Hình dạng** | **Kích thước** | **Chu vi** | **Diện tích** |
| Hành lang |  |  |  |  |
| Bồn cây |  |  |  |  |
| Sân bóng |  |  |  |  |

**\* Nhận xét :**

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Xem lại nội dung kiến thức toàn bộ các bài trong chương.

- Xem các bài tập : “**Bài tập cuối chương 3”**

- Làm trước các bài tập trắc nghiệm và các bài tập tự luận: **1, 2, 3, 4** ( SGK –tr45,46).

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# TIẾT 56 + 57 + 58: BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG 3

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

***-*** Tổng hợp, kết nối các kiến thức của nhiều bài học nhằm giúp HS ôn tập toàn bộ kiến thức của chương.

- Giúp HS củng cố, khắc sâu những kiến thức đã học.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

**+** Luyện tập lại kĩ năng vẽ hình, tính toán về chu vi, diện tích các hình gắn với bài tập thực tế.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, giáo án tài liệu, sơ đồ tư duy tổng hợp kiến thức chương 3.

**2 - HS** : SGK; đồ dùng học tập, giấy A1, bút dạ, thước, kéo, giấy bìa,.

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

Giúp HS tổng hợp, liên kết kiến thức của các bài học từ Bài 1 Bài 3.

**b) Nội dung:** GV chia lớp thành 4 nhóm tương ứng với 4 tổ thực hiện thiết kế sơ đồ tư duy đầy đủ, ngắn gọn, trực quan tổng hợp kiến thức chương 3.

**c) Sản phẩm:** Sơ đồ tư duy tổng hợp đầy đủ nội dung kiến thức từ Bài 1 Bài 3 một cách đầy đủ, ngắn gọn, trực quan.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận theo kĩ thuật lược đồ tư duy tổng hợp kiến thức chương 3 trong thời gian 20 phút.

- GV chỉ định đại diện nhóm trình bày ( Theo thứ tự lần lượt từ Tổ 1 Tổ 4 hoặc thứ tự GV thấy hợp lý)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- GV: quan sát, giúp đỡ các nhóm HS.

- Các nhóm thực hiện hoạt động dưới sự hướng dẫn của GV.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

-Sau khi hoàn thành sơ đồ tư duy, đại diện 1 nhóm trình bày, các nhóm khác chú ý lắng nghe để đưa ra nhận xét, bổ sung.

- Các nhóm khác chú ý lắng nghe, trao đổi, nhận xét và bổ sung nội dung cho các nhóm khác.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của các nhóm HS, trên cơ sở đó cho các em hoàn thành bài tập.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV cho HS trao đổi, trình bày tại chỗ các bài trắc nghiệm 1+ 2+ 3 (SGK –tr93)*

**Câu 1.** Hình thoi có độ dài hai đường chéo lần lượt là 50m và 60m thì diện tích là :

**C. 1 500 m2**

**Câu 2.** Hình thang cân có độ dài cạnh đáy và chiều cao lần lượt là 40m,30m, 25m có diện tích là :

**C. 875 m2**

**Câu 3 :** Hình bình hành có chiều dài một cạnh và chiều cao lần lượt là 70 dm và 50 dm có diện tích là :

**D. 350 m2**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện :**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng* **1+ 3+ 5+ 7 ( SGK – tr 93)** (GV có thể đến từng bàn quan sát và giúp đỡ HS).

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành bài tập, trình bày miệng và lên bảng trình bày.*

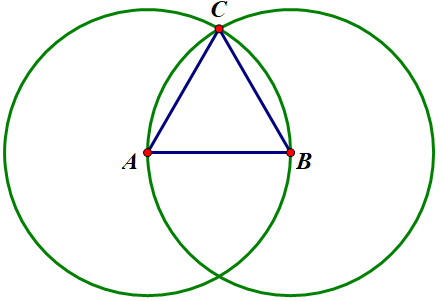
**Bài 1 :**

a)*Vẽ tam giác đều ABC cạnh 5 cm****:***

+ Vẽ đoạn thẳng AB = 5cm.

+ Lấy A, B làm tâm, vẽ hai đường tròn bán kính 5cm.

Gọi C là một trong hai giao điểm của hai đường tròn. Nối C với A và C với B, ta được **tam giác đều ABC**.



b) *Vẽ hình chữ nhật ABCD có một chiều dài 5cm, chiều rộng 3cm.*

+ Vẽ đoạn thẳng AB = 5cm.

+ Bước 2: Vẽ đường thẳng vuông góc với AB tại A. Trên đường thẳng đó, lấy điểm D sao cho AD = 3cm.

+ Bước 3: Vẽ đường thẳng vuông góc với AB tại B. Trên đường thẳng đó lấy điểm C sao cho BC = 3cm.

+ Bước 4: Nối D với C .

=> Ta được **hình chữ nhật ABCD.**

5cm

3cm

A

B

C

D

b) *Vẽ hình vuông ABCD cạnh 3cm:*

+ Bước 1: Vẽ đoạn thẳng AB = 3cm.

+ Bước 2: Vẽ đường thẳng vuông góc với AB tại A. Xác định điểm D trên đường thẳng đó sao cho AD = 3cm.

+ Bước 3: Vẽ đường thẳng vuông góc với AB tại B. Xác định điểm C trên đường thẳng đó sao cho BC = 3cm.

+ Bước 4: Nối C với D ta được hình vuông ABCD.

=> Ta được **hình vuông ABCD.**

A

B

C

D

3cm

d) *Vẽ hình bình hành ABCD có hai cạnh liên tiếp là 6cm, 8cm và chiều cao bằng 4cm.*

+ Vẽ đoạn thẳng AB = 8 cm.

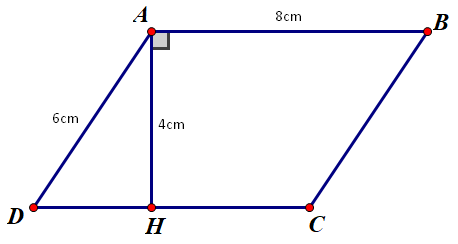
+ Dựng đoạn thẳng AH vuông góc với AB : AH = 4cm.

+ Qua H dựng đường thẳng d song song với AB

+ Vẽ đoạn thẳng đi qua A. đoạn thẳng đó cắt đường thẳng d tại điểm D : AD = 6cm.

+ Vẽ đường thẳng đi qua B và song song với AD. => BC = AD = 6cm

=> Ta được **hình bình hành ABCD.**



e) *Vẽ hình thoi cạnh dài 5 cm:*

+ Vẽ đoạn thẳng AB = 3cm.

+ Vẽ đường thẳng đi qua B. Lấy điểm C trên đường thẳng đó sao cho BC = 3cm.

+ Vẽ đường thẳng đi qua C và song song với cạnh AB. Vẽ đường thẳng đi quâ A và song song với cạnh BC.

+ Hai đường thẳng này cắt nhau tại D

=> Ta được **hình thoi ABCD.**

A

D

C

B

5 cm

**Bài 3:**



Hình trên gồm các hình:

+ Hình thoi

+ Hình tam giác đều.

+ Hình thang cân.

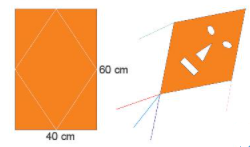
+ Hình lục giác đều.

**Bài 5:**



- Hình trên gồm 6 hình thang cân và 2 lục giác đều.

**Bài 7:**



Từ hình vẽ => Độ dài hai đường chéo của hình thoi lần lượt là 60 cm, 40 cm.

Diện tích của con diều là:

S = (cm2)

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để cắt ghép các hình hoàn thành bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

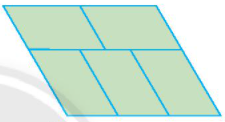
**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng :* **Bài 2 + 4 + 6 (SGK – tr 93)**

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi nhóm, hoàn thành sản phẩm.*

**Bài 2 :** Hình vuông sau khi ghép:

**Bài 4:** Hình bình hành sau khi ghép:



**Bài 6:** Hình bình hành sau khi cắt ghép 6 hình tam giác đều:

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại toàn bộ nội dung kiến thức đã học.

- Hoàn thành nốt các bài tập còn thiếu trên lớp.

- Tìm hiểu trước chương mới và đọc trước bài mới “**Thu thập và phân loại dữ liệu**”.

Ngày soạn: …/…./…

Ngày dạy: …/…./….

**CHƯƠNG 4: MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ**

# TIẾT 59 + 60 - BÀI 1: THU THẬP VÀ PHÂN LOẠI DỮ LIỆU

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

- Biết cách phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước.

- Nhận biết được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí đơn giản.

- Biết kiểm tra tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí đã học.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

***+*** Thực hiện được việc thu thập dữ liệu theo mục đích và yêu cầu.

+ Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu đã phân loại vào các bảng.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS tính độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, bài giảng, giáo án ppt, SBT.

**2 - HS** : Đồ dùng học tập; SGK, SBT.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Gợi mở vấn đề, dẫn dắt vào bài mới thu hút học sinh.

- Giúp HS bước đầu nhận biết với việc thu thập và phân loại dữ liệu thông qua hoạt động tìm kiếm các thông tin về môi trường.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và thực hiện yêu cầu.

**c) Sản phẩm:** Từ vấn đề đưa ra,HS vận dụng hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chiếu hình ảnh về loài chim và yêu cầu HS đọc nội dung **HĐKĐ**:

“Theo Tổng cục Môi trường, Việt Nam có khu hệ chim phong phú và đa dạng, với tổng số loài chim ghi nhận là 888 loài, trong đó có 72 loài chim hiện đang bị đe dọa tuyệt chủng ở mức độ toàn cầu, 51 loài ít xuất hiện và hiếm gặp. ( Theo Tạp chí Môi trường 4/2017)”.

GV đặt câu hỏi: “*Theo em, việc thu thập các thông tin ở trên đã giúp ích gì trong việc bảo tồn các loài chim?*”

- GV chiếu hình ảnh liên quan đến dịch Covid 19 và trình bày tình hình diễn biến dịch covid 19 :

“Tính đến ngày 31/05/2021, trên thế giới, số ca nhiễm lên đến 171 000 708 người, trong đó có 3 555 956 người tử vong và 153 086 591 người khỏi bệnh. Tại Việt Nam, số ca nhiễm là 7 168 người, trong đó số người tử vong là 47 người, số người được chữa khỏi bệnh là 2 950 người “ – Theo nguồn Bộ y tế.

GV đặt câu hỏi: “*Theo em việc thu thập thông tin trên giúp gì cho người dân nắm bắt được thông tin?*”

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS chú ý lắng nghe và trả lời câu hỏi theo suy nghĩ và nhận thức của bản thân dưới sự dẫn dắt của GV.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS giơ tay, trả lời miệng, các HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào mới

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Thu thập dữ liệu.**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS có cơ hội trải nghiệm về thu thập dữ liệu thông qua việc tìm kiếm thông tin từ bảng điều tra.

- HS biết thu thập dữ liệu từ các loại bảng thống kê.

- HS vận dụng kiến thức thực hiện được việc thu thập dữ liệu theo mục đích và yêu cầu.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm được kiến thực trọng tâm và hoàn thành được các dạng bài tập thực hành, vận dụng.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS trao đổi, thảo luận nhóm, hoàn thành **HĐKP1**.  - GV dẫn dắt, phân tích cho HS rút ra khái niệm về **dữ liệu** và **số liệu**.  - GV chốt lại khái niệm như trong Hộp kiến thức và cho 1, 2 HS phát biểu lại khái niệm.  - GV giảng, lưu ý HS các cách thu thập dữ liệu. ( quan sát, lập phiếu điều tra,.. thu thập từ những nguồn có sẵn như sách, báo , trang web,..)  - GV lấy một vài ví dụ và phân tích Ví dụ cho HS hình dung và hiểu rõ.  - GV yêu cầu HS vận dụng kiến thức, suy nghĩ hoạt động cặp đôi hoàn thành **Thực hành 1**.  - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm 4 theo kĩ thuật khăn trải bàn để hoàn thành bảng thống kê vật dụng có trong lớp phần **Vận dụng 1**.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm, tìm hiểu nội dung thông qua việc thực hiện yêu cầu như hướng dẫn của GV.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày miệng tại chỗ.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá chung quá trình hoạt động của các nhóm và lưu ý nội dung kiến thức trọng tâm cho HS. | **1. Thu thập dữ liệu**  **HĐKP1:**  Từ bảng điều tra về các môn thể thao yêu thích của lớp 6A, thu thập được những thông tin sau:  - Các môn thể thao được yêu thích của lớp 6A là: Bóng đá, cầu lông, bóng bàn, đá cầu, bóng rổ.  - Có 18 bạn ưa thích môn bóng đá, 8 bạn ưa thích môn cầu lông, 2 bạn ưa thích môn bóng bàn, 4 bạn ưa thích môn đá cầu và 5 bạn ưa thích môn bóng rổ.  =>Kết luận:  - Những thông tin thu thập được như: số, chữ, hình ảnh,… được gọi là **dữ liệu**. Dữ liệu dưới dạng số được gọi là **số liệu**.  - Có nhiều cách để tìm thấy dữ liệu như quan sát, lập phiếu điều tra ( phiếu hỏi),… hoặc thu thập từ những nguồn có sẵn như sách, báo, trang web.  **Thực hành 1:**  - Mai đang điều tra về vấn đề: các loại kem được khách hàng yêu thích.  - Dữ liệu thu thập gồm:    + Các loại kem yêu thích của khách hàng gồm: Dâu, nho, sầu riêng, sô cô la, vani.    + Kem dâu được 11 khách hàng yêu thích, kem nho được 4 khách hàng yêu thích, kem sầu riêng được 8 khách hàng yêu thích, kem sô cô la được 5 khách hàng yêu thích, kem va ni được 2 khách hàng yêu thích.  **Vận dụng 1:**  ( HS thu thập và hoàn thành bảng theo số liệu thực tế trong lớp học)  **Thống kê các vật dụng có trong lớp**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Loại vật dụng** | **Kiểm đếm** | **Số lượng** | | Bàn |  |  | | Ghế |  |  | | … |  |  | |

**Hoạt động 2: Phân loại dữ liệu**

**a) Mục tiêu:**

- HS biết phân loại dữ liệu thông qua việc thực hành lập bảng thống kê và thực hành phân loại dữ liệu.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK và hoàn thành theo yêu cầu của GV

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi trong 2p hoàn thành **HĐKP2.**  - GV dẫn dắt, giảng cho HS khái niệm về **phân loại dữ liệu.**  - GV chốt lại khái niệm như trong Hộp kiến thức và cho 1, 2 HS phát biểu lại khái niệm.  - GV cho HS quan sát bức ảnh trong SGK và hoàn thành miệng *Ví dụ 2*.  - GV yêu cầu HS quan sát lại bảng điều tra số lượng con vật nuôi ở nhà của học sinh ở **HĐKP2** để hoàn thành **Thực hành 2**.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm, quan sát và tìm hiểu nội dung SGK thông qua việc thực hiện yêu cầu như hướng dẫn của GV.  - GV: giảng, phân tích, quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày miệng tại chỗ, các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chữa, nhận xét, đánh giá chung quá trình hoạt động của các nhóm và lưu ý nội dung kiến thức trọng tâm cho HS. | **2. Phân loại dữ liệu**  **HĐKP2:**  - Có 2 học sinh không nuôi con vật: Cúc, Hùng.  - Có 4 loại vật được nuôi: chó, cá, mèo, chim.  =>Kết luận:  Thông tin rất đa dạng và phong phú. Việc sắp xếp thông tin theo những chi tiết nhất định gọi là **phân loại dữ liệu**.  *Ví dụ 2:*  a) Cửa hàng bán tất cả 10 bình ga  b) - Theo tiêu chí kích thước: Có 2 loại bình ga:  + Bình ga cỡ nhỏ: 8 bình.  + Bình ga cỡ lớn: 2 bình.  - Theo tiêu chí màu sắc: Có 3 loại bình ga:  + Bình ga màu hồng: 6 bình.  + Bình ga màu cam:2 bình.  + Bình ga màu vàng: 2 binh.  **Thực hành 2:**   |  |  | | --- | --- | | **Có nuôi con vật hay không** | **Số bạn** | | Có nuôi | 6 | | Không nuôi | 2 | |

**Hoạt động 3: Tính hợp lí của dữ liệu**

**a) Mục tiêu:**

- HS nhận biết tính hợp lí của dữ liệu thông qua việc tìm kiếm các điểm không hợp lí của các số liệu trong bảng thống kê.

- HS vận dụng kiến thức vào thực tế kiểm tra tính hợp lí của dữ liệu.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK và hoàn thành theo yêu cầu của GV

**c) Sản phẩm:** HS ghi nhớ nội dung kiến thức trọng tâm, hoàn thành được bài tập vận dụng.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi trả lời cho nhau nghe **HĐKP3**, sau đó các nhóm giơ tay trình bày miệng trước lớp.  - GV đặt câu hỏi:  *Khi thu thập và phân loại dữ liệu, để đánh giá tính hợp lí của dữ liệu, chúng ta cần lưu ý các tiêu chí đánh giá nào?*  - GV nhận xét, chốt lại các tiêu chí đánh giá như trong Hộp kiến thức và cho 1, 2 HS phát biểu, đọc lại.  - GV cho HS đọc hiểu và phân tích *Ví dụ 3*.  - GV yêu cầu HS vận dụng kiến thức, hoạt động nhóm đôi hoàn thành **Vận dụng 2**.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, quan sát và tìm hiểu nội dung SGK thông qua việc thực hiện yêu cầu như hướng dẫn của GV.  - GV: giảng, trình bày, quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày miệng tại chỗ. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chữa, nhận xét, đánh giá và lưu ý lại các tiêu chí đánh giá cho HS. | **3. Tính hợp lí của dữ liệu**  **HĐKP3:**  a) Ở STT 4, họ và tên viết bằng chữ số “38448784” Không hợp lí vì tên người không được thể hiện bằng số Tên người phải được thể hiện bằng chữ.  b) Ở bảng 3, tuổi của các bé có số tuổi “-3”,”-2” Không hợp lí vì tuổi không được thể hiện bằng số âm Tuổi của con người phải được thể hiện bằng số nguyên dương.  => Để đánh giá tính hợp lí của dữ liệu, ta cần đưa ra các tiêu chí đánh giá, chẳng hạn như dữ liệu phải:   * Đúng định dạng. * Nằm trong phạm vi dự kiến.   **Vận dụng 2:**  a) Ở bảng 4, Email của bạn Bạch Cúc và bạn Thị Đào Không hợp lí vì không đúng theo cú pháp của email Email phải có đuôi @gmail.com.  b) Thân nhiệt của bện nhân A thể hiện ở 3 số cuối là 0, 100, -2 độ C Không hợp lí vì nhiệt độ cơ thể con người không thể ở quá cao như 100 độ C hay quá thấp như 0 độ C hay -2 độ C. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập bài* **1, 2, 4, 5** *( SGK – tr100)*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án, hoàn thành vở, giơ tay trình bày miệng.*

**Bài 1 :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Món ăn sáng** | **Kiểm đếm** | **Số bạn ăn** |
| Xôi |  | **11** |
| Bánh mì |  | **4** |
| Bánh bao |  | **8** |
| Cơm tấm |  | **5** |
| Phở |  | **2** |

**Bài 2 :**

**a)** Lan đang điều tra về các món ăn sáng nay của các bạn trong lớp.

**b)** Lan thu thập được các loại dữ liệu là:

- Các món ăn sáng của các bạn sáng nay gồm: xôi, bánh mì, bánh bao, cơm tấm, phở.

- Số lượng bạn lựa chọn các món ăn:

Xôi: 11 bạn

Bánh mì: 5 bạn

Bánh bao: 8 bạn

Cơm tấm: 5 bạn

Phở: 2 bạn

**c)** Xôi là món ăn được yêu thích nhất.

**Bài 4:**

- Các loại dữ liệu xuất hiện trong bảng thống kê:

+ Các chữ cái được dùng nhiều nhất khi viết 10 000 từ tiếng Anh thông dụng.

+ Số lần gõ bàn phím của một số chữ cái được dùng nhiều.

- Sự sắp đặt vị trí của các phím E và T trên bàn phím: Vì chữ E và T được sử dụng nhiều nhất nên người ta đặt vị trí phím E và T ở nơi thuận tiện gõ nhất trên bàn phím.

**Bài 5:**

Thông tin chưa hợp lí: Số học sinh vắng của lớp 6A8 là “-2”. Bởi vì để thể hiện số lượng học sinh phải là số nguyên dương.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức

**b. Nội dung:** HS hoàn thành theo yêu cầu của GV

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hòan thành bài tập vận dụng :***Bài 3** *- SGK –tr100.*

*- GV dẫn dắt, đưa ra gợi ý.*

*- HS suy nghĩ và trình bày vào vở, sau đó trình bày miệng.*

**Bài 4 :**

Ví dụ :

**Các môn học được các bạn trong lớp yêu thích**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các môn học** | **Kiểm đếm** | **Số bạn** |
| Toán |  | 12 |
| Lý |  | 7 |
| Hóa |  | 3 |
| Văn |  | 5 |
| Anh |  | 10 |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể).  - Đánh giá đồng đẳng. | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS.  - Phương pháp thuyết trình.  - Phương pháp gợi mở - đàm thoại. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Xem lại và ghi nhớ nội dung kiến thức cuả bài.

- Hoàn thành nốt các bài tập trên lớp và làm thêm các bài tập **2** và **3** ( SBT –tr83)

- Đọc và chuẩn bị trước bài sau : “ **Biểu diễn dữ liệu trên bảng**”.

Ngày soạn: …/…./…

Ngày dạy: …/…./….

# TIẾT 61 + 62+ 63 - BÀI 2: BIỂU DIỄN DỮ LIỆU TRÊN BẢNG

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

- Biết cách dữ liệu vào bảng dữ liệu ban đầu.

- Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng bảng thống kê.

- Đọc và mô tả dữ liệu ở dạng bảng.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng thống kê.

***+*** Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng bảng thống kê.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS tính độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, bài giảng, giáo án ppt, SBT.

**2 - HS** : Đồ dùng học tập; SGK, SBT.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Gợi mở vấn đề, dẫn dắt vào bài mới thu hút học sinh.

- Giúp HS bước đầu nhận biết với việc biểu diễn dữ liệu thông qua hoạt động tìm hiểu về loại thức ăn sáng của các bạn trong lớp.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và thực hiện yêu cầu.

**c) Sản phẩm:** Từ vấn đề đưa ra,HS quan sát, suy nghĩ, trao đổi nhóm, vận dụng hiểu biết của mình để hoàn thành yêu cầu.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chiếu Slide **HĐKĐ** như trong SGK và yêu cầu HS đọc, trao đổi nhóm, hoàn thành:

**Cho bảng viết tắt sau:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Món ăn sáng** | **Cơm tấm** | **Xôi** | **Bánh mì** | **Phở** |
| **Viết tắt** | **C** | **X** | **B** | **P** |

*Hãy thảo luận về các thông tin được biểu diễn trên Bảng 1 và 2 dưới đây.*

*+ Bảng 1 cho em biết thông tin gì?*

*Bảng 1*: **Ghi nhanh về món ăn sáng nay của các bạn tổ 3 lớp 6A4**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| B | B | P | C | X |
| B | C | B | X | B |

*+ Bảng 2 điều tra về thông tin gì?*

*Bảng 2*: **Thống kê về món ăn sáng nay của các bạn tổ 3 lớp 6A4**

|  |  |
| --- | --- |
| **Món ăn sáng** | **Số bạn chọn** |
| Cơm tấm | 2 |
| Xôi | 2 |
| Bánh mì | 5 |
| Phở | 1 |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS chú ý lắng nghe và trả lời câu hỏi theo suy nghĩ và nhận thức của bản thân dưới sự dẫn dắt của GV.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS giơ tay, trả lời miệng, các HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Bảng dữ liệu ban đầu**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS có cơ hội trải nghiệm lập bảng dữ liệu ban đầu thông qua việc thực hành thống kê loại nhạc cụ ưa thích của lớp.

- HS biết và thực hành lập được bảng số liệu ban đầu về môn học yêu thích nhất của các bạn trong tổ mình.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm được kiến thực trọng tâm và hoàn thành được bài tập thực hành.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV tổ chức cho HS thảo luận theo tổ, hoàn thành **HĐKP1**.  - GV dẫn dắt, giảng cho HS chức năng của **bảng dữ liệu ban đầu.**  - GV chốt lại như trong Hộp kiến thức và yêu cầu 1, 2 HS phát biểu lại.  - GV lưu ý HS phần *Chú ý* như trong SGK.  - GV phân tích *Ví dụ 1* cho HS hiểu và hình dung rõ về **Bảng số liệu ban đầu**.  - GV yêu cầu HS trao đổi nhóm 4, suy nghĩ và lấy ví dụ tương tự vè bảng dữ liệu ban đầu.  - GV tổ chức cho HS hoạt động theo tổ điều tra môn học yêu thích nhất của các bạn trong tổ em và hoàn thành vào vở cá nhân.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm, tìm hiểu nội dung thông qua việc thực hiện yêu cầu như hướng dẫn của GV.  - GV: quan sát và trợ giúp các nhóm HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày miệng tại chỗ.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá chung quá trình hoạt động của các nhóm và lưu ý nội dung kiến thức trọng tâm cho HS. | **1. Bảng dữ liệu ban đầu**  **HĐKP1:**  a) Tiến hành khảo sát các bạn trong tổ rồi thống kê vào bảng:   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | O | K | T | G | G | S | | K | O | T | S | G | O |   b) - Cần phải viết tắt vì để thu thập dữ liệu nhanh chóng.      - Cách thức viết tắt: để tránh sai sót, các giá trị khác nhau phải được viết tắt khác nhau.  => Khi điều tra về một vấn đề nào đó, người ta thường thu thập dữ liệu và ghi lại trong **bảng dữ liệu ban đầu.**  *\* Chú ý:* Để thu thập các dữ liệu nhanh chóng, trong bảng dữ liệu ban đầu ta thường viết tất cả các giá trị, nhưng để tránh sai sót, các giá trị khác nhau phải được viết tắt khác nhau.  **Thực hành :** Khảo sát dữ liệu các bạn trong tổ rồi thống kê vào bảng;   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | T | K | L | N | N | V | | N | V | T | C | T | L | |

**Hoạt động 2: Bảng thống kê**

**a) Mục tiêu:**

- HS nhận biết, có cơ hội trải nghiệm sắp xếp lại các số liệu có sẵn vào bảng thông qua việc thực hành lập bảng thống kê điểm của các bạn.

- HS biết và rèn luyện kĩ năng thực hành lập được bảng thống kê tương ứng từ bảng số liệu ban đầu.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK và hoàn thành theo yêu cầu của GV

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm 4, hoàn thành **HĐKP2.**  - GV dẫn dắt, giảng cho HS rút ra khái niệm về **bảng thống kê.**  - GV chốt lại khái niệm như trong Hộp kiến thức và cho 1, 2 HS phát biểu lại khái niệm.  - GV cho HS quan sát, đọc hiểu và phân tích *Ví dụ 2.*  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 tìm Ví dụ về Bảng thống kê dựa trên phân tích Ví dụ 2.  - GV yêu cầu HS suy nghĩ, hoạt động cá nhân hoàn thành **Vận dụng 1**, **Vận dụng 2** vào vở.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm, quan sát và tìm hiểu nội dung SGK thông qua việc thực hiện yêu cầu như hướng dẫn của GV.  - GV: giảng, phân tích, quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày miệng tại chỗ, các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chữa, nhận xét, đánh giá chung quá trình hoạt động của các nhóm và lưu ý nội dung kiến thức trọng tâm cho HS. | **2. Bảng thống kê**  **HĐKP2:**   |  |  | | --- | --- | | **Điểm số** | **Số bạn đạt được** | | 9 | 1 | | 8 | 4 | | 7 | 1 | | 6 | 3 | | 5 | 2 | | 4 | 1 |   => Có 4 bạn được điểm 8 và 6 bạn có điểm dưới 7.  => **Bảng thống kê** là một cách trình bày dữ liệu chi tiết hơn bảng dữ liệu ban đầu, bao gồm các hàng và các cột, thể hiện danh sách các đối tượng thống kê cùng với các dữ liệu của đối tượng đó.  **Vận dụng 1:**   |  |  | | --- | --- | | **Xếp loại hạnh kiểm** | **Số học sinh** | | Giỏi | 3 | | Khá | 8 | | Trung bình | 3 | | Yếu | 1 |   **Vận dụng 2:**  a) Lớp 6A có tất cả 30 học sinh.  b) Số học sinh có hạnh kiểm từ khá trở lên là 28. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập :* ***Bài 1 (SGk-tr103) + Bài 1 ( SBT – tr89)***

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án, hoàn thành vở, giơ tay lên bảng hoặc trình bày miệng.*

**Bài 1 :**

a) Tên bảng dữ liệu: Bảng thống kê các bộ phim yêu thích của các học sinh lớp 6A3.

b) Bảng thống kê các bộ phim yêu thích của các học sinh lớp 6A3:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại phim** | **Hoạt hình** | **Lịch sử** | **Khoa học** | **Ca nhạc** | **Trinh thám** |
| **Số bạn yêu thích** | 11 | 6 | 4 | 7 | 8 |

=> Loại phim **hoạt hình** được các bạn học sinh lớp 6A3 yêu thích nhất.

**Bài 1 : (SBT –tr 89) :**

a) Tên bảng dữ liệu : Bảng thống kê loài hoa yêu thích nhất của tổ 1 lớp 6B.

b) Bảng thống kê loài hoa yêu thích nhất của tổ 1 lớp 6B :

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loài hoa** | **Hoa Hồng** | **Hoa Mai** | **Hoa Cúc** | **Hoa Đào** | **Hoa Lan** |
| **Số bạn yêu thích** | 5 | 1 | 3 | 2 | 1 |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức

**b. Nội dung:** HS hoàn thành theo yêu cầu của GV

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hòan thành bài tập vận dụng :***Bài 2 + Bài 3 (** *SGK –tr104).*

*- GV hướng dẫn, gợi ý và tổ chức cho HS thảo luận theo tổ.*

*- HS thảo luận, suy nghĩ và trình bày vào vở theo cá nhân, sau khi hoàn thành giơ tay phát biểu trình bày miệng*

**Bài 2 : Bảng dữ liệu ban đầu về số thành viên trong gia đình của các bạn trong tổ em :**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 3 | 4 | 2 | 5 | 6 | 5 |
| 4 | 5 | 4 | 6 | 8 | 4 |

**=> Bảng thống kê tương ứng về số thành viên trong gia đình của các bạn trong tổ em :**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số thành viên trong gia đình** | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 8 |
| **Số bạn** | 1 | 1 | 4 | 3 | 2 | 1 |

**Bài 3 : Bảng dữ liệu ban đầu về món ăn sáng ưa thích nhất của các bạn trong tổ em:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Cơm rang | Phở | Bánh mì |
| Bánh mì | Xôi | Cơm rang |
| Phở | Bánh bao | Bánh bao |
| Bánh mì | Xôi | Bánh bao |

**=> Bảng thống kê về món ăn sáng ưa thích nhất của các bạn trong tổ em:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các món ăn** | Bánh bao | Bánh mì | Cơm rang | Phở | Xôi |
| **Số bạn** | **3** | **3** | **2** | **2** | **2** |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể).  - Đánh giá đồng đẳng. | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS.  - Phương pháp thuyết trình.  - Phương pháp gợi mở - đàm thoại. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Xem lại và ghi nhớ nội dung kiến thức cuả bài.

- Luyện tập thêm các bài tập **2** và **3** ( SBT –tr89)

- Đọc và chuẩn bị trước bài sau : “ **Biểu đồ tranh**”.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# TIẾT 64 + 65 -BÀI 3: BIỂU ĐỒ TRANH

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

- Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu trên biểu đồ tranh.

- Nhận ra một số vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu trong biểu đồ tranh.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào biểu đồ tranh.

***+*** Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng biểu đồ tranh.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học; giải quyết vấn đề toán học; giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS tính độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, bài giảng, giáo án ppt, SBT.

**2 - HS** : Đồ dùng học tập; SGK, SBT, bảng nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Gợi mở vấn đề, dẫn dắt vào bài mới thu hút học sinh.

- Giúp HS ôn lại cách đọc biểu đồ tranh thông qua việc thực hành lấy thông tin về số HS đạt điểm 10 Toán.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và thực hiện yêu cầu.

**c) Sản phẩm:** HS quan sát, suy nghĩ, trao đổi nhóm, vận dụng hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chiếu Slide **HĐKĐ** như trong SGK và yêu cầu HS đọc, trao đổi nhóm, trả lời câu hỏi:

**Cho bảng dữ liệu sau:**

**Số học sinh khối lớp 6 được điểm 10 Toán trong tuần**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngày** | **Số học sinh được 10 điểm môn Toán** |
| Thứ Hai |  |
| Thứ Ba |  |
| Thứ Tư |  |
| Thứ Năm |  |
| Thứ Sáu |  |

(  = 1 học sinh)

*+ Hãy gọi tên loại biểu đồ trên.*

*+ Hãy mô tả các thông tin có từ biểu đồ.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS chú ý lắng nghe, trao đổi nhóm đôi và trả lời câu hỏi theo suy nghĩ và nhận thức của bản thân dưới sự dẫn dắt của GV.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS giơ tay, trả lời miệng, các HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Ôn tập và bổ sung kiến thức**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS ôn tập và củng cố lại biểu đồ tranh qua việc mô tả các thông tin về số ti vi bán được trong biểu đồ.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm được kiến thực trọng tâm và hoàn thành được bài tập thực hành.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV tổ chức cho HS suy nghĩ, thảo luận theo tổ, hoàn thành **HĐKP1** vào bảng nhóm.  - GV dẫn dắt, giảng cho HS khái niệm **biểu đồ tranh.**  - GV yêu cầu một số HS phát biểu lại.  - GV phân tích Ví dụ 1 cho HS hiểu rõ hơn về Khái niệm biểu đồ tranh.  - GV chiếu một số ví dụ khác của biểu đồ tranh để HS nhớ và hiểu rõ về biểu đồ tranh.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm, tìm hiểu nội dung thông qua việc thực hiện yêu cầu như hướng dẫn của GV.  - GV: quan sát và trợ giúp các nhóm HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày miệng tại chỗ.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá chung quá trình hoạt động của các nhóm và lưu ý nội dung kiến thức trọng tâm cho HS. | **1. Ôn tập và bổ sung kiến thức.**  **HĐKP1:**  Các thông tin có được từ biểu đồ trong hình 2:  - Số ti vi bán được qua các năm ở siêu thị điện máy A là:  Năm 2016: 500 . 2 = 1 000 TV  Năm 2017: 500 . 3 = 1 500 TV  Năm 2018: 500 + 250 = 750 TV  Năm 2019: 500 . 4 = 2 000 TV  Năm 2020: 500 . 6 = 3 000 TV  Tổng số ti vi bán được từ năm 2016 đến năm 2020 của siêu thị điện máy A:  1000 + 1500 + 750 + 2000 + 3000 = 8 250 TV  - Năm 2020 siêu thị bán được số ti vi nhiều nhất (3 000 TV).  **=> Biểu đồ tranh** sử dụng biểu tượng hoặc hình ảnh để thể hiện dữ liệu. Biểu đồ tranh có tính trực quan, dễ hiểu. Trong biểu đồ tranh, một biểu tượng ( hoặc hình ảnh) có thể thay thế cho một số các đối tượng. |

**Hoạt động 2: Đọc biểu đồ tranh**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS rèn luyện kĩ năng đọc biểu đồ tranh.

- HS vận dụng được kiến thức vừa học vào thực tiễn đọc số liệu từ biểu đồ tranh về số loại quả yêu thích của các bạn trong lớp.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK và hoàn thành theo yêu cầu của GV

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm 4, hoàn thành **HĐKP2.**  - GV dẫn dắt, giảng, nhấn mạnh lưu ý học sinh khi đọc và mô tả dữ liệu.  - GV chốt lại khái niệm như trong Hộp kiến thức và cho 1, 2 HS phát biểu lại khái niệm.  - GV hướng dẫn cho HS đọc hiểu *Ví dụ 2.*  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 hoàn thành **Vận dụng** vào vở.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm, quan sát và tìm hiểu nội dung SGK thông qua việc thực hiện yêu cầu như hướng dẫn của GV.  - GV: giảng, phân tích, quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày miệng tại chỗ, các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chữa, nhận xét, đánh giá chung quá trình hoạt động của các nhóm và lưu ý nội dung kiến thức trọng tâm cho HS. | **2. Đọc biểu đồ tranh**  **HĐKP2:**  - Số học sinh được điểm 10 môn toán trong tuần của khối lớp 6: 14 học sinh.  *Trong đó:*  Thứ hai có 3 học sinh  Thứ ba có 2 học sinh  Thứ tư có 1 học sinh  Thứ năm có 5 học sinh  Thứ sáu có 3 học sinh.  *Chú ý:* Để đọc và mô tả dữ liệu ở dạng biểu đồ tranh, trước hết ta cần xác định một hình ảnh ( biểu tượng) thay thế cho bao nhiêu đối tượng. Từ số lượng hình ảnh ( biểu tượng), ta sẽ có số đối tượng tương ứng.  **Vận dụng:**  a) Dưa hấu được các bạn học sinh khối lớp 6 yêu thích nhiều nhất.  b) Táo được các bạn học sinh khối lớp 6 yêu thích ít nhất.  c) Số lượng học sinh yêu thích đối với từng quả:  10 . 2 + 5 = 25 => Táo được 25 học sinh yêu thích.  10 . 5 = 50 => Chuối được 50 học sinh yêu thích.  10 . 7 = 70 => Dưa hấu được 70 học sinh yêu thích.  10 . 4 + 5 = 45 => Cam được 45 học sinh yêu thích.  10 . 6 = 60 => Bưởi được 60 học sinh yêu thích. |

**Hoạt động 3 : Vẽ biểu đồ tranh**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS nhận biết, có cơ hội trải nghiệm thông qua việc thực hành vẽ biểu đồ tranh để thấy được các bước tổng quát.

- HS thực hành rèn luyện kĩ năng thực hành vẽ biểu đồ tranh.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK và hoàn thành theo yêu cầu của GV

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi, hoàn thành **HĐKP3.**  - GV dẫn dắt, giảng, trình bày các bước biểu diễn dữ liệu thống kê từ bảng vào biểu đồ tranh.  - GV chốt lại các bước như Hộp kiến thức và cho một vài HS phát biểu lại.  - GV hướng dẫn, phân tích cho HS đọc hiểu *Ví dụ 3.*  - HS vận dụng hoạt động nhóm 4, hoàn thành bài tập **Thực hành** vào vở.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm, quan sát và tìm hiểu nội dung SGK thông qua việc thực hiện yêu cầu như hướng dẫn của GV.  - GV: giảng, phân tích, quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày miệng tại chỗ, các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chữa, nhận xét, đánh giá chung quá trình hoạt động của các nhóm và lưu ý nội dung kiến thức trọng tâm cho HS. | **3. Vẽ biểu đồ tranh**  **HĐKP3:**   Nếu số bạn yêu thích quả táo là 45 thì ta: vẽ thêm 2 biểu tượng ngôi sao.  => Để biểu diễn dữ liệu thống kê từ bảng vào biểu đồ tranh, ta thực hiện các bước sau:  ***Bước 1: Chuẩn bị:***  - Chọn biểu tượng hoặc hình ảnh) đại điện cho dữ liệu cần biểu diễn.  - Xác định mỗi biểu tượng ( hoặc hình ảnh) thay thế cho bao nhiêu đối tượng.  ***Bước 2 : Vẽ biểu đồ tranh:***  - Biểu đồ tranh thường gồm hai cột :  + Cột 1: Danh sách phân loại đối tượng thống kê.  + Cột 2: Vẽ các biểu tượng thay thế đủ số lượng các đối tượng.  - Ghi tên biểu đồ và các chú thích số lượng tương ứng mỗi biểu tượng của biểu đồ tranh.  **Thực hành:**  Từ bảng thống kê, ta vẽ được biểu đồ tranh như sau:   |  |  | | --- | --- | | **Màu xe đạp** | **Số xe bán được trong tháng** | | Xanh dương |  | | Xanh lá cây |  | | Đỏ |  | | Vàng |  | | Trắng bạc |  | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập :* ***Bài 1 + 2 ( SGK – 108, 109)***

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án, hoàn thành vở, giơ tay trình bày miệng.*

**Bài 1 :**

a) Xã **E** có ít máy cày nhất (15 máy).

b) Xã **A** có nhiều máy cày nhất (50 máy).

c) Ta có: 50 – 15 = 35 => Xã E có nhiều hơn xã E **35** máy cày.

d) Số máy cày 5 xã:

Xã A: 50 máy cày

Xã B: 45 máy cày

Xã C: 25 máy cày

Xã D: 40 máy cày

Xã E: 15 máy cày

=> Tổng số máy cày: 50 + 45 + 25 + 40 + 25 = 175 máy cày

Vậy: Tổng số máy cày của 5 xã là **175** máy cày.

**Bài 2:**

a) Lớp 6A3 có ít học sinh nữ nhất (10 học sinh).

b) **Không**. Lớp 6A5 có 30 học sinh nữ, lớp 6A4 có 20 học sinh nữ => Lớp 6A4 có ít học sinh nữ hơn lớp 6A5.

c) Lớp 6A6 có **20** học sinh nữ.

d) Số học sinh nữ:

Lớp 6A1: 20 học sinh nữ

Lớp 6A2: 30 học sinh nữ

Lớp 6A3: 10 học sinh nữ

Lớp 6A4: 20 học sinh nữ

Lớp 6A5: 30 học sinh nữ

Lớp 6A6: 20 học sinh nữ

=> Tổng cộng: 130 học sinh nữ

Vậy: Tổng số học sinh nữ của các lớp khối là **130** học sinh.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức

**b. Nội dung:** HS hoàn thành theo yêu cầu của GV

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hòan thành bài tập vận dụng :* **Bài 3 (** *SGK –tr109).*

*- GV hướng dẫn, gợi ý và tổ chức cho HS thảo luận theo tổ.*

*- HS thảo luận, suy nghĩ và trình bày vào vở theo cá nhân, sau khi hoàn thành giơ tay phát biểu trình bày bảng.*

**Bài 3 :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Số xe ô tô bán được của cửa hàng A** | |
| **Năm** | **Số xe bán được** |
| **2016** |  |
| **2017** |  |
| **2018** |  |
| **2019** |  |
| **2020** |  |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể).  - Đánh giá đồng đẳng. | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS.  - Phương pháp thuyết trình.  - Phương pháp gợi mở - đàm thoại. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Xem lại và ghi nhớ nội dung kiến thức cuả bài.

- Làm thêm các bài tập **2** **+ 5 + 6** ( SBT –tr93, 94, 95)

- Đọc và chuẩn bị trước bài sau : “ **Biểu đồ cột – Biểu đồ cột kép**”.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# TIẾT 66 + 67 + 68 + 69: BIỂU ĐỒ CỘT – BIỂU ĐỒ CỘT KÉP

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

- Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu trên biểu đồ cột và biểu đồ cột kép.

- Hiểu được mối liên hệ giữa biểu đồ cột và biểu đồ cột kép.

- Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở biểu đồ cột và biểu đồ cột kép.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào biểu đồ cột và biểu đồ cột kép.

***+*** Vẽ được biểu đồ cột, biểu đồ cột kép.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học; giải quyết vấn đề toán học; giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS tính độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, bài giảng, giáo án ppt, SBT.

**2 - HS** : Đồ dùng học tập; SGK, SBT, bảng nhóm, giấy A1, bút dạ.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Gợi mở vấn đề, dẫn dắt vào bài mới thu hút học sinh.

- Giúp HS thực hành về biểu đồ cột thông qua hoạt động đọc thông tin.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và thực hiện yêu cầu.

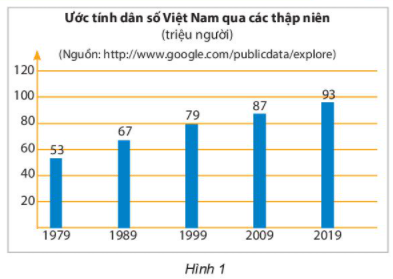
**c) Sản phẩm:** HS quan sát, suy nghĩ, trao đổi nhóm, vận dụng hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chiếu Slide **HĐKĐ** như trong SGK và yêu cầu HS quan sát, trao đổi nhóm, trả lời câu hỏi:

*+ Hãy lập bảng thống kê tương ứng với biểu đồ ở hình 1.*



**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS chú ý lắng nghe, trao đổi nhóm đôi và trả lời câu hỏi theo suy nghĩ và nhận thức của bản thân dưới sự dẫn dắt của GV.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS giơ tay, trả lời miệng, các HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Ôn tập biểu đồ cột**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS ôn tập lại về biểu đồ cột thông qua việc thực hành so sánh với biểu đồ tranh.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm được kiến thực trọng tâm .

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV tổ chức cho HS suy nghĩ, thảo luận nhóm, hoàn thành **HĐKP1**.  - GV dẫn dắt, giảng lại cho HS khái niệm **biểu đồ cột.**  - GV yêu cầu một vài HSphát biểu lại khái niệm biểu đồ cột.  - GV hướng dẫn, phân tích cho HS đọc hiểu *Ví dụ 1* để HS hình dung cách chuyển bảng số liệu về biểu đồ cột.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm, tìm hiểu nội dung thông qua việc thực hiện yêu cầu như hướng dẫn của GV.  - GV: quan sát và trợ giúp các nhóm HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày miệng tại chỗ.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá chung quá trình hoạt động của các nhóm và lưu ý nội dung kiến thức trọng tâm cho HS. | **1. Ôn tập biểu đồ cột**  **HĐKP1:**  Không nên dùng biểu đồ tranh để biểu diễn số liệu ở Hình 1.  Bởi vì vẽ biểu đồ tranh sẽ tốn nhiều thời gian hơn, biểu đồ cột dễ thể hiện (có chiều rộng không đổi, chiều cao cách đều nhau đại diện cho các số liệu đã cho) và cũng dễ xem và nhận xét dữ liệu đã thống kê hơn.  => **Biểu đồ cột**: Là biểu đồ biểu diễn dữ liệu vẽ các cột không đổi, cách đều nhau và có chiều cao đại diện cho số liệu đã cho. |

**Hoạt động 2: Đọc biểu đồ cột:**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS ôn tập cách đọc biểu đồ cột thông qua việc thực hành quan sát chiều cao của các cột trong biểu đồ để đọc thông tin.

- HS vận dụng quy tắc đọc biểu đồ cột vào thực tiễn thu thập thông tin kết quả học tập của học sinh khối 6.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK và hoàn thành theo yêu cầu của GV

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi, hoàn thành **HĐKP2.**  - GV giảng, hướng dẫn học sinh cách đọc biểu đồ cột và dẫn dắt HS nội dung kiến thức trong Hộp kiến thức.  - GV yêu cầu một vài học sinh phát biểu lại nội dung trong Hộp kiến thức.  - GV giảng, phân tích cho HS đọc Ví dụ 2 để hiểu cách chuyển từ biểu đồ cột về bảng thống kê.  - GV hướng dẫn cho HS đọc hiểu *Ví dụ 2.*  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 hoàn thành **Vận dụng** vào vở cá nhân.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm, quan sát và tìm hiểu nội dung SGK thông qua việc thực hiện yêu cầu như hướng dẫn của GV.  - GV: giảng, phân tích, quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày miệng tại chỗ, các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chữa, nhận xét, đánh giá chung quá trình hoạt động của các nhóm và lưu ý nội dung kiến thức trọng tâm cho HS. | **2. Đọc biểu đồ cột**  **HĐKP2:**  Chiều cao của biểu đồ cột thể hiện: số lượng học sinh lớp 6A chọn môn thể thao yêu thích (được thống kê theo từng môn thể thao).  => ***Khi đọc biểu đồ cột, ta nhìn theo một trục để đọc danh sách các đối tượng thống kê và nhìn theo trục còn lại để đọc số liệu thống kê tương ứng với các đối tượng đó ( cần lưu ý thang đo của trục số liệu khi đọc các số liệu).***  **Vận dụng 1:**  a) Học sinh khối 6 trường THCS Quang Trung xếp loại lực khá đông nhất. (140 học sinh)  b) Trường THCS Quang Trung có 178 học sinh khối 6 có xếp loại học lực trên trung bình.  *Trong đó:* Có 38 học sinh giỏi và 140 học sinh khá |

**Hoạt động 3 : Vẽ biểu đồ cột**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS khám phá cách vẽ biểu đồ cột thông qua ngữ cảnh biểu diễn thông tin về kết quả học lực của học sinh.

- HS rèn luyện kĩ năng thực hành vẽ biểu đồ cột.

- HS có cơ hội vận dụng kiến thức vừa học trong việc nêu một tình huống trong thực tế có thể dùng biểu đồ cột để thể hiện dữ liệu thống kê và vẽ biểu đồ cột nào đó.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK và hoàn thành theo yêu cầu của GV

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi, hoàn thành **HĐKP3.**  - GV dẫn dắt, giảng, trình bày các bước vẽ biểu đồ cột biểu diễn bảng số liệu.  - GV chốt lại các bước như Hộp kiến thức và cho một vài HS phát biểu lại.  - GV hướng dẫn, phân tích cho HS đọc hiểu *Ví dụ 3* để HS hình dung cách vẽ biểu đồ cột từ bảng số liệu thống kê ban đầu.  - GV hướng dẫn HS thực hiện Vẽ biểu đồ cột **Thực hành 1**.  - GV cho HS trao đổi, thảo luận theo tổ và hoàn thành ra giấy A1 bài **Vận dụng**.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm, quan sát và tìm hiểu nội dung SGK thông qua việc thực hiện yêu cầu như hướng dẫn của GV.  - GV: giảng, phân tích, quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày miệng tại chỗ, hoàn thành vở; các HS khác nhận xét, bổ sung.  - Đối với bài **Vận dụng 2**, đại diện một thành viên các nhóm thuyết trình bài của nhóm.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chữa, nhận xét, đánh giá chung quá trình hoạt động của các nhóm và lưu ý nội dung kiến thức trọng tâm cho HS. | **3. Vẽ biểu đồ cột**  **HĐKP3:**     Nếu khối 6 trường THCS Quang Trung có 50 học sinh xếp loại giỏi thì biểu đồ thay đổi thì: Trục dọc của cột học sinh giỏi tăng lên 12 đơn vị.  => Để vẽ biểu đồ cột biểu diễn bảng số liệu, ta thực hiện các bước sau:  ***Bước 1: Vẽ hai trục ngang và dọc vuông góc với nhau:***  - Trục ngang. Ghi danh sách đối tượng thống kê.  - Trục dọc: Chọn khoảng chia thích hợp với dữ liệu và ghi số ở các vạch chia.  ***Bước 2 : Tại vị trí các đối tượng trên trục ngang, vẽ những cột hình chữ nhật:***  - Cách đều nhau;  - Có cùng chiều rộng;  - Có chiều cao thể hiện số liệu của các dối tượng, tương ứng với khoảng chia trên trục dọc.  ***Bước 3: Hoàn thiện biểu đồ:***  - Ghi tên biểu đồ.  - Ghi tên các trục và ghi số liệu tương ứng trên mỗi cột ( nếu cần).  **Thực hành 1:**  Từ bảng thống kê, ta vẽ được biểu đồ tranh như sau:  **Vận dụng 2:**  Thống kê chiều cao của các bạn trong tổ 1: |

**Hoạt động 4 : Giới thiệu biểu đồ cột kép**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS làm quen, nhận biết biểu đồ kép thông qua việc thực hành quan sát và so sánh với biểu đồ cột.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK và hoàn thành theo yêu cầu của GV

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS hoạt động nhóm bốn, hoàn thành **HĐKP4.**  - GV giảng, dẫn dắt để HS phát biểu được nội dung kiến thức như trong Hộp kiến thức.  - GV yêu cầu một vài học sinh phát biểu lại nội dung trong Hộp kiến thức.  - GV giảng, phân tích cho HS đọc Ví dụ 4 để hiểu rõ hơn vai trò của biểu đồ kép.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm, quan sát và tìm hiểu nội dung SGK thông qua việc thực hiện yêu cầu như hướng dẫn của GV.  - GV: giảng, phân tích, quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày miệng tại chỗ, các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chữa, nhận xét, đánh giá chung quá trình hoạt động của các nhóm và lưu ý nội dung kiến thức trọng tâm cho HS. | **4. Giới thiệu biểu đồ cột kép**  **HĐKP4:**  Biểu đồ hình 6 được ghép bởi 2 biểu đồ:  - Biểu đồ số cây hoa trồng được của lớp 6A1.  - Biểu đồ số cây hoa trồng được của lớp 6A2.  **Lợi ích:** Để ta có thể so sánh số cây trồng được của 2 lớp 6A1 và 6A2 một cách trực quan và dễ dàng hơn.  => ***Để so sánh một cách trực quan từng cặp số liệu của hai bộ dữ liệu cùng loại, người ta ghép hai biểu đồ cột thành một biểu đồ cột kép.*** |

**Hoạt động 5 : Đọc biểu đồ kép.**

**a) Mục tiêu:**

- HS rèn luyện kĩ năng, thực hành đọc biểu đồ cột kép.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK và hoàn thành theo yêu cầu của GV

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS quan sát biểu đồ Hình 7, suy nghĩ, hoàn thành **HĐKP5.**  - GV dẫn dắt, đặt câu hỏi: *Cách đọc biểu đồ cột kép có gì giống và khác với cách đọc biểu đồ cột?*  - GV yêu cầu một vài học sinh đọc nội dung trong Hộp kiến thức.  - GV giảng, phân tích cho HS đọc *Ví dụ 5* để hiểu rõ cách đọc biểu đồ cột kép.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 hoàn thành **Thực hành 2** vào vở cá nhân.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm, quan sát và tìm hiểu nội dung SGK thông qua việc thực hiện yêu cầu như hướng dẫn của GV.  - GV: giảng, phân tích, quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày miệng tại chỗ, các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chữa, nhận xét, đánh giá chung quá trình hoạt động của các nhóm và lưu ý nội dung kiến thức trọng tâm cho HS. | **5. Đọc biểu đồ cột kép**  **HĐKP5:**  - Số cá của tổ 3: 12 con  - Số cá của tổ 4: 15 con.  => ***Đọc biểu đồ cột kép cũng tương tự như đọc biểu đồ cột, nhưng lưu ý với mỗi đối tượng thống kê, ta thường đọc một cặp số liệu để tiện so sánh sự hơn kém, tăng giảm.***  **Thực hành 2:**  a) Biểu đồ kép trên cho ta biết:  - Sĩ số học sinh đầu năm và cuối năm của khối lớp 6 .  - Khối lớp gồm 4 lớp: 6A1, 6A2, 6A3, 6A4.  - So sánh số học sinh đầu năm và cuối năm của các lớp thuộc khối lớp 6.  b) – Lớp 6A2 có sĩ số tăng      – Lớp 6A1 và lớp 6A3 có sĩ số lớp giảm      – Lớp 6A4 có sĩ số lớp không đổi  c) Lớp 6A1 có số lượng học sinh thay đổi nhiều nhất (giảm 5 học sinh). |

**Hoạt động 6 : Vẽ biểu đồ cột kép**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS nhận biết, có cơ hội trải nghiệm thông qua việc thực hành vẽ biểu đồ cột kép.

- HS có cơ hội vận dụng kiến thức vừa học qua việc tìm kiếm một tình huống trong thực tế có thể dùng biểu đồ cột kép để thể hiện dữ liệu thống kê và vẽ biểu đồ cột kép đó.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK và hoàn thành theo yêu cầu của GV

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS nêu lại các bước vẽ biểu đồ cột.  - GV hướng dẫn, phân tích HS đọc biểu đồ kép Hình 8 và yêu cầu HS thảo luận theo tổ, hoàn thành **HĐKP3** vào giấy A1.  - GV yêu cầu HS so sánh cách vẽ biểu đồ cột kép và cách vẽ biểu đồ cột.  - GV lưu ý cách vẽ biểu đồ cột kép so với biểu đồ cột để HS hình dung và biết cách vẽ biểu đồ cột kép.  - GV hướng dẫn, phân tích cho HS đọc hiểu *Ví dụ 3* để HS hình dung cách vẽ biểu đồ cột kép từ bảng số liệu thống kê ban đầu.  - GV cho HS trao đổi, thảo luận theo tổ và hoàn thành cá nhân bài **Vận dụng 3** vaò vở.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm, quan sát và tìm hiểu nội dung SGK thông qua việc thực hiện yêu cầu như hướng dẫn của GV.  - GV: giảng, phân tích, quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày miệng tại chỗ, hoàn thành vở; các HS khác nhận xét, bổ sung.  - Đối với bài **HĐKP6**, đại diện một thành viên các nhóm thuyết trình bài của nhóm.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chữa, nhận xét, đánh giá chung quá trình hoạt động của các nhóm và lưu ý nội dung kiến thức trọng tâm cho HS. | **6. Vẽ biểu đồ cột kép**  **HĐKP6:**  => Cách vẽ biểu đồ cột kép tương tự như cách vẽ biểu đồ cột. Nhưng tại vị trí ghi mỗi đối tượng trên trục ngang, ta vẽ hai cột sát cạnh nhau thể hiện hai loại số liệu của đối tượng đó. Mỗi loại số liệu khác nhau tô màu khác nhau,còn các cột thể hiện cùng một bộ dữ liệu được tô chung một màu để thuận tiện cho việc đọc biểu đồ.  **Vận dụng 3:**  VD: Số lượng học sinh giỏi học kì 1 và học kì 2 của các tổ lớp 6A1. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập :* ***Bài 1 + 3 + 5 ( SGK – 116, 117)***

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án, hoàn thành vở, giơ tay trình bày miệng.*

**Bài 1 :**

**Trái cây ưa thích của học sinh lớp 6A1**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại trái cây** | Chuối | Mận | Cam | Ổi |
| **Số học sinh** | 16 | 6 | 10 | 8 |

**Bài 3:**

***Nhận xét:***

- Điểm các môn Ngữ văn, Giáo dục công dân, Lịch sử và địa lí của Lan cao hơn Hùng.

- Điểm các môn Toán, Khoa học tự nhiên của Hùng cao hơn Lan.

- Điểm môn Ngoại ngữ của Lan và Hùng bằng nhau.

- Điểm thấp nhất của Lan là 5 điểm, điểm cao nhất là 10 điểm.

- Điểm thấp nhất của Hùng là 6 điểm, điểm cao nhất là 10 điểm.

**Bài 5:**

a) Vào năm 2015, tỉnh Thừa Thiên – Huế có hơn 100 trường THCS. => Đúng.

b) Vào năm 2005, tỉnh Quảng Ngãi có nhiều trường THCS hơn tỉnh Quảng Bình. => Sai.

c) Vào năm 2015, số trường THCS của tỉnh Quảng Nam nhiều hơn hai lần số trường THCS của tỉnh Quảng Trị. =>  Sai.

d) Số trường THCS của các tỉnh năm 2015 đều cao hơn năm 2005. => Đúng.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức

**b. Nội dung:** HS hoàn thành theo yêu cầu của GV

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập vận dụng :***Bài 2 + Bài 4 + Bài 6 (** *SGK –tr116, 117).*

*- GV hướng dẫn, gợi ý và tổ chức cho HS thảo luận theo tổ.*

*- HS thảo luận, suy nghĩ và trình bày vào vở theo cá nhân, sau khi hoàn thành giơ tay GV chấm vở và phát biểu trình bày miệng.*

**Bài 2 :**

a)

b) Số lượng học sinh tăng theo từng năm là **10** học sinh.

c) Học viên năm 2020 gấp **2** lần học viên năm 2017.

**Bài 4:**

**Bài 6:**

VD: Tổng kết số lượng điểm 10 trong học kì 1 và học kì 2 của từng tổ trong lớp 6A.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể).  - Đánh giá đồng đẳng. | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS.  - Phương pháp thuyết trình.  - Phương pháp gợi mở - đàm thoại. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Xem lại và ghi nhớ nội dung kiến thức của bài.

- Hoàn thành nốt các bài tập chưa hoàn thành.

- Đọc và chuẩn bị trước bài sau : “ **Hoạt động thực hành và trải nghiệm: Thu thập dữ liệu về nhiệt độ trong tuần tại địa phương**”.

- Chuẩn bị giấy A1, Tổ 1 và tổ 2 lập bảng thống kê thu thập nhiệt độ 7 ngày vừa qua; Tổ 3 và tổ 4 lập bảng thống kê dân số 5 năm gần đây của Hà Nội và TP Hồ Chí Minh.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# TIẾT 70 – BÀI 5: HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM:

# THU THẬP DỮ LIỆU VỀ NHIỆT ĐỘ TRONG TUẦN TẠI ĐỊA PHƯƠNG

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

- Tìm hiểu về biến đổi thời tiết của địa phương trong tuần.

- Tìm hiểu về biến đổi dân số của Hà Nội trong 5 năm gần đây.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ Vận dụng kiến thức thống kê vào việc thu thập và biểu diễn thông tin.

+ Rèn luyện kĩ năng vẽ biểu đồ cột, biểu đồ cột kép.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học; năng lực hợp tác và làm việc nhóm; năng lực gaiir quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học; năng lực thuyết trình; kĩ năng công nghệ thông tin,..

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, bài giảng.

**2 . Học sinh** :

- SGK, đồ dùng học tập.

- Giấy A1, bút dạ.

- Tổ 1 và tổ 2: Bảng thống kê thu thập nhiệt độ 7 ngày vừa qua

- Tổ 3 và tổ 4: Bảng thống kê dân số 5 năm gần đây của Hà Nội

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Tìm hiểu về biến đổi thời tiết và dân số.

- Kiểm tra kĩ năng công nghệ thông tin qua việc tra mạng lập bảng thống kê mà GV đã giao nhiệm vụ từ buổi trước.

- Gợi mở vấn đề, dẫn dắt vào bài thực hành.

**b) Nội dung:** Gv kiểm tra phần chuẩn bị của HS thông qua báo cáo của các tổ trưởng và phần trình bày của HS.

**c) Sản phẩm:** HS chuẩn bị và hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ giáo viên giao.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS trình bày bảng thống kê về dữ liệu thời tiết trong 7 ngày vừa qua.

- GV yêu cầu HS trình bày bảng thống kê về dữ liệu dân số của HN trong năm 5 năm trở lại đây.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS quan sát vào bảng thống kê đã chuẩn bị và phát biểu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

GV mời 1 thành viên/ tổ trình bày miệng phần chuẩn bị của tổ mình.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài thực hành.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a) Mục tiêu:**

- Thực hành thu thập được số liệu nhiệt độ trong tuần

- Biểu diễn biểu đồ cột và biểu đồ cột kép biểu diễn dữ liệu thu thập được.

**b) Nội dung:** báo cáo của các tổ trưởng và phần trình bày của HS.

**c) Sản phẩm:** HS chuẩn bị và hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ giáo viên giao.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Hoàn thành Bảng thống kê thu thập nhiệt độ 7 ngày vừa qua ở địa phương

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS hoàn thành bảng thống kê đã chuẩn bị và phát biểu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

GV mời 1 thành viên/ tổ trình bày miệng phần chuẩn bị của tổ mình.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài thực hành.

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Củng cố, rèn luyện kĩ năng vẽ biểu đồ cột và biểu đồ cột kép biểu diễn dữ liệu thu thập được.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe, chuẩn bị sẵn các đồ dùng cần thiết trong bài thực hành và thực hiện hoạt động dưới sự hướng dẫn của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành sản phẩm biểu đồ cột, biểu đồ cột kép.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV nhận xét, đánh giá bảng thống kê của HS và cho các nhóm trình bày bảng thống kê đó vào giấy A1.

- GV yêu cầu các nhóm trao đổi và thực hành vẽ biểu đồ thích hợp biểu diễn dữ liệu tổ mình thu thập được.

- GV hướng dẫn, yêu cầu các nhóm đọc biểu đồ và nếu nhận xét về biến đổi nhiệt độ trong tuần, biến đổi dân số HN qua các năm.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- Các thành viên trao đổi, thảo luận hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của Gv và phân công nhóm trưởng.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Đại diện thành viên trong nhóm trình bày bài thực hành của nhóm mình.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá quá trình hoạt động và kết quả của các nhóm và cho giơ tay biểu quyết. GV lưu ý, rút kinh nghiệm cho HS về cách thu thập số liệu sao cho chính xác, những sai lầm dễ mắc khi vẽ biểu đồ...

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể).  - Đánh giá đồng đẳng. | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS.  - Phương pháp thuyết trình.  - Phương pháp gợi mở - đàm thoại. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Xem lại và ghi nhớ nội dung kiến thức các bài trong chương.

- Đọc và chuẩn bị trước, xem trước các bài tập bài : “ **Bài tập cuối chương 4.**”

- Chuẩn bị giấy A4, bút màu.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# TIẾT 71 + 72 + 73: BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG 4

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

- Củng cố kiến thức các bài học trong chương.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

**+** Nâng cao kĩ năng giải toán.

+ Gắn kết các kĩ năng bài học lại với nhau, giúp HS trong việc giải và trình bày giải toán.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán, năng lực hợp tác và làm việc nhóm.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, bài giảng.

**2 . Học sinh** :

- SGK, đồ dùng học tập.

- Giấy A4, bút màu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Củng cố lại kiến thức các khái niệm về dữ liệu, số liệu; phân loại dữ liệu; khái niệm về bảng dữ liệu ban đầu, bảng thống kê; Khái niệm biểu đồ tranh, biểu đồ cột, biểu đồ cột kép.

- Củng cố kiến thức về các bước biểu diễn dữ liệu thống kê từ bảng vào biểu đồ tranh; các bước vẽ biểu đồ cột biểu diễn bảng số liệu;

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và thực hiện yêu cầu.

**c) Sản phẩm:** HS nhớ lại kiến thức và trình bày đúng các khái niệm, cách vẽ biểu đồ.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV hỏi đáp kiến thức cũ nhanh qua các câu hỏi sau:

+ Trình bày khái niệm về dữ liệu, số liệu, phân loại dữ liệu.

+ Trình bày các khái niệm về bảng dữ liệu ban đầu, bảng thống kê.

+ Trình bày khái niệm về biểu đồ tranh và nêu các bước biểu diễn dữ liệu thống kê từ bảng vào biểu đồ tranh

+ Trình bày khái niệm biểu đồ cột, biểu đồ kép và nêu các bước vẽ biểu đồ cột biểu diễn bảng số liệu.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS chú ý, nhớ lại kiến thức và giơ tay phát biểu, trình bày.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

GV mời 1-2 HS phát biểu đối với mỗi 1 câu hỏi.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS làm các bài tập.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng kiến thức vào việc giải bài tập.

- Rèn luyện kĩ năng năng biểu diễn, vẽ các biểu đồ.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe, thực hiện các yêu cầu dưới sự hướng dẫn của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành chính xác kết quả vào phiếu học tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập* **1+ 3+ 4+ 5** *( SGK-tr73)*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, giơ tay trình bày miệng và trình bày bảng.*

**Bài 1 :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhà bạn** | **Số quả mít** |
| Nhà Cúc | 40 |
| Nhà Hùng | 35 |
| Nhà Xuân | 70 |

**Bài 3:**

a)

|  |  |
| --- | --- |
| **Độ tuổi** | **Số bạn** |
| 10 | 1 |
| 11 | 3 |
| 12 | 5 |
| 13 | 1 |
| 14 | 1 |
| 15 | 1 |

b) Khách 12 tuổi là nhiều nhất.

**Bài 4 :** Những thông tin nhận được từ biểu đồ tranh này được ghi trong bảng thống kê sau :

**Tình hình sản xuất của một phân xưởng lắp ráp xe ô tô trong tuần**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngày** | **Số xe lắp ráp được** |
| Thứ Hai | 60 |
| Thứ Ba | 70 |
| Thứ Tư | 35 |
| Thứ Năm | 85 |
| Thứ Sáu | 60 |
| Thứ Bảy | 55 |

- Thứ Hai phân xưởng lắp ráp được 60 ô tô.

- Thứ Ba phân xưởng lắp ráp được 70 ô tô.

- Thứ Tư phân xưởng lắp ráp được 35 ô tô.

- Thứ Năm phân xưởng lắp ráp được 85 ô tô.

- Thứ Sáu phân xưởng lắp ráp được 60 ô tô.

- Thứ Bảy phân xưởng lắp ráp được 55 ô tô.

=> Thứ Năm phân xưởng lắp ráp được nhiều ô tô nhất. Thứ Tư phân xưởng lắp ráp được ít ô tô nhất.

**Bài 5:**

a)

|  |  |
| --- | --- |
| **Sản lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam** | |
| **Năm** | **Sản lượng gạo ( triệu tấn)** |
| 2007 | 4,53 |
| 2008 | 4,68 |
| 2009 | 6,05 |
| 2010 | 6,75 |
| 2011 | 7,13 |
| 2012 | 7,72 |
| 2013 | 6,68 |
| 2014 | 6,32 |
| 2015 | 6,57 |
| 2016 | 4,89 |
| 2017 | 5,77 |

b) Năm 2012 sản lượng gạo xuất khẩu cao nhất. Năm 2007 sản lượng gạo xuất khẩu thấp nhất.

*- HS nhận xét, bổ sung và giáo viên đánh giá tổng kết.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng :* **Bài 2 + 6 ( SGK-tr120, 121)**

**Bài 2 :**

a) Có 30 bạn tham gia trả lời.

b)

**Bảng thống kê loại quả ưa thích nhất của một số bạn trong lớp :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Loại hoa quả** | **Số bạn cho** |
| Cam | 9 |
| Chuối | 6 |
| Khế | 4 |
| Ổi | 3 |
| Xoài | 9 |

**Biểu đồ biểu diễn loại quả ưa thích của một số bạn trong lớp**

**Bài 6:**

a) Hùng đạt được tiến bộ nhiều nhất ở môn Khoa học tự nhiên.

b) Hùng đạt được tiến bộ ít nhất ở môn Ngữ Văn.

c) Hùng giảm điểm thi ở môn Ngoại ngữ 1.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể)  - Đánh giá đồng đẳng: HS tham gia vào việc đánh giá sản phẩm học tập của các HS khác | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS.  - Phương pháp thuyết trình.  - Phương pháp đánh giá qua sản phẩm học tập. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận.  - Bảng thống kê, biểu đồ |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

……………………………………………………

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**CHƯƠNG V: PHÂN SỐ**

# BÀI 1: PHÂN SỐ VỚI TỬ SỐ VÀ MẪU SỐ LÀ SỐ NGUYÊN

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Biết dùng phân số để biểu thị số phần như nhau trong tình huống thực tiễn đơn giản hay để biểu thị thương của phép chia số nguyên cho số nguyên

- Nhận biết và giải thích được hai phân số bằng nhau

- Biết biểu diễn (viết) số nguyên ở dạng phân số

**2. Năng lực**

a.Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

b. Năng lực chú trọng:

+ Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** sgk, giáo án, máy chiếu

**2. Đối với học sinh**: vở ghi, đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*:

|  |  |
| --- | --- |
| GV yêu cầu cả lớp quan sát tình huống trong sách giáo khoa  *Bạn thứ nhất: Năm đầu tiên lỗ 20 triệu đồng*  *Bạn thứ hai: Năm thứ hai không lỗ cũng không lãi*  *Bạn thứ ba: Năm thứ ba lãi 17 triệu đồng*  Hình vẽ cho biết thông tin gì? Tình huống ở hình vẽ yêu cầu ta dự đoán điều gì? |  |
| HS thảo luận theo nhóm và trả lời sau 5 phút | |

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Mở rộng khái niệm phân số**

**a. Mục tiêu**: Hiểu được thế nào là phân số dương, phân số âm và cách dùng

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận về số âm hay số dương chỉ số tiền lỗ hay tiền lãi  - Gv dùng tình huống kết quả kinh doanh năm thứ nhất để HS trao đổi về số tiền mỗi người có, qua đó giớ thiệu, mô tả về phân số với tử số là số nguyên, cách đọc phân số  - Gv chú y cho HS phân số đã được dùng để ghi thương của phép chia số tự nhiên cho số tự nhiên và tương tự vậy ở lớp 6 này, ta coi phân số như là thương của phép chia số nguyên cho số nguyên  - GV nêu Ví dụ 2  - GV yêu cầu hs làm thực hành 1. HS đứng tại chỗ trả lời  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 1:**  Ta có thể sử dụng phân số  để chỉ số tiền (triệu đồng) mỗi người có được trong năm thứ ba. Tương tự, ta có thể dùng phân số  (âm hai mươi phần ba) để chỉ số tiền mỗi người có trong năm thứ nhất.  **Thực hành 1**  : Trừ mười một phần năm, tử số: -11, mẫu số: 5  : Trừ ba phần tám, tử số: -3, mẫu số: 8 |

**Hoạt động 2: Phân số bằng nhau**

**a. Mục tiêu**: Cách viết hai phân số bằng nhau, điều kiện bằng nhau của hai phân số

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV để HS quan sát hình vẽ và phát biểu-  - GV chốt lại bằng mô tả (không dùng thuật ngữ định nghĩa mà chỉ nêu mô tả tổng quát bằng nhau và mô tả điều kiện bằng nhau)  - Thực hành 2: Gv giới thiệu ví dụ để minh họa mô tả và sau đó làm Thực hành 2 để củng cố ban đầu về khái niệm phân số bằng nhau  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 2:**  a) Hình b minh họa cho sự bằng nhau của hai phân số  và  b) Tích 3.8 = 4.6. Với hình b, ta có 4.5 = 10.2  **Thực hành 2**  a) Cặp phân số  và  bằng nhau, vì -8.-30 = 15.16  b) Cặp phân số  và  không bằng nhau vì 7.(-16) khác 15. |

**Hoạt động 3: Biểu diễn số nguyên ở dạng phân số**

**a. Mục tiêu**: HS biết cách biểu diễn số nguyên ở dạng phân số

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV viết ví dụ và phân tích. Yêu cầu HS lấy ví dụ tương tự  - GV tổ chức HĐKP 3, sau đó giới thiệu thuật ngữ  - Thực hành 3: GV yêu cầu HS làm để củng cố ban đầu  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 3:**  Ví dụ: Thương của phép chia -8 cho 1 là -8 và cũng viết thành phân số  **Thực hành 3** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Bài tập 1, 2, 3 sgk

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1:**  Vẽ lại hình bên và tô màu để phân số biểu thị phần tô màu bằng 512  **https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1110.jpg?itok=1GIPDtha**  **Câu 2:**  Đọc các phân số sau  a)             b)  c)          d)  **Câu 3:**  Một bể nước có 2 máy bơm để cấp và thoát nước. Nếu bể chưa có nước, máy bơm thứ nhất sẽ bơm đầy bể trong 3 giờ. Nếu bể đầy nước, máy bơm thứ hai sẽ hút hết nước trong bể sau 5 giờ. Dùng phân số có tử số là số âm hay số dương thích hợp để biểu thị lượng nước mỗi máy bơm được sau 1 giờ so với lượng nước mà bể chứa được | **Câu 1:**  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1110_0.jpg?itok=A6s4FV6Q  **Câu 2:**  Mười ba phần trừ ba  Trừ hai mươi lăm phần sáu  Không phần năm  Trừ năm mươi hai phần năm  **Câu 3:**  Phân số biểu thị lượng nước máy bơm thứ nhất bơm được trong 1 giờ là  Phân số biểu thị lượng nước máy bơm thứ hai bơm được trong 1 giờ là: |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Bài tập 4, 5 sgk

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 4:** Tìm cặp phân số bằng nhau trong các cặp phân số sau:  a)  và b) và  **Câu 5:** Viết các số nguyên sau ở dạng phân số  a) 2                    b) -5                    c) 0 | **Câu 4:**  *Trong các cặp phân số trên, cặp phân số và bằng nhau vì:( -12) . (-8) = 16 . 6*  **Câu 5:**  *a.*  *b.*  *c.* |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# BÀI 2: TÍNH CHẤT CƠ BẢN CỦA PHÂN SỐ

**I. MỤC TIÊU**

- Biết hai tính chất cơ bản của phân số và dùng nó để tạo lập phân số bằng phân số đã cho

- Biết quy đồng mẫu số hai phân số

- Biết rụt gọn phân số

**1. Kiến thức, kĩ năng**

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** sgk, giáo án

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, sgk

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*: GV cho phân số lên bảng. Phân số bằng phân số nào?

Gọi hs trả lời tại chỗ. Yêu cầu một số hs khác lên bảng lấy ví dụ tương tự.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tính chất 1**

**a. Mục tiêu**: Nắm được tính chất 1: Nếu cả tử và mẫu của một phân số với cùng một số nguyên khác không thì ta được một phân số mới bằng phấn số đã cho.

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn hs tiếp cận nhờ HĐKP1  - GV hướng dẫn hs quan sát và phát biểu dự đoán, tính chất và ghi tóm tắt  - HS tham gia thực hiện ví dụ  - Gv dùng BT1 hay tự nêu bài tập tương tự để củng cố ban đầu về tính chất thứ nhất  - GV giới thiệu dạng biểu diễn số nguyên thành phân số có mẫu tùy : hs tham gia xây dựng và giải thích sự hợp lí (dựa vào tính chất 1). HS nêu ví dụ tương tự  - Gv giới thiệu kĩ năng quy đồng mẫu số hai phân số: Gv yêu cầu HS đã biết quy đồng mẫu số hai phân số cụ thể nào đó với từ và mẫu là số tự nhiên và yêu cầu hs nêu cơ sở thực hiện thay thế hai phân số có mẫu số khác nhau bằng hai phân số mới lần lượt bằng chúng (nhân cả tử và mẫu với số tự nhiên)  - GV yêu cầu hs thực hiện VD2. Tứ đó nêu kĩ năng quy đồng mẫu số các phân số với phân số có tử và mẫu là số nguyên  - GV cho HS làm thực hành (bổ sung) sau để củng cố ban đầu  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 1:**  a) Nhân cả tử và mẫu của phân số với số nguyên 7 thì được phân số  b) Hai phân số trên bằng nhau, vì 3.35 = -5.-21  c) Ví dụ: Phân số - và phân số |

**Hoạt động 2: Tính chất 2**

**a. Mục tiêu**: HS nắm và vận dụng được tính chất 2

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV tổ chức thực hiện việc tiếp cận và củng cố Tính chất 1 và kĩ năng quy đồng mẫu số các phân số.  - Gv có thể lưu ‎ về phân số tối giản nhưng không nêu mô tả khái niệm mà chỉ nêu ví dụ để HS biết có thể có khái niệm đó.  - GV chp hs tổ chức HS thực hiện thực hành 2 và có thể có ví dụ tương tự để nêu kiến thức  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 2:**  Giải:  a) Chia cả tử và mẫu của phân số cho cùng số nguyên 5 thì được phân số  b) Hai phân số này bằng nhau, vì -20.-6 = 4.30  c) Ví dụ: Phân số và phân số  **Thực hành 1:**  Rút gọn ta được phân số: -  Rút gọn ta được các phân số: , , ....  **Thực hành 2:**    - |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:*

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1:**  Áp dụng tính chất 1 và tính chất 2 để tìm một phân số bằng mỗi phân số sau:  a)           b)          c) d)  **Câu 2:**  Rút gọn các phân số sau: **; ;**  **Câu 3:**  Viết mỗi phân số dưới đây thành phân số bằng nó có mẫu số dương:  **; ;**  **Câu 4:**  Dùng phân số có mẫu số dương nhỏ nhất để biểu thị xem số phút sau đây chiếm bao nhiêu phần của một giờ?  a) 15 phút  b) 20 phút  c) 45 phút  d) 50 phút | **Câu 1:**  a.  *b. c. d.*  **Câu 2:**  *; ;*  **Câu 3:**  *;*  **Câu 4:**  a.  b.  c.  d. |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:*

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 5:**  Dùng phân số để viết mỗi khối lượng sau theo tạ, theo tấn.  a) 20 kg  b) 55 kg  c) 87 kg  d) 91 kg  **Câu 6:**  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1127.jpg?itok=SuBhgSiB | **Câu 5:**  **a.**  *b.*  *c.*  *d.*  **Câu 6:**  *a.*  *b.*  *c.*  *d.* |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# BÀI 3: SO SÁNH PHÂN SỐ

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Biết so sánh hai phân số

- Biết sắp xếp một phân số theo thứ tự từ bé đến lớn hay ngược lại

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học (sắp xếp các phân số theo thứ tự, so sánh theo cách hợp lí)

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** sgk, máy chiếu

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, đồ dùng học tập, sgk

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**Câu 1:** Nêu quy tắc quy đồng mẫu nhiều phân số.

**Câu 2**:  Khi so sánh hai phân số  và , hai bạn Nga và Minh đều đi đến kết quả là nhưng mỗi người giải thích một khác:

+ Nga cho rằng: vì = ,  = mà  < nên  <

+ Minh giải thích:  vì 3<4 và 4<5 nên <

  Theo em, bạn nào đúng? Vì sao.

GV hỏi:  Em có thể lấy 1 vd khác để chứng minh cách suy luận của Minh là sai không ?

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*:  Ở tiểu học. các con đã được học cách so sánh hai phân số cùng mẫu và khác mẫu  với tử và mẫu là các số tự nhiên và mẫu khác 0. Bằng cách vận dụng kiến thức so sánh hai phân số ở Tiểu học, các con đã so sánh được hai phân số và . Bây giờ, Nga và  Minh muốn so sánh hai phân số nhưng chưa biết làm thế nào? Để giúp hai bạn tìm ra cách làm, chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay: SO SÁNH HAI PHÂN SỐ

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: So sánh hai phân số có cùng mẫu số**

**a. Mục tiêu**: Học sinh biết cách so sánh hai phân số cùng mẫu

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV dùng HĐKP 1 yêu cầu HS đưa ra dự đoán, sau đó GV giới thiệu quy tắc thứ nhất  - GV giới thiệu ví dụ 1 và yêu cầu hs đưa ra ví dụ khác  - Thực hành 1: GV yêu cầu HS thực hiện trước khi cho phát biểu cách so sánh trong trường hợp hai phân số có cùng mẫu nhưng mẫu âm  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 1:**  Giải:  Công ty A đạt lợi nhuận ít hơn, do <  **Thực hành 1:**  Giải:  > |

**Hoạt động 2: So sánh hai phân số khác nhau**

**a. Mục tiêu**: HS biết cách so sánh hai phân số khác nhau

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thực hiện HĐKP2 sau đó cho biết kết quả so sánh hai phân số ban đầu ở HĐKP2  - GV cho HS nêu dự đoán và GV khẳng định quy tắc và giới thiệu ví dụ  - GV cho HS thảo luận về mẫu chung có thể và giới thiệu Nhận xét  - Thực hành 2: HS thực hành cá nhân. 1 HS lên bảng làm.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 2:**  Giải:  Ta có: = = ;  = =  Vì > nên >  **Thực hành 2:**  Giải:  Ta có: =  = = =  Vì > nên > |

**Hoạt động 3: Áp dụng quy tắc so sánh phân số**

**a. Mục tiêu**: Biết cách so sánh số nguyên với phân số. Áp dụng tính chất bắc cầu để so sánh các phân số

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Để so sánh phân số với số nguyên, GV có thể cho HS thực hiện Thực hành 3 rồi GV nêu nhận xét  - GV hướng dẫn hs thực hiện HĐKP 3, sau đố nhắc đến tính chất bắc cầu để gợi ‎ HS thực hiện hành động 4  - Gv cần giới thiệu hai cách sắp xếp : tăng dần và giảm dần qua ví dụ với 3 phân số đó.  - Gv giới thiệu thuật ngữ: phân số âm, phân số dương, yêu cầu hs lấy ví dụ khác về phân số âm, phân số dương  - Gv yêu cầu hs thảo luận theo nhóm về so sánh phân số âm, phân số dương, sau đó nhận xét tổng quát  - GV có thể dùng Vận dụng ở SGK để hs thảo luận nhanh  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Thực hành 3:**  Giải:  Ta có: 2 = = = <  Suy ra: > hay  **Thực hành 4:**  **Giải:**  **Ta có: - 3 =**  = >  Suy ra: > hay -3 > |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Bài tập 1, 2, 3 sgk

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1:** So sánh hai phân số  a) và  b) và  c) và  d) và  **Câu 2:** Tổ 1 gồm 8 bạn có tổng chiều cao là 115 dm. Tổ 2 gồn 10 bạn có tổng chiều cao là 138 dm. Hỏi chiều cao trung bình của các bạn ở tổ nào lớn hơn?  **Câu 3:**  a) So sánh và  với -2 bằng cách viết -2 ở dạng phân số có mẫu số thích hợp  Từ đó suy ra kết quả so sánh với  b) So sánh  với | **Câu 1:**  a. Ta có: = = <  => <  b. Ta có: = = và = =  Vì > nên >  c.Ta có:  = = >  Nên >  **Câu 2:** Chiều cao trung bình của các bạn tổ 1 là:  Chiều cao trung bình của các bạn tổ 2 là:  Ta có:  = =  = =  Vì > nên >  Hay chiều cao trung bình của các bạn tổ 1 lớn hơn  **Câu 3:**  a. Ta có:  - 2 = =  = < nên  = > nên > 2  => <  b. Ta có: = >  nên > |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Bài tập 4 sgk

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 4***:*  Sắp xếp các số 2 , , , -1, , 0 theo thứ tự tăng dần | **Câu 4***:*  Các số lần lượt theo thứ tự tăng dần là: -1; , , 0 , , 2 |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# BÀI 4: PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ PHÂN SỐ

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Biết tìm số đối của phân số đã cho

- Thực hiện được cộng trừ các phân số

- Sử dụng được tính chất phép cộng phân số để tính hợp lí

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học (vận dụng quy tắc, tương tự)

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Sgk, giáo án, máy chiếu

**2. Đối với học sinh:** Sgk, đồ dùng học tập, vở ghi

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*: Bài trước chúng ta đã học về so sánh phân số. Bài hôm nay chúng ta tìm hiểu về cách cộng trừ các phân số.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Phép cộng hai phân số**

**a. Mục tiêu**: HS làm được phép cộng hai phân số

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện các yêu cầu a và b  - Với yêu cầu b, Gv có thể phát triển thêm yêu cầu: xác định số tiền có sau hai tháng (thực chất xác định kết quả phép tính + nêu ở b)  - GV có thể để HS thảo luận theo nhóm kết quả số tiền mỗi người có sau hai tháng theo cách khác (VD: sau hai tháng, cả năm người có -2 (triệu) + 3 (triệu), tức là có 1 triệu, nên sau hai tháng, mỗi người có (triệu) )  - Quy tắc cộng phân số: GV có thể từ kết quả trên, giới thiệu về sự tương tự và để yêu cầu HS nên thử quy tác cộng phân số cùng mẫu số, thảo luận xây dựng ví dụ  - Gv có thể yêu cầu HS nên thử quy tắc cho cộng phân số khác mẫu số, cùng xây dựng ví dụ và làm Thực hành q để củng cố quy tắc cộng phân số khác mẫu  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 1:**  Giải:  a) Tháng đầu mỗi người thu được: , tháng thứ hai thu được  b) Số tiền thu được của mỗi người trong hai toán được biểu thị:  +  **Thực hành 1:**  Giải:  a. + = + = + = =  b. + = + = + = + = = |

**Hoạt động 2: Một số tính chất của phép cộng phân số**

**a. Mục tiêu**: HS nắm được một số tính chất của phép cộng phân số

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS nhắc lại tính chất phép cộng số nguyên  - GV giới thiệu các tính chất tương tự của phép cộng phân số và trình bày. Ví dụ 3 để nói về tác dụng các tính chất trong hp lí  - GV cho Hs thực hiện Thực hành 2 để củng cố ban đầu  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Thực hành 2:**  Giải:  ( + ) + = (+ + ) = + = + = |

**Hoạt động 3: Số đối**

**a. Mục tiêu**: Biết cách tìm được số đối của một phân số

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV tiến hành theo gợi ‎ ở SGK và sau đó cho HS thực hiện Thực hành 3  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Thực hành 3:**  Giải:  a. Số đối của là -  b. Số đối của là -  c. Số đối của là -  d. Số đối của là - |

**Hoạt động 4: Phép trừ hai phân số**

**a. Mục tiêu**: HS biết cách trừ hai phân số

Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV theo cách ở SGK để giới thiệu Ví dụ 5 và cho HS thực hiện Thực hành 4  - GV có thể để HS khám phá (bổ sung) hình thành phép trừ như phép cộng (cùng mẫu thì trừ tử, khác mẫu cần quy đồng rồi thực hiện trừ). Khám phá này chỉ bổ sung với điều kiện HS hứng thú  - Quy tắc dấu ngoặc: GV sử dụng tương tự quy tắc dấu ngoặc có ở số nguyên để giới thiệu như SGk và cho HS thực hành 5 để làm quen  - GV nêu yêu cầu bằng ví dụ cụ thể, qua đó nêu thành chú y: Có thể nêu chú ‎ trước và có ví dụ minh họa  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Thực hành 4:**  Giải:  Ta có:  - = +  = + = +  =  **Thực hành 5:**  Giải:  - (- ) – (+ )  = - - = - = +  = + = + = |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 1, 2, 3, 4

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1:**  a. + ) +  b. + (+ )  **Câu 2:** Tìm các cặp phân số đối nhau trong các phân số sau:  ; ; ; ;  **Câu 3:**  Người ta mở hai vòi nước cùng chảy vào một bể. Vòi thứ nhất mỗi giờ chảy được  bể, vòi thứ hai mỗi giờ chảy được  bể. Nếu mở đồng thơi cả hai vòi, mỗi giờ được mấy phần bể? | **Câu 1:**  a. + ) + = ( + ) +  = + = + = + = =  b. + (+ ) = ( + ) +  = ( + ) = + = + = + =  **Câu 2:** Các cặp phân số đối nhau là:  và  và  và  **Câu 3:**  Nếu mở đồng thơi cả hai vòi, mỗi giờ được:  + = + = (phần bể)  Đáp số: bể |

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 4

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 4:**  Bảo đọc hết một quyển sách trong 4 ngày. Ngày thứ nhất đọc được  quyển sách, ngày thứ hai đọc được  quyển sách, ngày thứ ba đọc được  quyển sách. Hỏi hai ngày đầu Bảo đọc nhiều hơn hay ít hơn hai ngày sau? Tìm phân số để chỉ số chênh lệch đó. | **Câu 4:**  Hai ngày đầu Bảo đọc được:  + =  Hai ngày sau Bảo đọc được là:  1 **-**  =  Vì > nên hai ngày đầu Bảo đọc được nhiều hơn hai ngày sau  Phân số chỉ số chênh lệch là:  - = |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# BÀI 5: PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA PHÂN SỐ

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Thực hiện được nhân, chia phân số

- Biết được tính chất phép nhân phân số để tính hợp lí

- Vận dụng được phép nhân và phép chia hai phân số để giải quyết một số tình huống thực tiễn

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học (vận dụng quy tắc) mô hình hóa toán học (gắn với bài toán có nội dung thực tiễn)

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Sgk, giáo án, máy chiếu

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, sgk, đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

Kiểm tra bài cũ. GV gọi hs lên bảng làm phép tính

a. + b. -

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án của hs trên bảng

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*: Ở bài trước chúng ta đã học về phép cộng và phép trừ phân số. Hôm nay, cô trò mình cùng tìm hiểu về phép nhân và phép chia.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Nhân hai phân số**

**a. Mục tiêu**: Thực hiện được phép nhân hai phân số

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS đọc HĐKP1  - GV giới thiệu quy tắc nhân hai phân số, phân tích qua Ví dụ 1 để hs hiểu  - GV yêu cầu hs làm ngay một thực hành (bổ sung) để củng cố quy tắc  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 1:**  Giải:  Độ cao của đáy sông Sài Gòn là:  -32 . = = -20 |

**Hoạt động 2: Một số tính chất của phép nhân phân số**

**a. Mục tiêu**: Nắm được phép nhân có những tính chất nào

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV có thể sử dụng tương tự để HS đưa ra phán đoán về tính chất phép nhân phân số sau khi nhắc về tính chất phép nhân số nguyên  - GV giới thiệu các tính chất phân số với y nói chúng tương tự phép nhân số nguyên và chú ‎ rằng, ta thường vận dụng các tính chất này để tính toán hợp lí như Ví dụ 2 và Thực hành 1 ( HS tham gia vào ví dụ do GV dẫn dắt và chủ động thực hiện thực hành)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Thực hành 1:**  Giải:  . ) + (. )  = . (  = . = = |

**Hoạt động 3: Chia phân số**

**a. Mục tiêu**: HS thực hiện được các phép chia phân số

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV dùng HĐKP2 để HS trao đổi, củng cố quy tắc chia phân số và một dạng tình huống dùng phép chia  - HS tham gia cùng GV xây dựng ví dụ  - Thực hiện phép nhân, phép chia phân số với số nguyên: GV giới thiệu cách tính nhân và chia phân số với số nguyên  - GV yêu cầu HS thực hiện Thực hành 2  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Thực hành 2:**  Giải:  a. : = . =  b. : = . =  c. 4 : = : = . = = -10  d. : 6 = . = = |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 1, 2

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1:**  Tính giá trị của biểu thức:  a. ( : ) .  b. : (.)  c. . + . + .  **Câu 2:**  Một ô tô chạy hết 8 phút trên một đoạn đường với vận tối trung bình 40km/h. Hãy tính độ dài đoạn đường đó. Người lái xe muốn thời gian chạy hết quãng đường đó chỉ 5 phút thì ô tô phải chạy với vận tốc trung bình là bao nhiêu? | **Câu 1:**  a. ( : ) . = ( . = . = =  b. : (.) = : = : = . =  c. . + . + . = . ( + + ) = . ( + + ) = . = =  **Câu 2:**  Đổi 8 phút =  5 phút =  Độ dài quãng đường đó là:  . 40 = (km)  Người lái xe muốn thời gian chạy hết quãng đường đó chỉ 5 phút thì ô tô phải chạy với vận tốc trung bình là:  = 64 (km/h)  Đáp số: 64 km/h |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 3

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 3:** Tính diện tích hình chữ nhật ABCD ở hình bên theo hai cách, trong đó có cách tính tổng diện tích các hình chữ nhật AEFD và EBCF. Hai cách đó minh họa tính chất nào của phép nhân phân số?  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1129.jpg?itok=_h-gv4z5 | Cách 1: Diện tích hình chữ nhật ABCD là:  . ( + ) = (m2)  => Tính chất phân phối của phép nhân  Cách 2: Diện tích hình chữ nhật ABCD là:  . + . = . ( + ) = 9m2)  => Tính chất kết hợp của phép nhân  Đáp số: (m2) |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# BÀI 6: GIÁ TRỊ PHÂN SỐ CỦA MỘT SỐ

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: Mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Sgk, giáo án, máy chiếu

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, sgk, đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*: Tính giá trị phân số của một số khác gì với tìm một số khi biết giá trị phân số của nó? Chúng ta cùng tìm hiểu bài hôm nay

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tính giá trị phân số của một số**

**a. Mục tiêu**: HS nắm được quy tắc tính giá trị của phân số của số a

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Gv cho hs đọc và gọi hs lên bảng thực hiện HĐXP1  - GV dẫn dắt để có Quy tắc 1  - GV tổ chức HS (có thể qua vấn đáp) về ví dụ 1 (có thể nêu ví dụ tương tự)  - Thực hành 1: GC cho HS làm và thảo luận  - GV chú ‎ 3 bước trong suy nghĩ của HS: nhận dạng, tính, xác định nhiệt độ cần tính  - GV lưu ‎ HS có thể trình bày gọn  - GV có thể “tích hợp”: hai thành ohoos đó ở đâu? Nhiệt độ ở đâu thấp hơn? Vì sao?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 1:**  Giải:  Số trang bạn Hòa đọc được trong ngày thứ nhất là: 80.  = 30 (trang)  Số trang bạn Hòa đọc được trong ngày thứ nhất là: 80. = 32 (trang)  Số trang bạn Hòa đọc được trong ngày thứ ba là: 80 - 32 - 30 = 18 trang  **Thực hành 1:**  Giải:  Nhiệt độ ở Seoul lúc đó là:  -20. = -15 độ C  Đáp số: -15 độ C |

**Hoạt động 2: Tìm một số biết giá trị phân số của số đó**

**a. Mục tiêu**: HS nắm được cách tìm một số khi biết giá trị phân số của nó là b

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV nêu khám phá, cho HS thảo luận theo nhóm  - GV nêu chú y dạng “ngược” so với HĐKP1  - GV dẫn dắt HS phát biểu Quy tắc 2 và cùng xây dựng ví dụ (có thể nêu thêm ví dụ tương tự để HS thực hành trực tiếp quy tắc tìm một số khi biết giá trị phân số của số đó  - GV cho HS thảo luận hướng giải Thực hành 2.  - Gv có thể phát triển bài toán: số bi xanh bằng bao nhiêu phần của tổng số bi trong túi? Vẽ hình sơ đồ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 2:**  Giải:  Số trang của cuốn truyện là:  36 :  = 60 trang  Đáp số: 60 trang  **Thực hành 2:**  Giải:  Hộp có số viên bi đỏ là:  10 :  = 15 viên  Hộp có số viên bi là:  15 = 10 = 25 ( viên)  Đáp số: 25 viên |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* **Câu 1, 2, 3**

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1:** Một mảnh vườn có diện tích 240m2, được trồng hai loại hoa là hoa cúc và hoa hồng. Phần diện tích trồng hoa cúc chiếm  diện tích cả vườn. Hỏi diện tích trồng hoa hồng là bao nhiêu mét vuông?  **Câu 2:** Bạn Thanh rót sữa từ một hộp giấy đựng đầy sữa vào cốc được 180 ml để uống. Bạn Thanh ước tính sữa trong hộp còn  dung tích của hộp. Tính dung tích hộp sữa.  **Câu 3:** Một bể nuôi cá cảnh dạng khối hộp chữ nhật, có kích thước 30 cm x 40 cm và chiều cao 20 cm. Lượng nước trong bể cao bằng  chiều cao của bể. Tính số lít nước ở bể đó. | **Câu 1:**  Diện tích trồng hoa cúc là:  240.35 = 144 m2  Diện tích trồng hoa hồng là:  240 - 144 = 96 m2  Đáp số:  96 m2  **Câu 2:**  Vì sữa trong hộp còn  dung tích của hộp nên 180 ml sữa đã rót chiếm: 1 -  =  dung tích.  Dung tích hộp sữa là: 180 :  = 900 ml  Đáp số: 900 ml  **Câu 3:**  Diện tích của bể là:  30 x 40 x 20 = 24.000 cm3  Số lít nước ở bể là:  24000.  = 18 000 cm3  Đáp số: 18 000 cm3 |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:*

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 4:** Một bác nông dân vừa thu hoạch 30 kg cà chua và 12 kg đậu đũa.  a) Bác đem  số cà chua đó đi bán, giá bán mỗi ki-lo-gam cà chua là 12 500 đồng. Hỏi bác nông dân nhận được bao nhiêu tiền?  b) Số đậu đũa bác vừa thu hoạch chỉ bằng số đậu đũa hiện có trong vườn. Nếu bác thu hoạch hết tất cả thì được bao nhiêu ki-lô-gam đậu đũa? | **Câu 4:**  Bác nông dân nhận được số tiền bán cà chua là:  30 . . 12 500 = 300. 000 đồng  Nếu bác thu hoạch hết tất cả thù được số ki-lo-gam đậu đũa là:  12 : = 16 (kg)  Đáp số: a) 300.000 đồng  b) 16 kg |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# BÀI 7: HỖN SỐ

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Biến đổi hỗn số ra phân số và ngược lại

- Thực hiện được các bước so sánh và tính toán với hỗn số

- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, mô hình hoá toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Sgk, giáo án, máy chiếu

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, sgk, đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*: Trong tiết học ngày học ngày hôm nay cô sẽ giới thiệu với các em về hỗn số. Hỗn số là gì? Cách đọc và viết hỗn số như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu qua tiết học ngày hôm nay.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Hỗn số**

**a. Mục tiêu**: Khái niệm hỗn số, cách viết hỗn số

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS thực hiện HĐKP1, sau đó giới thiệu thuật ngữ hỗn số trong tình huống trong khám phá và giới thiệu hỗn số như SGK  - GV dẫn dắt HS cùng xây dựng ví dụ để hình dung cách hình thành hỗn số từ phép chia có dư số tự nhiên cho số tự nhiên  - GV nói thêm: coi phân số như là thương của phép chia nên từ đây cũng biết cách chuyển phân số (nếu được) thành hỗn số. Giới thiệu các thuật ngữ phần số nguyên và phần phân số của hỗn số  - GV cho HS thực hiện Thực hành 1 và HS phát biểu về phần số nguyên và phần phân số của hỗn số.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 1:**  Giải:  a)  Người bán đã lấy đúng  b) 11 phần bánh được lấy hai đĩa và 3 phần là đúng  **Thực hành 1:**  Giải:   = 5  Số nguyên: 2  Phần phân số: |

**Hoạt động 2: Đổi hỗn số ra phân số**

**a. Mục tiêu**: HS biết cách đổi hỗn số và phân số

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV tổ chức, dẫn dắt HS theo gợi ‎y từ SGK  - GV có thể cho HS thực hành (bổ sung) để củng cố ban đầu cách đổi hỗn số thành phân số  - GV dẫn dắt HS thực hiện Ví dụ 2 (thực chất giải bài toán so sánh một hỗn số với một phân số. HS cần được dẫn dắt để xác định hướng: chuyển hỗn số ra phân số vì đã biết so sánh các phân số.  - GV cho HS tự thực hiện Thực hành 2 (GV hỗ trợ: gợi ‎ thực hiện tính theo cách nào)  - Thông qua ví dụ và thực hành trên, GV nên cho HS thảo luận về cách thực hiện so sánh, tính toán khi gặp phân số và hỗn số (đổi hỗn số ra phân số để thực hiện)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Thực hành 2:**  Giải:  ( + 3 ) : = ( + ) : = () : = : = .  = |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 1, 2, 3

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1:**  Dùng hỗn số viết thời gian ở đồng hồ trong các hình vẽ sau:  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1131.jpg?itok=SUo7oTsx   Thời gian ở Hình a có thể viết là 2 giờ hoặc 14  giờ được không?  **Câu 2:** Sắp xếp các khối lượng sau theo thứ tự từ lớn đến nhỏ  3 tạ; tạ; tạ; 3 ; 365 kg  **Câu 3:** | **Câu 1:**  Hình a: 2  Hình b: 5  Hình c: 6  Hình d: 9  **Câu 2:**  Các khối lượng theo thứ tự từ lớn đến nhỏ:  tạ, 3 tạ, 365 kg, tạ, 3  **Câu 3:**  a. 1 m2  b. m2  c. 2 m2  d. m2  Nếu viết chúng theo đề xi mét vuông:  a. dm2  b. 2 dm2  c. dm2  d. dm2 |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 4

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 4:** Hai xe ô tô cùng đi được quãng đường 100 km xe taxi chạy trong giờ và xe tải chạy trong 70 phút. So sánh vận tốc hai xe | **Câu 4:** Đổi 70 phút = 1 giờ  Vận tốc của xe taxi là:  100 : 1  *= 100 : = 83 (km/h)*  *Vận tốc của xe taxi là:*  *100 : 1 = 85 (km/h)*  *Ta có: 85 > 83 nên vận tốc của xe taxi lớn hơn* |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm...)*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# BÀI 8: HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Biết phân số có thể dùng trong một số cảnh, vật và hoạt động gần gũi với HS

- Biết sử dụng kiến thức và kĩ năng về phân số giải thích về phân số trong một số cảnh, vật, hoạt động gần gũi với HS

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: toán học và cuộc sống

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Một lá cờ Tổ quốc bằng vải.

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, sgk, đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*: Gv nên giao HS đọc trước giờ thực hành và trải nghiệm khoảng 1-2 tuần, Có thể phân công HS tiếp tục tìm hiểu thêm sau giờ học.

GV cho lớp trưởng treo cờ Tổ quốc lên bảng một cách trang trọng.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về Quốc kì Việt Nam**

**a. Mục tiêu**: Hs tìm hiểu về một lá cờ đúng tiêu chuẩn, việc sử dụng Quốc kì sao cho trang trọng và phù hợp

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả tự thực hành trải nghiệm của cá nhân và nhóm  - GV lưu y: có thể có một số lá cờ có kích thước khác nhau nhưng lá cờ đúng tiêu chuẩn cần thỏa mãn quy định nêu trong Hiến pháp  - Gv có thể cho HS trao đổi lí do khi đưa ra nhận xét về sự phù hợp tiêu chuẩn của mỗi lá cờ được sử dụng trong giờ học  - GV để HS trao đổi về việc sử dụng Quốc kì sao cho trang trọng và thể hiện lòng tự hào về đất nước VN  HS thảo luận câu hỏi: Quan sát là Quốc kì treo trang trọng còn phát hiện điều gì về hình học nữa? (Tính đối xứng...)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới |  |

**Hoạt động 2: Sử dụng phân số trong thực tế**

**a. Mục tiêu:** Có thực quan sát phòng học hay sân trường và thực hành trải nghiệm

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - HS lấy ví dụ về cách sử dụng phân số trong thực tiễn đời sống  - GV gợi y cho hs một số đối tượng: bảng, sân trường, phòng học  - HS nêu một vài cách sử dụng phân số trong thực tiễn đời sống  - HS phát hiện những phấn số từ các hình thực tế có ở lớp học, trường học như bảng, bàn học, cửa sổ… Từ đố đưa ra những nhận xét về các phân số mà em phát hiện được  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | Gợi y cho HS:  - HS có thể đếm số viên gạch lát sàn trong một lớp học và số viên gạch lát phần bục giảng để xác định xem diện tích phần bục viết bảng chiếm bao nhiêu phần diện tích sàn lớp học  - Ước tính phân số biểu thị diện tích dành cho trồng cây ở sân trường so với diện tích sân trường |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# BÀI: BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG 5

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Ôn tập kiến thức chương 5

- Hoàn thành các bài tập cuối chương 5

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, mô hình hoá toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Sgk, giáo án, máy chiếu

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, sgk, đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**C-D. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Bài tập SGK

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**1. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

1. C - 2. D - 3. D

2. BÀI TẬP VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1:** Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn:  3;  ; ; 3  **Câu 2:** Tính giá trị của biểu thức  A = - ( + ) .  nếu   nhận giá trị là:  a)             b)              c)  **Câu 3:** Tính giá trị các biểu thức sau theo cách có dùng tính chất phéo tính phân số:  a)  + + −  b)  . + + .  **Câu 4:** Ba nhóm thanh niên tình nguyện nhận nhiệm vụ thu nhặt rác cho một đoạn mương thoát nước. Ba nhóm thống nhất phân công: nhóm thứ nhất phụ trách  đoạn mương, nhóm thứ hai phụ trách  đoạn mương, phần còn lại do nhóm thứ ba phụ trách, biết đoạn mương mà nhóm thứ ba phụ trách dài 16 mét. Hỏi đoạn mương thoát nước đó dài bao nhiêu mét?  **Câu 5:** Một trường học tổ chức cho học sinh đi tham quan một khu công nghiệp bằng ô tô. Ô tô đi từ trường học ra đường cao tốc hết 16 phút. Sau khi đi 25 km theo đường cao tốc, ô tô đi theo đường nhánh vào khu công nghiệp. Biết thời gian ô tô đi trên đường nhánh là 10 phút, còn tốc độ trung bình của ô tô trên đường cao tốc là 80 km/h. Hỏi thời gian đi từ trường học đến khu công nghiệp là bao nhiêu giờ?  **Câu 6:** Một thửa đất hình chữ nhật có chiều rộng là 9 m và bằng  chiều dài. Người chủ thửa đất dự định dành  diện tích thửa đất để xây dựng một ngôi nhà. Phần đất không xây dựng sẽ dành cho lối đi, sân chơi và trồng hoa. Hãy tính diện tích phần đất trồng hoa, sân chơi và lối đi | **Câu 1:**  , 3 , ,  **Câu 2:**  **a. Với =** , giá trị của biểu thức là:  A= - ( + ) .  = + .  = + =  b. Với  **=** , giá trị của biểu thức là:  A = - ( + ) .  = – 0 . **=**  **c.** Với  **=** , giá trị của biểu thức là:  A = - (  + ) .  = - . = - = - =  **Câu 3:**  a)  + + − = ( + ) + ( - )  = ( - ) + ( - ) =  b)  . + + . = . ( + + ) = . =  **Câu 4:**  Nhóm thứ ba phụ trách phần mương là:  1 - - =  Đoạn mương thoát nước dài số mét là:  16 : = 60 (mét)  Đáp số: 60 mét  **Câu 5:**  Đổi 16 phút = giờ  10 phút = giờ  Thời gian ô tô đi trên đường cao tốc là:  25 : 80 = giờ  Thời gian đi từ trường học đến khu công nghiệp là:  + + = (giờ)  Đáp số: (giờ)  **Câu 6:**  Chiều dài của thửa đất là:  9 : = (m)  Diện tích của thửa đất là:  9 . = m2  Diện tích phần đất trồng hoa, sân chơi và lối đi là:  - . = m2  Đáp số: m2 |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**CHƯƠNG 6: SỐ THẬP PHÂN**

# BÀI 1: SỐ THẬP PHÂN

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Nhận biết được số thập phân âm, số đối của một số thập phân

- So sánh được hai số thập phân cho trước

- Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân

- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với số thập phân

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Sgk, giáo án, máy chiếu

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, sgk, đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*:

|  |
| --- |
|  |
| Giáo viên goi hs đứng tại chỗ đọc các số có trong hình. Yêu cầu hs nhắc lại khái niệm số thập phân và lấy ví dụ.  GV giới thiệu vào bài mới |

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Số thập phân âm**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS làm quen, nhận biết được khái niệm số thập phân thông, có cơ hội trải nghiệm thông qua việc thực hành đổi phân số thập phân âm ra số thập phân âm

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho hs đọc đề bài  - HS trả lời câu hỏi “nêu đặc điểm chung của các phân số trên”  - GV rút ra kết luận khái niệm phân số thập phân. Giới thiệu VD1 để hs hiểu thêm  - GV giới thiệu số thập phân âm, số thập phân dương, cấu tạo  - Yêu cầu HS thực hiện Thực hành 1 theo nhóm để củng cố kiến thức  - Cử đại diện 2 nhóm lên làm mỗi y a, b  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 1:**  Giải:  a) -38,83 độ C  b) Mẫu số của các phân số trên đều là lũy thừa của 10  **Thực hành 1:**  Giải:  a) 0,37;  -34,517;   -25,4;   -99,9  b. ; ; ; ; ; |

**Hoạt động 2: Số đối của một số thập phân**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS làm quen và nhận biết số đối của một số thập phân

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Hs lên bảng thực hiện HĐKP2  - GV nhận xét, rút ra kết luận  - Ví dụ 4 giúp HS hiểu rõ hơn về số đối  - HS lên bảng làm Thực hành 2, lớp nhận xét  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 2:**  Giải:  Số đối của  là  Số thập phân: 2,5 và -2,5  **Thực hành 2:**  Giải:  Số đối của 7,02 là -7,02  Số đối của -28,12 là 28,12  Số đối của -0,69 là 0,69  Số đối của 0,999 là -0,999 |

**Hoạt động 3: So sánh hai số thập phân**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS làm quen, nhận biết số đối của một số thập phân

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV giới thiệu quy tắc so sánh hai số thập phân trái dấu và hai số thập phân âm  - HS thực hiện HĐKP3 theo nhóm, Gv đánh giá kết quả  - Gv viết bài tập Thực hành 3 lên bảng, 2 HS lên bảng làm, cả lớp làm vào vở  - Vận dụng: Hs làm vào Phiếu học tập, Gv thu và cho điểm những HS làm nhanh và đúng  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 3:**  Giải:  11,34 =  9,35 =  -11,34 =  -9,35 =  Sắp xếp:  -11,34; -9,35,  9,35; 11,34  **Thực hành 3:**  Giải:  a) -12,13; -2,4; -2,3; 0,5; 2,4  b) 2,999; 2,9; -2,9; -2,999 |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 1, 2, 3 sgk

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1:** Viết các phân số sau đây dưới dạng số thập phân  ; ; ;  **Câu 2:** Viết các số thập phân sau đây dưới dạng phân số thập phân  -312,5;  0,205;  -10,09;  -1,110  **Câu 3:** Tìm số đối của các số thập phân sau:  9,32;  -12,34;  -0,7;  3,333 | **Câu 1:**  -35, 19; -77,8 ; -0,023 ; 0,88  **Câu 2:**  ; ;  **Câu 3:**   * Số đối của 9,32 là -9,32 * Số đối của -12,34 là 12,34 * Số đối của -0,7 là 0,7 * Số đối của 3,333 là -3,333 |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 4, 5 sgk

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 4:** Hãy sắp xếp các số thập phân sau theo thứ tự tăng dần:  -2,99; -2,9; 0,7; 1; 22,1  **Câu 5:** Hãy sắp xếp các số sau theo thứ tự giảm dần  0,6; ; ; 0 ; ; -1,75 | **Câu 4:**-2,99; -2,9; 0,7; 1; 22,1  **Câu 5***:*  *; 0,6 ; 0 ; ; ; -1,75* |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....*

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập:**Sắp xếp nhiệt độ đông đặc của các chất sau từ thấp đến cao:    Trả lời: .................................................................. |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# BÀI 2: CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ THẬP PHÂN

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân

- Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết họp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán

- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính với số thập phân

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Sgk, giáo án, máy chiếu

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, sgk, đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*: Các phép tính với số thập phân có tương tự như số nguyên âm hay không? Chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học ngày hôm nay.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Cộng trừ hai số thập phân**

**a. Mục tiêu**: HS biết cách cộng trừ hai số thập phân

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Gợi y tổ chức HĐKP1: HS làm tại chỗ, GV chấm điểm sản phẩm  - GV cho HS đọc khung kiến thức. Phân tích qua VD1 để hs nắm rõ cách cộng trừ  - Thực hành 1: HS thực hiện trên bảng để củng cố kiến thức. GV quan sát và kiểm tra hs dưới lớp  - Vận dụng 1: HS làm theo nhóm trong 3 phút. Đại diện lên bảng viết đáp án  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 1:**  Giải:  a) 12,3 + 5,67 = 17,97  12,3 - 5,67 = 6,63  b)  (-12,3)+(-5,67)= -17,97  5,67 - 12,3 = - 6,63  **Thực hành 1:**  Giải:  a) 3,7 - 4,32 = -0,62  b) -5,5 + 90,67 = 85,17  c) 0,8 - 3,1651 = -2,3651  d) 0,77 - 5,3333 = -4,5633  e) -5,5 + 9,007 = 3,507  g) 0,008 - 3,9999= -3,9919 |

**Hoạt động 2: Nhân chia hai số thập phân dương**

**a. Mục tiêu**: HS biết cách nhân và chia hai số thập phân dương

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho hs làm HĐKP2, HS làm tại chỗ, Gv chấm sản phẩm  - GV giới thiệu khung kiến thức trong sgk, yêu cầu HS đọc lại  - GV phân tích ví dụ 2, Ví dụ 3 hs hiểu rõ cách làm  - HS vận dụng kiến thức đã học, làm bài tập  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 2:**  Giải:  a) 1,2.2,5 = 3  125 : 0,25 = 500  b) . = = 3  125 : = 125 . 4 = 500  **Thực hành 2:**  Giải:  a) 20,24 .0,125 = 2,53  b) 6,24 : 0,125 = 49,92  c) 2,40. 0,875 = 2,1  d) 12,75 : 2,125 = 6 |

**Hoạt động 3: Nhân, chia hai số thập phân có dấu bất kì**

**a. Mục tiêu**: HS biết cách nhân và chia hai số thập phân có dấu bất kì

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho hs làm HĐKP3, HS làm tại chỗ, Gv chấm sản phẩm  - GV giới thiệu khung kiến thức trong sgk, yêu cầu HS đọc lại  - GV phân tích ví dụ 4 để hs hiểu rõ cách làm  - HS vận dụng kiến thức đã học, làm bài tập Thực hành 3  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 3:**  Giải:  a) x.y = 14,3. 2,5 = 35,75  x: y = 14,3 : 2,5 = 5,72  b) (-14,3) .(-2,5) = 35,75  (-14,3) : (-2,5) = 5,72  (-14,3) .(2,5) = -35,75  (-14,3) : (2,5) = - 5,72  (14,3) .(-2,5) = - 35,75  (14,3) .(-2,5) = - 5,72  **Thực hành 3:**  Giải:  a) (-45,5). 0,4 =  -18,2  b) ( -32,2) . (-0,5) = 16,1  c) (-9,66): 3,22 =  -3  d) (-88,24): (-0,2) = 441,2 |

**Hoạt động 4: Tính chất của các phép tính với số thập phân**

**a. Mục tiêu**: Nắm được các tính chất của các phép tính với số thập phân để thực hiện phép tính

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Gv yêu cầu HS nhắc lại các tính chất của các phép tính với số nguyên và phân số  - HS thực hiện HĐKP4, GV chấm điểm sản phẩm. Nhằm nhận biết tính chất của các phép tính trên các số thập phân có dấu bất kì như giao hoán, kết hợp, phân phối  - Vận dụng 3: GV tổ chức cho HS thảo luận về phép tính với số thập phân thông qua hoạt động tính diện tích hình tròn  - GV giới thiệu quy tắc dấu ngoặc, yêu cầu hs thực hiện Thực hành 5  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 4:**  Giải:  a) 2,1 + 3,2 = 3,2 + 2,1  b) (2,1 + 3,2) + 4,5  = 2,1 + ( 3,2 + 4,5)  c) (-1,2).(-0,5) = (-0,5).(-1,2)  d) (2,4.0,2).(-0,5) = 2,4.[0,2.(-0,5)]  e) 0,2.(1,5 + 8,5) = 0,2.1,5 + 0,2.8,5  **Thực hành 4:**  Giải:  a) 4,38 - 1,9 + 0,62  = (4,38 + 0,62) - 1,9  = 5 - 1,9 = 3,1  b) [(-100).(-1,6)]: (-2)  =  100.1,6 : (-2)  =  160 : (-2) = -80  c) (2,4.5,55): 1,11  = 2,4. (5,55:1,11)  = 2,4. 5 =12   d) 100. (2,01 + 3,99)   = 100. 6 = 600  **Thực hành 5:**  Giải:  a) 14,7 + (-8,4) + (-4,7) = (14,7 - 4,7) + (-8,4) = 10 - 8,4 = 1,6  b) (-4,2).5,1 + 5,1.(-5,8) = 5,1. ( -4,2 -5,8) = 5,1. (-10) = -51  c) (-0,4: 0,04 + 10) . (1,2.20 + 12.8)  = (-10 + 10). (1,2.20 + 12.8)  = 0. (1,2.20 + 12.8) = 0 |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 1, 2, 3 sgk

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1: Thực hiện các phép tính sau:**  a) 32 - (-1,6)  b) (-0,5).1,23  c) (-2,3) + (-7,7)  d) 0,325 - 3,21  **Câu 2 :** Thực hiện phép tính  a) (-8,4).3,2  b) 3,176 - (2,104 + 1,18)  c) - ( 2,89 - 8,075) + 3,14  **Câu 3:** Tính bằng cách hợp lí  a) (-4,5) + 3,6 + 4,5 + (-3,6)  b) 2,1 + 4,2 + (-7,9) + (-2,1) + 7,9  c) (-3,6).5,4 + 5,4.(-6,4) | **Câu 1***:*  a) 32 - (-1,6) = 33 + 1,6 = 33,6   b) (-0,5).1,23  = 0,73  c) (-2,3) + (-7,7) = -2,3 - 7,7 = -10  d) 0,325 - 3,21 = -2,885  **Câu 2:**  a) (-8,4).3,2 =-26,88  b) 3,176 - (2,104 + 1,18) = 3,176 - 3,284 = -0,108  c) - ( 2,89 - 8,075) + 3,14 = 5,158 + 3,14 = 8,298  **Câu 3:**  a) (-4,5) + 3,6 + 4,5 + (-3,6) =  [(-4,5) + 4,5] + [3,6 + (-3.6)]  = 0 + 0 = 0  b) 2,1 + 4,2 + (-7,9) + (-2,1) + 7,9 = [2,1 + (-2,1)] + [(-7,9) + 7,9] + 4,2 = 0 + 0 + 4,2 = 4,2  c) (-3,6).5,4 + 5,4.(-6,4) = 5,4. [-3,6 + (-6,4)] = 5,4. (-10) = - 54 |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 4, 5, 6 sgk

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 4:** Tính diện tích một hình chữ nhật có chiều dài 31,21 cm và chiều rộng 22,52 cm  **Câu 5 :** Khối lượng vitamin C trung bình trong một quả ớt chuông là 0,135 g, còn trong một quả cam là 0,045 g. Khối lượng vitamin C trong quả ớt chuông gấp bao nhiêu lần trong quả cam?  **Câu 6:** Tính chu vi của một hình tròn có bán kính R = 1,25 m theo công thức C = 2πR với π=3,142 | **Câu 4:**Diện tích của hình chữ nhật đó là:   31,21 x  22,52 = 702,8492 (cm2)  Đáp số: 702,8492 (cm2  **Câu 5:**Khối lượng vitamin C trong quả ớt chuông gấp số lần trong quả cam là:  0,135 : 0,045 =3 ( lần)  Đáp số: 3 lần  **Câu 6:**Chu vi của hình tròn đó là:  C = 2πR = 2.3,142.1,25 = 7,855 (m2)  Đáp số: 7,855 m2 |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# BÀI 3: LÀM TRÒN SỐ THẬP PHÂN VÀ ƯỚC LƯỢNG KẾT QUẢ

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Thực hiện được làm tròn số thập phân đếm hàng quy tròn theo yêu cầu

- Thực hiện được ước lượng kết quả của các phép tính trên các số thập phân

- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với làm tròn số thập phân và ước lượng kết quả của các phép tính trên số thập phân

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Sgk, giáo án, máy chiếu

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, sgk, đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*: Số Pi được biểu diễn với 50 chữ số thập phân: 3,14159 26535 89793 23846 26433 83279 50288 41971 69399 37510. Nhưng trong các phép tính, người ta thường lấy số 3,14 để tính toán. Số 3,14 được lấy như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học ngày hôm nay.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Làm tròn số thập phân**

**a. Mục tiêu**: Thông qua bài tập và ví dụ, HS biết cách làm tròn số thập phân

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho hs đọc đề bài HĐKP1  - HS đọc khung kiến thức  - GV có thể yêu cầu lớp thảo luận theo nhóm  - HS thực hành làm tròn số thập phân để rèn luyện kĩ năng theo yêu cầu cần đạt  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 1:**  Giải:  a) Chiều dài của mỗi phần là: 1: 3 = 0,33333333....  b) Làm tròn 33,333 đến hàng đơn vị thành 33, đến hàng phần trăm thành 33,33 |

**Hoạt động 2: Ước lượng kết quả**

**a. Mục tiêu**: HS biết cách ước lượng kết quả của các phép tính về số thập phân

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu hs đọc đề bài phần HĐKP2  - HS trả lời câu hỏi bài yêu cầu  - GV giới thiệu khung kiến thức  - Sử dụng phương pháp đàm thoại, phân tích ví dụ 2, 3  - HS làm phần Vận dụng  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 2:**  Giải:  Mai đóng tiền điện nước hết 256,910 làm tròn thành 257.000 ngàn. Vậy Mai vẫn còn đủ tiền mua quyển sách giá 43 000 đồng |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 1, 2, 3

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1:** Làm tròn các số sau đây: -492,7926; 320,1415; -568,7182  a) đến hàng phần mười, hàng phần trăm, hàng phần nghìn  b) đến hàng đơn vị, hàng chục, hàng trăm  **Câu 2:** Làm tròn các số thập phân sau đến chữ số thập phân thứ hai:  a) -79,2384  b) 60,403  c) -0,255  d) 50,996  **Câu 3:** Theo số liệu từ trang web https://danso.org/, tính đến ngày 09/10/2020, dân số Việt Nam là 97 553 839 và dân số Hoa Kì là 331 523 221 người. Em hãy làm tròn hai số trên đến hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn | **Câu 1:**  a)  Hàng phần mười: -492,793; 320,141; -568,718  Hàng phần trăm: -492,79; 320,14; -568,72  Hàng phần nghìn: -492,8; 320,1; -568,7  b) Hàng đơn vị: -493;  320; -569      Hàng chục: -490; 320; -570      Hàng trăm: -500; 300; -600  **Câu 2:**  a) -79,24                            b) 60,40  c) -0,26                              d) 51,00  **Câu 3:**  Hàng chục: 97 553 840; 331 523 220  Hàng trăm: 97 553 800; 331 523 200  Hàng nghìn: 97 554 000; 331 523 000 |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 4, 5

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 4:** Hết học kì I, điểm môn Toán của bạn Cúc như sau:  Hệ số 1: 7; 8; 6; 10  Hệ số 2; 9  Hệ số 3: 8  Em hãy tính điểm trung bình môn Toán học kì I của bạn Cúc ( làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất)  **Câu 5 :** Một số nguyên sau khi làm tròn đến hàng nghìn cho kết quả là 110 000. Số đó có thể lớn nhất là bao nhiêu, nhỏ nhất là bao nhiêu? | **Câu 4:**Điểm trung bình môn Toán học kì I của bạn Cúc là:  (7 + 8 + 6 + 10 + 9.2 + 8. 3) : 9 = 8,11111111  Làm tròn: 8,1  **Câu 5:**  Số đó có thể lớn nhất là: 110 499  Số đó có thể nhỏ nhất là 110 001 |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# BÀI 4: TỈ SỐ VÀ SỐ PHẦN TRĂM

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Hiểu được khái niệm tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng

- Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng

- Phân biệt được tỉ số và phân số

- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về tỉ số và tỉ số phần trăm

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Sgk, giáo án, máy chiếu

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, sgk, đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*: Em có biết tỉ số độ cao trung bình của đáy vịnh Cam Ranh (Khánh Hòa) và vịnh Hạ Long (Quảng Ninh) là bằng 2 hay không?

Tỉ số đó cho biết điều gì? Chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.



**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tỉ số của hai đại lượng**

**a. Mục tiêu**:

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu lớp thảo luận theo nhóm HĐKP1  - Gv giới thiệu khung kiến thức  - Phân tích ví dụ 1 để HS hiểu rõ cách kí hiệu tỉ số  - HS thực hiện Thự hành 1 và Vận dụng 1  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | Hoạt động 1;  Giải:  a. Thời gian Mai làm lâu gấp số lần thời gian Lan làm là:  45 : 30 = (lần)  b. Đổi 1,3 kg = 1300 g. Vậy con cá của Dũng nặng gấp số lần con cá của Trí là :  1300 : 900 = (lần)  c. Đổi 50 cm = m. Đoạn AB dài gấp đoạn CD:  : = (lần)  Thực hành 1:  Giải:  a. : = 3  . : =  c. 400 : 340 =  d. : = |

**Hoạt động 2: Tỉ số phần trăm của hai đại lượng**

**a. Mục tiêu**: HS biết cách tính tỉ số phần trăm của hai đại lượng

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu lớp thảo luận theo nhóm HĐKP2  - Gv giới thiệu khung kiến thức  - Phân tích ví dụ 1 để HS hiểu rõ cách tính tỉ số phần trăm của hai đại lượng  - HS thực hiện Thực hành 2 và Vận dụng 2  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 2:**  Giải:  a. =  =  =  b. Khối lượng nước trong cơ thể hùng là:  40 . = 28 (kg)  **Thực hành 2:**  Giải:  a. % = 75%  b. = -1,33%  c. = 50% |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 1, 2

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1:** Sĩ số lớp 6A1 là 32 học sinh, trong đó có số học sinh bơi là 24. Hãy tính tỉ số giữa số học sinh học bơi và sĩ số lớp  **Câu 2:** Viết các số thập phân sau đây dưới dạng tỉ số phần trăm  -0,72;                0,4;                     -2,23 | **Câu 1:**  Tỉ số giữa số học sinh học bơi và sĩ số lớp là: 24 : 32 =  **Câu 2:**  -0.72 =  0,4 =  -2,23 = |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 5, 6

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 5 :** Lớp 6A3 có tổng số 40 bạn, số học sinh giỏi là 8 bạn, học sinh khá là 20 bạn, học sinh trung bình là 10 bạn, còn lại là học sinh yếu kém. Tính tỉ số phần trăm học sinh giỏi, khá, trung bình, yếu kém của lớp.  **Câu 6 :** Cứ 15 trang viết tay thì sau khi gõ vào máy vi tính đem in được 9 trang. Tính tỉ số phần trăm giữa số trang in và số trang viết tay | **Câu 5**:  Tỉ số phần trăm học sinh giỏi của lớp là:  *% = 20%*  Tỉ số phần trăm học sinh khá của lớp là  *% = 50%*  Tỉ số phần trăm học sinh trung bình của lớp là  *= 25%*  Tỉ số phần trăm học sinh yếu kém của lớp là: 100 - 20 - 50 - 25 = 5%  **Câu 6:** Tỉ số phần trăm giữa số trang in và số trang viết tay là:  *% = 60%* |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# BÀI 5: BÀI TOÁN VỀ TỈ SỐ PHẦN TRĂM

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Sgk, giáo án, máy chiếu

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, sgk, đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*: Trên lãnh thổ nước ta hiện nay có Ìô dân tộc cùng nhau sinh sống gắn bó. Dân số nước ta là 96 208 984 người (tính đến hết quy 1 năm 2019, theo số liệu của Tổng cục thống kê). Trong đó, dân tộc Kinh chiếm khoảng 85,3% dân số. Em hãy tính dân số dân tộc Kinh của nước ta theo thống kê trên.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tìm giá trị phần trăm của một số**

**a. Mục tiêu**: Hs biết cách tìm giá trị phần trăm của một số

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu hs đọc HĐKP1: Giúp HS làm quen, nhận biết, có cơ hội trải nghiệm tìm giá trị phần trăm thông qua việc thực hành tìm thành phần các chất có trong hỗn hợp  - HĐKP1: HS làm tại chỗ, GV chấm điểm sản phẩm  - GV gọi 1 hs lên bảng làm Thực hành 1  - Hs vận dụng kiến thức đã học vào để giải quyết bài toán thực tế  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 1:**  Giải:  Khối lượng nguyên chất có trong 100g vàng bốn số chín là:  100 . 99,99% = = 99.99 (gam)  Đáp số: 99,99 gam  **Thực hành 1:**  Giải:  25% của 200 000 là:  200 000 . = 50 000 |

**Hoạt động 2: Tìm một số khi biết giá trị phần trăm của số đó**

**a. Mục tiêu**: Thông qua hoạt động giảng dạy của giáo viên, HS biết tìm một số khi biết giá trị phần trăm của số đó

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - HS đọc đề bài phần HĐKP2  - Gv giới thiệu nội dung khung kiến thức  - Phân tích Ví dụ 2 để hs hiểu rõ hơn  - HS áp dụng l‎ thuyết vừa học làm thực hành 2  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 2:**  Giải:  Muốn điều chế được 200g cafein ta cần có số gam hạt cà phê là;  200 : 2,5% = = 8000 (gam)  **Thực hành 2:**  Giải:  Số x là: 500 : 12% = = 600 000 |

**Hoạt động 3: Sử dụng tỉ số phần trăm trong thực tế**

**a. Mục tiêu**: HS biết cách tính tỉ số phần trăm trong thực tế

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Gv giới thiệu: trong cuộc sống hàng ngày có rất nhiều trường hợp sử dụng tỉ số phần trăm: mua bán hàng ngày, lãi suất tín dụng, hành phần trong các chất hóa học...  - GV phân tích ví dụ ở mỗi bài toán  - Yêu cầu HS làm phần  + Vận dụng 2: HS làm tại chỗ, GV chấm điểm sản phẩm  + Vận dụng 3; Tổ chức làm việc nhóm theo tổ. Gv đánh giá kết quả  + Vận dụng 4: HS làm tại chỗ, GV chấm điểm sản phẩm  - Gv có thể giải thích thêm một số khái niệm liên quan: lãi suất, gửi không kì hạn, gửi tiết kiệm có kì hạn, nồng độ, chất hóa học,...  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới |  |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 1, 2, 3

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1:** Một quyển sách có giá 48 000 đồng. Tìm giá mới của quyển sách sau khi:  a) Giảm giá 25 %  b) Tăng giá 10 %  **Câu 2:** Cà phê Arabica chứa 1,5% chất cafein. Tính lượng cafein có trong 300g cà phê Arabica.  **Câu 3:** Một loại bột nêm có chứa 60% bột ngọt. Tính khối lượng bột ngọt có trong 20 g bột nêm loại đó. | **Câu 1:**  a) Quyển sách giảm đi số tiền là:  48 000.25% = = 12 000 ( đồng)  Giá mới của quyển sách là:  48 000 - 12 000 = 36 000 ( đồng)  b) Quyển sách tăng thêm số tiền là:  48 000.10% = = 4 800 ( đồng)  Giá mới của quyển sách là:  48 000 + 4 800  = 52 800 ( đồng)  **Câu 2:** Lượng cafein có trong 300g cà phê Arabica là:  300 x 1,5% =  = 4,5 (gam)  Đáp số: 4,5 gam  **Câu 3:** Khối lượng bột ngọt có trong 20g bột là:  20.60% = = 12 (gam)  Đáp số: 12 gam |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* câu 6,7,8 sgk

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 6:** Trong một loại đậu nành nấu chín, chất đạm chiếm 32%. Hỏi phải nấu chín bao nhiêu ki-lô-gam đậu nành loại đó để thu  **Câu 7:** Trong một bản đồ có tỉ lệ 1: 50 000 thì chiều dài của cây cầu Cần Thơ bắc qua sông Hậu là 5,5 cm. Tính chiều dài thật của cầu Cần Thơ  **Câu 8:** Trong một bản vẽ kĩ thuật, chiều dài của một loại xe ô tô là 9,4 cm. Cho biết bản vẽ có tỉ lệ 1:50. Tính chiều dài thật của chiếc xe ô tô đó. | **Câu 6**: Phải nấu chín số ki-lô-gam đậu nành là:  6,4: 32% = 20 ( kg)  Đáp số: 20 kg  **Câu 7**: Chiều dài thật của cầu Cần Thơ là:  5,5 :  = 275 000 (cm)  Đáp số: 275 000 (cm)  **Câu 8:** Chiều dài thật của chiếc xe ô tô đó là:  9,4 :  = 470 (cm)  Đáp số: 470 cm |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# BÀI 6: HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Tính tỉ số phần trăm và lãi suất ngân hàng

- Tỉ số phần trăm trong đời sống

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Sgk, giáo án, máy chiếu

**2. Đối với học sinh:** Sách giáo khoa Toán 6 tập 2, giấy, bút, thước, máy tính cầm tay

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tỉ số phần trăm và lãi suất ngân hàng**

**a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức tỉ số phần trăm vào một “dự án kinh doanh”

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS đọc dự án  - GV cho HS làm việc theo nhóm, mỗi nhóm làm theo tình huống vay được tiền của một trong các ngân hàng A, B, C, D  - Các nhóm phân công thành viên lên thuyết trình:  + Trình bày công thức tính lãi suất  + Nêu cách tính và trả lời câu hỏi a  + Nêu cách tính và trả lời câu hỏi b  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới  + Tiêu chí đánh giá:   * Giải quyết hợp lí vấn đề của dự án * Thuyết trình rõ ràng * Phân công làm việc nhóm hợp lí | HS báo cáo trước lớp |

**Hoạt động 2: Thống kê tỉ số phần trăm số bạn biết nấu cơm trong lớp**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS có trải nghiệmdùng kiến thức về tỉ số phần trăm và thống kê để thu thập thông tin, và tìm hiểu các vấn đề thiết thực trong cuộc sống

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Gv đọc đề bài: Thống kê tỉ số phần trăm của các bạn biết nấu cơm trong lớp  - Các nhóm làm việc từ 4-5 thành viên  - GV gợi ‎ HS làm theo các bước trong SGK  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | HS trả lời trước lớp |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# BÀI: BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG 6

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Ôn tập kiến thức chương 6

- Hoàn thành bài tập cuối chương

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Sgk, giáo án, máy chiếu

**2. Đối với học sinh:** Sách giáo khoa Toán 6 tập 2, giấy, bút, thước, máy tính cầm tay

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**C-D HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP & VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Bài tập sgk

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM: 1. B - 2. D - 3. C - 4. D

BÀI TẬP TỰ LUẬN

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1:** Hãy sắp xếp các số thập phân sau theo thứ tự giảm dần:  -3,43;  -3,4;  0,2;  3,43;  3,4;  0,22  **Câu 2:** Hãy sắp xếp các số thập phân sau theo thứ tự tăng dần:  1,23;   -1,23;     0,12;       0,121;     -0,02;    -0,002;   0,1  **Câu 3:** Oxi có nhiệt độ sôi -182,95 độ C. Nito có nhiệt độ sôi -195,79 độ C. Hỏi nhiệt độ sôi của oxi cao hơn nhiệt độ sôi của nito bao nhiêu độ?  **Câu 4:** Một công ti có 30 nhân viên nam và 24 nhân viên nữ. Số nhân viên nữ chiếm bao nhiêu phần trăm trong tổng số nhân viên công ti?  **Câu 5:** Mẹ bạn Mai may được 25 chiếc áo và 35 chiếc quần trong một tháng. Vậy số lượng áo chiếm bao nhiêu phần trăm trong tổng số hàng đã may được?  **Câu 6:** Một công ti đã đặt ra mục tiêu doanh thu cho năm 2020 là 150 tỉ đồng. Tuy nhiên, đến cuối năm 2020 thì tổng mức doanh thu của công ti đạt được là 159 tỉ đồng.  a) Vậy công ti đã hoàn thành bao nhiêu phần trăm so với mục tiêu ban đầu?  b) Công ti đã hoàn thành vượt mức đề ra là bao nhiêu phần trăm?  **Câu 7:** Một người mua một món hàng và phải trả tổng cộng 2 915 000 đồng kể cả thuế giá trị gia tăg ( VAT) là 10%. Hỏi nếu không tính thuế VAT thì người đó phải trả bao nhiêu tiền cho món hàng? | **Câu 1:** Các số theo thứ tự giảm dần:  3,43;  3,4;  0,22;  0,2; -3,4; -3,43  **Câu 2:** Các số theo thứ tự tăng dần:  -1,23;   -0,02;  -0,002;  0,1;  0,12;  0,121; 1,23  **Câu 3:** Nhiệt độ sôi của oxi cao hơn nhiệt độ sôi của nito là:  -182,95 - ( -195,79) = -182,95 + 195,79 = 12,84 ( độ)  Đáp số: 12,84  độ  **Câu 4:** Tổng số nhân viên công ti là:  30 + 24 = 54 ( người)  Số nhân viên nữ chiếm số phần trăm là: .100% = 44,44%  Đáp số: 44,44%  **Câu 5**: Tổng số hàng đã may được là:  25 + 35 = 60 ( chiếc)  Số lượng áo chiếm số phần trăm trong tổng số hàng may được là:  .100% = 41,67 %  Đáp số:  41,67 %  **Câu 6:**  a) Công ti đã hoàn thành so với mục tiêu ban đầu:   % = 106 %  b) Công ti đã hoàn thành vượt mức đề ra: 106 - 100 = 6%  **Câu 7:**  Số tiền thuế của món đồ người đó phải trả là:  2 915 000 x 10% = 291 500 ( đồng)  Nếu không tính thuế VAT thì người đó phải trả số tiền cho món hàng là:  2 915 000 - 291 500 = 2 623 500 ( đồng)  Đáp số: 2 623 500 đồng |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**PHẦN HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG**

**CHƯƠNG 7: HÌNH HỌC TRỰC QUAN**

**TÍNH ĐỐI XỨNG CỦA HÌNH PHẲNG TRONG THẾ GIỚI TỰ NHIÊN**

**BÀI 1: HÌNH CÓ TRỤC ĐỐI XỨNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Nhận biết được trục đối xứng của một hình phẳng

- Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh hai chiều)

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Sgk, giáo án, máy chiếu

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, sgk, đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Thông qua việc quan sát các hình ảnh trong thực tế, HS nhận biết hìn có trục đối xứng và trục đối xứng của một hình. GV có thể lấy các ví dụ khác phù hợp với lớp học của mình

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*: Gv giới thiệu vào bài học “Quan sát hai hình dưới đây, chúng có đặc điểm gì giống nhau?”



HS trả lời. GV gợi y, nhận xét

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Hình có trục đối xứng. Trục đối xứng**

**a. Mục tiêu**: Nhận biết hình có trục đối xứng, trục đối xứng

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi sgk  - GV chuẩn bị hình vẽ lên bảng, HS lên vẽ trục đối xứng  - HS quan sát hình vẽ Thực hành 1, vận dụng để tìm ra trục đối xứng  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động:**  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1133.jpg?itok=gY3eLJ6A  Nhận xét: Khi gấp theo đường nét đứt hai phần của mỗi hình sẽ chồng khít lên nhau  **Thực hành 1:**  Giải:  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1134.jpg?itok=OkNTFQ71 |

**Hoạt động 2: Nhận biết những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng**

**a. Mục tiêu**: Nhận biết những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Giáo viên trình chiếu một số hình trong tự nhiên có trục đối xứng  - GV yêu cầu HS làm thực hành 2  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1135.jpg?itok=UywrZwZv |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 1, 2, 3

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1:** Hình nào sau đây có trục đối xứng    **Câu 2:** Đường nét đứt có phải là trục đối xứng của mỗi hình sau không?    **Câu 3**: Tìm trục đối xứng của mỗi hình sau  a. Hình vuông  b. Hình chữ nhật  c. Hình tam giác đều  d. Hình bình hành  e. Hình thoi  g. Hình thang cân | **Câu 1:**  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1136_0.jpg?itok=9vcM5jkg  **Câu 2:**  Các đường nét đứt là trục đối xứng của các hình trên  **Câu 3:**  Trục đối xứng của các hình là:  a) Đường thẳng đi qua giao điểm hai đường chéo của hình vuông  b) Đường thẳng đi qua giao điểm hai đường chéo  c) Đường thẳng đi qua đỉnh và trọng tâm của tam giác  d) Đường thẳng  đi qua giao điểm hai đường chéo  e) Đường thẳng đi qua giao điểm hai đường chéo  g) Đường thẳng đi qua giao điểm hai đường chéo |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 4, 5

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 4:** Hình nào sau đây có trục đối xứng? Nếu có hãy chỉ ra trục đối xứng    **Câu 5:** Hình con cua và hình củ khoai bên dưới, hình nào có trục đối xứng? | **Câu 4:**  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1138_0.jpg?itok=e56dwwCh  **Câu 5:**  Con cua có trục đối xứng |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# BÀI 2: HÌNH CÓ TÂM ĐỐI XỨNG

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Nhận biết được tâm đối xứng của một hình phẳng

- Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh hai chiều)

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Sgk, giáo án, máy chiếu

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, sgk, đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*:

|  |  |
| --- | --- |
| Chiếc ghế nào thẳng hàng với chiếc ghế A và trục quay O? So sánh khoảng cách của hai chiếc ghế này với trục quay O  HS trả lời – GV nhận xét |  |

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Hình có tâm đối xứng. Tâm đối xứng**

**a. Mục tiêu**: Nhận biết hình có tâm đối xứng và vị trí tâm đối xứng

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV vẽ Hình 1 lên bảng. Phân tích như sgk để học sinh biết được tâm đối xứng, hình đối xứng  - Phân tích hình đối xứng và hình không phải là hình đối xứng  - HS lên bảng Thực hành 1  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động:**  Giải:  a. O là trung điểm của AB  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1139.jpg?itok=0jkVHRf9  b. Đội dài IM = IM’  **Thực hành 1:**  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1140.jpg?itok=sK9Mjc3h |

**Hoạt động 2: Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có đối xứng**

**a. Mục tiêu**: Gv và hs tìm và nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có đối xứng

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV có thể tìm các ví dụ khác thích hợp với địa phương của mình  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Thực hành 2:**  Giải:  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1141.jpg?itok=Gr5JnFKH |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

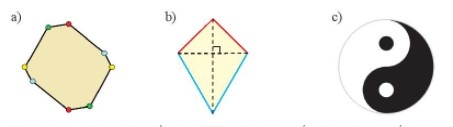
**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

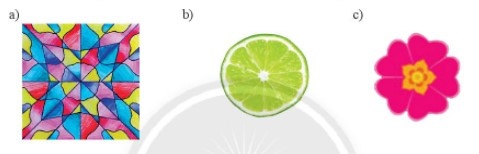
**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi: Câu 1, 2, 3*

**Câu 1:** Hãy tìm tâm đối xứng của các hình sau đây ( nếu có):



**Câu 2:** Hình nào sau đây có tâm đối xứng, hãy chỉ ra tâm đối xứng của nó

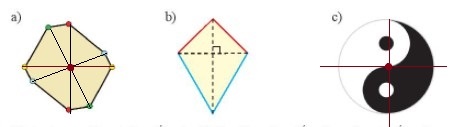


**Câu 3:** Chữ cái nào sau đây có tâm đối xứng? Chữ cái nào vừa có tâm đối xứng, vừa có trục đối xứng?

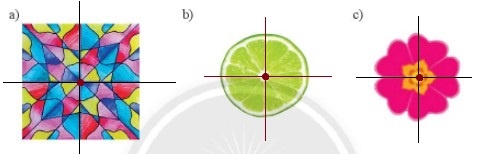


**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

**Câu 1:**



**Câu 2:**



**Câu 3:**

Những chữ cái có tâm đối xứng là:  S, I, O, N

Chữ cái vừa có tâm đối xứng, vừa có trục đối xứng: S, I, O, N



*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 4 SGK

**Câu 4:** Hình nào sau đây có tâm đối xứng?



**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

**Bài làm:**

Hình có tâm đối xứng là:



*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# BÀI 3: VAI TRÒ CỦ TÍNH ĐỐI XỨNG TRONG THẾ GIỚI TỰ NHIÊN

**I. MỤC TIÊU**

**1.** Kiến thức, kĩ năng

- Nhận biết được tính đối xứng trong toán học, tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo

- Nhận biết được vẻ đẹp của thế giới tự nhiên biểu hiện qua đối xứng (ví dụ: nhận biết vẻ đẹp của một số loài thực vật, động vật trong tự nhiên mà hình của nó có tâm đối xứng hoặc có trục đối xứng)

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Sgk, giáo án, máy chiếu

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, sgk, đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*: Hình óc trục đối xứng hoặc có tâm đối xứng được gọi là hình có tính đối xứng. Từ xưa đến nay, những hình có tính đối xứng được coi là cân đối, hài hòa. Con người học hỏi và áp dụng được gì từ tính đối xứng trong thế giới tự nhiên? Chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học ngày hôm nay.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Vẻ đẹp của thế giới tự nhiên biểu hiện qua tính đối xứng**

**a. Mục tiêu**: HS tìm được tính đối xứng trong thế giới tự nhiên

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - HS nêu các ví dụ thể hiện tính đối xứng  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | Một số hình ảnh có tính đối xứng:  Những loài cây có tạo hình đối xứng hoàn hảo đến khó tin | VTV.VN  Khám phá sự đối xứng diệu kỳ trong thế giới thực vật - Đời sống - Việt Giải  Trí  Minh họa hình có trục đối xứng - Tư liệu tham khảo - Tôn Nữ Bích Vân - Blog  Toán THCS  Ấn Độ giảm phí cấp thị thực điện tử cho khách du lịch Việt Nam |

**Hoạt động 2: Tính đối xứng trong khoa học kĩ thuật và đời sống**

**a. Mục tiêu**: Con người sử dụng tính đối xứng để áp dụng vào đời sống, công nghệ kĩ thuật

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho hs đọc thông tin lần lượt về tính đối xứng mà con người áp dụng trong các lĩnh vực  - HS so sánh sự giống nhau về hình dạng và tính năng của con chuồn chuồn và chiếc máy bay  - HS tìm thâm các hình ảnh khác có tính đối xứng trong kiến trúc và hội họa  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | Giải bài 3: Phép đối xứng trục | Hình học 11 Trang 8 - 11 - Tech12h  PHÉP ĐỐI XỨNG TÂM Giáo viên: Nguyễn Tiến Đạt và Vũ Văn Ngọc |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi*: Câu 1, 2

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

**Câu 1:** Hình a) có trục đối xứng

Hình b), c ) không có trục đối xứng

**Câu 2:** Hình a không có tâm đối xứng

Hình b có tâm đối xứng

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 3, 4, 5

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:* HS tự tìm kiếm

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# BÀI 4: HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Ứng dụng tính đối xứng trong việc cắt giấy trang trí

- Vẽ các hình đối xứng đã học, do diện tích các hình đã vẽ bằng phần mềm GeoGebra

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Sgk, giáo án, máy chiếu, giấy thủ công

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, sgk, đồ dùng học tập, giấy thủ công

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Cắt giấy để tạo hình đối xứng**

**a. Mục tiêu**: HS cắt giấy tạo hình đối xứng: Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh và bông hoa 8 cánh

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chiếu hoặc cắt sẵn 2 hình mẫu để trưng bày trước lớp  - GV chia thành các nhóm nhỏ, thực hiện nhiệm vụ  - GV hướng dẫn HS trước khi các nhóm thực hiện  - GV quan sát, giúp đỡ hs trong quá trình làm  - HS có thể sáng tạo và trang trí với nhiều màu sắc khác nhau  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới |  |

**Hoạt động 2: Thực hành trong phòng máy tính với phần mềm toán học GeoGebra Classic 5 (Nếu nhà trường có điều kiện thực hiện)**

**a. Mục tiêu**: biết sử dụng phần mềm GeoGebra 5 để vẽ các hình tam giác đều, hình vuông, lục giác đều có thể thay đổi kích thước

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS vẽ một vài hình bằng tay, rồi so sánh với cách vẽ trên máy.  - Phần tính diện tích, GV có thể cho HS tính toán ra giấy, rồi so sánh với kết quả trên máy tính, qua đó ôn lại công thức tính diện tích của một hình  - GV giới thiệu: máy tính toán được là do con người cái đặt thuật toán trên đó. Qua đó HS thấy được tính tích hợp của Toán học và Tin học  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới |  |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# BÀI: BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG 7

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Ôn lại kiến thức chương 7

- Hoàn thiện bài tập cuối chương

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Sgk, giáo án, máy chiếu

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, sgk, đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*:

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**C - D. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Bài tập sgk

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**  Quan sát các chứ cái H A N O I và xác định đúng sai cho các phát biểu sau:  a) Chữ H là hình vừa có trục đối xứng, vừa có tâm đối xứng  b) Chữ A là hình có trục đối xứng, vừa không có tâm đối xứng  c) Chữ N là hình có trục đối xứng và có tâm đối xứng  d) Chữ O là hình vừa có trục đối xứng, vừa có tâm đối xứng  e) Chữ I là hình có trục đối xứng, và không có tâm đối xứng  **BÀI TẬP TỰ LUẬN**  **Câu 1:** Các đường nét đứt ở mỗi hình bên dưới có phải là trục đối xứng không?  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1146.jpg?itok=2HNvorKi  **Câu 2:** Em hãy vẽ các hình sau vào vở rồi tô màu các ô vuông để mỗi hình thu được nhận đường nét đứt là trục đối xứng  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1147.jpg?itok=NnYfbA3B  **Câu 3:** Hình nào sau đây có tâm đối xứng? Hình nào vừa có tâm đối xứng vừa có trục đối xứng?  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1148.jpg?itok=wxDZ2X_g | **CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**  a) Đúng  b) Đúng  c) Đúng  d) Đúng  e) Sai  **BÀI TẬP TỰ LUẬN**  **Câu 1:**  Đường nét đứt ở hình a và d là trục đối xứng. Hai đường ở hình b và c còn lại không phải là trục đối xứng của hình  **Câu 2:**  HS tô màu vào các ô được đánh dấu  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1147_0.jpg?itok=6V9VrItz  **Câu 3:**  Hình b có trục đối xứng. Hình a vừa có tâm đối xứng, vừa có trục đối xứng https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1148_0.jpg?itok=Q7JGm8vh |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**CHƯƠNG 8: HÌNH HỌ PHẲNG: CÁC HÌNH HÌNH HỌC CƠ BẢN**

# BÀI 1: ĐIỂM. ĐƯỜNG THẲNG

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

Sau khi kết thúc bài học, HS cần:

- Vẽ và kí hiệu được điểm và đường thẳng

- Nói được một điểm thuộc hay không một đường thẳng

- Tìm được một số hình ảnh của điểm và đường thẳng trong thực tế

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Sgk, giáo án, máy chiếu

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, sgk, đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*: GV chiếu hình ảnh trong sgk lên bảng.

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

GV: Nhìn vào các hình dưới đây, chúng ta có thể thấy hình ảnh của điểm, đường thẳng

HS trả lời:

+ Vạch sơn màu trắng kéo dài về hai phía cho ta hình ảnh của đường thẳng

+ Các sợi dây điện được kéo căng cho ta hình ảnh của những đường thẳng, mỗi chú chim là hình ảnh của 1 điểm

GV: Bài học ngày hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu về điểm và đường thẳng

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Điểm**

**a. Mục tiêu**: HS biết cách biểu diễn điểm, cách kí hiệu tên của điểm

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS quan sát bản đồ trong sgk và đề bài  - GV gợi ‎y các ví dụ 1, 2. HS chú y lắng nghe  - HS làm Thực hành 1  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 1:**  Giải:    **Thực hành 1:**    Giải:  - Các điểm có trong hình là G, K, H  - Vẽ 3 điểm  **https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1150.jpg?itok=zEx2p6ua** |

**Hoạt động 2: Đường thẳng**

**a. Mục tiêu**: Viết cách vẽ, gọi tên một đường thẳng

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Gv dùng thước kẻ bảng, kẻ 1 vạch đường thẳng lên bảng, giới thiệu với HS đó là 1 đường thẳng  - Yêu cầu HS lấy thêm ví dụ  - Giới thiệu cách đặt tên cho các đường thẳng  - 3 HS lên bảng làm Thực hành 2, cả lớp làm vào vở  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Thực hành 2:**  Giải:  a) Các đường thẳng có trong Hình 4a: đường thẳng a, b, c  b)  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1151.jpg?itok=DCQeiqnp |

**Hoạt động 3: Vẽ đường thẳng**

**a. Mục tiêu**: HS vẽ được đường thẳng đi qua hai điểm

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc bài toán và thực hiện HĐKP  - HS trả lời tại chỗ  - GV giới thiệu khung kiến thức  - HS chia nhóm thực hiện Thực hành 3  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 2:**  Giải:  Chỉ có một đường thẳng đi qua hai điểm A và B nói trên  **Thực hành 3:**  Giải:  **https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1152.jpg?itok=OP79Ic6U** |

**Hoạt động 4: Điểm thuộc đường thẳng. Điểm không thuộc đường thẳng**

**a. Mục tiêu**: HS biết điểm thuộc hay không thuộc đường thẳng

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cùng HS đọc bài toán và phân tích các khái niệm  - HS gọi tên và viết được kí hiệu điểm thuộc, không thuộc đường thẳng  - HS lên bảng vẽ hình và thực hiện Thực hành 4, GV kiểm tra kết quả  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 3:**  Giải:  Hình 7a: Bóng chạm vạch sơn cho ta hình ảnh điểm thuộc đường thẳng  Hình 7b: Bóng không chạm vạch sơn, cho ta hình ảnh điểm không thuộc đường thẳng  **Thực hành 4:**  Giải:  Điểm A thuộc đường thẳng a, không thuộc đường thẳng b.  Hay: A ∈ a và A ∉ b |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 1, 2, 3 sgk

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1:**  **a) Hãy đặt tên cho các điểm và đường thẳng trong hình dưới đây:**  **https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1153.jpg?itok=8oSzfCqF**   b) Hãy nêu ba cách gọi tên đường thẳng trong hình dưới đây:  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1154.jpg?itok=BDOUu6W7  **Câu 2:**  Dùng kí hiệu để biểu thị các mối quan hệ dưới đây và vẽ các hình tương ứng.  a) Các điểm A, B thuộc đường thẳng p  b) Các điểm C, D không thuộc đường thẳng p  **Câu 3: Trong hình vẽ bên:**  **https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1156.jpg?itok=VWecKtto**   a) Điểm B thuộc những đường thẳng nào?  b) Điểm A không thuộc những đường thẳng nào?  c) Đường thẳng nào không chứa điểm C?  Sử dụng kí hiệu để mô tả các quan hệ trên. | **Câu 1:**  a)  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1153_0.jpg?itok=IHak4Dk2  b) Có thể gọi tên đường thẳng là: AB, BC, CD....  **Câu 2:**  a) A, B  ∈ p  b) C, D ∉ p  Vẽ hình:  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1155.jpg?itok=YcWN7d3q**Câu 3:**  a) Điểm B thuộc đường thẳng j, n, i hay: B ∈ j, B ∈ n, B ∈ i  b) Điểm A không thuộc đường thẳng j và n hay: A  ∉ j, A  ∉  n  c) Đường thẳng i và n không chứa điểm C hay C  ∉ i, C  ∉  n |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 4

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 4:** Vẽ hình cho mỗi trường hợp sau:  a) Điểm M thuộc đường thẳng a  b) Điểm M thuộc hai đường thẳng a và b nhưng không thuộc đường thẳng c  c) Điểm M nằm trên cả ba đường thẳng a, b, c | https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1157.jpg?itok=RLVH_Sva  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1158.jpg?itok=gXVM-o6-  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1159.jpg?itok=FLqqDGT_ |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# BÀI 2: BA ĐIỂM THẲNG HÀNG. BA ĐIỂM KHÔNG THẲNG HÀNG

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

Sau khi kết thúc bài học, học sinh cần:

- Kể ra được các bộ ba điểm thẳng hàng, không thẳng hàng trong hình vẽ cho trước

- Nêu được vị trí của các điểm tromg bộ ba điểm thẳng hàng

- Vẽ được các bộ ba điểm thẳng hàng hoặc không thẳng hàng

- Tìm được một số hình ảnh của các bộ ba điểm thẳng hàng (không thẳng hàng) trong thực tế

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Sgk, giáo án, máy chiếu

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, sgk, đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*: Quan sát các hình dưới đây, ta thấy được vị trí của Mặt Trời, Mặt Trăng, Trái Đất cũng như vị trí các khóm lúa

HS trả lời:

+ Trường hợp hiện tượng nhật thực xảy ra khi Mặt Trắng, Mặt Trời và Trái Đất cùng nằm trên một đường thẳng

+ Các cây mạ được cấy thẳng hàng. Các khóm lúa cho ta hình ảnh các điểm thẳng hàng

Ở bài học ttước, HS đã được biết tới hình ảnh của điểm, mối quan hệ của một điểm thuộc hay không thuộc đường thẳng. Trong bài học này, các HS sẽ tiếp tục nghiên cứu về mối quan hệ ba điểm thuộc hay không thuộc một đường thẳng và khi ba điểm thẳng hàng sẽ có một điểm nằm giữa hai điểm còn lại.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Ba điểm thẳng hàng**

**a. Mục tiêu**: Khái niệm 3 điểm thẳng hàng, 3 điểm không thẳng hàng

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV tổ chức cho các nhóm HS từ 5-7 HS tham gia trò chơi “Trồng táo” với 5 cây táo em hãy tìm cách trồng thành 2 hàng, mỗi hàng có 3 cây hoặc trồng 7 cây táo thành 3 hàng, mỗi hàng có 3 cây  - GV yêu cầu HS phát hiện được đặc điểm của 3 điểm thẳng hàng và khi nào thì 3 điểm không thẳng hàng  - GV tổ chức cho HS thảo luận Thực hành 1 ở mức độ nhận dạng về 3 điểm thẳng hàng và 3 điểm không thẳng hàng  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 1:**  Giải:  - Có thể trồng bằng cách xếp cây thành hai đường chéo nhau  - Mô tả như hình vẽ:  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1172.jpg?itok=Rs2DbpkU    **Thực hành 1:**  Giải:  - Trên Hình 2, ba điểm thẳng hàng là: M, N, Q; ba điểm không thẳng hàng là M, N, P  - Trên Hình 3, ba điểm thẳng hàng là M, P, R  - Vẽ hình như sau:  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1173.jpg?itok=6587494f  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1174.jpg?itok=20qJn7XP  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1175.jpg?itok=xPNjNWda |

**Hoạt động 2: Quan hệ giữa ba điểm thẳng hàng**

**a. Mục tiêu**: Từ tình huống gợi mở, hs hiểu được tính chất 1 điểm nằm giữa 2 điểm còn lại

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Từ tình huống HĐKP2, GV đọc nhận xét  - 1 hs lên bảng vẽ hình và làm bài, cả lớp vẽ hình vào vở  - GV quan sát kiểm tra đáp án  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 2:**  Giải:  Đèn màu vàng nằm giữa hai đèn còn lại  **Thực hành 2:**  Giải:  **https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1176.jpg?itok=Y8x7MlTa** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 1, 2, 3

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1:**  Trong hình bên, cho bốn điểm A,B,C,D thuộc đường thẳng m và điểm E không thuộc đường thẳng m. Hãy nêu các bộ ba điểm thẳng hàng và các bộ ba điểm không thẳng hàng  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1177_0.jpg?itok=jsBAY4D-  **Câu 2:** Trong hình bên, em hãy dự đoán xem ba điểm nào thẳng hàng. Sau đó hãy dùng thước để kiểm tra kết quả.  **https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1178.jpg?itok=HzIpxAIB**  **Câu 3:** Trong hình bên, hãy chỉ ra các điểm  a) Nằm giữa hai điểm M và N  b) Không nằm giữa hai điểm E và G  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1179.jpg?itok=cyeilQXq | **Câu 1:**  Bộ ba điểm thẳng hàng: (A, B, C) ; (B, C, D); ( A, C, D); (A, B, D)  Bộ ba điểm không thẳng hàng: (A, B, E); ( A, C, E); ( A, D, E); ( B,C, E), (B, D, E)  (C, D, E)  **Câu 2:** Các điểm thẳng hàng là: (G, K, P); ( E, K, F); (H,K,Q)  **Câu 3:**  a) Điểm nằm giữa hai điểm M và N là: E, F, G  b) Điểm không nằm giữa hai điểm E và G: M và N |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 4, 5

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 4:**  a) Cho hai điểm M và P. Hãy vẽ thêm điểm N sao cho ba điểm M, N, P thẳng hàng và điểm M, P nằm cùng phía đối với điểm N  b) Vẽ hai điểm trên một tờ giấy trắng. Không dùng thước, em hãy tìm cách vẽ thêm một điểm thứ ba sao cho ba điểm đó thẳng hàng | **Bài làm:**  a) https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1180.jpg?itok=OonJbK-u |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# BÀI 3: HAI ĐƯỜNG THẲNG CẮT NHAU, SONG SONH. TIA

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Sau khi kết thúc bài học, HS cần đạt được những yêu cầu:

+ Liệt kê được hai trường hợp về quan hệ giữa hai đường thẳng: cắt nhau, song song

+ Tìm được các đường thẳng cắt nhau, sonh song với nhau trong một số hình vẽ

+ Nêu được khái niệm và vẽ được tia

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Thước kẻ dài, sgk, giáo án, máy chiếu

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, sgk, đồ dùng học tập, một số tranh ảnh, sách, báo,...liên quan tới các từ khóa của bài học

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*: GV trình chiếu một số hình ảnh về hai đường thẳng cắt nhau, song song, tia. Giới thiệu vào bài học

|  |  |
| --- | --- |
| Tag tia tử ngoại : Tin tức, hình ảnh về tia tử ngoại | Báo dân sinh | Tia Laser là gì? Tác dụng và tác hại của tia Laser trong đời sống | BD  Research - Khoa học và đời sống |
| https://hocbaionha.com/pluginfile.php/1322/mod_wiki/attachments/286/1%20-%20Copy.jpg | Đường thẳng song song với mặt phẳng - Toán học - Trương Hoàng Anh - Trường  THCS Lê Ngọc Hân |

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Hai đường thẳng cắt nhau, hai đường thẳng song song**

**a. Mục tiêu**: Nhận biết hai đường thẳng song song, cắt nhau

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV vẽ hình chữ nhật ABCD theo Hình 1  - HS đọc thông tin khung kiến thức  - HS làm theo nhóm thực hành, đại diện báo cáo trên bảng  - GV chú ‎ HS: Từ nay về sau, khi nói hai đường thẳng mà không nói gì thêm, ta hiểu đó là hai đường thẳng phân biệt  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động:**  Giải:  AB và AD có một điểm chung là A  AB và DC không có điểm chung  **Thực hành 1:**  Giải:  **https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1181.jpg?itok=Dm4unnrW**    https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1182.jpg?itok=4R7Yqn5e |

**Hoạt động 2: Tia**

**a. Mục tiêu**: Nắm được cách biểu diễn tia, điểm thuộc ta, cách gọi tên tia

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **-** GV vẽ đường thẳng xy với tia Ox, Oy như Hình 3  - HS đọc thông tin khung kiến thức  - HS làm theo nhóm Vận dụng, đại diện báo cáo trên bảng  - Chú y: Ở phần vận dụng này, HS đã được GV nhắc chuẩn bị ở tiết học trước  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | HS có thể trình chiếu các hình ảnh qua slide hoặc dán ảnh và trình bày bằng tờ A0 |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 1, 2

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1:** Em hãy chọn trong các phương án dưới đây để được một phát biểu đúng.  Qua hai điểm A và B phân biệt có  (A) vô số đường thẳng  (B) Chỉ có 1 đường thẳng  (C) không có đường thẳng nào  **Câu 2:**  Vẽ hình cho các trường hợp sau:  a) Hai đường thẳng p và q cắt nhau tại điểm M  b) Đường thẳng a cắt hai đường thẳng m và n theo thứ tự tại X và Y trong hai trường hợp m và n cắt nhau, hoặc m và n song song với nhau | **Câu 1: B**  **Câu 2:**  a)  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1184.jpg?itok=Ahq1WJcN  b)  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1185.jpg?itok=FONPbftF  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1186.jpg?itok=2xllFcBd |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 3, 4

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 3:**  Đếm số giao điểm tạo bởi ba đường thẳng trong mỗi hình sau:  **https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1187.jpg?itok=TuQrbs0H**  **Câu 4**  Kể tên các tia có gốc là M trong hình sau:  **https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1188.jpg?itok=tnn5rqyq** | **Câu 3:**  a) Không có giao điểm nào  b) Có hai giao điểm  c) Có 1 giao điểm  d) Có 3 giao điểm  **Câu 4:**  Các tia có gốc là M: tia MH, tia MF |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# BÀI 4: ĐOẠN THẲNG. ĐỘ DÀI ĐOẠN THẲNG

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

Sau khi kết thúc bài học, HS cần:

- Mô tả được định nghĩa đoạn thẳng

- Thực hiện được các thao tác đo và so sánh độ dài các đoạn thẳng

- Đo được độ dài đoạn thẳng và biết cách sử dụng các loại thước khác nhau

- Nêu được một số ứng dụng thực tiễn của độ dài đoạn thẳng

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Sgk, giáo án, máy chiếu

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, sgk, đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*:

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

GV cho HS quan sát hai bức tranh mở đầu của bài học (bức tranh 1 đoán độ dài của các đoạn thẳng AB và AC, bức tranh thứ hai tìm độ dài của chiếc bút chì nằm trên thước). HS có thể đưa ra các đáp án khác nhau.

“Ở bài học trước, chúng ta đã tìm hiểu về đường thẳng cắt nhau, đường thẳng song song và tia. Ở bài học này, chúng ta tiếp tục nghiên cứu một phần của đường thẳng được giới hạn bởi hai điểm: đoạn thẳng. Bài học của chúng ta ngày hôm nay có những nội dung về: đoạn thẳng, đo đoạn thẳng, so sánh hai đoạn thẳng, một số dụng cụ đo độ dài

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Đoạn thẳng**

**a. Mục tiêu**: Định nghĩa đoạn thẳng

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV tổ chức cho HĐ vẽ đoạn thẳng AB bằng cách yêu cầu các em chấm 2 điểm trên trang giấy, đặt thước sao cho 2 điểm A và B nằm trên mép của thước và dùng bút chì vạch một nét nối 2 điểm đó lại theo mép thước.  - Từ đó GV yêu cầu HS nêu hiểu biết thế nào là đoạn thẳng AB  - GV đưa hình ảnh của đường thẳng AB, tia AB, đoạn thẳng AB để HS phân biệt sự khác nhau giữa các đối tượng này  - HS lam Thực hành 1 theo hình thức cá nhân để xác định các đoạn thẳng trong hình vẽ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Thực hành 1:**  Giải:  Các đoạn thẳng có trong hình: AB; BC; CD; DE; AC; AD; BD |

**Hoạt động 2: Độ dài đoạn thẳng**

**a. Mục tiêu**: Xác định được số đo đoạn thẳng bằng thước

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS quan sát hình ảnh của đoạn thẳng AB đặt trên thước, đầu A trùng với vạch 0 trên thước đầu B trùng với vạch số 9 trên thước. Từ đó, GV giới thiệu đoạn thẳng AB có độ dài 9 cm  - GV giới thiệu cho HS độ dài đoạn thẳng được xác định dựa trên việc so sánh nó với đoạn thẳng có độ dài đơn vị.  - Gv cần lưu y‎ cho HS không phải lúc nào độ dài đoạn thẳng cũng là một số lần của accs đoạn thẳng đơn vị, khi đó ta có thể lựa chọn một đoạn thẳng đơn vị nhỏ hơn chẳng hạn là 1mm  - Phần thực hành, GV nên tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc nhóm sử dụng thước để đo độ dài của các đoạn thẳng khác nhau từ hình vẽ cho đến độ dài của một số đồ vật thực tế theo các loại đơn vị khác nhau  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới |  |

**Hoạt động 3: So sánh hai đoạn thẳng**

**a. Mục tiêu**: Biết so sánh độ dài hai đoạn thẳng

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV gợi mở kiến thức theo HĐKP  - Cá nhân trả lời tại chỗ  - GV tổ chức để HS khám phá ra rằng, để so sánh hai đoạn thẳng ta so sánh độ dài của chúng  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động:**  Giải:  Để biết cây bút chì dài hơn cây bút mực bao nhiêu xăng-ti-mét, ta có thể dùng thước để đo và kiểm chứng  **Thực hành 2:**  Giải:  - Học sinh dùng thước đo độ dài  - Các đoạn thẳng theo thứ tự độ dài từ bé đến lớn là: AG, GE, DC, ED, BC, AB |

**Hoạt động 4: Một số dụng cụ đo độ dài**

**a. Mục tiêu**: HS tìm hiểu một số dụng cụ đo độ dài

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV giới thiệu một số loại dụng cụ đo độ dài, đo khoảng cách trong thực tiễn  - GV yêu cầu HS gọi tên từng loại  - Với mỗi loại thước khác nhau dùng trong các tình huống thực tiễn nào  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Thực hành:**  Giải: Các dụng cụ đó thường dùng trong trường hợp đo chiều cao, đo độ dài trong xây dựng.. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 1, 2, 3 sgk

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1:**  a) Cách đặt thước đo nào trong hình dưới đây sẽ cho biết chính xác độ dài chiếc bút chì?  **https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1190.jpg?itok=xq2Ymh03**  b) Cho hai đoạn thẳng AB và CD như hình bên  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1191.jpg?itok=HD406O15  - Đo độ dài hai đoạn thẳng trên  - Vẽ đoạn thẳng MN có độ dài bằng tổng độ dài hai đoạn thẳng trên.  **Câu 2:** Em hãy vẽ bảng theo mẫu rồi cùng các bạn đo độ dài của bàn học để hoàn thiện bảng, sau đó đối chiếu với kích thước tiêu chuẩn  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1210.jpg?itok=4azO5jF5  **Câu 3:**  Em cùng các bạn hãy ước lượng chiều dài, chiều rộng và bề dày của cuốn sách giáo khoa Toán 6 tập hai với đơn vị đo xăng-ti-mét và mi-li-mét, sau đó dùng thước kẻ để kiểm tra lại kết quả đó. | **Câu 1:**  a) Cách c) sẽ cho biết chính xác độ dài chiếc bút chì  b) HS dùng thước đo độ dài của hai đoạn thẳng trên  Cộng tổng độ dài của hai đoạn thẳng và đặt thước kẻ đoạn thẳng MN dài bằng tổng trên  **Câu 2:** HS thực hành đo và hoàn thành bảng  **Câu 3:**   * Ước lượng: Chiều dài: 30cm, chiều rộng 20 cm, độ dày 1cm * HS đo và kiểm tra lại ước lượng của mình |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:*

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 4:** Tìm độ dài của tất cả các đoạn thẳng có trong hình bên, nếu như đơn vị đo là độ dài của đoạn thẳng  a) IJ                                           b) AB  **https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1211.jpg?itok=mxWOIrJi**  **Câu 5:** Cho biết khoảng cách giữa Trái Đất và Mặt Trời khoảng 150 000 000 km và khoảng cách giữa Trái Đất và Mặt Trăng khoảng 384 000 km. Hỏi khi xảy ra hiện tượng nhật thực thì khoảng cách giữa Mặt Trời và Mặt Trăng là bao nhiêu ki-lô-mét?  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1212.jpg?itok=JbV9xtlZ | **Câu 4:**  a) Độ dài GH = 2 IJ       Độ dài EF = 3 IJ       Độ dài CD = 5IJ       Độ dài AB = 6IJ  b) Độ dài IJ =  AB      Độ dài GH =  AB      Độ dài EF =  AB      Độ dài CD =  AB  **Câu 5:**  Khi xảy ra hiện tượng nhật thực thì khoảng cách giữa Mặt Trời và Mặt Trăng là:  150 000 000 - 384 000 = 149 616 000 ( km)  Đáp số: 149 616 000 km |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# BÀI 5: TRUNG ĐIỂM CỦA ĐOẠN THẲNG

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Sau khi kết thúc bài học, HS cần:

+ Nêu được thế nào là trung điểm của đoạn thẳng

+ Nêu được các cách vẽ trung điểm của đoạn thẳng

+ Kể được một số ứng dụng thực tiễn trung điểm của đoạn thẳng

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Một số hình ảnh trong thực tiễn về trung điểm của đoạn thẳng, thước kẻ có chia vạch, sợi dây, tờ giấy trắng A4; sgk, giáo án, máy chiếu

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, sgk, đồ dùng học tập. Hs nên chuẩn bị một số tài liệu sách, tạp chí, các nội dung nói về trung điểm của đoạn thẳng theo các vấn đề liên quan tới các từ khóa của bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**



*Gv trình bày vấn đề*: GV cho Hs quan sát một số hình ảnh liên quan tới ứng dụng của trung điểm trong thực tế (chẳng hạn chiếc cân, việc kê các bàn). Yêu cầu HS phát hiện ra đặc điểm về cách đều của điểm nằm giữa hai điểm trong hình vẽ.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Trung điểm của đoạn thẳng**

**a. Mục tiêu**: Khái niệm trung điểm của đoạn thẳng

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV tổ chức HĐKP. 1 HS lên bảng đọc đề bài và vẽ hình lên bảng  - GV tổ chức cho HS trải nghiệm thông qua việc đo độ dài các đoạn AM, MB, AB, PN, NQ và PQ. Từ đó HS nhận ra đặc điểm có một điểm M nằm trên đoạn thẳng thỉa mãn: AM + MB = AB và AM = MB  - GV giới thiệu trung điểm của đoạn thẳng  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động:**  Giải:  - Độ dài đoạn thẳng NP bé hơn NQ  - Điểm M nằm chính giữa A và B, MA = MB. Điểm N không nằm chính giữa hai điểm P và Q |

**Hoạt động 2: Cách vẽ trung điểm của đoạn thẳng**

**a. Mục tiêu**: HS biết cách vẽ trung điểm của đoạn thẳng

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV nên để cho các nhóm HS thả luận tìm ra cách vẽ trung điểm của một đoạn thẳng  - GV tổng kết kết quả tìm được của HS, nếu các nhóm chưa tìm ra GV lần lượt gợi ‎ (thông qua độ dài của đoạn thẳng từ đầu mút tới trung điểm, dùng giấy can, dùng sợi dây) và lần lượt cho HS trải nghiệm các cách đó  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Thực hành 1:**  Giải:  I là trung điểm của đoạn thẳng MN nếu I nằm giữa hai điểm M và N.  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1213.jpg?itok=9cRfdkC1 |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 1, 2, 3

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1:** Chọn trong ba phương án dưới đây để được một phát biểu đúng.  Điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB khi:  (A) MA = MB  (B) M nằm giữa A,B và MA = MB  (C) M nằm giữa A và B  **Câu 2:** Đo độ dài các đoạn thẳng AD, CD, AC, BC trong hình bên.  a) Điểm C có là trung điểm của đoạn thẳng AB không? Vì sao?  b) Điểm D có là trung điểm của đoạn thẳng AC không? Vì sao?  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1214.jpg?itok=2R7L-VGF  **Câu 3:** Một người muốn cắt thanh gỗ như hình dưới đây thành hai phần bằng nhau, mỗi phần dài 9cm. Em hãy cùng các bạn trao đổi với nhau cách cắt thanh gỗ.  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1215.jpg?itok=9zNq3vDe | **Câu 1:** B  **Câu 2:**  a) Điểm C là trung điểm của đoạn thẳng AB, vì : C nằm giữa hai điểm A, B và AC = CB  b) Điểm D không  là trung điểm của đoạn thẳng AC, mặc dù AD = DC nhưng A, D, C không cùng nằm trên một đường thẳng  **Câu 3:**  Cách cắt thanh gỗ: Dùng thước đo từ điểm 0 cm đặt ở đầu thanh gỗ đến điểm 9cm. Đánh dấu điểm đó và dùng dụng cụ cắt tại điểm vừa đánh dấu |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 4, 5

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 4 : Cho hình vẽ bên:**  **https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1216.jpg?itok=JgcMUChj**   a) Nêu cách vẽ trung điểm A của đoạn thẳng BC.  b) Nêu cách vẽ điểm M sao cho B là trung điểm của đoạn thẳng AM. Em có nhận xét gì về độ dài các đoạn thẳng AB, BM và AC  **Câu 5:** Trong hình chữ nhật ABCD ở hình bên, hãy dự đoán O là trung điểm của những đoạn thẳng nào? Em hãy nêu cách kiểm tra dự đoán đó  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1217.jpg?itok=UgHI0xWv | **Câu 4 :**   a) Cách vẽ trung điểm A:  - Đo độ dài đoạn BC  - Đặt mép thước trùng với đoạn BC sao cho vạch 0 trùng với điểm B, khi đó điểm C trùng với vị trí bằng nửa độ dài BC. Đánh dấu điểm đó là A. Khi đó A là trung điểm của BC  b)  - Kéo dài đường thẳng BC về phía B       - Đo độ dài AB, Đặt thước trùng với đoạn AB sao cho vạch 0 trùng với điểm B, khi đó điểm M nằm ở cùng phía với điểm B và BM có độ dài bằng với AB.  Nhận xét: AB = BM = AC  **Câu 5:**Dự đoán: O có thể là trung điểm của các cạnh: AC, DB. MN, KL  Để kiểm tra dự đoán, ta có thể dùng thước để đo |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# BÀI 6: GÓC

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Thấy được góc xuất hiện ở nhiều nơi trong cuộc sống

- Mô tả được góc, cạnh, đỉnh của góc và góc bẹt

- Tạo lập được góc, vẽ được các góc

- Xác đingh được điểm trong của góc

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Chuẩn bị các hình ảnh về góc thường gặp trong cuộc sống, thước kẻ, compa có thể mở được khẩu độ là 180 độ, thước kẻ dài, thước đo độ, số tờ giấy màu (bằng với số nhóm từ 5-7 em của lớp), sgk, giáo án, máy chiếu

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, sgk, đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*:



GV trình chiếu 4 hỉnh ảnh lên bảng, hoặc HS có thể quan sát hình trong SGK. HS thảo luận theo nhóm các bức tranh từ đời sống cho đến các hình ảnh gần gũi với góc.

GV: Các bức tranh đó có điểm gì giống nhau

HS: Thảo luận và chia sẻ về đặc điểm giống nhau (Các hình đều gồm có hai cạnh và có một điểm chung.

GV: Các nhóm thảo luận để kể về một số hình ảnh trong thực tiễn có đặc điểm tương tự bốn hình nói trên

HS: Trình bày các hình ảnh trong thực tiễn chẳng hạn: Chiếc quạt nam, chiếc eke, hình ảnh của song sắt cửa sổ, quyển vở mở…

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Góc**

**a. Mục tiêu**: Nắm được khái niệm góc, đỉnh của góc, cạnh của góc

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV vẽ hình 1 lên bảng để HS dễ quan sát  - HS đọc Ví dụ 1: Gv phân tích các khái niệm qua VD1  - HS trả lời Thực hành 1 cá nhân  - GV chú y cách vẽ góc và cách kí hiệu  - Thực hành 2: Gọi Hs lên bảng làm, GV quan sát, giúp đỡ HS dưới lớp  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 1:**  Giải:  Các hình trong hình 1 đều được tạo thành từ hai tia khác nhau, có chung một điểm làm gốc  **Thực hành 1:**  Giải:   * Góc đỉnh A: BACˆ, CABˆ * Góc đỉnh B: ABCˆ, CBAˆ * Góc đỉnh C: ACBˆ, BCAˆ   **Thực hành 2:**  Giải:  - Cạnh của góc MON là: ON, OM, đỉnh là O  - Góc có hai cạnh AP, AQ là góc PAQ |

**Hoạt động 2: Cách vẽ góc**

**a. Mục tiêu**: Hs biết cách vẽ góc

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Từ các đặc điểm của góc, GV yêu cầu HS phát hiện ra cách vẽ góc và từ đó thực hành cách vẽ góc vào vở  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Thực hành 3:**  Giải:  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1218.jpg?itok=JO086sZI |

**Hoạt động 3: Góc bẹt**

**a. Mục tiêu**: Nhận biết góc bẹt

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu 1 HS sử dụng chiếc compa (được GV chuẩn bị sẵn), mở hết cỡ khẩu độ của compa  - GV yêu cầu cả lớp nhận xét về các cạnh của compa  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Thực hành 4:**  Giải:  Hai góc COD và zOt bằng nhau và đều tạo thành đường thẳng với số đo góc là 180 độ |

**Hoạt động 4: Điểm trong của góc**

**a. Mục tiêu**: Nắm được điểm nằm trong góc

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho hs đọc HĐKP2,  - GV tổ chức cho Hs trải nghiệm về điểm trong của góc thông qua hoạt động trải nghiệm gấp mảnh giấy để tạo góc và chấm một điểm vào trong góc đó.  - HS phát hiện ra đặc điểm của điểm trong của góc bằng cách kẻ một đường thẳng bất kì cắt hai của góc thì điểm M luôn nằm giữa hai điểm đó.  - GV cần lưu y cho HS khi hai tia của góc là hai tia không đối nhau chúng ta mới có điểm trong của góc  - GV dẫn vào khung kiến thức  - GV phân tích ví dụ 3 để HS hiểu rõ kiến thức  - Thực hành 5: Gv cho 1 HS lên bảng làm, cả lớp kiểm tra  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 2: tạo**  Giải:  **https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1219.jpg?itok=iYWiDLRO**    **Thực hành 5:**  Giải:  Điểm M trong hình sau là điểm trong của các góc: zOyˆ, zOxˆ, zOtˆ |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 1, 2, 3

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu 1:** Lập bảng thống kê các yếu tố của các góc trong mỗi hình dưới đây ( theo mẫu)  **https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1220.jpg?itok=EaqegF5r**    https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1221.jpg?itok=IorUvW1e  **Câu 2:** An nói với Hằng, My và Yến:  "Hãy đánh dấu góc A trong hình bên".  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1223.jpg?itok=9fvmr79R    Hằng, My, Yến đưa ra kết quả tương ứng như sau:  **https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1222.jpg?itok=AEELlzvm**  An rất ngạc nhiên vì các bạn có câu trả lời không giống nhau. Em hãy giải thích tại sao như vậy  **Câu 3:** Hãy vẽ các hình em đã học hoặc kể lại các hình quan sát được trong thực tiễn có đặc điểm sau:  a) Có 1 góc                  b) Có 2 góc  c) Có 3 góc                  d) Có 4 góc | **Bài làm:**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Hình** | **Tên góc** | **Đỉnh** | **Cạnh** | **Kí hiệu góc** | | a) | Góc BPC | P | OB, PC | PPˆ, BPCˆ | | b) | Góc EOF  Góc EOG  Góc GOF | O  O  O | OE, OF  OE, OG  OG, OF | Oˆ, EOFˆ  Oˆ, EOGˆ  Oˆ, GOFˆ | | c) | Góc DAB | A |  |  |   **Câu 2:**Các bạn có câu trả lời không giống nhau vì các góc đó đều là góc đỉnh A nên chúng ta đều có thể gọi là góc A. Mỗi bạn hiểu một ý nên biểu thị góc không giống nhau  Câu 3:  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1225.jpg?itok=jGVaiSdwhttps://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1224.jpg?itok=EllBL2K2 |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 4

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:* HS trả lời

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# BÀI 7: SỐ ĐO GÓC. CÁC GÓC ĐẶC BIỆT

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Sử dụng được thước đo độ để đo góc

- Nêu được khi nào một góc là góc vuông, góc nhọn, góc tù

- Vẽ được góc theo số đo cho trước

- Kể được một số tình huống về số đo góc trong đời sống

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Sgk, giáo án, máy chiếu

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, sgk, đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*: Gv chiếu góc xAy lên bảng. Yêu cầu HS dự đoán số đo góc.

A: Tớ nghĩ góc xAy nhỏ hơn 900

B: Tớ nghĩ góc này 900

GV hỏi cả lớp

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Thước đo góc**

**a. Mục tiêu**: HS biết cách sử dụng thước đo góc

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Gv cho HS cả lớp quan sát chiếc thước đo góc và giới thiệu cho HS cấu tạo của thước đo góc: các đặc điểm (vòng số bên trong, vòng số bên ngoài), tâm thước và cách sử dụng thước đo góc  - GV giới thiệu cho HS đơn vị đo góc là độ và kí hiệu của đơn vị này  - Để HS biết cách sử dụng thước đo góc, Gv nên xuất phát từ một góc cụ thể xOy và thao tác các bước đo góc này để HS quan sát. Sau đó, GV cho mỗi HS đọc số đo góc từ các hình ảnh trong SGK.  - GV yêu cầu mỗi HS thực hành cách sử dụng thước đo góc để đo các góc cho trước.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1226.jpg?itok=GzO5bjhs |

**Hoạt động 2: Cách đo góc. Số đo góc**

**a. Mục tiêu**: HS biết cách đo góc và đọc số đo góc

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV tạo cơ hội cho HS khám phá cách vẽ góc theo số đo cho trước  - GV tổ chức theo hình thức trò chơi “vẽ góc theo số đo cho trước nhanh nhất”.  - Cô giáo sẽ đưa ra cho mỗi nhóm (5-7 em) các số đo khác nhau. Yêu cầu các nhóm suy nghĩ cách vẽ góc theo số đo cho trước đó  - Các nhóm trình bày và các nhóm còn lại thực hiện kiểm tra sự chính xác về số đo theo yêu cầu của các góc vừa vẽ  - GV nhận xét và chính xác lại các bước vẽ một góc theo số đo cho trước của các nhóm trong các trường hợp khác nhau của các góc cụ thể đó  - GV yêu cầu mỗi HS hãy nghĩ về một số đo góc, sau đó thực hành vẽ góc theo số đo đó. Đổi chéo kết quả với các bạn để kiểm tra lại  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 1:**  Giải: Số đo góc xOy:  **https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1232.jpg?itok=FfqElBWJ**    **Thực hành 1:**  Giải: HS tiến hành dùng thước đo  **Thực hành 2:**  Giải:  - Mỗi góc trong Hình 2 có số đo là:  a) 40∘                    b) 135∘  c) 90∘                    d) 180∘  - Số đo của các góc trong Hình 4: HS thực hành đo |

**Hoạt động 3: So sánh hai góc**

**a. Mục tiêu**: HS so sánh hai góc với nhau

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV giới thiệu cách viết hai góc bằng nhau, góc nhỏ hơn, góc lớn hơn  - GV cho HS làm bài tập để vận dụng  Vẽ 2 góc aOb, góc tAb lần lượt với từng trường hợp: bằng nhau, nhỏ hơn, lớn hơn  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới |  |

**Hoạt động 4: Các góc đặc biệt**

**a. Mục tiêu**: Nhận biết góc vuông, góc nhọn, góc tù

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Gv yêu cầu HS nhận dạng các góc vuông, góc nhọn, góc tù ở các hình được vẽ trên bảng. Yêu cầu các em thực hiện đo các góc đó để so sánh các số đo của chúng với góc 900  - Từ đó, yêu cầu HS nhận xét về số đo của các góc vuông, góc nhọn, góc tù  - GV yêu cầu mỗi HS vẽ một góc nhọn, một góc tù, một góc vuông vào vở và chỉ ra các số đo tương ứng của chúng  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 2:**  Giải:  a) Góc nBm = 90∘  b) Góc pCq < 90∘  c) Góc xAy > 90∘ |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 1, 2, 3

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1:** Hãy vẽ một hình vuông và hai đường chéo của hình vuông đó. Theo em, góc tạo bởi một đường chéo và một cạnh hình vuông bằng bao nhiêu độ? Hãy đo để kiểm tra  Bây giờ hãy vẽ một hình vuông với cạnh lớn hơn hoặc nhỏ hơn hình vuông đã vẽ. Hãy đo góc tạo bởi đường chéo và một cạnh hình vuông. Kết quả có thay đổi không?  **Câu 2:**  Góc tạo bởi kim phút và kim giờ tại thời điểm 9 giờ, 10 giờ, 6 giờ, 5 giờ lần lượt là bao nhiêu độ?  **Câu 3:**  Quan sát các góc ở hình bên, dự đoán số đo gần đúng của các góc. Sau đó, dùng thước đo góc để kiểm tra lại kết quả đó.  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1234.jpg?itok=B1NgHscB | **Câu 1:**  Góc tạo bởi một đường chéo và một cạnh hình vuông bằng 45 độ    - Vẽ một hình vuông nhỏ hơn, kết quả vẫn không thay đổi  **Câu 2:** Góc tạo bởi kim phút và kim giờ tại thời điểm 9 giờ, 10 giờ, 6 giờ, 5 giờ lần lượt là:   * 9 giờ: 90∘ * 10 giờ: 50∘ * 6 giờ: 180∘ * 5 giờ: 150∘   **Câu 3:**  Dự đoán: Góc xOy = 300, mAn =1200 |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 4

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:* HS trả lời

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# BÀI 8: HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Mô tả được một số dụng cụ đo góc thường dùng, nêu được các thao tác khi sử dụng các dụng cụ đo góc đó

- Thực hiện được các bước vận dụng dụng cụ đo góc đơn giản trong đời sống

- Sử dụng được phần mềm GeoGebra Classic 5 để vẽ được một số hình hình học cơ bản

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Một số dụng cụ đo góc thường gặp trong thực tế (giáo kế) và một số cây cọc để cắm vị trí

**2. Đối với học sinh:** Một số tranh ảnh về các dụng cụ đo góc khác và tìm hiểu về công dụng của chúng trong thực tế

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*: Ở các bài học trước chúng ta đã tìm hiểu về góc, các góc đặc biệt, cách đo góc.Hôm nay, chúng ta cùng thực hành và trải nghiệm đo góc trên mặt đất và sử dụng phần mềm GeoGebra Classic 5 để vẽ các hình hình học cơ bản.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Khám phá dụng cụ đo góc và thực hành đo góc trên mặt đất**

**a. Mục tiêu**: GV giới thiệu cho HS cách sử dụng của các dụng cụ đo góc (giác kế) trong thực tế. Ở HĐ này GV cho HS nhìn trực tiếp giác kế, cũng như làm mẫu cho HS cách sử dụng giác kế này

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV giao nhiệm vụ đo góc cho các nhóm, các nhóm thực hiện, báo cáo kết quả  + HS sưu tầm một số tranh ảnh về các dụng cụ đo góc khác  + Gv giới thiệu một số dụng cụ đo góc (giác kế) gồm cấu tạo và cách sử dụng  + Gv chia lớp thành các nhóm theo các tổ và thực hành sử dụng giác kế để xác định góc nhìn từ vị trí đang đứng đến hai vị trí trên sân trường  - Gv yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả thực hành đo góc bằng giác kế và thảo luận về kết quả thực hiện.  - Các nhóm quan sát và thảo luận về câu trả lời của các bạn  - GV xây dựng kịch bản chi tiết, cụ thể cho mỗi hoạt động:  + Nhiệm vụ từng cá nhân, của từng nhóm, phối hợp giữa các cá nhân và giữa các nhóm  + Thứ tự các hoạt động của cá nhân và nhóm  + Dự kiến kết quả cụ thể cần đạt được của cá nhân và của nhóm  + Cách quan sát, ghi chép, sử dụng thiết bị ghi hình,...để đánh giá được quá trình hoạt động của từng cá nhân và nhóm  + Dự kiến các tình huống sư phạm và phương án xử lí trong quá trình hoạt động  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV tổ chức đánh giá kết quả hoạt động  + GV yêu cầu cá nhân HS và nhóm tự nhận xét quá trình hoạt động, kết quả hoạt động, đề xuất các bài học kinh nghiệm  + Các cá nhân và nhóm nhận xét chéo nhóm  + GV kết luận | - Các nhóm HS tự tìm hiểu về cách sử dụng và phạm vi sử dụng các loại dụng cụ này  - Báo cáo kết quả trước lớp |

**Hoạt động 2: Sử dụng phần mềm GepGeobra Classic 5 để vẽ các hình hình học cơ bản**

**a. Mục tiêu**:

- Biết vẽ điểm, đường thẳng, tia.

- Biết vẽ và tìm độ dài đoạn thẳng

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Gv vừa giới thiệu vừa thực hành các phím trên các hộp chức năng để vẽ điểm, đường thẳng, tia, đoạn thẳng và đa giác như phần trình bày trong SGK trang 94  - GV yêu cầu các nhóm HS thực hành theo: vẽ điểm, đặt tên điểm, vẽ đoạn thẳng, đặt tên đoạn thẳng, vẽ tia,…trên máy tính  - Các nhóm HS thực hành theo các thao tác của thầy/cô giáo và các thành viên của các nhóm lần lượt thực hành theo.  - GV giới thiệu cho HS công cụ để đo độ dài đoạn thẳng AB như trong SGK trang 81  - Các nhóm tự thực hành và báo cáo kết quả đo khoảng cách đoạn thẳng AB đã vẽ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | HS thực hành trên máy tính |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# BÀI: BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG 8

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Trong bài ôn tập này, HS cần thực hiện được những công việc sau:

- Hệ thống hóa được các kiến thức của chương 8

- Nêu được các ví dụ cho các dạng bài tập cơ bản của chương

- Kết nối các kiến thức trong chương

- Vận dụng tổng hợp các kiến thức, kĩ năng để giải quyết các bài tập toán và các tình huống thực tiễn

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Giáo viên chuẩn bị các phiếu học tập theo mẫu (bt1 trang 96 sgk), thước đo chiều cao của HS, một số dụng cụ đo góc thường gặp. HS nên ôn lại các kiến thức trong chương.

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, sgk, đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*: Ôn tập chương 8

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Bài tập sgk

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời*

**1. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

**2. CÂU HỎI TỰ LUẬN**

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CÂU HỎI TRẮC NGHIỆMCÂU HỎI TỰ LUẬN **Câu 1:** Vẽ hình trong các trường hợp sau:  a) Ba điểm A,B,C thẳng hàng; ba điểm M, N, P không thẳng hàng  b) Đoạn thẳng ABAB, trung điểm M của đoạn thẳng AB  c) Đường thẳng AB, điểm K nằm trên đường thẳng AB  d)Góc xAy và điểm M nằm trong góc đó  **Câu 2:** Cho C là trung điểm của đoạn thẳng AB, O là trung điểm của đoạn thẳng AC  a) Hãy tìm độ dài của AC, CB và AO nếu AB = 2cm  b) Hãy tìm độ dài của AB, AC và AO nếu CB = 3,4 cm  **Câu 3:** Trong hình vẽ dưới đây, hãy kể tên tất cả các góc. Dùng thước đo và sắp xếp số đo của chúng theo thứ tự giảm dần  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1239.jpg?itok=LTVZxfI3 | CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM  |  |  | | --- | --- | | **1.**  (1) – C  2) - B  3) - H  (4) - G  (5) - A  (6) - E | **2.**  (1) - D  (2) - G  (3) - E  (4) - C  (5) - H  (6) - A | | **3.**  (1) - E  (2) - G  (3) - A  (4) - H  (5) - B  (6) - C | **4.**  a) Đường thẳng  g) Đường thẳng  b) nằm giữa  h) trung điểm  c) đường thẳng  i) Góc  d) một điểm chung  k) Góc tù  e) điểm chung |   **BÀI TẬP TỰ LUẬN**  **Câu 1:**  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1236.jpg?itok=iH99nGw7  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1237.jpg?itok=M84D6umf  **Câu 2:**  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1238.jpg?itok=Pa7WZ9Oj  a) Nếu AB = 2cm thì AC = CB =2 : 2 = 1 (cm),  AO = 1: 2 = 0,5 (cm)  b) Nếu CB = 3,4cm thì AC = 3,4 cm; AB = 3,4 + 3,4 = 6,8 cm; AO = AC: 2 = 1,7 cm  **Câu 3:**  Các góc có trong hình là: ABC, BAC, ACB, BAD, DAC, BDA, CDA  Sắp xếp theo thứ tự giảm dần, ta có: CDA, BDA, BAD, BDA, ACB, DAC |

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**PHẦN MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT**

**CHƯƠNG 9: MỘT SỐ YẾU TỐ XÁC SUẤT**

# BÀI 1: PHÉP THỬ NGHIỆM – SỰ KIỆN

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Làm quen với việc ghi lại các kết quả có thể xảy ra trong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản (ví dụ: ở trò chơi tung đồng xu thì có hai kết quả ứng với mặt của đồng xu,…)

- Kiểm đếm được số lần lặp lại của một số sự kiện khi thực hiện phép thử nghiệm nhiều lần

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Sgk, giáo án, máy chiếu

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, sgk, đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*: Khi gieo con xúc xắc thì có những kết quả nào có thể xảy ra?

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Phép thử nghiệm**

**a. Mục tiêu**: HS biết cách liệt kê kết quả của phép thử nghiệm

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - HĐKP 1a: HS làm việc độc lập để quan sát cách ghi lại kết quả khi gieo một đồng xu nhiều lần. Trong hoạt động này, kết quả của phép thử được ghi lại dưới dạng kí hiệu là chữ. S kí hiệu cho mặt sấp, N kí hiệu cho mặt ngửa.  - HĐKP 1b: HS làm việc theo nhóm để quan sát cách ghi lại kết quả khi bốc các thăm được đánh số từ 1 đến 4. Trong hoạt động này, kết quả của phép thử được ghi lại dưới dạng số  - GV cho HS tự trải nghiệm việc làm thăm và tự ghi kết quả của những lần bốc thăm. Gv đặt câu hỏi; “Có thể đoán trước được kết quả mỗi lần bốc không?’ để HS thảo luận  - Ví dụ 1: HS học cách liệt kê tập hợp tất cả các khả năng có thể xảy ra trong mỗi lần thực hiện phép thử nghiệm  - Thực hành 1: Củng cố cách liệt kê kết quả của phép thử gieo con xúc xắc  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | 1. Phép thử nghiệm **Hoạt động 1:**  a)  - Bạn Hùng đã tung đồng xu 10 lần. Kết quả của lần thứ nhất là mặt sấp, lần thứ năm là mặt ngửa   -  Có 2 kết quả khác nhau có thể xảy ra, đó là kết quả đồng xu hiện ra mặt sấp hoặc đồng xu hiện ra mặt ngửa  b)  - Kết quả lần thứ 5 là số 4, lần thứ 6 là số 1  - Có 4 kết quả khác nhau có thể xảy ra, đó là các kết quả 1, 2, 3, 4  **Thực hành 1:**  Các kết quả có thể xảy ra khi gieo con xúc xắc là: 1, 2, 3, 4, 5, 6 |

**Hoạt động 2: Sự kiện**

**a. Mục tiêu**:

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **-** HS nhắc lại khái niệm “chắc chắn” và “không thể, Gv yêu cầu HS xác định mức độ xảy ra của các sự kiện ở Ví dụ 2  + Sự kiện “An lấy được bóng màu xanh” không thể xảy ra  + Sự kiện “An lấy được ít nhất một bóng màu đỏ” chắc chắn xảy ra  + Sự kiện “An lấy được hai bóng màu đỏ” có thể xảy ra  - Thực hành 2:  + Các sự kiện “ Số của thẻ lấy ra là số chẵn” và “Số của thẻ lấy ra là số lẻ” là sự kiện có thể xảy ra.  + Sự kiện “Số của thẻ lấy ra chia hết cho 10” là không thể  + Sự kiện “Số của thẻ lấy ra nhỏ hơn 10” là chắc chắn  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 2:**  Trong phép thử ở câu b, hoạt động 1, các sự kiện có thể xảy ra là:  - Bốc được lá thăm ghi số nhỏ hơn 5  - Bốc được lá thăm ghi số lẻ  **Thực hành 2:**  - Số của thẻ lấy ra là số chẵn: Có thể xảy ra  - Số của thẻ lấy ra là số lẻ: Có thể xảy ra  - Số của thẻ lấy ra chia hết cho 10: không thể xảy ra  - Số của thẻ lấy ra nhỏ hơn 10: Chắc chắn xảy ra |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 1, 2, 3

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1:** Hãy liệt kê tất cả các kết quả có thể xảy ra của mỗi phép thử nghiệm sau:  a) Lấy ra 1 bút từ hộp có 1 bút chì và 1 bút bi  b) Bạn Lan chọn một ngày trong tuần để học bơi  **Câu 2:** Một lồng xoay xổ số có chứa 10 quả bóng có cùng kích thước được đánh số từ 0 đến 9. Sau mỗi lần quay chỉ có đúng một quả bóng lọt xuống lỗ. Sau khi ghi lại số của quả bóng này, bóng được trả lại lồng để thực hiện lần quay tiếp theo.  Em hãy liệt kê tập hợp tất cả các kết quả có thể xảy ra trong mỗi lần quay.  **Câu 3:** Hãy liệt kê các kết quả có thể xảy ra của hoạt động tung 1 đồng xu hai lần liên tiếp? | **Câu 1:**  a) Các kết quả có thể xảy ra là: lấy ra 1 bút chì hoặc lấy ra 1 bút bi  b) Các kết quả có thể xảy ra là: Thứ 2, thứ 3, thứ 4, thứ 5, thứ 6, thứ 7, chủ nhật  **Câu 2:** Tập hợp tất cả các kết quả có thể xảy ra trong mỗi lần quay là: 0,1,2,3,4,5,6,7,8,9  **Câu 3:**  Khi tung 1 đồng xu hai lần liên tiếp, có thể xảy ra 2 kết quả là đồng xu hiện mặt sấp, hoặc đồng xu hiện mặt ngửa |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:*

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 4:** Gieo 2 con xúc xắc cân đối và quan sát số chấm xuất hiện ở mặt trên mỗi con xúc xắc. Hãy đánh giá xem các sự kiện sau là chắc chắn, không thể hay có thể xảy ra  a) Tổng số chấm xuất hiện trên hai con xúc xắc bằng 1  b) Tích số chấm xuất hiện trên hai con xúc xắc bằng 1  c) Tổng số chấm xuất hiện trên hai con xúc xắc lớn hơn 1  d) Hai mặt xúc xắc xuất hiện cùng số chấm | a)  Không thể xảy ra  b) Có thể xảy ra  c) Chắc chắn xảy ra  d) Có thể xảy ra |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# BÀI 2: XÁC SUẤT THỬ NGHIỆM

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Dùng bảng kiểm đếm ghi lại kết quả của phép thử đơn giản

- Hiểu và tính được xác suất theo thực nghiệm

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Sgk, giáo án, máy chiếu

**2. Đối với học sinh:** bút chì, ghim kẹp, 3 hình tròn có tô màu

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*: An và Bình chơi với nhau 50 ván cờ vua, trong đó An thắng 35 ván, hòa 10 ván và thua 5 ván. Hỏi trong lần gặp nhau thứ 51, ai là người có khả năng sẽ giành được chiến thắng cao hơn?

Để giải được bài toán này, chúng ta cùng tìm hiểu bài học ngày hôm nay: Xác suất thực nghiệm.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Khả năng xảy ra của một sự kiện**

**a. Mục tiêu**: Khi thực hiện một phép thử, một sự kiện có thể hoặc không thể xảy ra

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS đọc đề bài và đự đoán kết quả có thể xảy ra  - HS trả lời, GV biểu thị các kết quả trên bảng  - GV giới thiệu: Ta biểu thị khả năng xảy ra của một sự kiện bởi một con số nhận giá trị từ 0 đến 1. Sự kiện nào thường xuyên xảy ra cao hơn sẽ được biểu thị bởi con số lớn hơn. Sự kiện chắc chắn có khả năng xảy ra bằng 1, sự kiện không thể có khả năng xảy ra bằng 0, sự kiện có thể có khả năng xảy ra lớn hơn 0. Về sau ta sẽ gọi khả năng xảy ra của một sự kiện là xác suất của sự kiện đó  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 1:**  - Bóng chọn ra có màu vàng: Không thể xảy ra  - Bóng chọn ra không có màu vàng: Không thể xảy ra  - Bóng chọn ra có màu xanh: Có thể xảy ra  Sự kiện có khả năng xảy ra cao nhất:  Bóng chọn ra có màu xanh |

**Hoạt động 2: Xác suất thực nghiệm**

**a. Mục tiêu**: HS nêu được định nghĩa xác suất thực nghiệm, giúp HS phát hiện ra xác suất thực nghiệm của sự kiện

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - HS chuẩn bị bút chì, kẹp ghim và bìa hình tròn có tô màu  - GV yêu cầu HS dự đoán xem ghim sẽ chỉ vào ô màu mào nhiều nhất, ô màu nào ít nhất  - GV hướng dẫn HS dùng bảng kiểm đếm để ghi lại kết quả mỗi lần thử  - GV yêu cầu HS so sánh kết quả thực nghiệm với dự đoán trước đây  ? Hãy so sánh số lần ghim chỉ vào ô trắng với số lần nó chỉ vào hai ô còn lại khi thực hiện lặp đi lặp lại phép thử này rất nhiều lần.  - GV nêu định nghĩa về xác suất thực nghiệm và cho HS ghi lại vào vở  - Ví dụ 1: GV lưu y cho HS ghi kết quả cần phải nêu rõ xác suất thực nghiệm của sự kiện “trong 50 lần gieo”. GV nhấn mạnh cho HS sự kiện một đồng sấp, một đồng ngửa xuất hiện nhiều hơn sự kiện hai đồng sấp và sự kiện hai đồng ngửa  - Gv giúp HS phát hiện xác suất thực nghiệm của sự kiện gieo được mặt có lẻ chấm bằng tổng xác suất thực nghiệm của các sự kiện giảo được mặt có số chấm lần lượt là 1, 3 và 5  - Vận dụng: củng cố cho HS cách sử dụng bảng kiểm và đọc số liệu từ bảng kiểm  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 2:**  Tỉ số của số lần ghim chỉ vào ô màu trắng và tổng số lần xoay là: 12: 20 =  **Thực hành 2:**  Xác suất thực nghiệm của sự kiện ghim chỉ vào ô màu xám là: 2 : 20 =  Xác suất thực nghiệm của sự kiện ghim chỉ vào ô màu đen là: 6 : 20 = |

**C-D. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 1, 2, 3

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1:** Gieo một con xúc sắc 4 mặt 50 lần và quan số ghi trên đỉnh của con xúc ắc, ta được kết quả như sau:  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1240.jpg?itok=soEi9Sc9  Hãy tính xác suất thực nghiệm để:  a) Gieo được đỉnh số 4  b) Gieo được đỉnh có số chẵn  **Câu 2:** Trong hộp có một số bút xanh và một số bút đỏ. Lấy ngẫu nhiên 1 bút từ hộp, xem màu rồi trả lại. Lặp lại hoạt động trên 50 lần, ta được kết quả như sau:  **https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1241.jpg?itok=IOGc-UCy**  a) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy được bút xanh  b) Em hãy dự đoán xem trong hộp loại bút nào có nhiều hơn.  **Câu 3:** Tổng hợp kết quả xét nghiệm bệnh viêm gan ở một phòng khám trong một năm, ta được bảng sau:  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1243.jpg?itok=Nz7fMOrv  Hãy tính xác suất thực hiện của sự kiện một ca xét nghiệm có kết quả dương tính  a) theo từng quý trong năm  b) sau lần lượt từng quý tính từ đầu năm | **Câu 1:**  a) Xác suất thực nghiệm để gieo được đỉnh số 4 là:  b) Xác suất thực nghiệm để gieo được đỉnh có số chẵn: (14 + 9 ) : 50 =  **Câu 2:**  a) Xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy được bút xanh là:  42 : 50 =  b) Dự đoán: Trong hộp loại bút xanh có nhiều hơn.  **Câu 3:**  a) Xác suất thực hiện một ca xét nghiệm có kết quả dương tính theo từng quý là:  Quý I:  15 : 150 =  Quý II:  21 : 200 =  Quý III: 17 : 180 =  Quý IV: 24 : 220 =  b) sau lần lượt từng quý tính từ đầu năm |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# BÀI 3: HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Vận dụng kiến thức về xác suất thực nghiệm để đánh giá các khả năng có thể xảy ra trong một số mô hình xác suất gắn với trò chơi

- Rèn luyện năng lực mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, tư duy và lập luận toán học và giao tiếp toán học

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:**

- Ba chiếc cốc giấy

- Một phần thưởng nhỏ có thể đặt lọt vào trong cốc

**2. Đối với học sinh:** Giấy, bút, thước kẻ, máy tính cầm tay

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*:

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Dự đoán khả năng**

**a. Mục tiêu**:

- Làm quen với việc thực hiện dãy phép thử nghiệm, ghi bảng kiểm điểm và tính xác suất thực nghiệm

- Phân tích để dự đoán và so sánh khả năng xảy ra của mỗi sự kiện khi lặp lại một phép thử nghiệm nhiều lần

- Trải nghiệm được sự phù hợp (trong phần lớn trường hợp) và không phù hợp (trong một số ít trường hợp) của kết quả dự báo so với kết quả thực nghiệm

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia lớp thành nhiều nhóm để thực hiện trò chơi. Mỗi nhóm sử dụng bảng kiểm điểm đếm để ghi lại kết quả của mỗi lần chơi, sau đó chia sẻ bảng kết quả của nhó mình với các nhóm khác  - HS có thể đưa ra các kết quả khác nhau.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới |  |

**Hoạt động 2: Ai may mắn hơn**

**a. Mục tiêu**:

- Củng cố kĩ năng thực hiện dãy phép thử nghiệm, ghi bảng điểm và tính xác suất thực nghiệm

- Sử dụng thực nghiệm (mô phỏng) để tính và so sánh khả năng xảy ra của một vài sự kiện ngẫu nhiên

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc đề bài  - GV chia lớp thành nhiều nhóm để thực hiện trò chơi.  - Mỗi nhóm sử dụng bảng kiểm đếm để ghi lại kết quả của mỗi lần chơi.  - GV chia sẻ bảng kết quả của nhóm mình với các nhóm khác. Tổng hợp kết quả của tất cả các nhóm, - GV yêu cầu HS phân tích để rút ra nhận xét về khả năng chiến thắng của từng người chơi  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới |  |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# BÀI: BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG 9

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Ôn tập lại kiến thức chương 9

- Hoàn thành bài tập sgk

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:**

**2. Đối với học sinh:**

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**C - D. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1:** Hãy liệt kê tất cả các kết quả có thể xảy ra của mỗi phép thử nghiệm sau:  a) Lấy ra 1 quả bóng từ hộp có 10 quả bóng được đánh số từ 1 đến 10.  b) Bạn Lan chọn một ngày trong tháng 8 để đi về quê  **Câu 2:** Trong hộp có 1 cây bút xanh, 1 cây bút đỏ, 1 cây bút tím. Hãy liệt kê các kết quả có thể xảy ra của mỗi hoạt động sau:  a) Lấy ra 1 cây bút từ hộp  b) Lấy ra cùng 1 lúc 2 cây bút từ hộp  **Câu 3:** Lớp trưởng lớp 6A làm 4 tấm bìa giống hệt nhau ghi tên 4 bạn hay hát trong lớp là Mai, Lan, Cúc, Trúc và cho vào một hôhp. Một bạn trong lớp rút một trong 4 tấm bìa đó và bạn có tên sẽ phải lên hát, sau đó tấm bìa được trả lại hộp và cứ thế tiếp tục chọn người lên hát  a) Liệt kê tập hợp các kết quả có thể xảy ra trong mỗi lần rút tấm bìa  b) Em có thể dự đoán trước được người tiếp theo lên hát không?  c) Có bạn nào phải lên hát nhiều lần không?  **Câu 4:** Trong hộp có 10 lá thăm được đánh số từ 0 đến 9. Lấy ra từ hộp lá thăm. Trong các sự kiện sau, sự kiện nào chắc chắn xảy ra, sự kiện nào không thể xảy ra, sự kiện nào có thể xảy ra?  a) Tổng các số ghi trên hai lá thăm bằng 1  b) Tích các số ghi trên hai lá thăm bằng 1  c) Tích các số ghi trên hai lá thăm bằng 0  d) Tổng các số ghi trên hai lá thăm lớn hơn 0  **Câu 5:** Kết quả kiếm tra môn Toán và Ngữ Văn của một số học sinh được lựa chọn ngẫu nhiên cho ở bảng sau:  **https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1244.jpg?itok=o3BpTzCS**  ( Ví dụ: Số học sinh có kết quả Toán - giỏi, Ngữ Văn - khá là 20 )  Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện một học sinh được chọn ra một cách ngẫu nhiên có kết quả:  a) Môn Toán đạt loại giỏi  b) Loại khá trở lên ở cả hai môn  c) Loại trung bình ở ít nhất một môn  **Câu 6:** Kiểm tra thị lựa của học sinh ở một trường THCS, ta thu được kết quả như sau:  **https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1245.jpg?itok=mY6F49ah**  Hãy tính và so sánh xác suất thực nghiệm của sự kiện "học sinh bị tật khúc xạ" theo từng khối lớp. | **Câu 1:**  a) Các kết quả có thể xảy ra là: bóng được đánh số 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10  b) Bạn Lan chọn một ngày trong tháng 8 để đi về quê, kết quả có thể xảy ra là bất kì ngày nào trong tháng ( Từ ngày 1/8 đến 30/8)  **Câu 2:**  a) Lấy ra 1 cây bút từ hộp, kết quả có thể xảy ra là: bút xanh, bút đỏ hoặc bút tím  b) Lấy ra cùng 1 lúc 2 cây bút từ hộp, có 3 kết quả có thể xảy ra: bút xanh và đỏ, bút đỏ và tím, hoặc bút xanh và tím  **Câu 3:**  a) Các kết quả có thể xảy ra trong mỗi lần rút tấm bìa là: Mai, Lan, Cúc, Trúc  b) Không thể dự đoán trước được người tiếp theo lên hát vì xác suất rút phải tên đều như nhau  c) Sẽ có bạn phải lên hát nhiều lần, vì sau mỗi lần rút tấm bìa được trả lại  **Câu 4:**  a) Tổng các số ghi trên hai lá thăm bằng 1: Có thể xảy ra  b) Tích các số ghi trên hai lá thăm bằng 1: Có thể xảy ra  c) Tích các số ghi trên hai lá thăm bằng 0: Có thể xảy ra  d) Tổng các số ghi trên hai lá thăm lớn hơn 0: Chắc chắn xảy ra  **Câu 5:**  Tổng số HS tham gia kiểm tra là 170  a. Số HS đạt loại giỏi môn Toán là: 40 + 20 + 15 = 75. Xác suất thực nghiệm của sự kiện HS được chọn đạt loại giỏi môn toán là: =  b. Số HS đạt loại khá ở ít nhất một môn là: 40 + 20 + 15 + 30 = 105. Xác suất thực nghiệm của sự kiện HS được chọn đạt loại khá môn toán là: +  c. Số HS đạt loại trung bình ở ít nhất một môn là: 5 + 15 + 20 + 10 + 15 = 105. Xác suất thực nghiệm của sự kiện HS được chọn đạt loại trung bình môn toán là: +  **Câu 6:**  - Xác suất thực nghiệm của sự kiện "học sinh bị tật khúc xạ" ở khối 6:  - Xác suất thực nghiệm của sự kiện "học sinh bị tật khúc xạ" ở khối 7:  - Xác suất thực nghiệm của sự kiện "học sinh bị tật khúc xạ" ở khối 8:  - Xác suất thực nghiệm của sự kiện "học sinh bị tật khúc xạ" ở khối 9: |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*